

Nguyễn Ngọc Hiếu



Đạo Học Lão-Trang:Nguồn Hạnh Phúc

Nguyễn Ngọc Hiếu, sinh ngày 12-8-1973 tại Buôn Ma Thuột. Tốt nghiệp khoa Anh Văn đại học Đà Lạt 1999. Tự học Đạo Học từ nhiều nhà, suy nghĩ và thiền từ 1992 đến 2004 thì giác ngộ. Viết Đạo Học Lão-Trang: Nguồn Hạnh Phúc từ 2005, đưa lên các website thư viện trên internet để phổ biến rộng rãi.

Liên lạc:email: hieudaogia@gmail.com, mobile: 0346824482, Facebook:
<https://www.facebook.com/nguyenngochieubmt>

Lời tác giả:

Chương I

VẤN ĐỀ THIỀN, ÁC; HỌA, PHÚC; TỐT, XẤU

Chương II

Âm, Dương, Đạo và Đức, Cái có & cái không, Vô Vi

CHƯƠNG III

THẾ NÀO LÀ MỘT ĐẠO SĨ?

CHƯƠNG IV

THỰC HÀNH

Chương V:

Vận dụng Đạo học vào đời sống: Phê bình

Chương VI

THAY LỜI KẾT: ĐỐI THOẠI GIỮA MỘT ĐỘC GIẢ VÀ ĐẠO SĨ

Lời cảm ơn:

Cảm ơn các tiền nhân Lão Tử, Liệt Tử, Trang Tử, Giáo sư Triết học Phương Đông Cao Xuân Huy, Osho đã dạy Đạo Học và thiền cho tôi, làm tôi thấy “xưa cũng như nay”, “xa cũng như gần”.

Cảm ơn cư sĩ, thiền sư, bồ tát Độ đã tư vấn những điều căn bản cần thiết nhất của thiền cho em. Cảm ơn anh Độ cũng là gián tiếp cảm ơn Phật Thích Ca.

Cảm ơn vợ cũ Nguyễn Thị Kiều Nga, tuy bất hòa nhưng đã làm tôi biết thế nào là hạnh phúc và đau khổ, từ đó mới trải nghiệm thấy đau khổ và niềm vui là Một, là Đạo.

Lời tác giả:

Trong tập Góp nhặt cát đá của thiền sư Muju có câu chuyện Thế à?

“Thiền sư Hakuin được những người chung quanh ca tụng là người sống một cuộc đời trong sạch. Một gia đình người Nhật có một tiệm bán thực phẩm gần nơi Hakuin ở, có một cô con gái đẹp. Bất ngờ, một hôm cha mẹ cô gái khám phá ra cô có thai.

Cha mẹ cô gái nổi giận, cô gái không chịu thú nhận người đàn ông cô chung đụng là ai, nhưng sau bao nhiêu phiền phức, cuối cùng lại là tên Hakuin.

Phẫn nộ vô cùng, cha mẹ cô gái đến ngay vị thầy này. Hakuin chỉ thốt lên vồn vện hai tiếng: “Thế à?” rồi thôi.

Sau khi đứa bé sinh ra, nó được mang tới trao cho Hakuin. Lúc đó Hakuin đã mất hết danh dự, nhưng không buồn. Hakuin sẵn sóc đứa bé rất tử tế, xin sữa của những người hàng xóm và những đồ dùng cần thiết cho đứa bé.

Một năm sau cô gái không chịu đựng nổi nữa. Nàng nói sự thật với cha mẹ nàng rằng người cha thật sự của đứa bé không phải là Hakuin mà là một thanh niên bán cá ngoài chợ.

Lập tức cha mẹ cô gái đến ngay Hakuin xin tha lỗi, chuyện xin lỗi dài dòng, và xin đem đứa bé về. Hakuin trao đứa bé và cũng thốt hai tiếng: “Thế à?”

Thiền sư đã đắc đạo thì sống nhân bản như vậy. Họ thấy cái họa cũng như cái phúc đều là cái không nên trong lòng không bao giờ buồn phiền. Họ luôn hạnh phúc. Phật mà vĩ đại là chính vì vậy, cũng là một cái không. Các đạo sĩ đã đắc đạo của nền Đạo học Lão - Trang cũng sống trong cõi giới tương tự như vậy, rất gần với Phật giáo, cũng luôn hạnh

phúc, cũng hoàn toàn đủ trình độ “dĩ đức báo oán”, chứ không buồn rầu, phần uất khi bị họa, bị vu oan, rồi lấy oán báo oán như thường nhân. Đạo học, vì thế là một triết học, một nhân sinh quan, thế giới quan rất có giá trị, và từ bao đời nay nằm trong dòng chảy tư tưởng Việt Nam.

Tư tưởng Việt Nam xưa là tam giáo Nho, Phật, Lão. Nho với ngũ thường nhân, nghĩa, lễ trí, tín; tứ đức công, dung, ngôn, hạnh, v.v... nhiều người biết, và phần lớn người Việt, cho dù hiện nay cũng thực hành. Với đa số người Việt, nói họ bất nhân, bất nghĩa, tất họ không chịu, tức họ chịu ảnh hưởng của Nho. Phật thì cũng phổ biến. Nhưng đối với Lão học thì chúng tôi ít thấy người bàn đến. Sách vở Lão học cũng ít. Người viết tuy đặc đạo Lão nhưng đọc quá lắm là 5 cuốn về Lão-Trang mà thôi. Nay thấy tình trạng hiếm hoi về sách Đạo học (tức Lão học, tức đạo Lão-Trang, học thuyết Lão-Trang), chúng tôi đem những kinh nghiệm, những kiến thức, những sở đắc của chúng tôi ra để phổ diễn chân lý mà chúng tôi đã đi qua. Người đặc đạo, tức người thấy chân lý là người luôn hạnh phúc, không phụ thuộc vào ngoại cảnh, dù giàu hay nghèo, sang hay hèn, tác dụng thực tế rất mạnh.

Một số bạn đọc cho rằng tôi tự kiêu, ngã mạn. Thật ra, Lão Tử chê: “Đại đạo phế, hữu nhân nghĩa”, Đạo mất đi mới có nhân nghĩa, mới có cái hay, cái tốt. Hay như Trang Tử có cách lập ngôn đặc biệt, nghe ngang tàng, bản lĩnh, chê nhân, nghĩa tận mạng, đâu theo thói đời nên nghe vậy, những người hời hợt mà đặc biệt là hạng ngụy giác ngộ, đọc nhiều, tranh luận nhiều, cho là ta có “tí giác ngộ” (!!) nói Trang là kiêu ngạo. Lập ngôn của Trang Tử là lối viết của người đã giác ngộ, không còn mê nên không theo hướng dương, hướng tốt, hay, phải, chính thống mà những cái đó dẫn tới hướng âm, xấu, dở, sai,... Chẳng hạn, Khổng Tử khiêm tốn tới mức vô ngã, “đức độ” cao dày, nên thu hút nhân tài. Thu hút được người tài thì làm quốc gia hùng mạnh, nhưng đương thời, các nước láng giềng rất sợ nước Khổng Tử làm quan vì sợ nước đó bá chủ chư hầu, mạnh lên, khuynh loát mình, vậy là nảy ra cái ý chọc gậy bánh xe, phá Khổng Tử rơi bời mà nói chung cả đời Khổng Tử thất bại trên trường chính trị. Tính khiêm tốn rất có hại. Đọc sách này, tôi bàn kỹ về điều đó. Vì khiêm tốn là xấu cho nên tôi không khiêm tốn, mà cũng không tự cao, kết quả là tôi thấy thế nào thì nói thế ấy, và không sai sót so với Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử, Giáo sư Cao Xuân Huy, chẳng hạn, cho tiền người tôi ghét, rủ kẻ thù đi chơi, đi nhậu , v.v... là việc tôi làm dễ dàng hằng ngày, không phải suy nghĩ, không thấy phải đau lòng, không thấy phải hy sinh. Tôi sống với kẻ thù dễ dàng, không ưu tư, thắc mắc gì, là làm đúng lý luận Đạo Học. Chỉ cần 10 giây, từ trạng thái tức giận, căm thù, tôi chỉ cần thiền, tức nhìn thấy cái không trong tâm trí, là kẻ thù biến mất, tôi trở thành dễ dãi, tình cảm với người đó, là điều mà khi mới giác ngộ tôi cũng lấy làm lạ về khả năng thiền Đạo Học mang lại. Tôi không làm cái việc tầm thường là đọc sách cho nhiều rồi copy, dán thành sách này, mà là cái chủ yếu của sách bạn đang đọc đây lấy từ tâm hồn độn giống Lão Tử của người giác ngộ. Tôi có bằng chứng về việc đó: hai ông thiền sư giác ngộ, phẩm hạnh toàn cả bồ tát, đại ngộ (tức ngộ như Phật Thích Ca!), mỗi ông hai lần nhận xét sách này “viết hay”. Ông thứ nhất là Việt Kiều ở Mỹ, nick yahoo là lamvu42, skype là lamvuskype , là một người có tâm bồ tát. Ông thứ hai, đại ngộ, ở Đà Lạt, tên Nhâm, nick yahoo là nhaml , nick skype là nhaml52, bạn có thể chat, nói chuyện với họ, họ rất sẵn lòng giảng mọi thứ về đạo Phật, về thiền, hoàn toàn miễn phí. Họ nhận xét theo đạo nào cũng được, Phật hay Lão sai biệt tiểu tiết, giống nhau đại thể. Được nhận xét “tốt” của hai ông này thì có giá trị gần như là sư phụ truyền tâm ấn, chúng nhận cho đệ tử là người ngộ; riêng tôi thì gọi là “truyền tâm ấn cho bạn hữu”, vì đạo Lão của tôi là hàng xóm với đạo Phật, dù thật gần gũi nhưng chúng tôi có xuất phát điểm khác nhau. Được chứng nhận như thế rất giống với việc một giáo chủ chứng nhận thành công của một giáo đồ vì ở tầm quản lý một chùa, hay hơn, coi việc đạo trong một tỉnh, một bang, hay hơn nữa, một quốc gia, thậm chí ở tầm giáo chủ tầm thế giới vì một bồ tát, một ông phật quản lý tất cả các cấp đó là việc dễ dàng.

Mặt khác, bất cứ ai, ngay cả tôi, cũng không thể một tay che mặt trời, ngăn cản không cho người khác tiếp cận chân lý. Ai đọc Đạo Học, tư duy Đạo Học, rồi thiền Đạo Học thì người đó có khả năng giác ngộ. Đối với một số độc giả, tôi muốn hỏi tại sao lại cho rằng tôi không giác ngộ được nhỉ? Một thiền sư Phật Giáo nói với tôi giác ngộ là ... dễ. Tôi cũng xác nhận ở Đạo Lão cũng vậy, là giác ngộ là ... dễ. Hơn nữa, cái tôi bàn là cái không, chứ không phải cái tốt, cái hay, cái phải. Giác ngộ là thấy cái không, chứ không thấy ta có tính dương thuần túy, trong cái không nhà Lão không chứa tính dương thuần túy (tốt, hay, phải, chính thống, tài hoa, ...) cho nên tôi xa lạ với sự tự kiêu.

Trong tập sách này chúng tôi diễn lại học thuyết Lão-Trang theo cách hiện đại, với những câu chuyện, lập luận dễ thấy trong đời sống hằng ngày để độc giả nay không thấy học thuyết này là cái gì đó xa xôi, khó hiểu như đọc cổ văn của Lão tử và Trang tử. Không chỉ vậy mà chúng tôi còn giải quyết những vấn đề của thế kỷ 21, ví dụ như chống khủng bố theo Đạo Gia là thế nào cho phải, chứ không làm cái việc là chỉ đem Lão Tử, Trang Tử ra bàn đi bàn lại, không phát huy mới như một cuốn sách biên khảo bình thường. Hoặc, trong tình hình đất nước hiện nay, Trung Quốc lấn chiếm biển đảo thì Đạo Gia làm thế nào cho đúng Đạo Học, một vấn đề tưởng như rất gay go, vì nếu vô trách nhiệm thì dầu khí, cá và không phận ở Biển Đông mất đi, bị bao vây, mà yêu nước đánh giặc thì phải đương đầu với một Trung Quốc có sức mạnh áp đảo. Có con đường nào khác ngoài hai cái đó, là đánh hoặc hòa? Độc giả sẽ thấy câu trả lời trong chương III: Thế Nào Là Một Đạo Sĩ?

Mục đích của chúng tôi là truyền cái Không cho đời, như Lão, Trang, như Phật. Thấy được cái Không, tức đắc đạo, quý vị sẽ không bao giờ đau khổ dù trong bất cứ hoàn cảnh nào và trở thành người rất vị tha một cách tự nhiên, không cần cố gắng, vì thế tâm hồn luôn thanh thoi. Tâm hồn luôn thanh thoi, không buồn phiền như vậy thì học được nhiều và nhanh. Đây cũng là một kiểu học tắt.

Người viết đã đọc Osho, và học ông chỉ một câu này: "Thiền là nhìn vào tâm trí xem các ý nghĩ từ đâu ra và chúng có bản tính gì không". Và học thiền của thiền sư Độ, là người tôi xem là Sơ Tổ, tức học gián tiếp Phật Thích Ca. Nhưng tôi lại không giác ngộ Đạo Phật, mà do tôi biết rõ Đạo Lão mà kết hợp hai nhà trên với lý thuyết Đạo Học mà dẫn tới giác ngộ Đạo Lão, là cái thiền sư Độ không biết gì cả. Thêm nữa, tôi cũng đọc GS Triết học phương đông Cao Xuân Huy. Vì học từ nhiều nguồn và kết hợp nhuần nhuyễn các nhà trên, không phải thành một sự tổng hợp thuần túy như một cuốn sách biên khảo mà thành một hệ thống hoàn chỉnh, gọi là sự tích hợp, do đem thiền vào Đạo Học, và tôi có thể thu gọn thành một bài báo vài trang A4, hay viết ra thành 50 trang, hay thành 1MB như cuốn bạn đang đọc đây, viết kiểu nào cũng thành Đạo Học nên tôi có tên là đạo gia tích hợp.

Đây là sách Đạo Học trong thế kỷ 21. Tuy viết trong thời đại mới nhưng đây là một sự quay về với tư tưởng, triết học, Đạo Học truyền thống, là giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc vì trước chủ nghĩa Mác, Việt Nam chỉ có chủ yếu Tam Giáo Nho, Phật, Lão.

Trong sách, có vấn đề gì không hiểu, quý vị hãy liên lạc với chúng tôi. Chúng tôi luôn sẵn lòng giải đáp những thắc mắc của quý vị. Email: hieudaogia@gmail.com mobile: 0346824482.

Trần Trọng

CHƯƠNG 1

CÁC VẤN ĐỀ NHỊ NGUYÊN THIÊN, ÁC; HỌA, PHÚC; TỐT, XẤU; CHÍNH, TÀ;

...

Thiện, ác; họa, phúc; tốt, xấu là vấn đề luôn gây tranh cãi cho nhân loại, trong các triết thuyết, trên báo chí cũng như trong đời sống hàng ngày. Không ai tránh được vấn đề này. “Làm thế này là phải, làm thế kia là trái”, nói vậy là bàn tới thiện, ác rồi. Song với nhà Đạo học thì họ đặt vấn đề “Có thật thiện là tốt chăng?”, “Có thật ác là xấu chăng?”, “Có cái thiện nào tận thiện chăng?”, “Có cái ác nào tận ác chăng?”, “Bản chất của cái thiện là gì?”, “Bản chất của cái ác là gì?”

Quy luật sơ đẳng, cơ bản của Đạo học là: Ác là thiện và thiện là ác; họa là phúc, phúc là họa; tốt là xấu, xấu là tốt.

Nghe có vẻ nghịch lý. Nhưng cái thiện có được là do cái ác. Nếu ai cũng thiện hết thì ta không làm sao phân biệt được đâu là thiện đâu là ác. Nhân thấy hàng xóm ăn ở bất nhân (tức ác) mà ta dạy con cái ăn ở có nhân (tức thiện). Nhân thấy chiến tranh tàn bạo (ác) mà ta cổ vũ cho hòa bình (thiện). Vậy nói không có ác thì cái thiện cũng biến mất luôn. Học sử Việt, ta thấy không có sự tàn ác của quân Nguyên thì làm gì có cái vĩ đại (tức thiện) của Trần Hưng Đạo? Nếu Trần Hưng Đạo mà sinh vào thời khác, thời hòa bình thì làm gì có giặc cho ông đánh, tức không có vấn đề lớn cho ông giải quyết, do đó ông sẽ không vĩ đại (tức không thiện). Cái yếu kém thời bao cấp ở Việt Nam làm nảy sinh thời kinh tế mở cửa hiện nay làm dân chúng giàu hơn xưa. Bạn cứ đi làm việc ác đi, tỉ như trộm cắp, lừa đảo thì bạn thấy cái thiện hiện ra ngay: cảnh sát bắt bạn, và người ta sẽ yêu mến những ông cảnh sát đó, thêm nữa, những nạn nhân của bạn sẽ biết đề phòng hơn, bản lĩnh cao hơn. Vậy thiện do ác sinh ra, tức ác là thiện.

Tôi đọc báo Công An Thành Phố Hồ Chí Minh và gặp mẫu chuyện thú vị sau, xin hầu bạn. Chuyện có tên là Chiếc xe “bí ẩn”:

Ngô Văn Linh, 41 tuổi, sống ở Đà Nẵng, chạy xe thò với chiếc Honda 81 cũ. Vào trưa 17-12-2004, anh đang ăn cơm trưa trong nhà, chiếc xe để ngoài hiên, không khóa. Một tên trộm mò tới, nổ máy rồi chạy. Cả nhà thấy vậy, la lên rồi chạy theo tên trộm. Vậy mà Linh vẫn phớt tỉnh, còn nói: “Chạy theo nó từ từ thôi, đừng chạy theo nó nhanh quá mà mệt. Nó không lấy được chiếc xe đó đâu!” Đúng như lời, chiếc 81 chỉ chạy được một quãng đường rồi dừng lại, chết máy. Tên trộm hoảng sợ, bỏ chiếc xe chạy bán mạng. Mọi người ngạc nhiên, hỏi anh có thiết bị thần kỳ “bí ẩn” nào vậy. Anh Linh cười ruồi: “Ồi, chiếc xe cà tàng này nhiều bệnh lắm. Ai không quen với nó không chạy được nó đâu.”

Một chiếc xe tồi thì khó hay không thể mất cắp. Cái gì dở, xấu thì không ai thèm, do đó mà an toàn. Cái xấu là cái tốt.

Ta cũng cần phải cân nhắc điều này khi gặp khó khăn, tai họa trong đời: khó khăn là phần thưởng cho người bản lĩnh cao. Cái khó, cái ác chỉ khó, chỉ ác đối với hạng bản lĩnh kém. Chẳng hạn, võ sĩ quyền Anh hạng nặng Mỹ nổi tiếng Mike Tyson đang ngồi trong một bar rượu, hai gã say chân nam đá chân chiêu xuất hiện, nói: “Mày có quả đấm, tui tao có súng.” Mike Tyson nổi giận đánh hai gã. Hai gã để cho đánh rồi kiện Mike Tyson ra tòa. Ở đó, Mike Tyson phải bồi thường. Những người nổi tiếng dễ gặp những cảnh khiêu khích như vậy. Họ bị xem là những con bò sữa cho người khác vắt. Đọc tin trên ta thấy Mike Tyson không thâm trầm, bản lĩnh nông cạn. Nhưng với hạng bản lĩnh cao thì cái khó, cái ác như vậy chỉ chứng minh họ giỏi mà thôi. Chẳng hạn, sự xâm lược của bọn phong kiến phương Bắc, như trong đời Nguyễn Trãi chẳng hạn, tuy là đại họa đối với cả một dân tộc nhưng việc đó chỉ làm cho dân ta, Lê Lợi, Nguyễn Trãi thêm vĩ đại, chứ không diệt được dân tộc ta, không diệt được Lê Lợi, Nguyễn Trãi. Ngược lại nếu sinh ra trong thời bình thì Nguyễn Trãi chỉ là viên quan văn chết già nơi xó cửa mà thôi. Cái phúc được sống trong thời bình, xét về mặt nào đó, lại là cái họa vì Nguyễn Trãi không có dịp thi thố thiên tài của mình. Những khó khăn hiện nay mà loài người chưa giải quyết được như AIDS, ung thư là những giải thưởng Nobel y học cho các thế hệ tương lai. Không có cái khó nào, cái ác nào khó luôn luôn, ác luôn luôn, ác mãi mãi, tuyệt khó, tuyệt ác. Trong cái khó, ẩn cái dễ; trong cái họa có cái phúc. Khó là dễ, ác là thiện.

Chiều ngược lại, thiện là ác, xin kể quý vị vài câu chuyện chứng minh.

Chuyện thứ nhất, mục Sau lũy tre làng, báo Tiền Phong số ra ngày 20-7-2004, xin tóm tắt như sau: “Oanh vừa lạ, vừa tươi như hoa, dịu như lá. Oanh đi thăm anh. Vùng anh cô ở có nhiều chàng trai tới tán tỉnh. Cô không chọn Tùng con ông chủ tịch xã, cũng chẳng phải Hưng nhà có cây xăng dầu và cửa hàng phân bón, không phải Chúng, ông chủ trẻ kiêu tài xế xe tải Bắc - Nam sành sỏi tình trường mà chọn Tích hiền lành, siêng năng. Ai cũng mừng cho Tích, vậy mà ông Ba Lê bố đẻ chị dâu Tích lo lắng đến đứng ngồi không yên: Con bé Oanh xinh thế, khôn ngoan thế thì con gái ông “toi” mất. Con ông tuy là dâu trưởng nhưng khờ dại, vụng về đủ đường. Càng nghĩ, ông càng thấy nguy. Phần Oanh, tuy kiên quyết, tình táo nhưng Tích nài nỉ quá nên đã để Tích lấn sân. Mừng 4 Tết, Oanh vượt cả ngàn cây số báo cho Tích biết mình có bầu. Nghe tin, mừng như mở cờ, Ba Lê chia rẽ, nói với Tích: “Mày trẻ người non dạ. Người ta muốn con thì cũng phải cả năm mới có, đằng này nó mới một lần.” Mặc kệ, Tích bàn bố mẹ cưới gấp. Ba Lê thò thết mẹ Tích với tư cách đại diện họ nhà trai: “Oanh có bầu, không làm lễ gia tiên mà chỉ cho đi cửa sau ra mắt hai họ.” Đêm trước ngày cưới, Ba Lê ra đòn quyết định. Dù không ai gọi, ông ta cũng chờ tới một ông thầy cúng để xả xui. Vừa thấy Tích, thầy phán: “Cậu là người đàn ông nhân hậu, nhưng đã yêu thì yêu cho trót, sau này phải coi cháu như con đẻ của mình...”

Dù rất tin Oanh, tức mức này, Tích không khỏi nghi ngờ, lập tức phóng xe tới nhà Oanh tra gạn... Hôm sau chờ mãi không thấy nhà gái tới, hỏi ra thì do lòng tự trọng tổn thương quá nặng vừa nghĩ con gái khó yên ổn, cha mẹ đưa Oanh về từ sớm. Tích đau khổ muốn điên. Cả nhà Tích không biết ăn nói sao với xóm làng. Chỉ có ông sui Ba Lê cười thầm đắc chí.”

Cái hay, cái tốt, cái đẹp của Oanh là cái họa cho con gái ông Ba Lê. Vì thế Ba Lê phản ứng mà làm cho đôi bạn trẻ phải bị chia rẽ. Cái thiện, cái đẹp của Oanh lại đi gây ác cho cô. Công, dung, ngôn, hạnh trong trường hợp này là cái ác. Có thể một vài độc giả cho là chỉ có ở nông thôn mới có chuyện như vậy. Chưa chắc! Ở thành thị thì cũng lắm trò ma kiêu thành thị để “chơi” nhau, một khi bạn tài hơn, giỏi hơn, tốt hơn, chiếm thế thượng phong hơn người khác. Ở thành phố thì cũng có lắm Ba Lê kiêu thành phố. Ở nơi nào đó, tứ đức là thiện nhưng ở đây, tứ đức là ác.

Một cô bạn của tôi, xinh đẹp, quảng giao, đi học tại chức khoa Quản Trị Kinh Doanh. Cô có thi rớt một môn. Thầy hẹn với cô đi uống cà phê nói chuyện rồi giúp cho. Trong khi uống cà phê, chân thầy cứ đá chân cô. Cô hiểu là thầy muốn chuyện trai gái. Cô rất bức mình vì cô có chồng rồi, sau đó cô hẹn thầy uống cà phê một dịp khác, rồi “nói thầy không ra gì luôn”. Thất vọng cho môi trường sư phạm, cô lập tức bỏ học. Công đèn sách, tiền trường trước đó bỏ sông bỏ bể hết.

Tôi nghe chuyện không lấy gì làm lạ. Cô đẹp thì thu hút đàn ông, lại thi rớt là dịp để được người khác giúp mà cũng tỏ tình. Lỗi của cô là quá kỳ vọng vào đại học, cứ nghĩ nó là tốt. Phải hiểu trong cái tốt ấy có cái xấu là mới đúng. Mà tôi cũng đoán ra là trong tương lai cô gặp nhiều chuyện bức mình vậy nữa, vì cô đi đâu, làm gì thì trong bọn đàn ông, có kẻ mê tít, bọn ấy ắt lại buông những lời “khiếm nhã”. Đẹp là một cái tội mà cô không biết, cứ nghĩ mình là người bình thường. Đẹp là xấu.

Tôi không làm tình làm tội gì các người đẹp cả, nhưng tôi hay gặp những chuyện như vậy quá. Một cô gái khác, cũng trẻ đẹp, khá thân quen với tôi, đi xin việc. Thử việc tốt rồi, đến khi nhận vào làm, giám đốc đề nghị “cho ngủ hai đêm”. Hãi quá, cô bỏ việc. Chuyện tham những tình dục như vậy không phải là hiếm. Người đẹp thì có cái khổ của người đẹp. Đẹp là cái mầm của tai họa, tai họa cho người khác và cho chính mình.

Cái mạnh cũng là cái yếu nữa. Nếu bạn là một người hát hay, tôi mời bạn đi chơi karaoke, bạn thích tôi ngay. Thích tôi thì tôi sẽ khai thác được bạn. Làm vua mà trăm trận trăm thắng là tai họa. Trong sách Lã Thị Xuân Thu, có lần Ngụy Văn Hầu hỏi đại thần Lý Khắc: “Nguyên nhân nước Ngô bị diệt vong là gì?” Lý Khắc lập tức trả lời: “Trăm lần đánh, trăm lần thắng.” Ngụy Văn Hầu phân vân không hiểu, Lý Khắc liền giải thích: “Trăm lần đánh,

nhân dân sẽ mệt mỏi. Trăm lần thắng, nhà vua sinh kiêu. Lấy ông vua kiêu ngạo trị nhân dân mệt mỏi tất bại vong.” Mạnh chuyển thành yếu. Trong lịch sử Châu Âu, vào thời Napoleon, khi Châu Âu chưa đoàn kết, còn liên minh với nước Pháp thì Napoleon là vô địch, là hoàng đế Châu Âu. Song, sau đó người Châu Âu nhận ra rằng không thể nghĩ đến một gã Napoleon mà không gây chiến, thế là họ đoàn kết lại, không liên minh với nước Pháp nữa, thế là Napoleon thất bại. Ông thất bại vì ông thắng luôn, thắng oanh liệt và ông hiếu chiến quá. Dù là thiên tài quân sự cũng thất bại. Theo Binh pháp Tôn Tử thì mạnh cái nào cũng đồng thời yếu về cái đó. Khi dàn trận, nếu mạnh ở phía trước thì yếu về phía sau. Mạnh phía sau thì yếu phía trước. Mạnh phía sau và phía trước thì yếu hai bên hông. Mạnh hai bên hông thì yếu phía sau và phía trước. Nếu mạnh cả bốn bên thì do dàn mỏng quân nên yếu cả bốn bên. Mạnh là yếu và thắng là bại.

Câu chuyện khác.

Nguyễn Trãi, quân sư của Lê Lợi, từ khi ông về Lam Sơn, ông làm cho khởi nghĩa Lam Sơn đi hết từ thắng lợi này tới thắng lợi khác, thắng lợi sau to lớn hơn thắng lợi trước. Ông là nhân vật lịch sử vĩ đại, mấy thế kỷ sau, Việt Nam cũng không có được một con người như vậy. Ông “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”, từng tha, cho về nước 10 vạn quân Minh bị vây hãm thành Đông Quan làm cho người Minh cảm kích ân nghĩa sâu xa. Vậy mà cuối cùng thì ông bị tru di tam tộc. Vì sao vậy?

Vua Lê Thái Tông yêu quý 3 người phi tần là Dương Thị Bí, Nguyễn Thị Anh và Ngô Thị Ngọc Giao. Yêu 3 người như vậy thì chọn con của ai làm thái tử nối ngôi vua? Vì thế có cuộc tranh chấp quyết liệt. Dương Thị Bí và thái tử Nghi Dân bị đánh đổ, hoàng tử Bang Cơ con của Nguyễn Thị Anh được lập làm thái tử, cùng lúc Ngô Thị Ngọc Dao có mang. Nguyễn Thị Anh dèm pha, Thái Tông nghe lời, quyết định đày Ngô Thị Ngọc Dao ra châu xa. Nguyễn Trãi trước bất công đối với Ngô Thị Ngọc Dao không làm ngơ, ông cứu đưa trẻ trong bụng mẹ và người đàn bà vô tội, ông cùng vợ ông là bà Nguyễn Thị Lộ đề nghị vua xét lại vì không có lý do chính đáng. Bà Nguyễn Thị Lộ xin cho Ngô Thị Ngọc Dao được an trí tại chùa Huy Văn, phía nam Thăng Long. Có lẽ trước khi về Côn Sơn, ông bàn với bà Lộ bí mật đưa Ngọc Dao về Thái Bình ngày nay sinh nở. Ngọc Dao sinh con trai, Thái Tông vui mừng, đặt tên con là Tư Thành nhưng Nguyễn Thị Anh rất lo sợ và căm thù Nguyễn Trãi, Nguyễn Thị Lộ, rắp tâm trả thù và tìm cách trừ hậu họa cho con mình.

Ít lâu sau, vua về Lệ Chi Viên (Trại Vải), tới đêm lên cơn sốt rét nặng. Trong việc chăm sóc vua có cả Nguyễn Thị Lộ. Vua chết. Lê Thái Tông cùng đi với Nguyễn Trãi tới Côn Sơn, đi khỏi Côn Sơn thì chết, và Nguyễn Thị Lộ có mặt khi Thái Tông chết. Nguyễn Thị Anh cùng các hoạn quan vu cáo, buộc tội Nguyễn Trãi đầu mưu cho Nguyễn Thị Lộ giết vua. Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc.

Suốt một đời lo cho dân cho nước như Nguyễn Trãi, công lớn nhất đương thời mà cũng không cậy mình là công thần, thế mà chết thảm. Cái nhân nghĩa của ông đem lại cái ác cho ông. Thiện là ác. Có thể đổ lỗi cho chế độ phong kiến hủ bại, quyền lực, của cải tập trung vào vua mà đâm ra các bà phi tranh giành nhưng thừa quý vị, thời đại nào là hoàng kim? Khi quý vị là một đệ nhất công dân, một VIP như chủ tịch nước, tổng thống, bộ trưởng cũng chưa “ngon” đâu. Lâu lâu ta lại thấy một tổng thống bị ám sát, bị xì căng đan, bị lật đổ như Kennedy, Nixon bên Mỹ hay Saddam Hussein bên I-rắc.

Quan sát cuộc sống hàng ngày ta thấy, lấy ví dụ trong một công sở, trong một phòng của nó, để chọn người làm trưởng phòng, ta chọn ai? Chọn người có năng lực, tức có tài, và khiêm tốn, nhân ái, thẳng băng, tức có đức làm trưởng phòng. Vậy ai có tài, có đức là làm trưởng phòng, phải không? E hèm, chợ đời không như trò chơi con nít vậy đâu. Trong nhóm nhân viên đó, ai cũng muốn làm vua trong nghề của mình. Trong đó có người sẽ quan sát, thấy ai là tài đức, có uy tín, sẽ được đề bạt thì anh ta sẽ mặc sức thi triển các công phu “thể thao trí tuệ” như “ném đá giấu tay”, “thọc gậy bánh xe”, “cản mũi kỳ đà”, “xịt chó vô gai”, “gấp lừa bỏ tay người”, vân vân và vân vân... để người uy tín cao rút mà anh ta được bầu lên.

Nhân nghĩa trong trường hợp này ích gì? Chức cao hơn thì tiền và quyền cao hơn, rồi thì họ e ngại với nhau rằng lên được chức trưởng phòng rồi còn sẽ tiến xa mà lên được chức phó giám đốc, thế là đâm ra rất nhiều chiếc ghế đều là một màn đấu đá bè phái ngấm ngầm hay công khai không khoan nhượng. Không phải tất cả đều như vậy, có những cơ quan đoàn kết tốt nhưng kịch bản trên thì hay xảy ra lắm, ở mọi nơi, mọi quốc gia, mọi cấp, kể cả cấp bộ trưởng hay nguyên thủ quốc gia, đọc sử thấy ngay, dễ lắm. Con người yêu quyền lực là tự nhiên mà.

Trong tập Bác sĩ riêng của Mao, hồi ký của Lý Chí Thỏa, ta thấy khi Lý Chí Thỏa làm việc tốt cho Mao, giúp Mao Trạch Đông khỏe mạnh, ăn ngon, ngủ yên, được Mao ưa chuộng, thậm chí muốn tác giả làm cố vấn chính trị cho Mao thì lập tức những thư ký, cận vệ, cố vấn chính trị, những người xung quanh Mao ganh tị, gièm pha, bôi nhọ để tác giả khỏi được thăng tiến mà những tên gièm pha đó được lòng Mao.

Đọc Luận Ngữ của Khổng Tử do cư sĩ (người tu tại gia) Đoàn Trung Còn chú giải thì ta thấy lặp đi lặp lại lời “người có đức thì người khác theo về”. Đọc sách của Nguyễn Hiến Lê, ta cũng gặp ông viết rằng người có tư cách cao thì người khác giúp đỡ. Người viết không đồng ý với hai ông được. Đoàn Trung Còn là một Phật gia nữa, mà Phật thì gần Lão, chúng tôi không phản đối nhưng ý kiến của ông về Nho và của các Nho gia, dưới con mắt Đạo học, hãy còn hồ sùng, còn khuyết điểm, tức còn cái mà theo đó ta thất bại. Nói như vậy vừa đúng vừa sai. Quả thật là có đức, có tài thì người khác giúp đỡ, điều này đúng, trong thực tế ta cũng thấy, nhưng qua đời Nguyễn Trãi và qua kịch bản văn phòng trên thì ta thấy càng có đức, càng có tài thì càng bị đả kích, bị tru diệt. Làm dâu mà có tứ đức công, dung, ngôn, hạnh (tức giỏi việc, xinh đẹp, ăn nói lễ phép, đức hạnh) như cô Oanh ở trên thì là mang mầm họa cho chính mình và cho người khác rồi vậy. Giỏi việc thì cha mẹ nhà chồng giao cửa hàng cho (chứ giao cho dâu dở thì phá sản à?), rồi lại xinh đẹp, bán hàng chạy, ăn nói được lòng người, lại không gian tham thì bao nhiêu của cải nhà chồng về tay người có tứ đức hết, như thế thì “ăn” hết phần các bà dâu khác, vì vậy hạng phụ huynh vốn từng trải sẽ “chơi”, hoặc là các bà dâu khác sẽ ghét, tức là gây ra một cái ác, cái xấu. Không phải luôn luôn tứ đức gây bất hạnh, không phải vậy, trong trường hợp khác tứ đức là hạnh phúc. Chúng tôi, trong gia đình, khi con, em, cháu còn nhỏ cũng dạy chúng tứ đức nhưng tứ đức không hoàn hảo như trong Gia Huấn Ca đã viết là “Công, dung, ngôn, hạnh là tiên phạm trần” đâu. Bà phi Ngọc Dao ở trên đẹp và vô tội đó chứ nhưng cứ bị căm thù. Những bản giá trị của Nho Giáo như ngũ thường “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín” cho đàn ông, cho người quân tử và tứ đức cho phụ nữ (ngày nay hãy còn giá trị) chúng không hoàn hảo, theo chúng không mang lại hạnh phúc trong mọi trường hợp được. Ngược lại nữa là khác, trong nhiều trường hợp, chúng rất khiếm khuyết và Đạo sĩ (những người đã đắc đạo Lão-Trang) luôn phản đối Nho. Với chúng tôi thì các bản giá trị của Nho chỉ dùng để dạy người dưới 21 tuổi mà thôi. Chúng tôi khi còn trẻ thì cũng yêu Khổng Tử, mê Luận ngữ, Mạnh Tử, Tứ Thư lắm, mê thật, yêu thật và coi Khổng, Mạnh như thần tượng, ước làm như họ dù đau khổ. Nhưng khi đắc đạo rồi thì thấy nhân sinh quan Nho Giáo khiếm khuyết quá, không thể theo được. Khi bọn trẻ có tính cách vững vàng rồi thì chúng tôi tháo dần ra bằng các câu chuyện đang kể cho quý vị nghe đây để chúng biết lý giải các thất bại của chúng dù chúng “thẳng”, “ngay”, “đoan chính”, “quân tử”, “phải lẽ”, “hợp đạo lý”, vân vân và vân vân. Phải để những giá trị trên trong dấu ngoặc là vì chúng chỉ là những giá trị tương đối. Cái ngay thẳng của Nguyễn Trãi, của cô Oanh là cái ác đối với người khác, ví dụ vậy.

Chúng tôi còn có nhiều những mẫu chuyện khác hầu quý vị, minh chứng cho luận điểm “thiện là ác”. Nhân vật thiện trong câu 2 câu chuyện sau lại chính là thánh tổ Nho giáo Khổng Tử. Truyện trích từ Sử ký Tư Mã Thiên.

“Lỗ Định Công cho Khổng Tử làm quan cai trị thành Trung Đô. Được một năm, cả bốn phương đều noi theo xem là mẫu mực. Từ chức quan cai trị thành Trung Đô, Khổng Tử được thăng làm tư không (coi việc xây dựng), rồi được làm đại tư khấu (coi về pháp luật).

Mùa xuân năm thứ mười đời Lỗ Định Công(500), Lỗ giảng hòa với Tề. Mùa hạ, quan đại phu nước Tề là Lê Sừ nói với Tề Cảnh Công:

Nước Lỗ dùng Khổng Khâu thế nào cũng nguy hại cho nước Tề.

.....

Khổng Tử làm tướng quốc (như thủ tướng ngày nay), giết quan đại phu nước Lỗ làm rối loạn chính sự là Thiếu Chính Mão. Sau khi tham dự chính quyền trong nước ba tháng, những người bán cừu, bán lợn không dám bán thách, con trai con gái ở trên đường đi theo hai phía khác nhau, trên đường không nhặt của rơi. Những người khách ở bốn phương đến thành ấp không cần phải nhờ đến các quan, bởi vì người ta đều xem họ như người ở trong nhà.

Người Tề nghe vậy sợ hãi nói:

Khổng Tử cầm đầu chính sự thì thế nào cũng làm bá chủ chư hầu. Nếu Lỗ làm bá thì đất nước ta ở gần sẽ đầu tiên bị thôn tính. Tại sao ta không đem đất nộp cho Lỗ?

Lê Sừ nói:

Trước tiên hãy tìm cách cản trở, nếu chưa được thì nộp đất cũng chưa muộn.

Vua Tề bèn sai chọn tám mươi người con gái đẹp ở trong nước Tề, đều cho mặc quần áo đẹp, tập múa điệu “khang nhạc” và ba mươi cỗ ngựa, mỗi cỗ bốn con rất đẹp. Vua Tề sai bày bọn con gái và những con ngựa đẹp ở ngoài cửa cao phía nam kinh đô nước Lỗ. Quý Hoàn Tử, đại phu quyền thần, ăn mặc thường dân đến xem hai ba lần, toan thu nhận và nói với vua Lỗ đi một vòng để đến xem. Vua Lỗ đến chơi xem đến trọn ngày. Vua Lỗ bỏ việc chính sự. Tử Lộ nói:

Thầy nên đi thôi.

Khổng Tử nói:

Vua Lỗ sắp đi làm lễ tế giao, nếu nhà vua đem thịt tế đến cho các quan đại phu thì ta còn có thể ở lại.

Cuối cùng Quý Hoàn Tử nhận nữ nhạc của Tề, bầm với Lỗ hầu. Lỗ hầu say mê ba ngày không nghe việc chính sự. Khi làm lễ tế giao cũng không đem thịt tới cho các quan đại phu. Khổng Tử bèn ra đi. “

Cái thiện của Khổng Tử là cái ác của nước Tề. Người Tề coi Khổng Tử như cừu địch, tìm mọi cách gạt ông ra. Không chỉ một lần, Khổng Tử còn bị thất sủng, bị xa lánh ở Sở nữa:

“Chiêu Vương nước Sở định phong cho Khổng Tử miếng đất trong sổ sách có 700 lý (1 lý là nhóm gia đình 25 nhà). Quan lệnh doãn (như thủ tướng ngày nay) nước Sở là Tử Tây hỏi:

Trong sổ các sứ giả nhà vua phái đến các nước chư hầu có ai bằng Tử Cống không?

Không.

Trong sổ những người giúp đỡ nhà vua có ai bằng Nhan Hối không?

Không.

Trong sổ các tướng của nhà vua, có ai bằng Tử Lộ không?

Không.

Trong sổ các quan của nhà vua, có ai bằng Tề Dư không?

Không.

Không những thế, tổ tiên nước Sở cũng chỉ được nhà Chu phong với cái tước hiệu là “tử” và năm mươi dặm đất (Ý nói Sở trước kia chỉ nhỏ 50 dặm và chỉ có tước “tử”, nay lớn mạnh). Nay Khổng Khâu theo phép tắc của Tam Vương, làm sáng cả cơ nghiệp của Chu

Công, Thiệu Công. Nếu dùng ông ta thì nước Sở làm thế nào mà được đời đời đường hoàng có đất vuông ngàn dặm? Văn Vương ở đất Phong, Vũ Vương ở đất Cáo đều chỉ là những ông vua có trăm dặm đất, thế mà rốt cuộc lại làm vương thiên hạ. Nay Khổng Khâu có được miếng đất làm cơ sở, lại có bọn học trò giỏi giúp đỡ thì đó không phải là phúc của nước Sở.”

Chiêu Vương bèn thôi.

Một người cuồng nước Sở tên là Tiếp Dư đi qua trước mặt Khổng Tử hát:

Phượng ơi, chim phượng kia ơi

Đạo đức suy đồi còn biết tính sao?

Việc qua can chẳng được nào.

Việc sau họa biết cách nào lần xoay

Thôi, thôi chim hãy về ngay.

Con đường chính trị rắc đầy chông gai.

Khổng Tử xuống xe muốn nói chuyện, nhưng Tiếp Dư đã rào bước đi mất, không sao nói chuyện được. Khổng Tử bèn rời nước Sở về nước Vệ. Năm ấy Khổng Tử sáu mươi ba tuổi.”

Tiếp Dư là một ẩn sĩ. Ông chỉ cuồng chứ không điên. Cuồng quá đi chứ. Đòi theo nhân nghĩa, ta không theo nhân nghĩa, đi ngược lại xã hội, là cuồng. Lời nói, hành vi của ông Sở Cuồng nghe như cái không, có như không, không như có, có đó rồi đi mất, làm ta không biết ông Sở Cuồng này ra sao, ngoài việc ông nổi tiếng vì đã can Khổng Tử. Ông phủ nhận việc mình đã làm, như Tôn Tử vậy, giúp vua Ngô đánh thắng Sở rồi bỏ đi biệt tích. Đòi là cái không, chứ không như Khổng, đòi là cái có, cái hữu, cái sắc, suốt đời trung quân ái quốc. Vậy mà vị *đại đại chính nhân quân tử*, là thánh nhân đương thời này lại luôn bị thất sủng, vì ông mà có được một nước nhỏ, tắt hết cả các nước chư hầu theo về, các nước có tham vọng làm bá chủ - nước nào mà không muốn mình “vĩ đại” nhỉ - vì thế sẽ bị khuynh loát. Ông nguy hiểm quá. Có tư cách cao là nguy hiểm, là ác rồi vậy.

Ở phương Đông ta có chuyện Tái Ông thất mã; tốt, xấu; được, mất; họa, phúc, ... cái này là nền tảng cho cái kia.

Ở đất Tái có một gia đình cư ngụ. Trong nhà có một ông già, người ta gọi là Tái ông.

Con trai ông thường hay cưỡi ngựa. Một hôm ngựa của ông đột nhiên mất tích.

Người láng giềng động lòng, đến an ủi ông. Ông nói: “Có thể mất ngựa lại là điều có phúc.”

Mấy tháng sau ngựa ông trở về, mang theo mấy con tuần mã nữa. Người láng giềng chúc mừng ông. Ông lại nói: “Việc được ngựa có thể là chẳng lành. Biết đâu có thể gây ra tai họa.”

Không lâu sau, con ông trong một lần phi ngựa, bị ngã đau, gãy chân. Về sau chữa khỏi nhưng thành người tàn tật. Láng giềng đến an ủi ông. Ông nói: “Có lẽ như thế mà được phúc to đấy.”

Lại một năm sau nữa, đất Tái xảy ra chiến tranh. Quân đội của dân tộc thiểu số tràn vào, kết quả thanh niên khỏe mạnh đều phải đi lính. Chiến sự hết sức ác liệt, tám chín phần mười số người đều bị thương. Con ông vì tàn tật nên ở nhà, hai cha con chăm sóc lẫn nhau, sống tương đối tốt.

Họa là phúc mà phúc là họa mà ta không biết đâu là đầu mối, vượt ra ngoài ý chí ta. Tưởng là hay mà hóa dở, tưởng dở lại hay. Cũng vậy, thiện là ác mà ác là thiện, ta không sao phân biệt được.

Phương Tây, thời La Mã cổ đại có Maximus (396-455) thắng đó rồi thua đó, leo lên đỉnh cao quyền lực rồi bị giết, dù ý chí và âm mưu thật đáng ghê sợ.

Maximus xuất thân vọng tộc, là nguyên lão nổi tiếng và là cự phú La Mã. Trước tiên, ông ta hãm hại một danh tướng La Mã là Aetius vào năm 454. Aetius là một thống soái và là nhà chính trị lỗi lạc của đế quốc La Mã. Ông theo vua Valentinian I suốt 30 năm và lần lượt chỉ huy quân đội La Mã đánh bại người Frank, người Burgundi, người Goth. Đồng thời, trong cuộc “Đại chiến bách tộc” (451) ông đã chỉ huy bộ đội gồm nhiều dân tộc chặn đứng cuộc tấn công của vua Hung Nô là Attila, tạo được chiến công hiển hách, tên tuổi vang lừng, nên đã trở thành đối tượng cần tiêu diệt của người đầy tham vọng Maximus. Maximus mua chuộc được các cận thần của hoàng đế, vu cáo Aetius định cướp ngôi vua. Nhà vua u mê bất tài không phân biệt được trắng đen, tin lời vu cáo là thực. Thế là một cái bẫy được bày ra. Một hôm Aetius nhận được lệnh vua vào ra mắt, ông chưa kịp mở miệng nói lời nào thì bỗng nhà vua nhảy tung lên, la to là có người muốn hành thích và nhanh nhẹn tuốt gươm ra. Những đao phủ mai phục sẵn nghe động liền ào tới. Chỉ trong chớp mắt, một tướng tài của La Mã liền bị giết chết. Sau có người trách vua: Ngài đã dùng cánh tay trái chặt đứt cánh tay phải của rồi. Từ nay làm sao có đủ tướng tài năng chống đối người Vandal bảo vệ đất Ý?

Việc thứ hai là Maximus âm mưu thí vua (455). Sau khi giết Aetius, Maximus dùng kế li gián, mượn tay người khác giết vua. Có hai thân binh người Germans nguyên là người thân tín của Aetius, thường phục vụ sát bên vua, cả hai đều chất phác và rất trung thành với chủ tướng. Maximus vờ đau xót nói với họ: “Tướng quân theo nhà vua mấy mươi năm, vào sinh ra tử, lúc nào cũng trung thành, thế mà bị giết oan, vậy các anh phải trả thù cho chủ tướng.” Hai thân binh nghe qua, tức giận, bèn theo kế hoạch Maximus, thừa dịp vua Valentinian I đi ra ngoài, chúng đã giết vua tại Campus Martius.

Sau khi giết vua, hai thân binh trên đã lột lấy y phục vua trao cho Maximus. Thế là ông ta lên ngôi hoàng đế, rồi cưỡng bức hoàng hậu lấy ông ta. Có lẽ bà này quá căm tức và nóng lòng muốn trả thù nên đã cầu cứu lãnh tụ Burgundy. Người Burgundy được tin hết sức vui mừng, lập tức kéo quân lên phía Bắc, đánh cướp thành La Mã (455). Trong chiến loạn, Maximus định bỏ trốn nhưng bị nhân dân trong thành đang phẫn nộ bắt được và giết chết. Maximus lên ngôi vua được hai tháng rưỡi (17-3-455 đến 31-5-455).

Cái thiện của dân La Mã là tướng Aetius là cái ác với người khác. Ông tài hoa lỗi lạc, vinh hoa phú quý, quyền lực của đế quốc lọt vào tay ông hết. Nhưng nhiều người khác, không chỉ Maximus, cũng có tham vọng chứ, cũng muốn leo cao chứ, thế là gây ra cái ác. Có thể đổ lỗi là vua Valentinian I bất tài, không nhìn ra người ngay kẻ gian, chỉ có chế độ phong kiến mới xảy ra những bi kịch như vậy. Song có chắc vậy không? Ở thời đại dân chủ hiện nay của chúng ta thì bọn tham vọng như Maximus lại dùng ngón đòn của thời hiện đại, cũng rất dã man, tàn bạo. Tổng thống Mỹ Kennedy rất được lòng dân, ông được dân chúng hậu thuẫn mạnh mẽ đó chứ, còn gì bằng nữa? Đã là tổng thống, lại được lòng dân kia mà, vậy sao ông bị cứ bị ám sát?

Vậy ta kết luận: làm ác thì không được rồi. Song làm thiện cũng không xong. Vậy ta theo chân lý nào? Trước tiên muốn biết ta theo chân lý nào, ta giải quyết vấn đề chân lý là gì.

CHƯƠNG II

ÂM, DƯƠNG; ĐẠO, ĐỨC; CÁI CÓ VÀ CÁI KHÔNG; VÔ VI

Thiện là ác và ác là thiện, như chúng ta đã biết chương trên. Ác là âm, thiện là dương. Nói chung các giá trị tiêu cực là âm, các giá trị tích cực là dương. Tiều nhân, xấu, yếu kém, phía sau, quá khứ, mềm, yếu, thiếu ánh sáng, phụ nữ, nhục, thất bại... là âm. Quân tử, tốt, phía trước, tương lai, cứng rắn, sáng sủa, đàn ông, vinh, chiến thắng... là dương. Quy luật của đạo học là “âm là dương, dương là âm”.

Nói vậy có một số độc giả cho là khó hiểu. Ví dụ: nếu quy luật âm là dương, dương là âm thì đàn bà là đàn ông, đàn ông là đàn bà? Đúng vậy. Trong cơ thể người phụ nữ nào cũng có mầm mống một bé trai và trong người cha nào cũng có mầm mống một bé gái. Thuộc độc có giá trị âm, nhưng dùng để đầu độc kẻ ác thì tốt, tức khi đó thuộc độc có giá trị dương. Chúng ta ăn cơm hàng ngày, cơm là tốt, là dương, nhưng chỉ ăn vài chén một bữa mà thôi. Nếu ăn gấp năm, gấp bảy lần lên thì bội thực, rồi còn chết nữa. Cơm trong trường hợp này là xấu, là âm. Với người bệnh thì ăn cháo, uống sữa, chứ cho ăn cơm còn bị chết ấy chứ. Cái nhà chúng ta ở, chúng ta yêu nó, là dương, nhưng nó cũng là cái xấu nữa, vì nó gây con cái tranh giành, mất tình anh em. Việc này thường thấy, nếu bạn chịu khó quan sát ắt thấy. Chê là khen, vì chê là thử thách, thử thách thì tìm được tính tốt, tìm được tính tốt là khen. Đánh, chửi là thương, vì “thương cho roi cho vọt”. Ngược lại, khen là chê vì “Mật ngọt chết ruồi”, dẫn đến “ruồi” chết thật, “ruồi” chết thật là chê. Đối với câu “thương cho roi cho vọt” là câu “ghét cho ngọt cho ngào”. Nuông chiều con là làm hư chúng đi. Bại chính là thắng. Người Nhật, Đức thất bại trong thế chiến nhưng nay họ là các cường quốc kinh tế. Đầu thế kỷ 20, Trung Quốc là con mồi cho các quốc gia khác xâu xé, số đông quần chúng khổ sở, nhưng nay họ cũng là một cường quốc.

Quy luật khác là không có cái gì thoát khỏi âm, dương, trừ cái Không. Đây là phép biện chứng của triết học. Vật gì, hiện tượng gì, người gì cũng là sự đấu tranh và thống nhất giữa các mặt đối lập, tức âm và dương. Trong một cơ thể, nếu cho đồng hóa là tích cực, tức dương, thì cơ thể đó cũng có dị hóa là tiêu cực, tức âm. Tiêu hóa là dương, bài tiết là âm. Trong một chiếc xe, có những bộ phận chuyển động, là dương và những bộ phận đứng yên là âm, những bộ phận cứng rắn là dương và những phần mềm như lốp xe, yên xe là âm. Nguyên tử có hạt nhân đứng yên là âm và những điện tử quay quanh là dương.

Âm và dương có tính tương đối. Không có cái gì tuyệt âm và không có cái gì tuyệt dương. Chẳng hạn, cái bàn gỗ là âm hay dương? Bàn gỗ là dương so với mặt đất, vì nó cao hơn, “tích cực” hơn, nhưng so với mái nhà thì nó là âm, vì nó thấp hơn. Nhưng cái bàn so với chén cơm thì nó lại là âm, vì “tiêu cực” hơn, nó không nuôi được con người. Nhưng chiếc bàn gỗ đó đối với con mồi là dương, vì mồi tiêu hóa được gỗ. Nói về mặt nuôi dưỡng cơ thể thì tiêu hóa là dương, bài tiết là âm, nhưng nói về mặt thải chất độc ra khỏi cơ thể thì bài tiết là dương, tiêu hóa là âm, vì khi ta ăn cơm, ta cũng đưa luôn chất bã vào cơ thể. Nói về làm việc thì ban ngày là dương, ban đêm là âm, nhưng nói về sự nghỉ ngơi, thì cơ thể cần ngủ để hồi phục sinh lực và giải độc, thì ban đêm là dương, ban ngày là âm. Không có cái tuyệt dương, không có cái tuyệt âm.

Vậy cái gì tạo ra âm, dương? Đó là cái một. Cái một là gì? Cái một là một khái niệm quen thuộc trong triết học phương Đông. Tốt luôn đi với xấu, do đó tốt và xấu là một, như hai mặt của một tờ giấy. Thiện luôn đi với ác, do đó, thiện với ác là một. Tương tự, trước với sau là một; trên với dưới là một; trong với ngoài là một; họa với phúc là một; vinh và nhục là một... Tất cả đều là cái một, không có cái gì thoát khỏi nó cả. Cái một này chính là Đạo, là chân lý. Đắc đạo là thấy được cái một. Cái một, hay Đạo, là cái thống nhất, hỗn độn tất cả. Tóm lại, Đạo là thể thống nhất giữa âm và dương, âm và dương là hai mặt của Đạo. Đạo phân hóa tạo ra âm, dương. Kinh Dịch nói: “Thái cực sinh lưỡng nghi”. Thái cực chính là cái một, là Đạo. Lưỡng nghi là âm và dương. Nhưng Đạo học thì khác Kinh Dịch. Dịch nói: “Lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái sinh vạn vật”, còn Đạo học thì nói âm, dương vừa mâu thuẫn vừa thống nhất mà sinh tất cả, như trong tin học, chỉ từ số 1 và

số 0 mà ta có tất cả. Vì thế mà ta cũng nói cái gì cũng là Đạo, người nào cũng là Đạo, là cái hỗn độn âm dương, không có bản tính nào cả.

Nói trong và ngoài là một có vẻ khó hiểu. Hãy cho trong là nội tâm ta và ngoài là xã hội thì nội tâm ta và xã hội là một. Andre Maurois, viện sĩ Viện Hàn Lâm Pháp, viết trong tập Thư Ngỏ gửi Tuổi hai mươi rằng “Cái ngoại giới chân thực chính là cái nội giới chân thực”. Điều này có nghĩa là người ngoài hạnh phúc thì ta hạnh phúc, tức gia đình ta, quốc gia ta hạnh phúc thì ta hạnh phúc. Lo việc cho ta, giải quyết hạnh phúc cho ta là giải quyết hạnh phúc xã hội, và ngược lại, nước nổi thuyền nổi, khi xã hội phát triển thì ta cũng khá lên. Tương tự, Phật nói Phật và chúng sinh là một: “Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành.” Ở những đứa bé bị bỏ rơi, được thú nuôi, tức sống tách khỏi xã hội người mà sống trong xã hội thú thì khi đem về lại xã hội loài người, chúng cũng không còn nhân tính, không mặc được quần áo, luôn xé mọi thứ, không hiểu và không nói tiếng người, ăn như thú. Những đứa bé đó chỉ phản ánh xã hội thú, chứ không phản ánh xã hội người. Chẳng hạn, một mục sư Mỹ phát hiện 2 bé gái được sói nuôi trong một khu rừng ở đông bắc Ấn Độ. Cả 2 đứa bé đều có một số đặc điểm như không biết nói, không biết lao động, sợ tiếp xúc với con người, thích ăn thịt sống và thịt đã thối rữa, mỗi ngày khoảng 3 giờ sáng thì vượn cổ lên hú như sói... Sau khi về với xã hội loài người, mặc dù nhận được sự giáo dục, tình yêu thương của con người nhưng nhận thức phát triển hết sức chậm chạp. Đứa bé gái nhỏ lúc đó 2 tuổi, đã chết vì không thích ứng được với đời sống xã hội loài người. Đứa bé gái lớn thì sống được đến 16 tuổi, học được tổng cộng 45 từ đơn, cố gắng lắm mới học được vài câu hội thoại đơn giản, trong 3 năm cuối cùng đã biết ngủ vào ban đêm, bắt đầu không sợ bóng tối. Theo nghiên cứu của các nhà tâm lý học, tuy đã là cô gái lớn nhưng trí lực của cô ta chỉ tương đương với đứa trẻ 3-4 tuổi bình thường trong xã hội chúng ta. Cuối thế kỷ 19, một nông dân Pháp phát hiện một thiếu niên khoảng 11-12 tuổi sống trong rừng sâu, không có quần áo, không biết nói, không có khả năng ghi nhớ, phán đoán, tưởng tượng. Trải qua điều tra, người ta biết được cậu bé đó khi 4, 5 tuổi đã bị bỏ rơi trong rừng, trong hoàn cảnh khốc liệt đó cậu ta buộc phải tìm mọi cách sinh tồn, phải sống độc thân mà chẳng được thú vật hay ai đó dạy. Về sau, cậu ta nhận được sự chăm sóc, dạy dỗ của một bác sĩ, được đặt tên, nói được ít lời, sống tới 40 tuổi tuy nhiên trí lực lúc đó cũng chỉ ngang với đứa trẻ 6 tuổi mà thôi. Như vậy, ta thấy rằng tình cảm, trí tuệ, nhận thức, khả năng ngôn ngữ... không phải tự nhiên mà có, con người cần phải nhận được sự giáo dục rất sớm từ xã hội thì mới có được.

Nội tâm ta là sự phản ánh xã hội, tùy ở mỗi người mà sự phản ánh đó gần với chân lý hay không. Do đó ta và xã hội là một. Tâm và vật là một.

Trước và sau cũng là một, trên và dưới cũng là một. Từ sao Hỏa nhìn về Trái đất thì đâu là trước, đâu là sau? Lúc đó sẽ thấy trước là sau, mà sau cũng là trước; trên cũng là dưới mà dưới cũng là trên. Cái trên của người này là cái dưới của người kia. Thật ra, đối với hạng người đã đắc đạo thì người ấy thấy thời gian và không gian biến mất. Điều này cũng đúng đối với vật lý học hiện đại, theo thuyết tương đối của Albert Einstein. Không gian là ba chiều tuyệt đối và thời gian là một chiều tuyệt đối từ quá khứ tới tương lai chỉ có trong bức tranh vật lý thế giới của Newton, còn trong vật lý học hiện đại thì khác. Các đo đạc thiên văn cho thấy các tia sáng đi ngang qua gần mặt trời bị bẻ cong đi. Ánh sáng luôn truyền theo đường thẳng, thế mà đi qua gần mặt trời bị cong đi thì đó là do không gian bị uốn cong do tác dụng của lực hấp dẫn của mặt trời. Không gian có thể bị bẻ cong, chứ không phải là khoảng không ba chiều dọc, ngang, thẳng đứng tuyệt đối như ta thấy. Với người đắc đạo, họ

sống trong không gian, thời gian nhưng thời gian và không gian không sống trong họ. Trước sau, trên dưới đều là tương đối, không phải là bất biến, không thực.

Trong tập Những Thách Thức Khoa Học Thế Kỷ 20 chưa giải quyết được của Trịnh Vĩ, NXB Hà nội 2003 cho ta thấy tính tương đối của không gian & thời gian:

“Đặc trưng không gian-thời gian của Thuyết tương đối rộng (1915) của Einstein cho rằng lực hấp dẫn không thể là lực hấp dẫn thực tế sản sinh ra tác dụng ngay tức khắc đối với vật có khoảng cách xa, vì Thuyết tương đối hẹp đã chỉ ra không có tốc độ của vật nào nhanh hơn vận tốc ánh sáng. Ngược lại, lực hấp dẫn là hậu quả của khối lượng sản sinh ảnh hưởng đối với không-thời gian. Vật thể có khối lượng lớn bẻ cong không gian ở gần nó một cách rõ ràng, đồng thời “làm chậm” thời gian của bất kỳ người quan sát nào tới gần nó.

Như vậy, ta đã làm rõ tác dụng lực hấp dẫn của Mặt trời đã uốn cong không gian xung quanh nó, từ đó buộc mỗi hành tinh lựa chọn đều là quỹ đạo chuyển động thẳng nhất, ngắn nhất trong không gian uốn cong.

Còn lời dự đoán về vật thể khối lượng lớn có thể làm chậm thời gian người quan sát ở gần nó thì từ 1962 đã được chứng thực hoàn toàn. Khi đó người ta phát hiện ra chênh lệch thời gian giữa các đồng hồ đặt trên đỉnh và đáy tháp nước rất chính xác. Đồng hồ càng sát gần Quả đất, thời gian trôi đi càng chậm, bởi tác dụng lực hấp dẫn Trái đất càng lớn. Kết quả này hoàn toàn thống nhất với dự đoán của Thuyết tương đối rộng. Stephen Hawking (nhà vật lý lý thuyết hàng đầu thế giới hiện nay, người Anh) đã kể lại việc dựa vào dự đoán có tính thường xuyên này như thế nào để sửa đổi hệ thống dẫn đường chính xác của họ đối với vệ tinh nhân tạo hiện nay: “Nếu ai coi nhẹ dự đoán của Thuyết tương đối rộng thì vị trí vệ tinh họ tính toán sẽ có thể sai số đến vài dặm Anh!”

Trong tập *Cái vô hạn trong lòng bàn tay* của hai tác giả Matthieu Ricard và Giáo Sư Trịnh Xuân Thuận, Trịnh Xuân Thuận viết về tính tương đối và tính một của không gian và thời gian, của vật lý hiện đại rất rõ. Trịnh Xuân Thuận sinh năm 1948 tại Hà Nội, là nhà vật lý thiên văn, một chuyên gia lớn trong lĩnh vực nghiên cứu sự hình thành của các thiên hà. Ông giảng dạy tại Đại Học Virginie (Mỹ) và là tác giả của nhiều cuốn sách phổ biến khoa học được đánh giá rất cao. Về tính Một của vũ trụ, ông viết như sau:

“Khoa học, bằng các kỹ thuật riêng của mình, đã phát hiện ra rằng hiện thực là tổng thể và phụ thuộc lẫn nhau, cả trong thế giới nội nguyên tử lẫn trong thế giới vĩ mô. Trong thế giới vi mô, có bằng chứng rõ ràng chứng tỏ hiện tượng nội nguyên tử phụ thuộc lẫn nhau dựa trên thí nghiệm tưởng tượng nổi tiếng mà Einstein và hai đồng nghiệp của ông ở Princeton và Nathan Rosen đã đưa ra vào năm 1935. Người ta gọi thí nghiệm này là nghịch lý EPR, chữ viết tắt gồm các chữ cái đầu tiên của tên ba tác giả. Nó chỉ nghịch lý bởi Einstein quan niệm hiện thực là rời rạc và dựa trên các hạt chứ không phải là một hiện thực liên kết với nhau. Nghịch lý này sẽ biến mất ngay khi người ta hiểu hiện thực có tính tổng thể. Để hiểu thí nghiệm này, cần phải biết rằng ánh sáng, cũng như vật chất, có tính hai mặt, nghĩa là trong thế giới vật lý phụ thuộc lẫn nhau, cái mà người ta gọi là “photon”, “electron”, “vật chất” lúc thì thể hiện gương mặt hạt, lúc thì thể hiện gương mặt sóng. Chẳng nào tôi chưa sử dụng máy đo, chẳng đo hiện tượng mà tôi gọi là “photon” (hạt ánh sáng – NNH) còn thoát khỏi sự cứng nhắc của thế giới tất định và không có các quỹ đạo hoàn toàn xác định, và thể hiện gương mặt sóng của nó. Sóng này lan truyền ra tất cả các hướng của không gian, như các gợn sóng tròn do một viên đá ném xuống mặt hồ tạo ra, lan truyền cho tới khi phủ kín mặt hồ. Như vậy người ta có thể nói rằng photon cùng một lúc hiện diện khắp nơi trong không gian. Cơ học lượng tử (Lý thuyết vật lý mô tả cấu trúc và hành trạng của các nguyên tử và tương tác của chúng với ánh sáng – NNH) nói rằng, nếu không tiến hành quan sát, tôi sẽ không bao giờ có thể tiên đoán được photon sẽ ở vị trí nào tại một thời điểm nhất định, nhiều lắm chỉ là đánh giá được xác suất để nó xuất hiện ở nơi này hay nơi khác mà thôi. Giống như những con sóng của đại dương, sóng xác suất gắn với photon (được nhà vật lý Áo Erwin Schrodinger tính toán năm 1926) có biên độ khác nhau ở những vị trí khác nhau.

Xác suất gặp photon là lớn ở những chỗ có biên độ lớn, và nhỏ ở những chỗ biên độ nhỏ. Nhưng ngay cả ở những chỗ có biên độ lớn, thì người ta cũng không bao giờ chắc chắn gặp được photon ở đó. Chẳng hạn, xác suất có thể là $\frac{3}{4}$ hay $\frac{9}{10}$ nhưng không bao giờ là 100%. Như vậy, trước khi có quan sát, hiện thực của thế giới nội nguyên tử chỉ là những xác suất. Là một tín đồ của quyết định luận (khái niệm triết học, theo đó có tồn tại quan hệ nhân quả giữa các hiện tượng vật lý, điều này cho phép tiên đoán hành trạng của các hệ vật lý nếu biết trước các điều kiện ban đầu của chúng – NNH), Einstein không chấp nhận vị trí hàng đầu cơ học lượng tử dành cho ngẫu nhiên. Ông cũng từng nói: "Chúa không chơi trò xúc xắc". Ông liên tục tìm kiếm một lỗ hổng trong lý thuyết của cơ học lượng tử và trong cách giải thích hiện thực mang tính xác suất của nó. Chính vì mục đích đó mà ông đã dựng ra thí nghiệm EPR.

Ba tác giả của thí nghiệm này nói: chúng ta hãy xét một hạt tách ra thành hai hạt ánh sáng (photon – NNH) A và B. Vì những lý do đối xứng, hai hạt A và B này luôn chuyển động theo hai hướng ngược chiều nhau. Hãy lắp đặt các thiết bị đo và tiến hành kiểm tra. Nếu A chuyển động về hướng Bắc, chúng ta sẽ phát hiện thấy B hướng Nam. Cho tới lúc này, về bề ngoài, vẫn chưa có gì đặc biệt. Nhưng đó là do người ta đã quên mất những đặc tính khác thường của cơ học lượng tử: trước khi bị máy dò thu được, A không có dạng hạt mà có dạng sóng. Vì sóng này không định xứ nên tồn tại một xác suất để A nằm ở bất cứ hướng nào. Chỉ khi bị bắt A mới đổi dạng thành hạt và "biết" rằng nó chuyển động về hướng Bắc. Nhưng nếu trước khi bị bắt, A không "biết" trước nó sẽ chuyển động theo hướng nào thì làm sao B có thể "đoán" được hướng chuyển động của A để điều chỉnh hướng chuyển động của mình sao cho nó bị bắt ở cùng thời điểm theo hướng ngược lại? Điều này là vô nghĩa, trừ phi chấp nhận rằng A có thể thông báo tức thời cho B hướng chuyển động của mình. Nhưng thuyết tương đối khẳng định rằng không có tín hiệu nào có thể chuyển động nhanh hơn ánh sáng. Chính Einstein đã nói: "Chúa không truyền những tín hiệu thần giao cách cảm". Vì vậy, ông kết luận rằng cơ học lượng tử không mô tả được hiện thực một cách hoàn chỉnh. Theo ông, A phải biết trước nó sẽ đi theo hướng nào và truyền thông tin này cho B trước khi tách ra khỏi B. Như vậy thì những tính chất của A phải có một hiện thực khách quan độc lập với hành động quan sát. Cách giải thích mang tính xác suất của cơ học lượng tử, theo đó, A có thể nằm ở bất cứ hướng nào, là sai lầm. Bên dưới tấm màn che bất định lượng tử phải có một hiện thực nội tại và tất định. Theo Einstein, vận tốc và vị trí xác định quỹ đạo một hạt được định xứ trên chính hạt đó, độc lập với hành động quan sát. Ông tán đồng cái mà người ta gọi là "chủ nghĩa hiện thực cục bộ" (réalisme local). Cơ học lượng tử không giải thích được quỹ đạo xác định của hạt, vì nó không xét tới các tham số phụ gọi là các "biến ẩn". Vì vậy nó chưa đầy đủ.

Tuy nhiên, Einstein đã nhầm. Từ khi được xây dựng, cơ học lượng tử – và cách giải thích mang tính xác suất về hiện thực của nó – chưa bao giờ có nhược điểm dù rất nhỏ. Các thí nghiệm luôn chứng tỏ nó là đúng và hiện thời nó vẫn là lý thuyết chính xác nhất cho phép hiểu được sự vận động của thế giới nguyên tử và dưới nguyên tử.

Trong suốt một thời gian dài, sơ đồ EPR vẫn chỉ là một thí nghiệm tưởng tượng. Người ta không biết phải thực hiện nó trên thực tế như thế nào. Năm 1964, John Bell, một nhà vật lý người Ailen ở CERN (Trung tâm nghiên cứu hạt nhân châu Âu), đã thiết lập một định lý toán học mang tên "bất đẳng thức Bell". Định lý này sẽ phải được các phép đo thực nghiệm xác nhận nếu như tồn tại các biến ẩn được định xứ ngay trên các hạt như Einstein nghĩ. Định lý này cuối cùng đã cho phép chuyển hướng tranh luận từ phương diện siêu hình sang phương diện thực nghiệm. Năm 1982, tại trường Đại Học Orsay, nhà vật lý học người Pháp Alain Aspect cùng các cộng sự đã tiến hành một loạt thí nghiệm đối với các cặp photon để kiểm tra hiệu ứng EPR. Họ đã phát hiện thấy rằng bất đẳng thức Bell luôn bị vi phạm, nghĩa là

Einstein đã nhầm và cơ học lượng tử đã đúng. Trong thí nghiệm của Aspect, các photon A và B bị tách rời nhau 12m, tuy nhiên B vẫn luôn luôn “biết” một cách tức thời A đang làm gì.

Một số loại đồng hồ nguyên tử được gắn với các máy dò thu A và B cho phép đo rất chính xác thời điểm đến của từng photon. Sự chênh lệch giữa hai khoảng thời gian nhỏ hơn khoảng 10 phần tỉ giây (có thể độ chênh lệch này bằng 0, nhưng độ chính xác của các đồng hồ nguyên tử hiện nay chưa cho phép đo thời gian dưới 10^{-10} giây). Nhưng ở 10^{-10} giây, ánh sáng không vượt qua nổi một khoảng cách 3cm, ngắn hơn rất nhiều so với khoảng cách 12m từ A đến B. Hơn nữa, kết quả không thay đổi ngay cả khi người ta kéo dài khoảng cách giữa hai photon. Mặc dù chắc chắn là ánh sáng không thể đủ thời gian vượt qua khoảng cách này để truyền một thông tin nào đó, nhưng hành trạng của A và của B luôn có sự tương quan tức thời.

Trong một thí nghiệm tương tự do nhà vật lý người Thụy Sĩ Nicolas Gisin và các cộng sự của ông ở Genève thực hiện năm 1998, họ bắt đầu bằng việc tạo ra một cặp photon. Sau đó họ cho truyền qua sợi quang học một photon đến phía Bắc Genève và một đến phía Nam Genève. Khoảng cách của máy đo là 10 km. Khi đến đầu các sợi quang học, mỗi photon phải chọn ngẫu nhiên trong hai hành trình: một ngắn, một dài. Vậy mà người ta đã quan sát được rằng, trong mọi trường hợp, các photon đều có cùng sự lựa chọn. Trung bình, một nửa số lần chúng chọn đường dài, và một nửa số lần chọn đường ngắn, nhưng sự lựa chọn của chúng bao giờ cũng giống nhau. Các nhà vật lý Thụy Sĩ tin chắc chắn rằng hai photon không thể truyền thông tin cho nhau bằng ánh sáng, vì sự chênh lệch giữa thời gian chúng “trả lời” nhau ngắn hơn 3/10 tỉ giây. Trong khoảng thời gian vô cùng ngắn ngủi này, ánh sáng chỉ có thể vượt qua 9 cm, trong khi khoảng cách giữa hai photon là 10 km.

Vật lý cổ điển cho chúng ta biết rằng sự lựa chọn của A và của B phải hoàn toàn độc lập với nhau vì chúng không thể thông tin cho nhau được. Nhưng thực tế lại không phải như vậy. Sự tương quan giữa chúng luôn hoàn hảo. Vậy giải thích thế nào về việc B luôn biết tức thời A đang làm gì? Nghịch lý chỉ xuất hiện ở đây, nếu chúng ta giả định giống Einstein rằng hiện thực là rời rạc và định xứ trên từng photon. Nghịch lý này sẽ được giải quyết nếu chúng ta chấp nhận rằng A và B là một bộ phận của một hiện thực tổng thể, dù khoảng cách giữa chúng có lớn đến đâu chẳng nữa. A không cần phải gửi tín hiệu đến B vì hai hạt ánh sáng (hoặc ít nhất là các hiện tượng mà máy đo coi là hạt ánh sáng) luôn luôn có quan hệ với nhau thông qua một tương tác huyền bí. Dù ở đâu thì hạt thứ hai cũng luôn là bộ phận của một hiện thực giống hạt thứ nhất. Ngay cả khi hai hạt nằm ở hai đầu của vũ trụ. Cơ học lượng tử đã loại bỏ toàn bộ ý tưởng về sự định xứ. Cơ học lượng tử đã trao cho không gian đặc tính tổng thể. Các khái niệm “ở đây”, và “ở kia” trở nên vô nghĩa vì “ở đây” đồng nhất với “ở kia”. Các nhà vật lý gọi là tính “không tách được”.

Một số nhà vật lý không chấp nhận quan niệm về một hiện thực không tách được và đã cố gắng tìm ra khiếm khuyết nào đó trong các thí nghiệm hay trong định lý Bell, nhưng cho tới nay, họ vẫn thất bại. Cơ học lượng tử chưa bao giờ phạm sai lầm nào và vì thế hiện tượng EPR gợi ý chúng ta rằng hiện thực mang tính tổng thể.”

Theo tôi (N.N.Hiếu), các nhà vật lý hiện đại đã lặp lại kết luận của Trang Tử. Trang Tử nói đây là đó mà đó cũng là đây. Một sự thống nhất vĩ đại.

Giáo Sư Trịnh Xuân Thuận viết tiếp: “Nếu ở thang nội nguyên tử, các hiện tượng dường như “phụ thuộc lẫn nhau”, thì thí nghiệm con lắc Foucault là thí nghiệm chứng tỏ rằng sự phụ thuộc lẫn nhau không chỉ giới hạn ở thế giới các hạt, mà nó còn mở rộng ra toàn vũ trụ, cả ở

thế giới vĩ mô cũng như thế giới vi mô. Nhà vật lý người Pháp Léon Foucault muốn chứng tỏ rằng Trái Đất quay quanh mình. Năm 1851, trong một thí nghiệm mà cho tới nay vẫn nổi tiếng và hiện vẫn được dựng lại trong nhiều bảo tàng khoa học trên thế giới, ông đã gắn một con lắc vào đỉnh vòm điện Panthéon ở Paris. Một khi được thả cho dao động, con lắc này có hành trạng đặc biệt: mặt phẳng dao động của nó quay hết một vòng trong nhiều giờ. Nếu thả cho con lắc dao động theo hướng Bắc – Nam thì vài giờ sau, nó sẽ dao động theo hướng Đông – Tây. Nếu chúng ta ở Bắc Cực hay Nam Cực, thì mặt phẳng dao động của con lắc sẽ quay hết một vòng sau đúng 24 giờ. Tại Paris, do ảnh hưởng của vĩ độ nên sau một ngày, mặt phẳng dao động của con lắc chỉ quay được một phần của vòng tròn.

Tại sao mặt phẳng dao động của con lắc lại quay? Foucault trả lời rằng chuyển động này chỉ có tính chất biểu kiến: mặt phẳng dao động của con lắc thực ra là không thay đổi, chỉ có Trái Đất quay mà thôi. Ông rất hài lòng vì làm sáng tỏ được chuyển động quay của Trái Đất. Nhưng câu trả lời của Foucault vẫn chưa đầy đủ vì một chuyển động chỉ có thể được mô tả so với một vật mốc cố định, vì không tồn tại chuyển động tuyệt đối. Chuyển động không tồn tại tự thân, mà là đối với một vật khác. Trái Đất phải “quay” so với một cái gì đó không quay. Nhưng làm thế nào để tìm ra cái gì đó này? Để kiểm tra sự bất động của một điểm quy chiếu, một ngôi sao nào đó chẳng hạn, chỉ cần thả con lắc dao động theo hướng tới ngôi sao đó. Nếu ngôi sao này bất động thì nó sẽ phải nằm trong mặt phẳng dao động của con lắc, và bằng cách đó ta biết là nó cố định. Nếu ngôi sao chuyển động, nó sẽ dần dần lệch ra ngoài mặt phẳng dao động của con lắc.

Chúng ta hãy thử với các thiên thể đã biết, từ những thiên thể gần nhất đến những thiên thể xa nhất. Nếu chúng ta hướng mặt phẳng con lắc về phía Mặt Trời, thì sau vài tuần, Mặt Trời sẽ rời khỏi mặt phẳng dao động của con lắc một cách khá rõ rệt. Các ngôi sao gần nhất, nằm cách chúng ta vài năm ánh sáng, sẽ rời khỏi mặt phẳng dao động con lắc sau vài năm. Thiên Hà Andromède cách chúng ta hai triệu năm ánh sáng sẽ rời khỏi chậm hơn nhưng cuối cùng cũng rời khỏi mặt phẳng dao động. Thời gian trôi qua trong mặt phẳng dao động sẽ được kéo dài ra và độ lệch ra khỏi mặt phẳng này có xu hướng tiến dần đến 0 khi các vật được thử nghiệm ra xa dần chúng ta. Chỉ có những đám thiên hà ở xa nhất, cách chúng ta hàng tỉ năm ánh sáng, ở rìa vũ trụ mà chúng ta quan sát được, là không lệch ra khỏi mặt phẳng dao động ban đầu của con lắc. Nhưng tại sao có một mặt phẳng ưu tiên như thế? Không có mặt phẳng nào ưu tiên cả. Tất cả các hướng đều tương đương nhau. Dù lúc đầu có thả con lắc theo hướng nào chẳng nữa thì mặt phẳng dao động của con lắc vẫn cố định không phải là so với các thiên thể ở gần, mà so với các đám thiên hà xa xôi nhất mà người ta có thể phát hiện theo hướng đó. Kết luận được rút ra từ thí nghiệm này là hết sức đặc biệt: Con lắc Foucault điều chỉnh hành trạng của nó không phải theo môi trường tại chỗ của nó, mà là theo các thiên hà xa xôi nhất, nghĩa là theo toàn vũ trụ, bởi vì hầu hết khối lượng nhìn thấy được của vũ trụ không nằm trong các ngôi sao ở gần mà trong các thiên hà xa xôi. Nói cách khác, cái được chuẩn bị xảy ra ở Trái Đất đã được quyết định trong khoảng vô tận của vũ trụ, nghĩa là cái đang xảy ra trên hành tinh nhỏ bé của chúng ta phụ thuộc vào tổng thể các cấu trúc của vũ trụ.”

Như vậy con lắc nhỏ bé trên Trái Đất, tưởng như là một hiện tượng độc lập, thực ra hợp với vũ trụ thành một. Chúng ta và vũ trụ là một. (N.N.Hiếu)

“Kiến thức vật lý của loài người cũng tiến dần về cái Một. Vật lý càng phát triển thì các hiện tượng mà người ta tin là hoàn toàn tách biệt lại có thể thống nhất với nhau. Vào thế kỷ XVII, Newton thống nhất sự quay của Mặt Trăng quanh Trái Đất, sự quay của các thiên thể và sự rơi xuống đất của trái táo trong vườn là một, chính do tác động của lực hấp dẫn. Vào thế kỷ

XIX, Maxwell chứng tỏ rằng điện và từ chỉ là hai mặt khác nhau của cùng một hiện tượng. Sau đó ông hiểu rằng sóng ánh sáng cũng chính là sóng điện từ. Đầu thế kỷ XX, Einstein thống nhất thời gian và không gian. Thời gian và không gian là một. Khi thời gian kéo dài ra thì không gian co lại. Ông cũng thống nhất năng lượng và khối lượng: năng lượng và khối lượng là một qua công thức $E = mc^2$. Các hiện tượng vật lý đều có thể được giải thích bằng bốn lực cơ bản: hai lực nguyên tử mạnh và yếu, lực điện từ và lực hấp dẫn. Các nhà vật lý đang nỗ lực thống nhất bốn lực cơ bản của tự nhiên thành một siêu lực duy nhất.”

Trong tương lai, khi giải quyết được vấn đề siêu lực duy nhất này thì đó cũng chỉ là sự lặp lại, và là sự chính minh thêm kết luận triết học của Đạo học: tất cả là Một.

Vạn vật nhất thể. Thuyết này có từ Trung Hoa cổ đại. Vật lý học hiện đại chứng minh thêm cho điều này. Sự sống trên Trái Đất và vũ trụ bao la vô bờ bến là một. Trịnh Xuân Thuận viết:

“Sự nhỏ bé đến vô nghĩa của con người đã từng khiến Pascal vào thế kỷ XVII phải thốt lên lo lắng:”Sự im lặng vĩnh hằng của không gian vô tận làm tôi lo sợ”, và đáp lại lời thách thức đó, ba thế kỷ sau, nhà sinh vật học người Pháp Jacques Monod cũng lên tiếng:”Con người mất hút trong sự bao la thờ ơ của vũ trụ, nơi nó đã tình cờ xuất hiện”, và nhà vật lý học Mỹ Steven Weinberg:”Càng hiểu vũ trụ, chúng ta càng cảm thấy mình vô nghĩa.”

...

Dường như vũ trụ đã được điều chỉnh hoàn hảo để cho các sinh vật xuất hiện ... Cần phải biết rằng sự tiến hóa của vũ trụ chúng ta, hay của mọi hệ thống vật lý khác, đều do cái mà người ta gọi là “các điều kiện ban đầu” và 15 con số được gọi là “hằng số vật lý” quy định.

Một đường cong do trái banh bay vạch ra trong không gian trước khi rơi xuống đất có thể được mô tả hết sức chính xác. Để làm điều này, nhà vật lý sẽ dùng định luật vạn vật hấp dẫn của Newton và những hiểu biết của anh ta về các điều kiện ban đầu, nghĩa là vị trí và vận tốc quả bóng ở thời điểm rời khỏi tay người ném. Đến lượt mình, định luật vạn vật hấp dẫn lại phụ thuộc vào “hằng số hấp dẫn” quy định cường độ của lực hấp dẫn. Tương tự, vũ trụ tồn tại 3 con số khác quy định cường độ của các lực hạt nhân mạnh và yếu và lực điện từ. Sau đó là vận tốc ánh sáng và hằng số Plank quy định kích thước của các nguyên tử. Tiếp theo là các số đặc trưng cho khối lượng các hạt cơ bản: khối lượng của proton, của electron, v.v... Các hằng số này, như tên gọi chúng chỉ rõ, không thay đổi trong không gian và thời gian. Ta có thể kiểm tra chính xác điều này bằng cách quan sát các thiên hà ở rất xa. Hiện nay chúng ta chưa có lý thuyết vật lý nào giải thích được tại sao các hằng số đó lại có giá trị như thế này chứ không phải thế khác. Những con số này được ban cho chúng ta và chúng ta phải sống với chúng.

Trong giới hạn hiểu biết của vật lý hiện nay, không có một lý do nào ngăn cấm các hằng số này không được thay đổi ở các vũ trụ khác. Chúng đóng vai trò quyết định trong sự tiến hóa vũ trụ, bởi vì chính chúng có vai trò quyết định không chỉ khối lượng và kích thước các thiên hà, các vì sao và Trái Đất chúng ta, mà còn của cả các sinh vật nữa: chiều cao của cây cối, hình dạng của cánh hoa hồng, trọng lượng và kích thước của con kiến, của hươu cao cổ và của con người. Vạn vật quanh ta có thể sẽ khác nếu như các hằng số này có giá trị khác. Còn các điều kiện ban đầu của vũ trụ liên quan đến rất nhiều thứ trong đó có số lượng vật chất mà vũ trụ chứa và tốc độ giãn nở ban đầu. Các nhà vật lý thiên văn nhận ra rằng nếu thay đổi, dù chỉ rất nhỏ, các hằng số vật lý và các điều kiện ban đầu này thì vũ trụ sẽ không có sự sống. Ví dụ, chúng ta hãy nói đến mật độ ban đầu của vật chất trong vũ trụ. Vật chất tác động một lực hấp dẫn ngược chiều với xung lực của vụ nổ nguyên thủy và làm chậm sự giãn nở của vũ trụ. Nếu mật độ ban đầu quá cao, vũ trụ sẽ co lại sau một triệu năm, một thế

kỷ, hay thậm chí một năm. Khoảng thời gian này quá ngắn, không đủ cho các lò luyện kim hạt nhân trong các vì sao sản sinh ra được các nguyên tố nặng như carbon, nguyên tố cần thiết cho sự sống. Ngược lại, nếu mật độ vật chất ban đầu không đủ thì lực hấp dẫn yếu, làm cho các ngôi sao không hình thành được. Không có các ngôi sao thì sẽ không có các nguyên tố nặng và do đó sẽ không có sự sống. Như vậy tất cả đều dựa trên sự cân bằng hết sức tinh vi.

Một ví dụ đáng chú ý khác, đó là mật độ vũ trụ lúc nó mới hình thành (ở thời gian Plank): mật độ này phải được điều chỉnh với độ chính xác vào cỡ 10^{-60} . Nói cách khác, nếu thay đổi một chữ số trong 60 số 0, vũ trụ sẽ trở nên khô cằn: sẽ không có sự sống và ý thức. Sự chính xác đến kinh ngạc của mật độ ban đầu của vũ trụ có thể so sánh với độ chính xác của một người bắn cung phải đạt được để bắn một mũi tên trúng bia hình vuông cạnh bằng 1 cm vuông đặt ở rìa vũ trụ cách anh ta 15 tỉ năm ánh sáng! Ngay cả khi các hằng số vật lý và điều kiện ban đầu khác không được điều chỉnh cực kỳ chính xác như vậy thì kết luận vẫn không thay đổi: các hằng số và điều kiện này phải được điều chỉnh một cách rất chính xác thì sự sống và ý thức mới xuất hiện.

Con người không còn phải lo sợ trước sự bao la của không gian vô tận nữa, mà chính sự bao la này đã giúp con người tồn tại. Vũ trụ vô cùng rộng lớn (ước tính bán kính vũ trụ khoảng 15 tỉ năm ánh sáng) bởi vì nó không ngừng to ra theo thời gian. Tuổi của vũ trụ cũng cần thiết để cho các vì sao có đủ thời gian tiến hành các lò luyện hạt nhân nhằm sinh ra các nguyên tố hóa học không thể thiếu cho sự sống.”

Về tính thống nhất không gian và thời gian, và tính tương đối của thời gian, Trịnh Xuân Thuận viết:

“Thời gian trong vật lý học cổ điển là duy nhất, tuyệt đối, phổ quát. Thời gian trôi đi giống nhau đối với mọi người, và mỗi người quan sát trong vũ trụ đều chia sẻ cùng quá khứ, cùng hiện tại, cùng tương lai. Không gian và thời gian tách biệt nhau hoàn toàn: thời gian trôi đi mà không có tương tác nào với không gian.

Năm 1905, khái niệm thời gian tuyệt đối này bị Einstein lật đổ bằng việc công bố Thuyết Tương Đối hẹp. Thời gian không còn dừng đọng với vũ trụ trong đó nó được coi là trôi liên tục, mà trở nên co giãn khi nó tỏ ra phụ thuộc vào chuyển động của người quan sát. Nếu ta chuyển động càng nhanh thì thời gian trôi đi càng chậm. Nếu một người ở trên tàu vũ trụ bay với vận tốc bằng 87% vận tốc ánh sáng thì sẽ thấy thời gian chậm lại một nửa. Anh ta sẽ già chậm đi hai lần so với người song sinh với anh ta trên Trái đất. Sự khác nhau về tuổi này là hoàn toàn có thật. Người song sinh ở Trái đất sẽ có nhiều nếp nhăn và tóc bạc hơn. Tim anh ta đập nhanh hơn, và anh ta ăn nhiều bữa hơn, uống nhiều rượu vang hơn, đọc nhiều sách hơn. Đó là nghịch lý cặp song sinh Langevin (tên nhà vật lý Pháp phát biểu nghịch lý này). Nhưng đó chỉ là nghịch lý đối với lẽ phải thông thường dễ bị đánh lừa của chúng ta. Thuyết Tương Đối giải thích rõ ràng sự chậm lại của thời gian này: vận tốc càng tăng, thời gian càng chậm. Điều đó không cảm nhận được đối với những vận tốc diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, nhưng sự chậm này dễ thấy hơn với các vận tốc gần vận tốc ánh sáng (300.000 km/s). Ở 99% vận tốc ánh sáng, thời gian chậm lại 7 lần. Ở 99,9% vận tốc ánh sáng, thời gian chậm lại 22,4 lần.

Một thay đổi lớn khác: thời gian và không gian tồn tại không tách biệt nhau nữa. Einstein cho rằng thời gian và không gian là một cặp thống nhất. Không gian cũng trở nên co giãn. Các hành trạng của thời gian và không gian luôn bổ sung cho nhau. Khi thời gian giãn ra và chậm

lại thì không gian co lại. Nếu một trong hai người trong cặp song sinh ở trên tàu vũ trụ chuyển động với vận tốc 87% vận tốc ánh sáng thì không những anh ta già đi chậm hơn 2 lần, mà không gian anh ta co lại: đối với người trên Trái đất thì con tàu anh ta co lại một nửa. Những biến dạng liên quan đến không gian và thời gian có thể được coi như là sự chuyển hóa của thời gian thành không gian và ngược lại. Không gian bị co biến thành thời gian kéo dài ra. Từ đây vũ trụ có bốn chiều. Để xác định một vật thể trong vũ trụ cần phải cho không chỉ 3 tọa độ không gian chỉ vị trí của nó mà cần phải cho cả thời gian đo được ở vị trí này.

Thời gian bị chậm lại không chỉ do vận tốc mà còn do cả lực hấp dẫn. Đây là điều Einstein phát biểu trong Thuyết tương đối rộng năm 1915. Ở lân cận một lỗ đen có lực hấp dẫn cực lớn, đồng hồ của nhà du hành vũ trụ sẽ chạy chậm lại so với đồng hồ của một nhà quan sát trên Trái đất. Sự chậm lại này không phải là kết quả của trí tưởng tượng. Nó được quan sát rõ nhất trong trường hợp các hạt được phóng với vận tốc cực lớn trong các máy gia tốc: các hạt này sống lâu hơn (trước khi bị phân rã) so với khi chúng ở trạng thái đứng yên, và điều này luôn theo đúng tỉ lệ mà Einstein đã tiên đoán.

Tính co giãn của thời gian dẫn đến một hệ quả rất cơ bản: thời gian mất đi tính phổ quát của nó, nó không còn như nhau đối với tất cả mọi người quan sát. Hiện tại của tôi có thể là quá khứ của ai đó khác và là tương lai của người thứ ba, nếu cả hai người này đều chuyển động so với tôi. Vì khái niệm “đồng thời” không còn ý nghĩa nữa, nên từ “bây giờ” trở nên mơ hồ, không xác định. Và nếu, đối với một người nào đó khác nữa, tương lai đã tồn tại và quá khứ vẫn còn đang hiện diện, thì tất cả các thời điểm đều có giá trị như nhau, do đó không có thời điểm nào là ưu tiên cả. Theo Einstein, sự trôi của thời gian chỉ là ảo giác. Như để làm dịu đi nỗi buồn của mình, ông đã bộc lộ quan điểm này trong một lá thư viết năm 1959 sau cái chết của người bạn Michele Besso: “Đối với chúng tôi, những nhà vật lý xác tín, sự phân biệt giữa quá khứ, hiện tại và tương lai chỉ là một ảo giác, ngay cả khi sự phân biệt này khó mà lay chuyển được.” Theo các nhà vật lý học hiện đại thì thời gian không trôi: nó đơn giản chỉ là hiện hữu đó, bất động, như một đường thẳng kéo dài đến vô tận ở cả hai chiều.

Không chỉ vậy, trong thế giới hạt cơ bản, thời gian có thể trôi theo hai hướng. Hai electron gặp nhau, va chạm nhau rồi bay ra xa. Nếu chúng ta đảo ngược trình tự các sự kiện trong thời gian thì chúng ta cũng vẫn có hai electron đi đến gặp nhau, va chạm nhau và bay ra xa. Hai dãy sự kiện này giống hệt nhau. Những định luật vật lý mô tả các sự kiện này cũng không mang trong chúng các dấu vết của một hướng thời gian cụ thể nào. Cuốn phim về thế giới hạt cơ bản có thể được chiếu theo cả hai chiều.”

Như vậy thời gian và không gian là một, là cái hỗn độn âm dương mà ta bàn dưới đây.

Quay lại bản thể thế giới là Đạo. Đạo thì như thế nào? Xin trích dẫn lời Trang Tử nói về Đạo.

“Đạo thì có tình, có tính, vô vi, vô hình; có thể trao cho mà không thể thụ lãnh; có thể hiểu được không thể thấy được. Đạo thì tự bản tự căn. Hồi chưa có trời đất, Đạo đã có rồi. Đạo sinh ra quỷ, sinh ra Đế; sinh ra Trời, sinh ra Đất. Ở trước Thái cực mà chẳng gọi là cao; ở dưới lục cực mà không gọi là sâu; sinh ra trước Trời Đất, mà chẳng gọi là lâu; dài hơn thượng cổ mà chẳng gọi là già.” (Theo Trang Tử - Nam Hoa Kinh, NXB Hà Nội 1992, trang 352).

Đạo thì “tự bản tự căn” cho nên tự mình sinh ra mình, tự mình là gốc của mình, chứ không do cái gì sinh ra cả. Đạo học là triết thuyết khác với các tôn giáo khác, cho vũ trụ, vạn vật, loài người do Thượng Đế sinh ra, tức do một ý chí tốt và vạn năng sinh ra như Chúa trong

Cơ Đốc Giáo, hay Ngọc Hoàng trong Đạo Giáo chẳng hạn. Đạo là cái hỗn độn giữa cái có ý chí lẫn cái không có ý chí nào cả, như khoáng vật chẳng hạn. Nếu nói sinh vật do khoáng vật, do các hợp chất mà ra thì chẳng lẽ ta dùng cái thấp giải thích cho cái cao sao? Điều này cũng có nghĩa là dùng cái không sống giải thích cho cái sống sao? Vậy ngay từ đầu đã có sẵn mầm sống trong Đạo. Cũng tương tự như vậy, ngay từ đầu, trong Đạo đã có ý thức, lẫn lộn với cái không ý thức. Và cái này tồn tại trước trời đất, trước ta, nên Đạo có tính chất tiên nghiệm (có trước kinh nghiệm). Đạo thì “vô thủy vô chung”, tức không có đầu, không có cuối và “thường tồn bất biến” nghĩa là bất cứ đâu cũng có Đạo, bất cứ cái gì cũng có Đạo, bất cứ khi nào cũng có Đạo và Đạo chỉ là một, duy nhất. Tuy là “chí nhất”, chỉ có một, nhưng cũng là “chí đa” vì sự vật hiện tượng nhiều tới đâu cũng không thoát khỏi Đạo. Đạo chỉ là cái tên gượng mà gọi vì nó không có một hình thức nào cả. Nói và viết phải có một hình thức nào đó, tức phải có âm nào đó, chữ nào đó. Có hình thức thì bị giới hạn, làm sao diễn tả được cái “vô thủy vô chung”, cái không giới hạn, cái vô cùng tinh tế mà cũng vô cùng vĩ đại? Bởi vậy dù nói và viết hay làm bất cứ cách nào cũng không diễn tả được Đạo.

Đạo là hỗn độn âm, dương, điều này cũng đúng trong khoa học. Vì thế ta có thể nói Đạo học giải thích khoa học hay khoa học giải thích Đạo học cũng được. Website www.vietsciences.org có bài viết về Lý thuyết hỗn độn. Đọc bài này ta hiểu Đạo và các khoa học rộng rãi hơn.

Hiệu ứng Con Bướm

Vietsciences – Phạm Việt Hưng 02/12/2009

Bất chấp hàng loạt lý thuyết ra đời trong thế kỷ 20 dẫn tới những cuộc cách mạng đảo lộn vũ trụ quan cổ điển, đến nay tư tưởng chủ đạo của khoa học vẫn là chủ nghĩa tất định (determinism) – tư tưởng cho rằng vũ trụ vận hành theo những quy luật xác định và do đó, về nguyên tắc, khoa học phải dự báo được tương lai một cách chính xác.

Nhưng thực ra Tự Nhiên phức tạp, hỗn độn (chaotic) và khó dự đoán hơn ta tưởng rất nhiều: Tính ngẫu nhiên và bất định không chỉ tác động trong thế giới lượng tử, mà ngay cả trong những hệ phức tạp (complex systems) của thế giới vĩ mô.

Bản chất bất định và hỗn độn của Tự Nhiên đã được Lý thuyết hỗn độn (Theory of Chaos) mô tả một cách ẩn dụ bởi “Hiệu ứng con bướm” (Butterfly Effect): “Một con bướm vỗ cánh ở Tokyo có thể dẫn tới hậu quả là một cơn bão ở Florida một tháng sau đó”.

Lý thuyết hỗn độn đang ngày càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, bởi vì người ta khám phá ra rằng có rất nhiều hệ phức tạp trong tự nhiên và xã hội chịu sự tác động của “hiệu ứng con bướm”: Từ cơ học thiên thể cho tới các chương trình computers, vấn đề dự báo thời tiết, vấn đề môi trường toàn cầu, hệ thống mạch điện, hiện tượng bùng nổ dịch bệnh, bùng nổ dân số, khủng hoảng kinh tế, vấn đề hoạch định chính sách, v.v...

Tuy phải đợi tới những năm 1960 thì hiện tượng hỗn độn mới được nghiên cứu thành những lý thuyết hệ thống, nhưng thực ra nó đã được khám phá lần đầu tiên từ cuối thế kỷ 19 bởi nhà toán học lừng danh Henri Poincaré – người được gọi là “Mozart của toán học” và là một trong những nhà toán học vĩ đại nhất của mọi thời đại.

1. Henri Poincaré và “bài toán ba vật thể”:

“Bài toán ba vật thể” (Three body problem) do Isaac Newton nêu lên từ 1687 trong tác phẩm Principia (Nguyên lý) nhằm nghiên cứu chuyển động của các thiên thể trong mối quan hệ tương tác hấp dẫn giữa chúng:

Hãy xác định vị trí của 3 vật thể chuyển động trong không gian nếu biết vị trí ban đầu của chúng.

Thoạt nghe, bài toán có vẻ khá đơn giản, nhưng thực ra lại phức tạp và khó đến mức thách thức những bộ óc siêu việt nhất của nhân loại.

Các nhà toán học vĩ đại như Euler, Lagrange, ... đã từng lao vào giải, nhưng chỉ tìm được lời giải cho những trường hợp đặc biệt. Đến cuối thế kỷ 19 vẫn chưa có ai tìm được lời giải cho trường hợp tổng quát với n vật thể.

Năm 1887, nhà toán học Gosta Mittag Leffler đã kiến nghị với vua Thụy Điển và Na Uy lúc đó là Oscar II nên mở cuộc thi giải “bài toán ba vật thể” dưới dạng tổng quát để mừng sinh nhật lần thứ 60 của chính nhà vua vào năm 1889. Vua Oscar II chuẩn y và ban bố cuộc thi: Số tiền thưởng không lớn lắm (chỉ bằng khoảng một nửa tiền lương hàng năm của một viện sĩ hàn lâm), nhưng danh dự rất lớn – người thắng cuộc sẽ được coi là người giỏi nhất trong số những người giỏi nhất!

Nhà toán học Pháp Henri Poincaré, lúc ấy 33 tuổi, đang nổi lên như một trong những ngôi sao sáng nhất trên bầu trời toán học, đã mất tới 3 năm trời để giải bài toán, để rồi gửi tới hội đồng giám khảo một lời giải dài dòng và phức tạp đến nỗi hội đồng này không hiểu. Họ đề nghị ông giải thích. Poincaré liền gửi tới hội đồng một bản bình luận tiếp theo dài tới 100 trang để giải thích lời giải của ông. Sau khi hiểu được lời giải, hội đồng giám khảo quyết định trao giải thưởng cho Poincaré. Đó là một sự kiện khoa học gây chấn động dư luận cuối thế kỷ 19.

Nhưng dư luận còn bị chấn động hơn nữa khi lời giải được công bố chính thức trên tạp chí Acta Mathematica (một trong những tạp chí uy tín nhất thời đó), bởi lẽ trong lời giải mới này, Poincaré đã chỉ ra sai lầm của chính ông trong lời giải đã đoạt giải thưởng trước đó:

Đó là một sai lầm về hình học – trong số các trường hợp hình học có thể xảy ra, ông đã bỏ sót một trường hợp mà ông nghĩ rằng không quan trọng.

May mắn làm sao, và thú vị làm sao, khi nghiên cứu lại lời giải để gửi tạp chí, ông đã phát hiện ra trường hợp bị bỏ sót này. Càng nghiên cứu kỹ ông càng nhận thấy trường hợp bị bỏ sót này hóa ra lại quan trọng và thú vị hơn rất nhiều so với ông tưởng, bởi nó dẫn tới một kiểu chuyển động vô cùng phức tạp và kỳ lạ: Một trong các vật thể có xu hướng chuyển động hầu như ngẫu nhiên (không tuân theo một hướng xác định nào cả).

Đó là điều không thể tin được và cũng không thể hiểu được, vì hệ phương trình do ông thiết lập để giải bài toán là một hệ xác định, và do đó kết quả phải xác định, không thể là ngẫu nhiên. Nhưng trước một lời giải tự nó nói lên một sự thật khác thường, Poincaré nhận thấy một điều vô cùng quan trọng mà trước đó chưa ai nhận thấy: Nếu kết quả không phải là ngẫu nhiên thì ít nhất nó cũng không có một cấu trúc rõ ràng!

Poincaré dừng lại bài toán ở chỗ đó, rồi thốt lên: “Tôi không biết phải làm gì với kết quả này” (I don’t know what to do with this).

Lúc Poincaré dừng lại chính là lúc ông đã vô tình khép lại cánh cửa của Chủ nghĩa tất định và mở ra cánh cửa của Lý thuyết hỗn độn, mặc dù phải chờ tới năm 1963 thì Lý thuyết hỗn độn mới chính thức bước lên diễn đàn khoa học, nhờ khám phá ngẫu nhiên của nhà khí tượng học Edward Lorenz.

2. Khám phá ngẫu nhiên của Edward Lorenz:

Năm 1961, nhà khí tượng học Edward Lorenz đã thiết lập một hệ phương trình toán học để mô tả một dòng không khí chuyển động, lúc dâng cao, lúc hạ thấp tùy theo mức độ đốt nóng bởi ánh nắng mặt trời.

Sau đó ông mã hóa hệ phương trình này để tạo ra một chương trình chạy trên computer, nhằm nghiên cứu một mô hình dự báo thời tiết.

Vì chương trình viết cho computer bao gồm những phương trình toán học và những mã lệnh hoàn toàn xác định nên Lorenz nghĩ rằng trong những lần chạy thử chương trình trên máy, nếu “input” (dữ liệu đầu vào) hoàn toàn giống nhau thì đương nhiên “output” (kết quả đầu ra) cũng phải hoàn toàn giống nhau.

Nhưng một lần, sau khi nạp vào chương trình những dữ liệu ban đầu mà ông nghĩ rằng giống hệt như những lần trước, rồi sau đó cho chương trình chạy thử, ông sửng sốt ngạc nhiên khi thấy kết quả ở đầu ra hoàn toàn khác biệt – khác một cách nghiêm trọng so với những lần chạy trước đó.

Kiểm tra lại toàn bộ hoạt động của computer một cách kỹ càng, từ phần cứng tới phần mềm, Lorenz không tìm thấy bất cứ một sai sót nào, ngoài một chi tiết mà trước đó ông tưởng là một sai lệch không đáng kể: Đó là một thay đổi vô cùng nhỏ trong một dữ liệu, số 0,506127 được làm tròn thành 0,506.

Theo quán tính tư duy khoa học trước đó, một sai lệch vô cùng nhỏ ở đầu vào sẽ không có ảnh hưởng gì đáng kể ở đầu ra. Quán tính tư duy này sẽ đúng nếu đối tượng khảo sát chưa đạt đến mức độ đủ phức tạp. Nhưng hệ thống dự báo thời tiết là một hệ thống phức tạp, nên quán tính tư duy nói trên không còn đúng nữa.

Thật vậy, trực giác đã mách bảo Lorenz rằng một sai lệch vô cùng nhỏ trong dữ liệu ở đầu vào của chương trình dự báo thời tiết của ông có thể dẫn tới một sai lệch khổng lồ ở kết quả đầu ra. Ông lập tức tiến hành nhiều thử nghiệm tương tự để đi tới khẳng định kết luận của mình, rồi công bố khám phá trên các tạp chí khoa học. Một loạt các nhà khoa học khác trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau lập tức tiến hành những thử nghiệm tương tự, và cuối cùng đều đi tới những xác nhận quan điểm của Lorenz. Từ đó, Lý thuyết hỗn độn chính thức bước lên diễn đàn khoa học.

Năm 1975, Benoit Mandelbrot cho ra đời cuốn The Fractal Geometry of Nature (Hình học fractal của Tự Nhiên), được đánh giá là một lý thuyết về hỗn độn. Tháng 12-1977, Viện hàn lâm khoa học New York (New York Academy of Sciences) lần đầu tiên tổ chức hội nghị về lý thuyết hỗn độn, tập hợp các nhà nghiên cứu lý thuyết hỗn độn xuất sắc nhất trên toàn thế giới, như:

- David Ruelle, nhà toán học – vật lý người Bỉ-Pháp, chuyên về vật lý thống kê và các hệ động lực học,

-Robert May, nguyên chủ tịch Hội hoàng gia Anh, giáo sư Đại học Sydney và Đại học Princeton, chuyên áp dụng lý thuyết hỗn độn để nghiên cứu bệnh dịch và tính đa dạng của các quần thể sinh học phức tạp,

- James York, chủ nhiệm khoa toán thuộc Đại học Maryland ở Mỹ, là người đầu tiên gieo thuật ngữ “chaos” (hỗn độn) vào thế giới toán học và vật lý,
- Robert Shaw, nhà vật lý Mỹ đã áp dụng Lý thuyết hỗn độn để nghiên cứu các kết quả ở đầu ra của máy quay roulette tại các sòng bạc, ...

Chính trong bối cảnh khám phá ra hàng loạt hiện tượng hỗn độn trong các hệ phức tạp của tự nhiên và xã hội, các nhà khoa học mới nhận ra rằng trong từ hơn 60 năm trước, chính Henri Poincaré đã là người đầu tiên khám phá ra bản chất hỗn độn của các hệ phức tạp khi ông giải “bài toán n vật thể”: Thay vì chứng minh tính ổn định động lực của hệ n vật thể, ông đã khám phá ra tính bất ổn định của các hệ động lực phức tạp. Ngày nay khoa học đã biết rằng tính bất ổn định này xuất phát từ tính bất định trong các phép đo dữ kiện ban đầu.

3. Tính bất định của các phép đo:

Một trong những nguyên lý cơ bản của khoa học thực nghiệm là ở chỗ không có một phép đo nào trong thực tế có thể đạt tới độ chính xác tuyệt đối. Điều đó có nghĩa là các phép đo phải chấp nhận một mức độ bất định nào đó. Dù cho công cụ đo lường có hoàn hảo đến mấy thì mức độ chính xác cũng chỉ đạt tới một giới hạn nhất định. Về lý thuyết, muốn đạt tới độ chính xác tuyệt đối thì công cụ đo lường phải đưa ra những con số có vô hạn chữ số. Điều này là bất khả.

Nhưng người ta cho rằng sử dụng những công cụ đo lường hoàn hảo hơn, có thể giảm thiểu tính bất định tới một mức độ nào đó có thể chấp nhận được, tùy theo mục tiêu của bài toán, mặc dù về nguyên tắc, không bao giờ triệt tiêu được tính bất định đó.

Khi nghiên cứu chuyển động của các vật thể dựa trên các định luật của Newton, tính bất định trong các dữ kiện ban đầu được coi là khá nhỏ, không ảnh hưởng tới kết quả dự đoán xảy ra trong tương lai hoặc quá khứ.

Quả thật, dựa trên các định luật của Newton, Urbain Le Verrier đã tiên đoán chính xác sự tồn tại của hành tinh Neptune (Hải vương tinh). Những sự kiện như thế làm nức lòng người, củng cố niềm tin vào Chủ nghĩa tất định: Vũ trụ vận hành giống một “chiếc đồng hồ Newton” (Newtonian clock), và do đó có thể dự báo tương lai một cách chính xác.

Nếu xuất hiện kết quả bất định trong các hệ động lực học, thì chắc chắn nguyên nhân xuất phát từ tính bất định trong các phép đo dữ kiện ban đầu, thay vì các phương trình chuyển động, bởi vì các phương trình này là hoàn toàn xác định. Và từ lâu người ta đã cho rằng nếu giảm thiểu đến mức tối đa tính bất định trong các phép đo thì con người sẽ có thể đưa ra những dự báo chính xác đến mức tối đa.

Nhưng Chủ nghĩa tất định đã lầm: Những hệ động lực phức tạp mang tính bất ổn định ngay từ trong bản chất của chúng.

4. Tính bất ổn định động lực học:

Trong “Bài toán n vật thể”, hệ phương trình chuyển động của các vật thể do Poincaré thiết lập hoàn toàn dựa trên các định luật Newton, và do đó là hoàn toàn xác định. Cụ thể, nếu biết vị trí, tốc độ của các vật thể tại một thời điểm cho trước, hoàn toàn có thể xác định được vị trí và tốc độ của các vật thể tại một thời điểm khác trong tương lai hoặc quá khứ.

Nhưng vì không thể xác định được vị trí và tốc độ của các vật thể tại một thời điểm cho trước một cách chính xác tuyệt đối nên luôn luôn tồn tại một mức độ thiếu chính xác nào đó trong các dự báo thiên văn dựa trên các định luật Newton.

Tuy nhiên, trải qua hàng trăm năm kể từ khi các định luật Newton ra đời cho đến khi lời giải “Bài toán n vật thể” của Poincaré được công bố chính thức, trong giới vật lý và thiên văn đã tồn tại một “thỏa thuận ngầm”: Sự thiếu chính xác tuyệt đối trong các dự báo thiên văn là một vấn đề nhỏ, bởi vì với tiên bộ không ngừng của công nghệ đo lường, sự thiếu chính xác này sẽ được giảm thiểu tới mức tối đa. Nói cách khác, người ta đã ngầm hiểu rằng giảm thiểu tính bất định của dữ kiện ban đầu thì cũng giảm thiểu tính bất định trong kết quả dự đoán. Tiến sĩ Matthew Trump tại Trung tâm Ilya Prigogine tại Đại học Texas ở Austin gọi đó là quy luật “shrink-shrink” (giảm-giảm). Nhưng Poincaré đã tạo nên một cú sốc khi chỉ ra rằng quy luật đó không còn đúng đối với những hệ thiên văn phức tạp!

Xin độc giả đọc kỹ ý kiến của Matthew Trump như sau:

Những hệ thiên văn điển hình không tuân thủ quy luật nói trên là hệ chữ ba hoặc nhiều hơn ba vật thể có quan hệ tương tác lẫn nhau. Poincaré chỉ ra rằng đối với những hệ loại này, một sai lệch vô cùng nhỏ trong dữ kiện ban đầu sẽ lớn dần lên theo thời gian với một tỉ lệ khổng lồ.

Do đó đối với cùng một hệ chuyển động, hai tập hợp dữ kiện ban đầu hầu như không phân biệt có thể dẫn tới hai dự đoán kết quả khác nhau một trời một vực.

Poincaré đã chứng minh một cách toán học rằng hiện tượng “bùng nổ” của những bất định vô cùng nhỏ trong dữ kiện ban đầu thành những bất định khổng lồ trong kết quả dự đoán sẽ vẫn tiếp tục xảy ra ngay cả khi những bất định ban đầu được thu nhỏ tới kích thước nhỏ nhất có thể tưởng tượng được, nghĩa là, đối với những hệ này, dù cho bạn có thể thực hiện những phép đo dữ liệu ban đầu chính xác hơn tới hàng trăm hay hàng triệu lần hoặc hơn thế nữa, thì sớm hay muộn, tính bất định trong kết quả không hề giảm đi, mà vẫn vô cùng lớn.

Những phân tích toán học của Poincaré thực chất đã chứng minh rằng đối với những “hệ phức tạp”, muốn có một dự đoán kết quả chính xác ở bất kỳ cấp độ nào cũng đòi hỏi phải xác định được dữ liệu ban đầu với độ chính xác tuyệt đối.

Nhưng điều đó là BẤT KHẢ.

Matthew Trump viết tiếp:

Tính chất cực kỳ nhạy cảm của dữ liệu ban đầu được trình bày một cách toán học trong những hệ thống được nghiên cứu bởi Poincaré được gọi là tính bất ổn định động lực học (dynamical instability), hoặc đơn giản là “hỗn độn” (chaos).

Đó là vì sao Henri Poincaré được coi là cha đẻ của Lý thuyết hỗn độn, mặc dù mãi đến những năm 1960, lý thuyết này mới thành hình.

Theo Matthew Trump:

Mặc dù công trình của Poincaré được một số nhà vật lý nhìn xa trông rộng đương thời đánh giá là vô cùng quan trọng, nhiều thế kỷ trôi qua trước khi những ẩn ý trong các khám phá của ông được toàn thể cộng đồng khoa học hiểu rõ. Một trong các lý do của sự chậm trễ này là vì phần lớn các nhà vật lý thời đó đang lao vào một lĩnh vực mới mẻ của vật lý, đó là Cơ học lượng tử - lĩnh vực vật lý thâm nhập vào vương quốc hạ nguyên tử.

Nhưng hiện nay, chính các nhà vật lý đang quan tâm tới Lý thuyết hỗn độn hơn ai hết.

5. Biểu hiện của hỗn độn trong tự nhiên:

Hệ thống thời tiết là một hệ phức tạp điển hình, ở đó bộc lộ rất rõ đặc trưng hỗn độn, như độc giả đã thấy phần nào qua câu chuyện khám phá của Edward Lorenz năm 1961.

Matthew Trump cho biết:

Thuật ngữ “Hiệu ứng con bướm” ra đời chính từ khoa học dự báo thời tiết: Một cái vỗ cánh của một con bướm ở một nơi nào đó trên Trái đất có thể dẫn đến một cơn bão ở một nơi nào khác trên thế giới một năm sau đó.

Với hiệu ứng đó, hiện nay người ta buộc phải chấp nhận rằng việc dự báo thời tiết chỉ đạt được mức độ chính xác tương đối và ngắn hạn. Do cho được trang bị những máy tính thông minh bậc nhất, khoa học dự báo thời tiết vẫn luôn luôn không tốt hơn gì những phỏng đoán.

Vậy nếu chúng ta thấy những dự báo thời tiết thiếu chính xác hoặc sai hoàn toàn với thực tế, có lẽ cũng không nên dễ dàng trách móc các nhà khoa học làm dự báo, mà hãy “đổ tội” cho cái bản chất của những hệ phức tạp trong Tự nhiên.

Robert May (đã viết trong mục 2.), cho biết:

Trong lĩnh vực nghiên cứu quần thể sinh học còn có những thí dụ phức tạp rắc rối hơn rất nhiều. Chẳng hạn tôi có thể chỉ ra những ví dụ về quần thể ruồi dấm hoặc quần thể bọ chết dưới nước mà tôi nuôi dưỡng chúng trong phòng thí nghiệm. Bạn không thể nào tiên đoán được mức độ tăng trưởng của chúng trong một số tình huống nhất định. Dưới điều kiện nhiệt độ và sinh trưởng nào đó, chúng phát triển đều đặn và hoàn toàn có thể tiên đoán được, giống như động lực học Newton cổ điển vậy. Nhưng dưới điều kiện nhiệt độ và/hoặc môi trường khác, chúng trở nên vô cùng hỗn độn, và mặc dù những phương trình dùng để mô tả sự tăng trưởng của chúng rất đơn giản, mức tăng trưởng của chúng là không thể dự đoán được. Sự sinh trưởng của chúng tăng hay giảm thất thường tùy theo từng nơi chốn.

Có thể chỉ ra rất nhiều hệ phức tạp khác nhau mà ở đó tính hỗn độn biểu lộ. Theo Bách khoa toàn thư Wikipedia:

Lý thuyết hỗn độn đã sử dụng để nghiên cứu tính hỗn độn trong các mạch điện, chùm laser, các hiện tượng dao động, các phản ứng hóa học, động học chất lỏng, các máy móc cơ học và máy cơ học từ tính.

Khoa học cũng đã quan sát những ứng xử hỗn độn trong chuyển động của vệ tinh trong hệ mặt trời, sự “tiến hóa của thời gian” (time evolution) trong từ trường của các thiên thể, sự tăng trưởng số lượng của các quần thể sinh học, “tiềm năng tác động” (action potentials) trong các neuron thần kinh, và các dao động của phân tử.

Hàng ngày chúng ta có thể chứng kiến sự hỗn độn của thời tiết và khí hậu. Và hiện người ta đang tranh luận về tính hỗn độn trong hiện tượng “kiến tạo bề mặt Trái đất” (plate tectonics) cũng như trong hệ thống kinh tế.

Tóm lại, Lý thuyết hỗn độn đã được áp dụng trong nhiều lĩnh vực: toán học, sinh học, khoa học computer, kinh tế học, công nghệ học, hệ thống tài chính, triết học, vật lý, chính trị, động học về mức tăng trưởng của các quần thể, tâm lý học và khoa học robot. Một trong những ứng dụng thành công nhất của Lý thuyết hỗn độn sinh thái học, trong đó mô hình của Ricker đã được sử dụng để chỉ rõ các quần thể sinh học tăng trưởng như thế nào. Lý thuyết hỗn độn cũng được áp dụng trong y khoa để nghiên cứu bệnh động kinh, ... và vô số ứng dụng khác nữa.

6. Vài vấn đề trên chủ đề “Hiệu ứng con bướm” và hỗn độn:

1/ Hỏi (H): Có người thắc mắc, xét cho cùng thì Poincaré vẫn chưa giải xong “Bài toán ba vật thể”, vậy tại sao ông vẫn đoạt giải Oscar II?

Đáp (Đ): Một trong các thành viên hội đồng giám khảo là nhà toán học kiệt xuất Karl Weierstrass đánh giá: “Công trình này chưa thật sự được xem như đưa ra một lời giải đầy đủ của vấn đề đã được đặt ra, nhưng điều vô cùng quan trọng là nó sẽ mở đầu cho một kỷ nguyên mới trong lịch sử của cơ học thiên thể”.

Và dưới ánh sáng khoa học hiện đại, nhà toán học Ian Stewart, giáo sư Đại học Warwick ở Anh, nhận định: “Đúng là ông chưa giải xong bài toán, nhưng ông đã tạo ra một tiến bộ đáng kinh ngạc tiến về phía trước. Ông đã sáng tạo ra một lĩnh vực hoàn toàn mới, một cách tư duy hoàn toàn mới”.

2/ H: Nếu chuyển động của n vật thể là hỗn độn thì tại sao hệ mặt trời lại ổn định?

Đ: Câu trả lời thuộc về các nhà vật lý thiên văn, tuy nhiên chúng ta có thể nêu giả thiết cho rằng hệ mặt trời thỏa mãn những điều kiện xác định, làm cho nó trở thành một hệ đơn giản, thay vì một hệ phức tạp như các đối tượng nghiên cứu của Lý thuyết hỗn độn.

3. H: Phải chăng giống như Định lý bất toàn, Lý thuyết hỗn độn chứa đựng yếu tố “chống khoa học”, bởi vì khoa học không thể là cái gì khác những định luật phản ánh tính quy luật của Tự nhiên? Bản thân khái niệm hỗn độn đã là một cái gì đó phản lại tính quy luật, tức là phản lại khoa học?

Đ: Có lẽ cần phải nhận thức lại khái niệm khoa học là gì. Khoa học không đơn giản chỉ là những định luật phản ánh tính quy luật của tự nhiên, mà còn là tập hợp mọi nhận thức phản ánh trung thực bức tranh hiện thực. Định lý bất toàn và Lý thuyết hỗn độn là khoa học, bởi nó phản ánh bức tranh hiện thực chính xác hơn, đầy đủ hơn, trung thực hơn.

4. H: Phải chăng toàn bộ vũ trụ là hỗn độn? Phải chăng tính bất định và hỗn độn tồn tại xen kẽ trong tự nhiên, hoặc cái này bao trùm lên cái kia?

Đ: Câu trả lời vẫn bỏ ngỏ. Hiện nay chúng ta chỉ mới biết một phần nào đó của vũ trụ. Không ai có thể đưa ra một phán quyết rằng toàn bộ vũ trụ là tất định hay hỗn độn. Có những hệ đơn giản thể hiện tính tất định, nhưng cũng có rất nhiều hệ phức tạp mang bản chất bất định và hỗn độn. Có người cho rằng tính hỗn độn chỉ là một biểu hiện tương tác vật chất trong một phạm vi hẹp của một trật tự lớn hơn bao trùm, có nghĩa là quy luật tất định vẫn chiếm ưu thế.

Phải nói rằng phần lớn các nhà vật lý hiện nay vẫn là những môn đệ nhiệt thành của chủ nghĩa tất định, trong đó Albert Einstein có lẽ là môn đệ nhiệt thành nhất, vì ông từng tuyên bố “Tôi muốn biết được ý Chúa”. Đó là lý do để ông quyết tâm xây dựng Lý thuyết trường thống nhất (Theory of Unified Field), và hậu duệ của ông đã tiếp tục sự nghiệp này dưới ngọn cờ Lý thuyết về mọi thứ (TOE – Theory of Everything).

Nhưng những nghiên cứu của Gregory Chaitin trong toán học lại ủng hộ tư tưởng bất định và hỗn độn nhiều hơn là tất định:

Chaitin đã chứng minh rằng có một số vô hạn những sự kiện toán học nhưng phần lớn những sự kiện đó không liên hệ với nhau và không thể trói buộc với nhau bằng những định lý thống nhất. Nếu các nhà toán học tìm thấy bất kỳ liên hệ nào giữa những sự kiện này thì đó chỉ là may mắn tình cờ. Phần lớn toán học đúng mà chẳng có lý do đặc biệt nào cả, toán học đúng bởi những lý do ngẫu nhiên ... Chaitin nhận ra rằng số Omega đã nhiễm độc toàn bộ toán học, đặt ra giới hạn căn bản đối với cái chúng ta có thể biết. Hơn thế nữa, Omega mới chỉ là sự khởi đầu, thậm chí còn có nhiều con số phiên toái khác mà Chaitin gọi là những con số Siêu-Omega – những con số thách thức mọi tính toán ngay cả khi chúng ta cố gắng mọi cách để hiểu được Omega. Dòng giống Omega – dòng giống những con số không thể tính được – đã để lộ ra rằng toán học không chỉ bị nhậy cảm thủng lỗ chỗ, mà hầu như đã bị thủng bởi những lỗ hổng toang hoác: Tình trạng hỗn độn, phi trật tự hóa ra là bản chất cốt lõi của vũ trụ.

Ý kiến của Robert May (đã dẫn) có lẽ là công bằng nhất:

Tôi muốn nói rằng chúng ta vẫn đang ở trong tình trạng mà hầu hết những gì được dạy trong trường phổ thông và đại học vẫn tuân theo cách nhìn kiểu Newton – phần lớn những điều chúng ta được dạy là thế giới vẫn tuân theo một trật tự ... thế giới ấy có thể dự đoán được, còn ở đâu có chuyện rắc rối, phức tạp và không thể dự đoán được, chẳng hạn như tại chiếc bàn quay roulette trong các sòng bạc, thì chẳng qua đó là một đồng lộn xộn. Nhưng tình hình đã hoàn toàn thay đổi. Hiện nay chúng ta đã biết rằng khi quy luật đủ đơn giản thì hiện tượng xảy ra cũng đơn giản, nhưng mặt khác, chúng ta không thể tạo ra “chiếc đồng hồ đơn giản kiểu Newton”. Với những phương trình mô tả chiếc đồng hồ Newton, quả lắc đồng hồ đôi khi có thể dao động bình thường như bạn dự đoán, nhưng nhiều lúc khác nó lại gây nên tình trạng hoàn toàn hỗn độn và không thể dự đoán được.

5. H: Liệu có thể “Tây phương hóa”, tức là logic hóa và toán học hóa những lý thuyết có khả năng tiên tri của khoa học Đông phương cổ truyền như Kinh Dịch hoặc Tử vi, ... để bổ sung cho khả năng tiên tri của khoa học Tây phương hay không?

Đ: Có hai lý do để tham vọng này khó biến thành hiện thực:

Một, khoa học Đông phương không dựa trên logic suy diễn và chứng minh, mà chủ yếu dựa trên cảm nghiệm trực giác, dù nó có những nguyên lý cơ bản vô cùng cô đọng đã được hình thức hóa. Vì thế, tham vọng logic hóa các khoa học cổ truyền Đông phương là đi ngược lại phương pháp tiếp cận chân lý của chính Đông phương cổ truyền. Phương pháp suy diễn logic và chứng minh của khoa học Tây phương tự bản thân nó đã không đủ để chứng minh mọi chân lý. Định lý bất toàn gợi ý rằng thế giới nhận thức của con người lớn hơn thế giới logic chứng minh rất nhiều. Chỗ hơn hẳn của con người so với tư duy logic máy móc chính là trực giác: Khả năng cảm nhận chân lý một cách trực tiếp không cần suy luận. Vậy logic hóa và toán học hóa Kinh Dịch e rằng chỉ làm giảm giá trị của Kinh Dịch, thay vì nâng nó lên một tầm cao của nhận thức. Đã có một giáo sư vật lý Việt Nam thực hiện một công trình toán học hóa Kinh Dịch rất công phu, nhưng công trình này không để lại một ấn tượng nào đủ lớn trong cộng đồng khoa học VN cũng như thế giới. Có lẽ vì nó không đủ sức thuyết phục.

Hai, giả sử toán học hóa và logic hóa Kinh Dịch hoặc Tử vi thành công, tôi e rằng hệ thống dữ kiện ban đầu của nó không đủ để khắc phục được Hiệu ứng con bướm – hiện tượng bất định và hỗn độn của các hệ thống phức tạp trong tự nhiên và xã hội.

Chẳng hạn, có trường hợp hai chị em sinh đôi cùng trứng, và tất nhiên cùng năm cùng tháng cùng ngày cùng giờ và cùng nơi sinh, vậy mà số phận lại khác nhau một trời một vực. Một người thì liên tục gặp may mắn, một người thì gặp hết rủi ro này đến rủi ro khác. Phải chăng sự khác biệt vô cùng lớn này xuất phát từ một khác biệt vô cùng nhỏ nào đó trong dữ kiện ban đầu (lúc sinh ra đời) của hai chị em này? Nếu nhận định này đúng thì có nghĩa là hiệu ứng con bướm và bản chất hỗn độn cũng tác động ngay cả trong khoa học chiêm tinh! Vì thế khoa học chiêm tinh cũng chỉ đúng với những hệ đơn giản và ngắn hạn, và sẽ “hỗn độn” với những “hệ” phức tạp và lâu dài! Vậy có cách nào bổ sung cho hệ thống dữ kiện ban đầu của các khoa học Đông phương cổ truyền hay không? Nhưng dù có bổ sung đến mấy đi chăng nữa, như đã nói ở các phần trên, sẽ chẳng bao giờ có một hệ thống dữ kiện ban đầu tuyệt đối chính xác – bản chất bất định của các phép đo dữ kiện ban đầu. Điều đó có nghĩa là hiệu ứng con bướm và bản chất hỗn độn là không thể khắc phục được đối với bất kỳ hệ phức tạp nào, dù là Tây phương hay Đông phương!

Nhưng tại sao vẫn có những tiên tri đúng đến mức làm mọi người phải kinh ngạc, như tiên tri của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, Nostra Damus, hay gần đây hơn là Nicolas Tesla,...?

Có lẽ các nhà tiên tri này chỉ dựa một phần nào vào những mô hình logic tất định (Tây phương hoặc Đông phương) để đưa ra những tiên tri kỳ lạ của họ, mà chủ yếu dựa trên trực giác đặc biệt – Một thứ “Don de Dieu” (một ân huệ của Trời). Sự thật có đúng như vậy không? Điều này vẫn là một ẩn số lớn của chiêm tinh học mà khoa học ngày nay chưa thể giải mã, và cũng vượt quá phạm vi thảo luận của bài viết này.

7.Kết:

Xét cho cùng thì Hiệu ứng con bướm và bản chất hỗn độn của tự nhiên cũng đã được kinh nghiệm dân gian truyền tụng từ lâu. Đó là câu ngạn ngữ “Sai một ly đi một dặm”!

Theo tôi (NNH'), thế giới vừa tất định, vừa bất định, như vậy mới rõ là hỗn độn, tức có khi sự vật đi theo lối dương (đúng, đoán trước được), có khi đi theo lối âm (sai, không đoán trước được), và không theo chiều nào nhất định. Chẳng hạn, Quang Trung, thiên tài quân sự

và chính trị, ông đánh đâu thắng đó, tức dương, nhưng ông lại chết trẻ khi mới 39 tuổi, tức âm. Như vậy đời ông vừa tất định, vừa bất định.

Do có tính hỗn độn và do chỗ Đạo rất huyền diệu, khó nói rõ danh trạng, bởi vậy Lão Tử lại dẫn một khái niệm khác là vô để thể hiện. Vạn vật trong thiên hạ đều sinh từ hữu, hữu sinh từ vô (thiên hạ vạn vật sinh ư hữu, hữu sinh ư vô). Hữu hay còn gọi là cái có, cái sắc, tiếng Anh là everythingness, existence, hay being. Vô hay còn gọi là cái không, tiếng Anh là nothingness, non-being, non-existence. Hữu và vô là hai mặt của Đạo. Nhưng người chưa đắc Đạo thì chỉ thấy cái hữu. Người đắc Đạo và chỉ có người đắc Đạo thấy cả hai mặt hữu và vô. Thấy được cái vô của vạn vật nên người đắc Đạo khác hẳn người thường.

Nghe rất trừu tượng, tựa như không có phải không quý độc giả? Nhưng Đạo là cái có thật, cái vô là cái có thật. Bạn hỏi các tu sĩ Phật Giáo thì tất cả họ đều nói cuộc đời này, những cái nhà cửa, xe cộ, phố xá, làng mạc này đều là cái vô. Có cái nào tồn tại bất biến không? Không. Cứ cái nào tồn tại, có hình dạng cũng như những tư tưởng, tình cảm, ý chí con người thì đều biến mất đi, đều trở về cái không, cái vô. Nhưng thế giới vật chất này luôn tồn tại, không biến mất đi, vậy nó từ cái vô sinh ra cái hữu, cái sắc, cái có nữa. Và cái vô này không phải là cái không có gì. Từ cái không có gì làm sao sinh ra cái hữu được. Cái vô này như nước vậy, không có hình dạng nào mà có tất cả các hình dạng. Cái không còn là điều kiện tồn tại của cái có nữa, tức có cái vô mới có cái hữu. Hữu và vô là hai mặt của Đạo, như mặt phải và mặt trái tờ giấy vậy. Nhà Phật cũng nói tương tự: sắc là không, không là sắc.

Mỗi mỗi chúng ta cũng là một cái vô. Ví như nói bạn là cái lợi có được không? Nếu bạn là cái lợi thì bạn ban phát cái lợi ấy cho người khác hoài hoài, bạn trở thành thánh? Không phải. Vậy bạn và tôi đều không phải cái lợi, cái tốt. Nhưng nếu nói bạn là cái hại được không? Cũng không được. Nếu bạn là cái hại thì bạn bị xã hội ruồng bỏ, bị nhốt tù? Vậy bạn là cái gì? Không phải cái lợi, cũng không phải cái hại thì bạn là cái vô, không có bản tính nào cả, lúc này thì lợi (bạn làm việc, tức cống hiến cho xã hội một sản phẩm, một dịch vụ), lúc khác thì hại (vì bạn có thể bị tai nạn bất thường, bị bệnh, hay mắc sai lầm). Bạn có thể cố gắng, chăm chỉ học hành tấn tới, rồi làm việc tích cực, chia nhỏ việc khó ra, hoàn thành từng bộ phận, tiến tới hoàn thành toàn bộ mà thành công. Bạn thấy đời bạn chỉ là một chuỗi những quyết định phải thực hiện, bạn thực hiện được và thành công rồi cho là đời chỉ là những cái có, không có cái không nào cả, cái không là sự tự huỷ hoại, tự dối mình. Một người bạn nói khổ của tôi cũng nghĩ như vậy, không bao giờ chịu nghe tôi. Nhưng cái đó cũng chỉ mình chứng cho cái không mà thôi. Có ai thành công như Khổng Tử, Nguyễn Trãi đâu? Khổng Tử ngay khi còn sống đã được xem là thánh. Nhưng ông cũng thất bại, không tham chính được. Nguyễn Trãi thì bị giết thê thảm. Ngoài ra không thiếu gì người tài đức đầy đủ nhưng suốt đời không thành công. Anh hùng mà thất thế là bình thường phải không bạn? Cứ đọc sử là thấy, bất cứ quyển sử nào, của dân tộc nào. Và lâu lâu ta lại thấy một ông bộ trưởng, một ông thủ tướng, hay một ông tỉ phú ngã ngựa. Họ có tiền bạc, quyền lực, có ý chí thành công mạnh, có tất cả, nhưng sao cứ thất bại vậy? Đó, theo nguyên lý vũ trụ này là cái không thì ta biết ngay có khi có điều kiện, có ý chí thì thành công nhưng cũng có khi thất bại. Cuộc sống này không theo một hướng nào cả, vì nó là cái hỗn độn âm dương, là Đạo, chứ không phải chỉ là dương không thôi, chỉ là tốt không thôi mà bạn có thể đạt giá trị dương hoài, tức tốt hoài, tức thành công hoài. Từ hồi có sử tới nay, chưa bao giờ loài người có được một hoàng kim thời đại.

Nhà văn Lâm Ngữ Đường của Trung Quốc có kể một câu chuyện trong tập The importance of Living (Sự quan trọng của Sinh hoạt), Nguyễn Hiến Lê dịch là Sống Đẹp: “Một người bị giam ở Địa ngục, sắp được đầu thai, tâu với Diêm Vương: “Như quả Đại Vương muốn cho

tôi trở về dương gian, thì tôi xin được vài điều kiện”. Diêm Vương hỏi: “Điều kiện nào?” Người đó đáp: “Tôi xin được làm con một vị tể tướng, làm cha một vị Trạng nguyên; tôi xin được một ngôi nhà ở giữa khu đất vạn mẫu, có ao thả cá, có đủ các loại cây trái; lại xin có một người vợ rất đẹp và nhiều tài thiếp diễm lệ, hết thảy đều ngoan ngoãn chiều chuộng tôi, lại xin châu báu chất đầy phòng, lúa thóc chất đầy lẫm, tiền bạc chất đầy rương, mà tôi thì được làm công khanh, một đời vinh hoa phú quý, sống lâu trăm tuổi.” Diêm Vương đáp: “Trên dương gian mà có được con người như vậy thì ta đây đã đầu thai thay người rồi!”

Thời đại nào cũng vậy, xã hội nào, con người nào cũng vậy, đều là khối hỗn độn tốt xấu. Ca dao xưa viết:

Đời vua Thái Tổ, Thái Tông
Lúa mọc đầy đồng trâu chẳng buồn ăn.

Thái bình thịnh trị thật đó, nhưng sau đó lại đến thời hỗn loạn, vua Lê, chúa Trịnh, chúa Nguyễn. Vậy nói thời thịnh trị ấy là nguồn gốc của thời loạn sau. Trong thời thịnh trị ấy chứa sẵn mầm loạn, trong cái tốt chứa cái xấu, chứ không tốt thuần, hay xấu thuần, tức không có bản tính nào cả, tức là cái không.

Có người lại nói rằng loài người có phát triển chứ. Từ chỗ ăn lông ở lỗ thời tiền sử, nay tiến lên ăn ở văn minh. Nhưng các phát minh tiến bộ của loài người có thật là tiến bộ không, tức là cái lợi không? Cũng không phải. Chẳng hạn internet là một phát minh vĩ đại, nhưng thông tin tốt thì kéo theo ngoại tình cũng tốt, dễ hẹn hò nhau hơn. Rồi nạn lừa đảo qua net, nạn ăn cắp mật khẩu, ăn cắp tài khoản, và do đó là ăn cắp tiền, rồi virus phá hoại máy tính, các websites đồi trụy, các websites dạy cách tự tử, cách chế tạo bom, rồi bọn khủng bố cũng thông qua net mà quyên tiền, tuyển mộ, huấn luyện đặc lực, v.v... Năm 2006, các nhà nghiên cứu Mỹ cho biết 95% email trên internet là thư rác hay thư quảng cáo, tình hình này giống như 95% xe tải chạy trên đường là xe rác chạy chiếm hết đường suốt ngày suốt đêm vậy, chỉ chưa 5% cho email thật. Cũng năm này, có 5 triệu người Trung Quốc nghiện internet. Họ dưới 25 tuổi, tách ra khỏi internet, không cho họ lướt web, chat, hay chơi game online là họ khó chịu. 25 triệu người Mỹ nghiện net, mỗi tuần dùng net 30 tiếng để làm những việc vô bổ. Internet luôn luôn có điểm yếu nữa. Mạng của Bộ Quốc Phòng Mỹ còn bị hacker xâm nhập, vì thế không có nơi nào trên internet là an ninh hết cả. Internet vì vậy còn là cái hại nữa, chứ không phải cái lợi thuần. Lợi hại lẫn lộn, không bản tính nào cả, nên net cũng là một cái không. Một tiến bộ khác của loài người là vệ tinh nhân tạo cũng vậy. Để chế tạo thành công thì loài người đã thất bại biết bao lần, tốn bao nhiêu là công phu, trí tuệ, tiền bạc của bao nhiêu người, tức vệ tinh nhân tạo là hại. Rồi, khi đưa vào sử dụng thì vệ tinh của Mỹ lại được dùng để do thám Trung Quốc, do đó đối với Trung Quốc, vệ tinh của Mỹ là cái hại. Trên khắp thế giới, ở đâu có động binh lớn, qua vệ tinh, người ta chụp hình được ngay, biết ngay. Vệ tinh nhân tạo là công cụ do thám lợi hại như vậy, nên nó cũng là cái hại đối với những nước nào đó. “Tiến bộ” như vậy thì cũng chỉ là cái vô mà thôi, chứ không phải cái lợi. Phát minh cái lợi là phát minh luôn cái hại. Cổ ngữ nói “Sinh sự thì sự sinh” là vậy, chưa bao giờ sai chạy.

Trong sinh học có thuyết tiến hóa của Đắc Uyn, khẳng định rằng các loài tiến hóa từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ đơn bào đến đa bào. Sinh vật tiến hóa từ các loài sống ở biển, đến cá, bò sát, chim, thú, loài linh trưởng và cuối cùng là người. Điều này có nghĩa là sinh giới đi theo một hướng. Có thật vậy không? Nhưng thuyết tiến hóa của Đắc Uyn cho đến nay vẫn còn gây tranh cãi. Mời bạn xem bài báo sau, đăng trên vnexpress.net ngày 21/9/2006:

Con người dường như không tuân theo quy luật tiến hóa

Theo thuyết Darwin, xu hướng chung của quá trình tiến hóa là phát triển từ thấp tới cao, từ kém hoàn thiện tới hoàn thiện nhằm thích nghi với môi trường sống. Nhưng xem ra con người không hoàn toàn tuân theo quy luật đó.

Cho đến thời điểm hiện nay, thuyết tiến hóa do nhà bác học vĩ đại người Anh Charles Darwin đề xuất vẫn được thừa nhận là học thuyết lý giải khách quan và đầy đủ nhất quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện của sự sống muôn loài. Tuy nhiên về mặt sinh học, con người ngày càng trở nên yếu ớt hơn trước thiên nhiên hùng mạnh và khắc nghiệt. Nhiều thông tin khoa học cho thấy lý luận tưởng chừng khá hoàn chỉnh trên đường như vẫn còn thiếu sức thuyết phục nếu áp dụng với chính loài người chúng ta.

Con người tiến hóa ngược quy luật tự nhiên?

Trước hết là chuyện sinh sản và trưởng thành. Việc nuôi dưỡng bào thai trong bụng giống cái là bước tiến vĩ đại của quá trình hoàn thiện quy trình sinh nở, nhờ đó thời gian phải chăm sóc đặc biệt của động vật có vú sau khi sinh ra thường rất ngắn (vài ngày tới vài tuần) và cá thể rất nhanh chóng thích nghi, trưởng thành trong cuộc sống tự lập.

Riêng bào thai người phát triển khá dài, trong khoảng 280 ngày. Sau khi sinh 1 năm, đứa trẻ mới có thể tự đi những bước đầu tiên, tiếp theo là quá trình trưởng thành (phát triển thể lực, tích lũy tri thức và kinh nghiệm, hình thành nhân cách...) kéo dài tới 15-20 năm. Nếu để đứa trẻ độc lập trong thiên nhiên hoang dã - kể cả có sự trợ giúp của mẹ và người lớn khác, cơ may sống sót và tồn tại là rất mỏng manh.

Con người là một loài động vật bậc cao hình thành từ loài linh trưởng, trải qua giai đoạn tiến hóa kéo dài khoảng 4 triệu năm. Nhưng thời gian đó dường như chưa đủ để tạo nên nhiều biểu hiện đặc biệt trong cấu trúc cơ thể của riêng con người. Nói cách khác, thuyết tiến hóa bất lực trước một số hiện tượng chỉ liên quan tới con người.

Ví dụ, nhiều nhà khoa học cho rằng để bộ não của người vượn Australopithecus (sống cách đây khoảng 2 triệu năm, hình thành từ vượn người Homonid sống cách đây khoảng 4 triệu năm) đạt tới kích thước 1.200-1.600 ml của người Homo Sapiens (tức người tiền sử, xuất hiện cách đây khoảng 500.000 năm), tức là tăng lên gấp 3 lần trong 1,5 triệu năm, chỉ có thể nhờ sự phát triển đột biến chứ không thể thông qua tiến hóa thông thường. Nhưng ai hoặc cái gì tạo nên sự phát triển đột biến đó vẫn chưa được làm rõ.

Tư thế đứng thẳng trên hai chân buộc hệ thống tuần hoàn thường xuyên phải làm việc quá tải để đưa máu lên não và các bộ phận khác ở cao hơn quả tim, gây tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ cho các cơ quan quan trọng và dễ bị tổn thương này. Trong khi đó xương sống, khung xương chậu, xương chân và hệ thống cơ cũng phải thay đổi nhằm nâng đỡ toàn bộ trọng lượng cơ thể và các cơ quan nội tạng. Đặc biệt, sự thay đổi của khung chậu và hệ thống cơ đã tạo nên nhiều khó khăn cho phụ nữ khi sinh nở, trong khi thai nhi lại khá to, nhất là phần đầu, vì sự phát triển quá nhanh của bộ não trẻ sơ sinh. Đó là chưa nói tới việc tư thế đứng thẳng còn giảm đáng kể khả năng đi lại, tốc độ chạy nhảy... Như vậy, đứng thẳng và đi lại bằng hai chân là hướng tiến hóa về mặt nhân chủng học, nhưng lại gián tiếp làm giảm thiểu khả năng thích nghi với môi trường sống.

Một điều khó lý giải khác là vấn đề tình dục và sinh sản của phụ nữ. Động vật có vú nói chung và các loài linh trưởng nói riêng có nhu cầu sinh sản rất mạnh để duy trì nòi giống, nhưng thường chỉ động dục (rụng trứng) theo mùa nhất định trong năm để sinh sản vào thời điểm thích hợp nhất (thời tiết thuận lợi, thức ăn dồi dào...), tức là hầu như không có nhu cầu

tình dục thường xuyên. Ngược lại, chu kỳ rụng trứng của phụ nữ xảy ra thường xuyên hơn (trung bình mỗi tháng một lần), hoặc môn sinh dục được sản xuất đều đặn dẫn tới nhu cầu sinh hoạt tình dục rất cao cho dù nhu cầu sinh sản ít hơn rất nhiều.

Mặt khác, nên thừa nhận rằng sự đứng thẳng bằng 2 chân dẫn tới tư thế chủ đạo trong giao hợp là đối mặt nhau. Nhưng các nhà khoa học cũng cho rằng nếu không có sự can thiệp trực tiếp - ví dụ như giải phẫu gene, thời gian của chu kỳ tiến hóa nói trên không đủ để tự nhiên làm biến đổi cơ quan sinh dục ngoài của phụ nữ so với hình dạng thông thường ở các loài linh trưởng khác cho phù hợp với tư thế giao hợp đó. Tương tự như vậy là sự xuất hiện của màng trinh thuộc cơ quan sinh sản chỉ có ở phụ nữ và hầu như không có bất kỳ một chức năng sinh học nào. Vậy làm sao giải thích được nhu cầu và cơ chế dẫn tới sự xuất hiện của nó nếu chỉ dựa theo thuyết tiến hóa?

Con người là sản phẩm của người ngoài hành tinh?

Có một số ý kiến cho rằng vẫn còn thiếu một mắt xích rất quan trọng trong hiểu biết của chúng ta về quá trình tiến hóa của chính loài người, và đó là nguyên nhân của các mâu thuẫn nói trên.

Trong khi nhiều người đang nỗ lực đi tìm mắt xích còn thiếu, một số nhà khoa học phương Tây đưa ra giả thuyết cho rằng chúng ta là sản phẩm của người ngoài hành tinh. Họ đã đến thăm trái đất, nghiên cứu con người và quyết định vận dụng những hiểu biết siêu việt của mình trong lĩnh vực giải phẫu và công nghệ gene để cải tạo nòi giống loài người theo hướng hoàn thiện hơn. Các hóa thạch tìm được cho thấy đã từng có các loài vượn người và người vượn với bộ não nhỏ hơn hay to hơn so với loài có bộ não trung bình là tổ tiên của chúng ta ngày nay. Chúng được coi là phiên bản không thành công (do đó bị loại bỏ) trong quá trình thử nghiệm của người ngoài hành tinh.

Và các điểm khác biệt của loài người cũng được lý giải bởi công nghệ gene được họ ứng dụng từ hàng triệu năm về trước. Ngày nay, họ vẫn định kỳ thực hiện các chuyến viếng thăm bằng đĩa bay để theo dõi cuộc sống và sự phát triển của các tác phẩm này. Việc chứng minh hoặc bác bỏ giả thuyết này là điều không hoàn toàn đơn giản như cảm giác ban đầu, đòi hỏi phải có nhiều thời gian nghiên cứu, tìm hiểu kỹ lưỡng hơn nữa.

Từ trước tới nay, người ta vẫn tin rằng chim tiến hóa từ khủng long. Phát hiện mới đây của các nhà khoa học Nga khi nghiên cứu một số mẫu hóa thạch thuộc loài chim cổ đại cho thấy chúng có tuổi lớn hơn nhiều so với tuổi hóa thạch của khủng long, tức là xuất hiện trước loài khủng long. Điều này đảo ngược hoàn toàn quan niệm hiện hành về quá trình tiến hóa của các loài chim, đồng thời khẳng định rằng không có chân lý tuyệt đối trong khoa học. Vì vậy, cuộc tranh luận xung quanh học thuyết tiến hóa là điều bình thường và dễ hiểu.

Đạo học khác hẳn so với thuyết tiến hóa của Đắc Uyn. Theo Đắc Uyn thì sinh giới đi từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, tức có định hướng, còn Đạo học (và Phật học) thì khẳng định thế giới đi mọi hướng, tức vô hướng, không theo chiều nào nhất định.

Ta biết Đạo, cái hỗn độn âm dương là bản thể của thế giới. Nhưng vì sao sự vật lại muôn màu muôn vẻ vậy? Ấy là do Đức. Đức không phải là khái niệm luân lý. Trong Đạo học, Đức là tính tự nhiên sinh ra cho vật. Chẳng hạn, lửa là Đạo, Đức của nó là nóng và sáng. Mỗi người cũng có bản tính riêng, có Đức riêng, tức có cái thiên phú, cái bẩm sinh, cái tài năng, thiên tư, khuynh hướng, sở thích riêng. Đức là cái không vậy không được của sự vật, hiện tượng, con người. Đức là cái mà vật nhận được mà sống, là chỗ “tự đắc” của con người, tức là tự mình đã được của Tự nhiên, tức của Đạo. Nói cách khác, Đức là cái Đạo biểu hiện nơi mỗi người, mỗi vật. Đạo và Đức tuy danh từ gọi khác nhau, nhưng vẫn là cái Một. Vì vậy, thế

giới là một chứ không phải nhiều. Sự vật, hiện tượng, con người tuy nhiều, muôn màu muôn vẻ nhưng có Đạo hết cả. Trong cái vô thường, cái nhiều có cái “thường”, cái một vĩnh cửu, bất biến.

Trên cơ sở trên, hành vi của Đạo sĩ thì như thế nào? Như đã nói trên, làm xấu thì không được, bị xã hội trừng phạt, nhưng làm tốt cũng không được, vì làm tốt chính là làm xấu. Đạo học đưa ra Vô Vi.

Vô Vi có bốn nghĩa:

Mỗi vật, mỗi người đều có Đức, có tính tự nhiên, không cần ta can thiệp giúp. Bản tính của loài người là om xòm hay can thiệp vào việc người khác. Thánh nhân mà trị nước thì để cho thiên hạ vui theo tính tự nhiên của mọi vật mà không nhúng tay vào sửa dạy.

Thuận theo tự nhiên của mình mà làm, là làm mà không phải mình làm, không khiên cưỡng. Điềm tĩnh không để cho ngoại vật động đến lòng mình, sống theo cái sống đầy đủ nơi mình mà không đeo bồng những cái ngoài mình. Được như thế rồi thì thuận theo lẽ tự nhiên để mọi vật được điềm tĩnh như mình, nghĩa là để sự vật, con người sống theo bản tính của nó, không ép buộc ai theo ý riêng của mình cả. Đó là đạo “Vô Vi nhi trị”(vô vi mà trị), “Vô Vi nhi vô bất vi” (không làm mà không có gì không làm) thuận theo tính tự nhiên của vạn vật mà hóa, nên tuy làm mà theo tự nhiên như không làm gì cả. Cái làm ấy không được gọi là của mình làm.

Nếu trị thiên hạ mà làm như trên thì tuy có làm nhưng dân không hay mình làm, như mặt trời soi sáng tất cả, giúp vạn vật sống cái sống của mình mà không hề biết đến công ơn của mình vì không thể không làm như vậy cho được.

Ba nghĩa trên là Vô Vi theo nghĩa tiêu cực. Vô Vi theo nghĩa tích cực là phá hoại tất cả những gì trở ngại cho sự tự do bình đẳng của nhân loại.

Đó là Vô Vi tôi trích từ học giả Thu Giang Nguyễn Duy Cần. Một nghĩa Vô Vi nữa, theo tôi (NNH), là chỉ cái Một, cái không cho người khác, giác ngộ người khác, vì Đạo và cái không là cái có thật. Chỉ ra cái một, cái không là việc tự nhiên, ngược lại, không chỉ ra cho người khác là trái tự nhiên, là gây tác hại. Theo tự nhiên tức là Vô Vi.

Vô Vi theo nghĩa tích cực ở trên, tôi phê bình, nghe sáo và nhị nguyên. Làm sao mà nhân loại được tự do và bình đẳng hết được? Chính Trang Tử nói có trị là có loạn, có hòa bình là có chiến tranh, không làm sao mà ta có một thế giới tốt đẹp được, mà là lúc nào thế giới cũng hỗn độn hết cả.

Một ví dụ về Vô Vi: Đạo sĩ mà có vợ, được vợ yêu, ok, “tốt”, không sao cả. Nhưng nếu vợ hiểu lầm đòi li dị thì sao? Cũng vẫn ok. Li dị là giải thoát, là bắt đầu một cuộc sống hôn nhân mới, nên cũng tốt. Trường hợp nào Đạo sĩ cũng ok cả, không bao giờ thấy đau lòng, do cả hai trường hợp hôn nhân đều là Đạo, là hỗn độn, không bản tính, nên Đạo sĩ không căm thù, không trả thù, không oán giận, ghen tuông. Nhưng li dị rồi, người vợ lại bất hạnh, đòi quay lại được không? Vẫn được, vì Đạo sĩ hoàn toàn vô tâm, lại vui vẻ dang rộng tay đón vợ về. Vô Vi vì thế là lấy tâm của người làm tâm mình nên không khiên cưỡng, không trái quy luật, mà là thuận theo quy luật. Tôi cũng quan sát thấy một cặp vợ chồng, đều là giáo viên cấp hai, cũng gọi là có học. Ông chồng đúng là Đạo, nghĩa là hỗn độn. Trong thời gian đi làm, có một cô giáo khác ve vãn, ông ta không còn một mực chung thủy với vợ nữa. Bà vợ thấy ông chồng đi hàng hai như vậy thì vì tự trọng, bà ghét, đòi li dị. Nay thì li dị đã hơn một thập kỷ

mà bà vợ vẫn luôn căm ghét bà hai, gọi là “con ngựa cái, con quỷ cái” và luôn oán thán ông chồng. Stress như vậy thì ăn bao nhiêu củ nhân sâm cho lại? Như thế tất giảm thọ. Có thờ Phật, thờ Chúa hay thờ Bác gì đó thì đều là bất hạnh cả.

Vô Vi khó thực hiện đối với người thường. Người thường ai cũng theo thiện ghét ác, hay ngược lại, làm ác mà bỏ thiện. Đối với hạng đã đắc Đạo, anh ta thực hiện Vô Vi một cách tự nhiên, không khiên cưỡng gì cả, vì anh ta thấy cái ác cũng như cái thiện đều là cái không, vì thế anh ta không can thiệp. Anh ta không phải là cái tốt, cho nên không diệt cái xấu. Anh ta cũng không phải là cái xấu, nên không làm việc ác. Vô Vi không phải là không làm gì mà là làm theo Đạo, tức theo tự nhiên, theo quy luật thế giới, quy luật cái gì cũng là cái không.

Thế cõi giới Đạo sĩ ra sao?

CHƯƠNG III

THẾ NÀO LÀ MỘT ĐẠO SĨ?

Trang Tử gọi Đạo sư, Đạo gia, Đạo sĩ là Chân Nhân (Người chân thật). Ta hãy xem ông viết về Chân Nhân trong thiên Đại Tông Sư trong Trang Tử Nam Hoa Kinh.

“Thế nào là bậc Chân nhân?

Bậc Chân nhân ngày xưa không nghịch với ai, dù là thiếu số, không cầu công, không cầu danh. Người như vậy, mất không tiếc, được không mừng; lên cao không biết sợ, xuống nước không bị ướt, vào lửa không bị cháy là vì sự biết của họ đã lên đến Đạo rồi!

Bậc Chân nhân ngày xưa ngủ không mộng寐, thức chẳng lo âu, ăn không cầu ngon, thở hít thì thâm sâu. Hơi thở của Chân nhân thì thấm đến gót chân, còn hơi thở người thường thì dừng nơi cổ họng; kẻ muốn khuất phục người (ham biện bác) thì lời ghen nơi cuống họng. Lòng tham dục mà càng sâu thì cái máy trời nơi ta càng nông.

Bậc Chân nhân ngày xưa không ưa sống không ghét chết; lúc ra không hăm hở; lúc vào không do dự; thân nhiên mà đến, thân nhiên mà đi; không quên lúc bắt đầu, không cầu lúc sau chót. Nhận lãnh thì vui với đó, mà quên đi khi phải trở về. Đó gọi là không lấy cái tình người mà chống với lẽ Đạo nơi mình, không lấy cái “người” nơi mình mà làm trở ngại lẽ “trời” nơi mình. Thế gọi là Chân nhân. Nhờ được thế mà lòng họ luôn luôn vững vàng, cử chỉ điềm đạm, gương mặt bình thản; lạnh như mùa thu, mà ấm như mùa xuân: mừng giận luân chuyển như bốn mùa, nên cùng vạn vật hợp nhau, không biết đến đâu là cùng. Bởi vậy, bậc Chân nhân dụng binh, làm mất nước mà không làm mất lòng người; làm lợi và ban bố ân trạch đến muôn đời mà không phải vì yêu người.

Nên chi, kẻ nào còn vui thích trong việc cầu thân và thông cảm với người đời, kẻ ấy chẳng phải là bậc Thánh; kẻ nào còn người thân, chẳng phải là bậc Nhân; kẻ nào còn tính toán đến thời cơ, chẳng phải là bậc Hiền; kẻ nào không thông suốt được điều lợi hại, chẳng phải là người quân tử; kẻ nào làm theo danh mà bỏ mất mình chẳng phải là kẻ sĩ; kẻ nào làm mất mạng, không rõ cái lẽ chân thật nơi mình, cũng chẳng phải là kẻ để sai khiến được người vậy....

Bạc Chân nhân ngày xưa, thấy như người có nghĩa mà không bè đảng; thấy như không đủ mà không thọ lãnh bên ngoài. Họ khuôn thước mà không cứng rắn, lòng họ thì rộng rãi hư không mà không thích việc phù hoa. Họ hớn hờ như có vẻ vui sướng, nhưng bình tĩnh. Hành động thì tự nhiên, gây được lòng cảm mến bằng sắc mặt hiền hòa, và làm cho người người kính nể vì cái đức của họ. Bề ngoài thì có vẻ hòa nhã với mọi người, mà kỳ thực, lòng họ cách xa với thế nhân. Họ thích sống một mình, không nói gì với ai, như quên cả lời nói. Hình phạt theo họ là cần, nhưng họ áp dụng hình phạt một cách khoan hậu. Lẽ, theo họ là phụ thuộc, chỉ dùng để dừng đưng chạm với đời thôi. Họ thuận theo thời, theo việc. Đối với họ, ưa ghét là một, nghĩa là họ không yêu mà cũng không ghét ai; họ xem cả thầy là một, như Trời, nhưng cũng phân biệt những gì phân chia giả tạo như Người. Và như vậy Trời và Người (nơi họ) không nghịch nhau. Bởi vậy mới gọi họ là Chân nhân. “

Điểm khác biệt của Đạo sĩ và người thường là Đạo sĩ thấy mình là Đạo, là cái hỗn độn âm dương, không có gì phân biệt, không có bản tính gì cả. Cái không bản tính này dĩ nhiên có mặt không, mặt không là mặt trái của mặt có, cho nên Đạo sĩ thấy mình là cái không. Đây là điểm suy ra tất cả. Biết một suy ra biết tất cả là đây. So với người thường thì người thường cho là, hy vọng là mình là cái tốt, hay có mặc cảm tự ti, mặc cảm tội lỗi mình là cái xấu. Đây chính là sự khác biệt của Đạo sĩ đối với tất cả. Vì Đạo sĩ thấy mình là cái không nên không yêu mình, nhưng cũng không ghét bản thân. Vì thấy ai cũng là Đạo, là cái hỗn độn tốt xấu nên Đạo sĩ không ghét ai, dù là thiếu số. Vì làm tốt là làm xấu nên Đạo sĩ không thêm cầu lợi, danh. Đại khái cũng làm việc, kiếm tiền để sống, nhưng làm việc om xòm để được nổi tiếng thì Đạo sĩ không thêm. Tham những, ăn cắp, lãng phí, v.v... những tội lỗi ấy Đạo sĩ lấy làm xa lạ. Đạo sĩ không phải là cái tốt cho nên lấy làm xa lạ khi người khác cung phụng mình theo kiểu tham những. Đạo sĩ là hạng thật thà. Nhân vì thấy tiền không phải là cái tốt, không yêu tiền cho nên “mất không tiếc, được không mừng”. Ở hoàn cảnh nào Đạo sĩ cũng ung dung, an nhiên, tự do, bình thản. Ví như đang đi trên thuyền giữa biển mênh mông mà thuyền lung thì Đạo sĩ cũng không sợ chết. Chết thì thôi chứ không sợ. Có sống thì có chết, sống và chết là một. Đạo là cái hỗn độn giữa sống và chết, con người nào cũng mang sẵn mầm bệnh, cũng chứa sẵn cái chết bên trong, Đạo sĩ đã thấy trước, cho nên luôn bình thản. Vì thế mà Trang Tử viết “lên cao không biết sợ, xuống nước không bị ướt, vào lửa không bị cháy là vì sự biết của họ đã lên đến Đạo rồi! “ Đạo sĩ vào nước thì cũng ướt, vào lửa thì cũng cháy như ai. Họ là những người bình thường, vẫn tuân theo các quy luật vật lý nhưng giá như đe dọa họ nhún vào nước cho chết, đốt lửa cho chết thì họ không sợ. Bằng chứng cho việc này là Trang Tử nghèo túng quá phải đi vay lúa, cũng bị đói như ai, chứ không đến mức thần thánh vào lửa không cháy. Trang Tử là người bình thường, chứ không phải là “Nam Hoa Lão Tiên” như Đạo Giáo thần hóa.

Câu “ngủ không mộng寐, thức chẳng lo âu “ rất thật. Đạo sĩ không yêu mình ngay cả trong giấc mơ cho nên dù thấy ác mộng, như gặp thú dữ chẳng hạn thì cũng thản nhiên. Không yêu mình thì không sợ chết ngay cả trong tiềm thức. Không sợ chết thì không sợ cái dữ, cái ác, cho nên suốt đời không bao giờ gặp ác mộng. Thức chẳng lo âu vì cái xấu nào cũng là cái tốt hết, cái xấu nào cũng là cái không cả, chẳng việc gì phải đau lòng. Câu “thở hít thâm sâu”, có lẽ khi tọa vong, tương tự như thiền trong Phật Giáo, các Đạo sĩ cũng tập dưỡng sinh luôn chẳng? Như người viết thì không, ăn uống, hít thở như một người bình thường, chả có gì lạ cả. Khác người ở chỗ trong tâm trí thấy cái gì cũng là một mớ hỗn độn tốt xấu, lợi hại, vinh nhục, được mất, đúng sai, không phân biệt gì cả, không có bản tính gì cả, cho nên cũng gọi là thấy cái không. Vì lòng mình là không, rất thật, cho nên thấy mọi người xung quanh hăm hờ với cái gì đó, yêu cái gì đó, yêu ai đó và do đó ghét một cái gì đó, ghét ai đó, ghét thì dẫn tới đau khổ thì thấy rằng người đó không thông thiên lý. Tỉ như là người Việt thì yêu nước Việt, được không? Sai. Nước Việt không yêu được, nó là mớ hỗn độn, anh hùng lẫn

với quái vật trong đó. Nước Việt chưa có thời nào là thời hoàng kim cả, làm sao mà yêu được. Bởi thế mà quốc gia và dân tộc, Đạo sĩ thủ tiêu từ lâu. Còn yêu dân Việt thì tất còn ghét, còn căm thù khi Việt Nam bị xâm phạm. Làm sao trong thế giới này Việt Nam tránh bị xâm hại nhỉ? Hạng còn ghét người ấy sao gọi là Chân Nhân? Vì thế Đạo sĩ coi mọi dân tộc như nhau, không ghét dân tộc nào, không yêu dân tộc nào. Chính vì không thân với dân tộc nào, cho nên không sợ với bất cứ dân tộc nào, coi ai cũng như mình. Coi ai cũng như mình thì đúng là “làm mất nước mà không mất lòng người”. Chẳng hạn, đối đầu với một cuộc xâm lược thì Đạo sĩ dù có người thân bị mất vì quân thù thì anh ta cũng không buồn, lòng dạ trống không, vì thế không căm thù kẻ thù. Không căm thù kẻ thù thì anh ta sẽ dùng ân báo oán để tác động tới đối phương. Không gây oán, lại ra ơn thì quân thù sẽ cảm phục mà rút đi, ví dụ như trong truyện “Tưới dưa cho người” trong tập Cổ Học Tinh Hoa:

“Tổng Tự làm quan Doãn một huyện gần biên thủy nước Lương, chỗ giáp với nước Sở. Người đình trưởng ở biên thủy nước Lương cùng người đình trưởng biên thủy nước Sở, hai người cùng trồng dưa. Người bên nước Lương chăm làm và tưới luôn nên dưa tốt. Người bên nước Sở biếng làm và tưới ít nên dưa xấu.

Quan Doãn ở ngay huyện biên thủy nước Sở, thấy bên Lương tốt, bên mình xấu, lấy làm tức giận lắm.

Người đình trưởng nước Sở thấy dưa bên Lương tốt hơn dưa mình, cũng sinh ra ghen ghét, đêm đêm cứ lên sang cào vỏ dưa của bên Lương, đến nỗi dưa bên ấy phải héo chết mất một ít.

Sau người đình trưởng nước Lương biết mới nói với người trưởng trong huyện, ý cũng muốn cào vỏ dưa bên Sở.

Người đình trưởng lại đem việc ấy nói với Tổng Tự.

Tổng Tự bảo:

Ồi! Sao lại thế! Thế là chỉ gây thù oán, chuốc tai vạ thôi. Này ta bảo người, chớ sang cào dưa của người ta, cứ đêm lên sang tưới dưa cho người ta mà đừng để người ta biết.

Người đình trưởng cứ theo thế mà làm.

Sau dưa bên Sở mỗi ngày một tốt. Người đình trưởng nước Sở lấy làm lạ, xét mãi ra mới biết người đình trưởng nước Lương sang làm giúp.

Quan Doãn nước Sở biết rõ việc ấy, lấy làm vui lòng, tâu lên vua Sở.

Vua Sở biết chuyện, buồn và có ý thẹn, nghĩ rằng: Ngoài cái tội đi cào dưa của người ta, chắc còn có nhiều việc khác đáng tội với người ta nữa.

Vua bèn lấy nhiều của dưa sang tạ tội vua Lương và xin giao hiếu. Vua Lương cũng tin lòng. Thành ra hai nước giao hảo với nhau được lâu.

Cổ ngữ có câu: “Chuyển bại nhi vi công, nhân họa nhi vi phúc” nghĩa là xoay cái bại làm nên cái công, nhân cái họa mà làm cái phúc. Lão Tử có nói: “Báo oán dĩ đức”, nghĩa là đem đức để báo oán. Hai câu ấy tức như truyện này.

Ồi! Người ta đã làm không phải, sao ta lại bắt chước người ta!”

Nhưng Đạo sĩ làm ơn như vậy không phải vì yêu người, khác Nho sĩ luôn “Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín”. Lòng dạ Đạo sĩ luôn trống không. Trang Tử mô tả tâm trạng đó một cách tuyệt diệu trong truyện Chiếc thuyền đựng chiếc đồ:

“ Một chiếc đồ sang sông. Có chiếc thuyền không có người, đâu trôi đến, đâu phải. Người lái đồ tuy hẹp bụng đến đâu cũng không lấy làm giận. Giả sử trên thuyền có người ngồi, thì người lái đồ tắt phùng mang, trợn mắt, chu chéo, một lần không nghe tiếng, tắt chu chéo đến hai lần, hai lần không nghe tiếng, tắt chu chéo đến ba bốn lần, rồi đến buông lời chửi rủa thậm tệ nữa.

Một việc xảy ra cũng giống nhau, mà như lúc trước thì không giận, như lúc sau lại giận là tại làm sao?

Tại lúc trước chiếc thuyền không có người mà lúc sau chiếc thuyền có người.

Người ta mà cứ thân nhiên, không chút tư ý gì thì ở đời còn có ai hại mình nữa? “

Nhưng không chỉ là người luôn luôn làm ơn, luôn lấy ân báo oán đâu. Có những cái xấu phải làm để lấy lại thế quân bình. Khi dùng ân báo oán mà kẻ thù vẫn không hiểu ra thì Đạo sĩ dùng oán báo oán. Dùng ân báo oán cũng có, dùng oán báo oán cũng có, không nhất định phải theo một chiều nào cả, vì Đạo không theo chiều nào cả. Trong kháng chiến chống Mỹ, không có trận đánh nào giống trận đánh nào. Nhưng Đạo sĩ khác người thường là khả năng dùng ân báo oán thường trực, lòng dạ anh ta không thù ghét ai cả, kể cả kẻ thù.

Điểm đặc biệt khác của Đạo sĩ là anh ta không khiêm tốn. Khiêm tốn là tốt mà kiêu ngạo là xấu. Đạo sĩ không theo cái tốt nên không khiêm tốn. Khiêm tốn là thái độ dương, là cái có, cái sắc, trong khi Đạo sĩ là cái không. Đạo sĩ là hạng thấy thế nào nói thế đó không khiêm tốn, tức làm được việc lớn mà nói ít đi. Khi anh ta khiêm tốn thì anh ta theo “lẽ”, để khỏi va chạm với đời, để khỏi bị hiểu lầm là kiêu căng, là tự nói tốt cho mình. Thực ra khiêm tốn rất xấu. Binh pháp nói làm tướng mà kiêu ngạo, mà tự cậy công mình, không vinh danh binh sĩ dưới quyền thì người dưới ít chịu lập công. Đã làm tướng thì nên khiêm tốn, khen ngợi công lao thuộc quyền. Nhưng tướng tài, tức tướng khiêm tốn thì sao? Thì cũng không hẳn được phúc. Đọc Sử Ký Tư Mã Thiên ta luôn thấy các gương đó. Hạng như Ngô Khởi, tài năng xấp xỉ thánh binh Tôn Tử, cuối cùng bị bắn tên tới chết. Tôn Tẫn tài cao, bị bạn học là Bàng Quyên ghen tài, sợ hơn mình, cầm quân giúp một vị vua nào đó làm bá chủ thiên hạ nên bị chặt chân. Tín Lãng Quân cầm quân chư hầu, đánh Tần, nước mạnh nhất đương thời, kiêu chiến mà quân Tần không dám ứng chiến, uy danh chấn động thiên hạ, lấy lòng nhất thời bấy giờ, cuối đời bị Tần tung vàng bạc mua chuộc người trong nước nói xấu, làm vua e sợ là Tín Lãng Quân có ý muốn dòm ngó ngôi vua, thế là vua không dùng, cuối cùng chỉ còn biết ăn chơi về đường tửu sắc cho đến chết, vô dụng. Rồi như Khổng Tử khiêm tốn tới mức vô ngã, đâu làm chính trị được, vì luôn nguy hiểm cho thiên hạ. Hạng nêu cao chính nghĩa như Nguyễn Trãi cho binh sĩ hết lòng lập công thì rồi cũng bị tru di tam tộc mà thôi. Khiêm tốn là cái ác. Vì hiểu rõ, thấy rõ như vậy nên Đạo sĩ không khiêm tốn. Khi anh ta khiêm tốn, đó chỉ là cái bề ngoài, theo lẽ là cái phụ thuộc, không phải cái chính, tức Đạo, cho khỏi va chạm với đời mà thôi. Cái chính là anh ta vô vi một cách tự nhiên. Khiêm tốn là còn muốn người khác theo về với mình, muốn thu phục lòng người, thu phục lòng người tức là còn can thiệp vào việc đời, còn áp đặt một ý chí vào việc đời. Nhưng cuộc đời là một khối hỗn độn âm dương, không theo một ý chí nào hết cả, cho nên ý chí nào, dù tốt hay xấu rồi cũng bị tan đi, mất đi, hủy hoại đi. Đại khối không tuân theo một ý chí nào hết thì cá nhân ta làm sao áp đặt ý chí mình lên được. Tất yếu ý chí ấy bị bể gãy. Ý chí khiêm tốn rồi cũng sẽ bị bể gãy.

Không khiêm tốn, cũng chẳng tự cao, vậy sự tự nhận mình đắc Đạo có phải là tự cao không? Không. Đắc Đạo là thấy cái không mà thôi. Tôi có gặp một số tu sĩ Phật giáo. Họ nói tôi tự nhận là đắc là tự cao. Nói vậy là chưa đắc Đạo rồi. Thấy mình là cái Không thì nhận vậy, nhận là cái Không, chứ có phải cái tốt đâu. Không phải cái tốt thì làm sao mà xem là tự cao được? Hạng Đạo sĩ là hạng thấy sao nói vậy, sao bảo mình tự nhận mình là cái sắc, tức còn sa vào một trong hai thái độ là khiêm tốn hay tự cao cho được?

Đạo sĩ cũng không bao giờ cảm thấy cô đơn. Tôi luôn vững vàng, luôn thấy yên tĩnh trong lòng, dù cho bất cứ cái gì xảy ra, vì trong lòng tôi là khối hỗn độn âm dương, chứ không phải là cảm giác buồn. Không bao giờ tôi còn cảm giác buồn nữa. Có muốn buồn cũng không được. Lúc nào cũng vui, lúc nào cũng hạnh phúc, không phụ thuộc vào ngoại cảnh, không phụ thuộc vào bất cứ cái gì, và rất mạnh, rất thực tế. Tôi có một anh bạn học thân, qua Mỹ định cư từ 1994, hay trao đổi thông tin với tôi qua internet. Tôi đắc Đạo rồi, tôi báo cho anh ta biết và còn diễn tả chân lý ấy ra sao trong một diễn đàn bạn bè trên internet. Anh ta nói tôi tự kiêu, và còn lộn xộn giữa các học thuyết. Tôi không vội tranh luận mà để bài viết anh ta nằm trên diễn đàn hơn nửa tháng cho ai cũng biết người khác nhận xét bất lợi về tôi như vậy. Xong, tôi phản bác rằng để bài viết ở trên net hơn 20 ngày là để chứng tỏ Đạo không có hình thức nào cả, vì không có hình thức nào cả thì nó kiên nhẫn. Rồi tôi cá độ với bạn tôi. Tôi viết: "Mày gửi về nước 50 đô la Mỹ (rẻ mà), thuê cave đẹp nhất, nhốt chung phòng với tao, trong phòng chiếu video sex. Cô cave xinh đẹp mặc gì cũng được, áo dài cũng được, bikini cũng được. Tao xem phim sex, mắt mở trừng trừng, nhưng tao không thèm rờ tới cô cave. Việc này làm có bạn bè chứng kiến, rồi điện thoại báo cho mày biết. Mày test tao bao nhiêu lần cũng được, bất cứ khi nào cũng được. Việc thứ hai là test về tiền bạc, nhỏ thôi. Mày biết từ lâu tao "mê" net (Đạo sĩ không bị ghiền bất cứ cái gì, nên không có mê thật, mà phải đặt chữ mê trong dấu ngoặc) và "mê" máy tính. Mày mua một cái laptop Pentium III second hand trên net, giá 400 đô la Mỹ, gửi về Việt Nam cho tao. Tao "thích" laptop là vì tao xem phim, nghe nhạc, đọc sách điện tử bất cứ đâu, bất cứ khi nào tao muốn, rất tiện lợi. Học mệt rồi lôi laptop lên giường, nằm dài ra mà học tiếp, rất đã. Nhưng dù vậy, có gửi cái laptop đó về chỉ đổi lấy câu nói "thằng Hiếu không thấy cái không" mày chỉ thất bại. Tao sở dĩ không nói được như vậy vì nó không diễn tả được lòng tao." Bạn tôi bị tôi buộc phải nhận rằng tôi đắc Đạo thật, không phải là sự tự dối mình, tự huyễn hoặc mình. Không cần gái đẹp, Đạo sĩ cũng luôn hạnh phúc rồi. Tôi mà có sống giữa một nhóm kiều nữ, khóa thân xung quanh, tôi cũng thản nhiên, chứ không cuồng lên dù tôi có đời sống tình dục bình thường, khỏe mạnh, tức là sung mãn. Hành vì tình dục của tôi chỉ diễn ra khi nào tôi muốn, vì thế mà tôi vẫn có thể cưới vợ được, nhưng không có bất cứ người phụ nữ xinh đẹp, hấp dẫn nào, cỡ như Britney Spears, hay hoa hậu thế giới, hoa hậu Việt Nam,... có thể làm tôi chao đảo được. Đó là cái test nhỏ dễ làm, nghe có vẻ tầm thường đối với ai đó có tầm "đại gia". Nhưng với test lớn của tôi thì không có ai theo nổi. Như thế này: tất cả vàng bạc, châu báu, tất cả biệt thự, rượu ngon, tất cả tài tử cine xinh đẹp, tất cả xe hơi sang trọng, máy bay riêng, v.v... tất cả những gì mà loài người cho là tốt, đáng mơ ước đổi lấy một câu nói "Ông Hiếu không phải là cái không", người đó chỉ thất bại vì nó không diễn tả được lòng tôi. Triệu triệu kim ngân không đổi được một tiếng "ừ" của Đạo sĩ. Bill Gates, tỉ phú Mỹ, giàu nhất thế giới, cho tôi hết tài sản ông ta, đổi lấy cái không, để tôi sống như một người bình thường vô minh, tôi không thèm. Vì thế mà Đạo sĩ không bao giờ mắc vào tội gian dâm, không bao giờ bị mắc mỹ nhân kế, hay mua bán dâm gì đó. Sống giữa một nhóm phụ nữ xinh đẹp khóa thân xung quanh, tôi cũng thấy mình đã "hạnh phúc" rồi, rất thật, có hay không có những phụ nữ đó đều không quan trọng. Mà những phụ nữ xinh đẹp đó tôi cũng thấy là cái hỗn độn âm dương, hỗn độn tốt xấu, lợi hại, vinh nhục, không có bản tính nào hết, tức là những cái không. Không làm sao mà yêu được, mà chết cho một người đẹp được. Vì vậy Romeo và Juliet là những người sai lầm.

Shakespeare bị phỉ nhận. Ông không bao giờ là thiên tài của tôi. Cả Nguyễn Du cũng vậy. Nguyễn Du viết ra, tôi phì cười. “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”, ơ kìa, hạng Đạo sĩ như tôi thì có buồn bao giờ? Tôi nhìn cảnh nào, dù là rừng núi âm u, hay là mặt trong của ngực tôi, tôi đều thấy như nhau, đều “vui”. Liệt Tử, Đạo gia Trung Quốc cổ đại, có viết về tâm trạng của Đạo sĩ qua chuyện Nhiều cách du lãm:

“Trước đây, Liệt Tử rất thích đi du lãm ra ngoài. Hồ Khâu Tử hỏi

Ông thích đi du lãm, thế du lãm có gì đáng thích?

Liệt Tử đáp:

Cái sung sướng của du lãm là được nhìn thấy những cái trước đây chưa hề thấy. Người khác du lãm, chỉ thường thức cái vẻ ngoài của sự vật, còn tôi du lãm là để thường thức cái biến hóa bên trong của sự vật. Ô du lãm! Không có ai phân biệt được hai loại du lãm ấy đâu.

Hồ Khâu Tử nói:

Sự du lãm của ông giống với người khác, sao lại nói không giống người khác? Phàm hề thường thức được vẻ ngoài của sự vật thì thường cũng thường thức được cái biến hóa bên trong của sự vật. Ông chỉ biết thường thức sự biến hóa của ngoại vật mà không biết sự biến hóa tự thân của mình. Chỉ thích du lãm ngoại vật mà không hề quan sát tự thân. Du lãm ngoại vật, cầu được chỉ là được cái hoàn bị của ngoại vật, quan sát tự thân mới là đạt được sự hoàn thiện tự thân. Đạt được sự hoàn thiện tự thân mới là cuộc du lãm hoàn mỹ nhất, còn cầu được sự hoàn bị của ngoại vật chỉ là cuộc du lãm không hoàn mỹ.

Sau khi nghe những lời ấy, suốt đời Liệt Tử không đi ra ngoài du lãm nữa, tự cho mình không hiểu cái gì là chân chính du lãm. Hồ Khâu Tử lại nói:

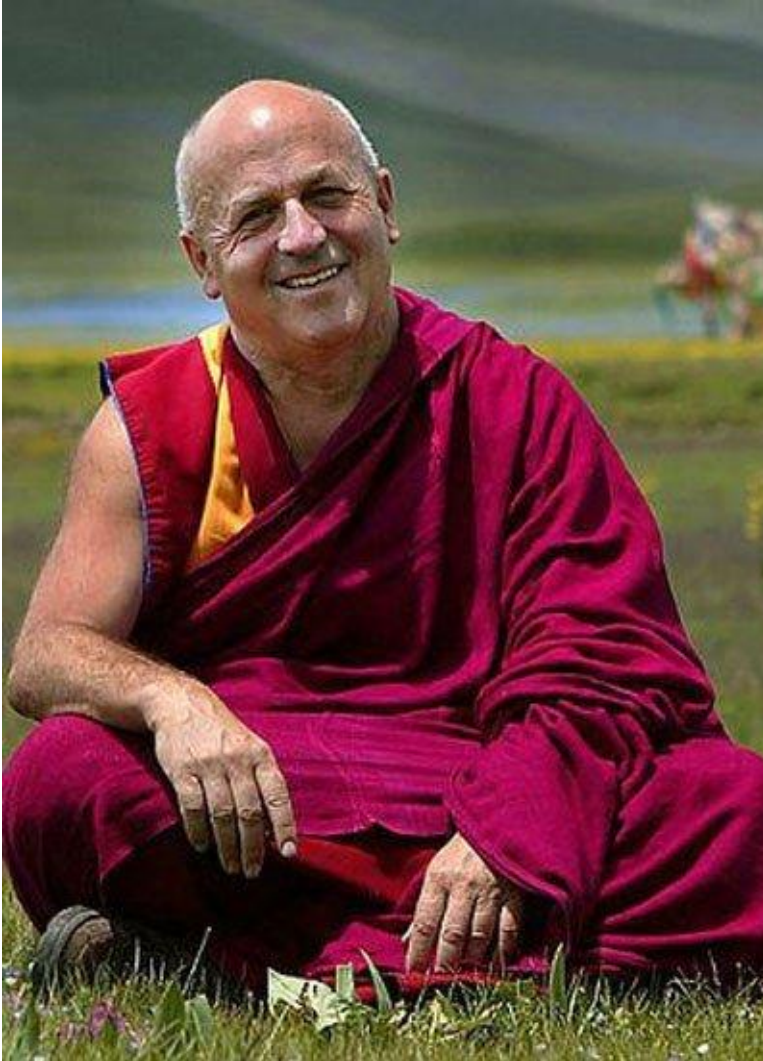
Đó mới là cuộc du lãm hoàn mỹ đấy! Du lãm hoàn mỹ nhất là không biết đi đến đâu, thường thức hoàn mỹ nhất là không biết thường thức cái gì. Có như vậy, bất cứ vật gì đều du lãm được, bất cứ sự vật gì đều thường thức được. Đó là cuộc du lãm mà ta muốn nói tới. Do vậy nói, đó là cuộc du lãm hoàn mỹ nhất và đó cũng là cuộc du lãm lý tưởng nhất!”

Cõi giới này rất kỳ diệu. Giả như tôi ở giữa bốn bức tường của nhà tù thì tôi cũng thấy bốn bức tường ấy là cái không, chứ không phải cái xấu mà đâm ra tôi không buồn. Rồi sao? Rồi giảng lễ ấy cho bạn tù cho họ cũng giống như tôi. Không buồn! Ở tù không phải là buồn, không chịu được cảnh tù đầy mới là buồn. Tù đầy là lửa thử vàng. Vàng thật không sợ lửa, như Đạo sĩ thật thì không buồn trong bất cứ hoàn cảnh nào mà ở đâu anh ta cũng cất tiếng nói giải thích về cái không cho người khác. Giải thích về cái không, làm người khác thấy được cái không, tức giác ngộ người khác thì vui. Tù đầy đâu phải là cái xấu suông, nó còn là cái tốt nữa: nó cải tạo những người xấu trong xã hội để họ biết sống mà không phạm tội, nó cách ly người xấu khỏi xã hội nữa. Vì thế tù đầy là chốn hỗn độn tốt xấu, không có bản tính. Cái không có bản tính thì không sao ghét được.

Thái độ đối với tiền bạc cũng vậy. Đây là vấn đề được bàn tới nhiều nhất. Đạo sĩ thấy tiền là mớ hỗn độn âm dương, hỗn độn lợi hại, và vì mình lúc nào cũng “hạnh phúc” từ bên trong rất mạnh rồi, nên tiền có hay không cũng không tác động tới tôi được. Tôi biết là cần tiền để mua máy vi tính, để trả tiền internet, tiền điện để viết sách, đọc sách, dịch thuật, và học, là những việc tôi làm hằng ngày, vì thế mà tôi phải làm việc, phải kiếm tiền để sống, nhưng vì một lý do nào đó mà không có tiền để có những thứ trên, hay thậm chí bị cướp mất hết tiền thì tôi cũng vẫn “hạnh phúc”. “Hạnh phúc” này thấy thẳng trực tiếp trong tâm trí, không cần

suy luận, nghĩ ngợi gì cả. “Hạnh phúc” này gần với tâm trạng, tâm lý người giác ngộ đạo Phật, như bạn đọc dưới đây:

Matthieu Ricard, một cựu chuyên gia di truyền học người Pháp, mới đây đã được các nhà nghiên cứu chứng nhận là người **đàn ông hạnh phúc** nhất thế giới.



Matthieu Ricard, 66 tuổi, từng là một nhà di truyền học nhưng bất ngờ rời bỏ con đường nghiên cứu của mình để đến với Phật giáo. Ông đã đến Ấn Độ cách đây 40 năm và trở thành một học giả thân tín của Đại Lai Lạt Ma. Không những vậy, Matthieu còn được các học giả **phương Tây** hết sức tôn trọng, họ đã đặt cho ông biệt danh là nhà thiền học vĩ đại.



Các nhà khoa học đang quét não Ricard.

Nhà thần kinh học Richard Davidson đến từ trường Đại học Wisconsin (Mỹ) đã thực hiện thí nghiệm quét não cho 100 học viên thiền định với 256 bộ cảm biến. Kết quả kinh ngạc đã đến với riêng Matthieu Ricard khi mọi thông số từ máy quét đưa ra đều ở mức kỷ lục chưa từng được biết đến từ trước đến nay. Theo đó, vỏ não trước trán bên trái hoạt động với tần suất nhiều gấp nhiều lần so với bên phải. Điều này đã đem đến cho Ricard một sự hạnh phúc vô bờ, không những vậy, những suy nghĩ tiêu cực dường như rất ít trong não của ông và nó đang ngày một giảm dần.

"Chúng tôi đã nghiên cứu suốt 12 năm trời và giờ đây mới gặp trường hợp như vậy. Thiền định đã giúp người đàn ông này quan tâm hết mực đến cuộc sống xung quanh, lòng từ bi bao la và những **cảm xúc** được giữ cân bằng một cách kỳ diệu. Ricard như là một đột phá của giới khoa học", ông Davidson chia sẻ.

Cũng theo nghiên cứu trên, mỗi người chỉ cần bỏ ra 20 phút/ngày và thiền định khoảng 3 tuần liên tục sẽ cảm thấy hạnh phúc và yêu đời hơn rất nhiều, những lo toan đến công việc, tiền bạc, stress... sẽ được cải thiện một cách đáng kể.

Nguồn: VietNamNet.vn

Tôi cho là các nhà nghiên cứu phương Tây không biết một điều là ở Việt Nam, Trung Hoa, Triều Tiên (cả nam lẫn bắc), Nhật Bản, v.v... có nhiều người giác ngộ đạo Phật hơn phương Tây tưởng. Riêng tôi thì giao lưu với 3 ông thiền sư, vậy là "nhiều" rồi. Thế là ta biết luôn là ở các nước có đạo Phật thì có nhiều đàn ông, đàn bà "hạnh phúc nhất thế giới", chứ không chỉ một mình Ricard. Chẳng hạn, thiền sư Độ (sơ tổ của tôi), có ai biết đâu, mà ông cũng không nói tốt về mình, con cái, cháu chắt trong nhà, ông cũng không dạy thiền, nhất là ở tâm cơ thể giới, ông cũng chưa nói về mình. Ở đâu có người muốn học, tìm hiểu thiền Phật, ông vui vẻ đi dạy, mà họ không giác ngộ, nói sai, hiểu sai, ông cũng bình thản. Vì vậy mà ít người biết ông là một bồ tát chính hiệu. Tâm cơ Ricard, anh Độ và tôi thấy chả có gì là ghê gớm hay xa lạ. Tôi còn một lợi thế hơn Ricard là tôi trẻ hơn ông đến 27 tuổi, không quá lo lắng về quỹ thời gian để mà hoạt động Đạo Học.

Đạo sĩ mà gặp Đạo sĩ hay gặp người tương tự mình là các tu sĩ Phật Giáo thì sao? Tôi có gặp một cư sĩ Phật Giáo đầu tiên là anh Độ, đắc Đạo và là người hướng dẫn tôi thiền. Nhưng chỉ mới học có 7, 8 câu trong 3 tháng thì tôi ngộ Đạo, mà Đạo Lão, chứ không phải Phật. Trước đó, tôi dự tính là học Phật để giải thoát trước đã, nhưng do hai nhà gần nhau, mà tôi lại sành Lão, nên bất giác tôi ngộ Đạo mà không ngờ. Gặp anh này thì không phải tôi - nhà Lão, và anh - nhà Phật kính trọng nhau như Phật Thích Ca và Lão Tử trong phim Tây Du Ký đâu mà là “phang” nhau “chí chết”. Vốn biết anh không bao giờ buồn nên tôi “phang” anh thẳng tay. Anh, ngược lại, cũng chọc cho tôi chết. Thế nhưng vì cả hai đều là hai cái không, nên không bao giờ buồn, và luôn chơi thân. Tuy nhiên, tôi vẫn lấy làm “buồn” là không có ai như tôi để tôi nói cái gì ra cũng hiểu được nhỉ. Khi muốn tìm hiểu Phật, tôi tìm tới anh, vậy thôi, chứ hai bên không hiểu nhau 100% dù cõi giới hai bên đạt được tương tự nhau. Đạo sĩ mà gặp tu sĩ Phật Giáo mà đắc Đạo thì chả cần thiết phải kính trọng gì cả, như trong truyện Không có gì hiện hữu trong tập Góp nhặt cát đá:

“Yamaoka Tesshu lúc còn nhỏ đi học Thiền, viếng hết thầy này đến thầy khác. Yamaoka đến viếng Dokuon ở Shokoku.

Muốn tỏ sở đắc của mình, Yamaoka nói:

“Tâm, Phật, loài hữu tình, rốt ráo chẳng có, bốn tính chân thật của mọi hiện tượng là cái không. Không có cái có, không có huyền ảo, không có thánh, không có phàm. Không có cho và không có gì để thọ nhận.”

Dokuon ngồi im lặng hút thuốc, không nói gì. Thành linh đập Yamaoka một điều tre, làm chàng thanh niên này phát xung. Dokuon hỏi:

“Nếu không có gì có, thế thì cái giận của anh từ đâu đến?”

Một chuyện khác: Tô Đông Pha có một thiền sư thân tình là Phật Ấn, ông này rất lỗi lạc. Chùa của Phật Ấn ở bờ tây sông Dương Tử, trong khi nhà của Đông Pha ở bờ phía đông. Một hôm, Đông Pha đi thuyền sang thăm Phật Ấn, nhưng không có thiền sư ở nhà. Đông Pha bèn viết lên một miếng giấy mấy chữ có ý bông đùa: Tô Đông Pha là một Phật tử vĩ đại mà dù có 8 ngọn gió (Bát phong : tám ngọn gió độc: lợi, suy, huỷ, dự, xưng, cơ, khổ, lạc) thổi cũng chẳng động được.

Phật Ấn về, thấy tờ giấy của Đông Pha viết như thế, sư mỉm cười và viết thêm: Nhảm nhí ! Những gì mà ông vừa viết chẳng hơn một cú địt.

Sư Phật Ấn sai đệ tử đem tờ giấy đó qua trả cho Đông Pha. Tô Đông Pha thấy thiền sư Phật Ấn lăng mạ mình thì nổi giận, tức tốc đi thuyền qua sông để hỏi Phật Ấn. Khi Đông Pha qua tới, thấy Phật Ấn liền la lên:

- Ông có quyền gì mà thóa mạ tôi bằng lời lẽ như vậy? Quen biết tôi lâu ngày mà chẳng lễ ông mà quá đến thế sao?

Phật Ấn lặng lẽ quan sát họ Tô rồi mỉm cười nói:

- Tô Đông Pha, một Phật Tử vĩ đại mà 8 ngọn gió không lay động được, thế mà giờ đây chỉ một cú địt nhỏ nhoi cũng đủ thổi ông ta bay qua sông đến tận bờ bên này.

Tô Đông Pha nghe lời nói đó xong thì bất ngờ, đứng sững khá lâu và tỉnh ngộ.

Đó là thiền sư Phật Ấn dùng cái mưu chước ấy để thức tỉnh Tô Đông Pha về cái tánh Ngã mạn của mình, để họ Tô đến gần với giáo lý của Phật.

Khi gặp hạng bản lĩnh cao thật thì test nhau, chứ chẳng nể nang gì cả, để xem có đắc Đạo thật hay không. Và test thì đại khái giống như trên, là tìm mọi cách thông minh nhất, bất ngờ nhất để chọc tức.

Đạo sĩ cũng là hạng không tôn sùng bất cứ ai. Những vĩ nhân của nhân loại như Phật, Chúa Jesus, Lão Tử, Khổng Tử, Shakespeare, v.v... họ đều không tôn làm thần tượng, do tất cả những gì họ thấy là cái một, chứ không thấy yêu, không thấy kính, không thấy tốt gì cả. Trong gia đình tôi theo Phật Giáo đã bao nhiêu đời. Khi còn nhỏ và lúc trẻ, tôi cũng lên chùa, cũng lạy Phật, nhưng nay thì không. Phật chỉ là một người bình thường, không có phép màu. Với tôi, Phật vĩ đại là vì Phật là cái không, là người đầu tiên thấy cái không, vô ngã nên không còn vị kỷ, thế thôi, chứ Phật không phải là thần để mà ta phải cúng bái. Mà hạng đặc Đạo ấy có yêu thích gì sự sùng bái. Phật không bao giờ mong muốn sự sùng bái. Phật vượt qua điều ấy từ lâu. Phật không tầm thường tới nỗi đi yêu danh vọng. Với tôi, Phật không phải là cái tượng trên bàn thờ mà Phật là làm cách nào đó tìm thấy cái không đã có trong người mình. Với các tín ngưỡng khác cũng vậy. Gia đình tôi làm kinh doanh, thờ Thần Tài, Ông Địa cho may mắn, nhưng với tôi, trong lòng chỉ thấy cái hỗn độn âm dương, tôi không thấy linh hồn nào cả, nên tôi tuyệt không bao giờ cúng, không bao giờ thắp nhang mấy “ông” này. Ông Táo cũng vậy, cũng không được cúng kiến gì cả. Thế đối với ông bà thì sao? Thì tôi cũng thắp nhang, nhưng chỉ để nhớ mà thôi, chứ tôi không cho là có linh hồn trong cõi đời này. Không phải là “không cho”, không phải là tôi quan niệm vậy, tức là tôi áp đặt một tín ngưỡng lên người khác mà là tôi thấy trực tiếp, không suy luận gì cả rằng vũ trụ này không tồn tại cái gọi là linh hồn. Cuối năm âm lịch, tôi cũng về quê dâng mã ông bà, cũng thắp nhang, nhưng tôi không cầu mong gì ông bà mình sẽ phù hộ mình.

Má tôi ghi danh tôi quy y trên chùa. Khi cúng cho ba tôi, má tôi bắt anh em tôi lạy. Lạy một cái thứ nhất, xong đứng lên, tới cái thứ nhì thì tôi phì cười, không lạy được nữa. Muốn lạy thì trong lòng phải tôn kính, mà với Phật thì tôi không còn kính, mà cũng không coi thường. Có Phật tới nhà thì tôi cũng tiếp như ông hàng xóm mà thôi, không thấy sự tôn trọng của người đời mà mê hoặc tôi được. Trong lòng không tôn kính mà cúi lạy thì chỉ có ... ba xạo. Má tôi thấy tôi không lạy thì đuổi tôi về. Đuổi thì đuổi chứ tôi không làm trái lòng mình được. Từ đó trở đi tôi không lạy bất cứ “ông thần” nào hết. Lão nói một câu rất nổi tiếng: “Let’s govern a country like we cook a small fish” (Hãy cai trị một quốc gia như ta nấu một con cá nhỏ), tức lớn là nhỏ. Nói ngược lại cũng đúng, tức cái nhỏ hợp lại tạo thành cái lớn, nhỏ là lớn. Kỹ sư tàu con thoi vũ trụ Mỹ cũng phải học từ chữ A trở đi. Cây cỏ thụ bắt đầu từ một hạt giống bé tí. Điều này cốt nghĩa vì sao Đạo sĩ coi mấy ông to bà lớn, kể cả ông Phật, ông Lão, ông thủ tướng, ông tỉ phú, cô hoa hậu,... như ông hàng xóm, như một người bạn bình thường mà thôi. Nếu có lạy thì tôi lạy ông bà, cha mẹ, anh chị, chú thím... ruột thịt tôi, vì sinh ra tôi, nuôi tôi lớn, dạy tôi, mà có lạy thì cũng chỉ để nhớ, chứ thế giới này không có linh hồn. Tôi chả sợ bất cứ linh hồn nào làm hại tôi, làm tôi mắc bệnh gì cả.

Trong tập Phương pháp biện luận thuật hùng biện của Triệu Truyền Đống (Trung Quốc), nhà xuất bản Giáo dục 1999 có một số câu chuyện chứng minh thế giới này là vô thần. Xin kể ra đây cho quý độc giả:

1. Mi-ken-lăng là một họa sĩ tài danh người Ý thời Phục Hưng. Ông đã nhận lời tòa thánh La Mã vẽ một bức tranh sơn dầu A-đam và Ê-va, và ông nêu câu hỏi:

“A-đam có rốn không? “

Theo Thánh kinh thì Chúa Trời nặn ra A-đam theo hình dáng của mình và lại rút của A-đam một cái xương sườn để tạo ra Ê-va. Từ đôi nam nữ đầu tiên này đã sinh ra chúng sinh đông đúc ngày nay. A-đam là con người có sớm nhất và hoàn mỹ nhất. Chúng ta ai cũng có rốn, vậy A-đam cũng phải có. Nhưng A-đam lại là hình dáng của Chúa Trời. A-đam có rốn, vậy Chúa Trời cũng phải có rốn. Chúa Trời là đáng sáng tạo tối cao, lẽ nào ông ta lại còn bị một

cái gì đó sáng tạo và thai nghén? Nếu Chúa Trời không có rồn mà A-đam có rồn thì Chúa đã không nặn A-đam giống như mình. Điều này đi ngược với Thánh Kinh. Nếu cái rồn của A-đam là một sai lầm của Chúa trong sáng tạo thì điều này đi ngược với giáo nghĩa. Giáo nghĩa cho rằng Chúa không bao giờ mắc sai lầm. Nếu A-đam không có rồn thì chúng ta ai cũng có mà A-đam lại không. Vậy là sáng tạo của Chúa cũng chẳng phải hoàn thiện, và A-đam cũng không phải là con người hoàn mỹ. Tóm lại, dù A-đam có rồn hay không đều khiến cho Giáo hội rơi vào mâu thuẫn khó bề thoát ra.

2. Một hôm nọ, một giáo đồ đến giáo đường. Ông ta nói: “Thưa cha, con tin ở Đạo. Thế nhưng không biết Chúa Trời có giúp đỡ được gì cho con không?”

Linh mục bình tĩnh trả lời: “Chúa là đấng vạn năng. Chúa có thể giúp con mọi điều con hằng mong. Chỉ cần con cầu nguyện.”

Giáo đồ nọ buồn lo, nói: “Hàng xóm của con cũng tin ở Đạo. Và nếu con cầu xin Chúa cho mưa thì ông ta sẽ lại cầu xin Chúa cho tạnh. Thế thì Chúa sẽ quyết định sao đây?”

Linh mục: “...”

3. Các nhà triết học kinh viện Châu Âu vẫn nói rằng Thượng Đế là toàn năng, và thế giới chúng ta là do Thượng Đế sáng tạo ra. Về điểm này, Cao Ni Lô đã hỏi

“Vậy Thượng Đế có thể tạo ra tảng đá mà ông ta không nhấc nổi không? “ Với câu hỏi này, các nhà triết học kinh viện đã chịu thua. Bởi vì nếu trả lời là Thượng Đế có thể tạo ra tảng đá mà ông ta không thể nhấc nổi thì sẽ có một tảng đá mà ông ta không thể nhấc nổi. Và như vậy Thượng Đế không phải là toàn năng. Nếu trả lời rằng Thượng Đế không thể tạo ra tảng đá mà mình không nhấc nổi thì cũng sẽ có một tảng đá mà Thượng Đế không tạo ra được. Và như vậy Thượng Đế cũng không phải là toàn năng. Và dù thế nào đi nữa, Thượng Đế cũng không phải là đấng toàn năng. Gần ngàn năm qua, câu hỏi này vẫn còn xoáy sâu vào tâm trí các nhà thần học, và họ vẫn chưa có cách gì trả lời cho đặng.

Tôi có hỏi một bạn học thời sinh viên, nay là linh mục, ở Pháp. Anh trả lời 3 vấn đề trên như sau:

1. Về câu hỏi “A-đam có rồn không?”, anh trả lời: “Chẳng có chỗ nào trong Kinh Thánh đề cập đến vấn đề rồn cả, cũng lại là câu hỏi muôn thừa của loài người thôi, ai lại không muốn làm “cái rồn của vũ trụ”, tức là xoay quanh chính bản thân mình. Hơn nữa, Kinh Thánh là loại văn chương chuyển tải một thông điệp. Muốn hiểu được thông điệp của bản văn thì không thể không tìm hiểu về đấng đã gửi thông điệp ấy, tức là Thiên Chúa. Cách hiểu Kinh Thánh không giống như cách hiểu một đoạn văn chương thuần túy đòi hỏi người đọc phải có một sự rộng mở tâm hồn. Kinh Thánh không dạy về khoa học, nó cũng không có ích gì cho việc giải phẫu cơ thể người, để có thể biết là có rồn hay không. Khi Kinh Thánh nói A-đam được tạo ra giống hình ảnh Chúa, tức là Kinh Thánh muốn nói con người được tạo nên có trí khôn, và biết hướng về điều thiện hảo và con người có sự sống siêu nhiên như Thiên Chúa là Đấng sáng tạo chứ không hề nói đến giống nhau về tính chất vật lý, hình thể, vì đã là Chúa thì không thể có vật chất như tạo vật được. Chúa là đấng siêu nhiên, vô vật chất mà, rồn ở đâu mà có? A-đam giống Chúa, nhưng không giống về thể lý vì Chúa không có thể lý. Phải đợi khi Chúa Giêsu nhập thể làm người, cách đây 2000 năm thì lúc đó, chính Chúa đã muốn trở nên giống con người về thể lý Chúa Giê-Su là Chúa, nhưng lại là người, đây là điểm đặc biệt trong Kito Giáo.

khi tạo dựng A-đam, Thiên Chúa đã tạo nên A-đam giống hình ảnh Con Chúa, tức là Chúa Giê-Su sẽ làm người sau này vì Thiên Chúa không bị giới hạn vào thời gian, ngài vượt trên thời gian, nên điều này hoàn toàn dễ hiểu.”

Tôi (NN Hiếu) không tranh luận, mà tôi chỉ muốn nghe linh mục nói thế nào. Nhưng chép vào đây thì tôi bình luận: Thoát khỏi mâu thuẫn tôi đưa ra, cũng gọi là có học, có tài! Song, qua câu trả lời của linh mục, tôi thấy toát lên một điều là Thiên Chúa thì trừu tượng, lại được tín đồ cho là “không bị giới hạn vào thời gian, ngài vượt trên thời gian”, một đấng đầy phép màu như thế thì vận dụng để trả lời câu hỏi tôi đặt ra là chuyện vặt, hay trả lời cả ngàn mâu thuẫn rồi rắc đều được, cứ từ phép màu mà suy thôi, không có gì mà không được! Nhưng muốn được vậy, ngoài việc coi Thiên Chúa có phép màu, còn phải có niềm tin. Tục ngữ VN: “Linh tại ngã, bất linh tại ngã” (linh do ta, không linh cũng do ta), phải tin một đấng phép màu như thế thì mới chấp nhận ông bạn linh mục của tôi nói đúng, và khi không có niềm tin thì cho linh mục nói chẳng đâu vào đâu, vô nghĩa. Một ví dụ, chẳng hạn, hỏi: Quần áo không có linh hồn, vậy mọi linh hồn đều ở trường? Như thế ma hay các thiên thần đều ở trường. Tuy vậy, nếu tín đồ Kitô giáo trả lời kiểu trên, là linh hồn không có tính chất vật lý thông thường, là vô vật chất, là vượt trên thời gian, có thể đi trước tương lai, đi sau quá khứ thì người thường không theo Kitô giáo ...tịt! Riêng tôi, nhìn từ Đạo là hỗn độn âm dương, âm là chết, dương là sống, suy ra Đạo hỗn độn sống chết, nhìn từ cái trừu tượng mà có thật đó, rơi vào vấn đề A-đam có rốn hay không, tôi thấy không có gì khó hiểu. Cái gì cũng có trong Đạo mà, nên bạn nói, tôi hiểu ngay, nhưng tôi lắc đầu, vì Đạo không có niềm tin. Đạo Học là học thuyết vô học thuyết. Niềm tin đặt giới hạn cho cuộc sống, mà cuộc sống thì vô hạn.

2. Chuyện về hai người, một người cầu nắng, người kia cầu mưa, linh mục trả lời như sau: “Thiên Chúa không phải là cái máy rút tiền tự động của ngân hàng. Không phải cứ đút thẻ vào là tiền lòi ra. Không phải cứ xin cái gì Chúa cũng ban cho. Mọi sự Chúa làm đều xuất phát từ tình yêu. Người cầu nguyện nhiều sẽ được Chúa biến đổi nội tâm để có thêm nghị lực, thêm sức mạnh để có thể đón nhận, dù mưa, dù nắng, như một ơn ban của Thiên Chúa.”

3. Về câu hỏi của Cao Ni Lô, linh mục trả lời: “Câu hỏi này có lâu lắm rồi, chẳng có liên quan gì đến thần học cả, chỉ là câu hỏi mẹo để không chấp Chúa là Đấng toàn năng thôi.

Theo suy tư triết học, đấng mà người ta gọi là Chúa (God, Dieu) bắt buộc phải toàn năng, nếu không thì không phải là Chúa.

Phải là Đấng tự mình mà có, tự hữu, tức là không phải được tạo ra, đấng là nguồn gốc mọi sự, nếu không thì không phải là Chúa.

nếu Chúa mà cũng không toàn năng, mà được tạo ra, thì cái đấng đã tạo ra Chúa đó mới thật là Chúa, cứ tiếp tục đi lên như thế, người ta sẽ gặp gỡ một đấng là toàn năng và tự hữu, đó mới là Chúa thật.

Thật ra trong Kitô giáo, khi tuyên xưng Chúa là đấng toàn năng, chúng tôi tuyên xưng Chúa là đấng toàn năng trong tình yêu. tiếng pháp đọc là Dieu dont l'amour est tout puissant,

mà trong Chúa, lại theo siêu hình học (métaphysique) thì mọi sự đều là Chúa, tình yêu Chúa cũng là Chúa.

mà nếu tình yêu Chúa toàn năng thì câu hỏi Ngài có tạo ra một cục đá thật nặng để chứng tỏ mình quyền năng là một câu hỏi vô nghĩa.

Đạo Kitô giáo tin rằng bất cứ sự gì Thiên Chúa làm, Ngài đều làm do bởi tình yêu. làm một việc vô nghĩa để chứng tỏ mình quyền năng thì có lẽ không phải xuất phát từ tình yêu, nên chắc chắn không phải là hành động của Thiên Chúa.

trong Phúc âm, có đoạn Chúa Giêsu bị ma quỷ cám dỗ : "người là con Thiên Chúa toàn năng, vậy hãy biến những tảng đá này thành bánh mỳ mà ăn đi." Chúa Giê-Su từ chối làm điều đó.

Không biết trả lời như vậy có được không?"

Chúng tôi (N N Hiếu) còn biết một tin đồn người Mỹ trả lời:"Chúa là tảng đá đó."

4. Tôi còn hỏi câu này:"Bảo Hải Yến (2013) giết chết hơn 10.000 người ở Philippines thì người ở đó đâu tội lỗi gì mà bị chết vậy nhỉ? Vậy có thể nói Chúa bất lực, ko cứu được ai ko? "Mọi sự đều là Chúa" thì cơn bão đó do Chúa tạo ra?".

Bạn linh mục đáp:"Mình nói : "trong Chúa, mọi sự đều là Chúa" = tình yêu Chúa là Chúa, sức mạnh của Chúa là Chúa, vân vân. Còn những gì ngoài Chúa thì không phải là Chúa, đương nhiên rồi. Những người theo polythéisme (tức là thuyết đa thần) thì mới nói cái gì cũng là Chúa chứ, còn Công giáo là tôn giáo độc thần mà, chỉ có Chúa là Chúa thôi. Tất cả những gì Ngài tạo dựng nên đều mang "dấu ấn tình yêu" của Chúa chứ không phải là Chúa. Giống như người thợ mộc làm ra cái bàn thì cái bàn không phải là thợ mộc, nó chỉ mang dấu ấn tài năng của người thợ mộc mà thôi. Theo đức tin Kitô giáo, Thiên Chúa không tại ra sự dữ, như ma quỷ, địa ngục, vân vân. Ma quỷ là do các thiên thần đã không chấp nhận tình yêu Chúa, mà chống lại Ngài, và do sự ghen tị với con người, trở thành thế lực chống lại tình yêu và sự sống. Địa ngục là nơi không có tình yêu, mà chỉ có sự thù hận. Là con người, có nhiều chuyện chúng ta không thể tìm ra câu trả lời thoả đáng cho hết mọi câu hỏi đâu. Bảo Hải Yến đã làm chết người, điều đó Chúa không muốn. Không phải vì chúng ta tốt lành hơn họ nên mới không chết. "Tại sao người tốt lại phải chịu nhiều đau khổ trong khi kẻ ác lại được sung sướng?" Đây là câu hỏi khó nhất mà các tôn giáo đặt ra từ bao đời nay. Kitô giáo không có câu trả lời tại sao. Chúa Giêsu chỉ cho biết rằng, ngay từ nguyên thủy, con người đã dùng sự tự do của mình để chọn lựa sự dữ, nên đã làm cho vũ trụ này (création) bị xáo trộn, xáo trộn theo 2 nghĩa, xáo trộn về vật chất, và cả về tâm linh nữa. Vì con người, mà sự dữ đã "có mặt" trong tạo dựng này. Sự chết cũng từ đó mà ra. Tuy nhiên, điều đó vẫn chưa thể giải thích được tại sao người tốt chịu khổ còn người xấu thì sung sướng. Có nhiều cái chết oan nghiệt. Câu trả lời của Chúa Giêsu là Ngài đã chấp nhận cái chết oan nghiệt để chia sẻ và đồng hành với những người bị ức hiếp và đau khổ. Theo đức tin, Chúa Giêsu đã sống lại. Ngài đã đem lại cho con người niềm hy vọng rằng sự chết và sự đau khổ không phải là tiếng nói cuối cùng, nhưng sự sống và tình yêu sẽ chiến thắng tất cả. Con người sẽ sống lại và sống một đời sống mới với Chúa Giêsu trong "thế giới bên kia". Sự nhập thể làm người, cái chết và sự sống lại của Đức Giêsu là câu trả lời đầy tình thương và cảm thông của Thiên Chúa đối với câu hỏi về sự dữ. Tuy nhiên, để đón nhận điều đó, phải là người có đức tin !"

Chúng tôi (N N Hiếu) thấy linh mục không trả lời được câu hỏi đơn giản, cơ bản này. Câu tương tự thế này tôi đã nêu ra và đã giải đáp:"Khó khăn là phần thưởng cho người có bản lĩnh cao". Không có gì tuyệt khó, tuyệt ác. Trong khó, có dễ; trong ác, có thiện. Bão gây ra chết người ở đời này nhưng 100.000 năm sau chẳng hạn, có thể là loài người giải quyết được vấn đề bão gây họa, biến năng lượng bão thành năng lượng điện, tương tự như nhân loại đang làm năng lượng gió thành năng lượng điện (điện gió, phong điện). Bạn linh mục này còn vướng, chưa thông suốt, có điều còn chưa trả lời được nhỉ? Với bạn này thì Kitô giáo chưa phải là một chủ nghĩa, là cái "dĩ nhất biến ứng vạn biến." Tôi thì dùng đạo Lão như một chủ nghĩa, tự tin nói rằng đạo này trả lời được mọi câu hỏi trên đời, vì "Tất cả là Đạo, Đạo là tất cả." Tôi cho rằng khi tôi hỏi một hồng y, hay Giáo Hoàng La Mã, họ sẽ trả lời được, không bị bắt bí, nhưng tôi lặp lại, họ phải tin vào một đấng có phép màu, vì có phép màu nên biện luận xuôi ngược, ngang dọc gì đều được. Ở đạo Lão như chúng tôi thì coi cuộc sống bình thường này là ... thiên đường, chả cần tới một đấng đầy màu nhiệm như thế, vì giác ngộ rồi người lúc nào cũng hạnh phúc, chả cần ai ban ơn, chả thêm tin vào giáo điều gì. Trên website của J. Krishnamurti viết : "Tin là mê tín" mà.

Đạo là cái hỗn độn giữa ý thức và không ý thức. Cho sống là dương, chết là âm thì Đạo, bản thể thế giới là cái sống và không sống lẫn lộn trong Đạo, không tách rời, cho nên trong thế giới này không có ý thức đứng tách riêng ra được, tức không có linh hồn, không có ma quỷ, không có thần. Khổng Tử nói “Quỷ thần kính nhi viễn chi” - quỷ thần thì kính nhưng đứng xa ra- là, dưới mắt tôi, câu nói bậy. Khổng không phải là Thánh nhân của tôi, mà ngược lại tôi thấy ông dạy học, lập thuyết, nhiều người tin là Thánh, rồi đi theo. Có người thành công thật nhưng lắm kẻ cũng thất bại. Lỗi suy nghĩ yêu cái tốt gây ra bị kịch như vậy. Thờ thế, xu hướng, bản tính của Khổng Tử khác, mà những người theo sau ông khác, thế mà cứ đòi lặp lại cái nhân nghĩa như Khổng Tử thì thất bại là bình thường. Vì không thấy được Đạo, thấy cái không của tự nhiên mà đâm ra tin lung tung như vậy. Thế giới này không tồn tại các vị thần, các linh hồn, dưới bất cứ dạng nào. Đạo sĩ thì vô thần tuyệt đối, nhưng không phải theo và không cần các học thuyết duy vật, mà là do thấy cái một. Nhưng vì thấy cái một nên Đạo sĩ vô vi một cách tự nhiên, dễ dàng. Vì vô vi, tức không làm “việc tốt”, tức không can thiệp vào con người và xã hội, mà để cho sự vật, con người đi theo “Đức” của sự vật, của con người, đi theo cái tự nhiên sinh ra cho con người cho nên Đạo sĩ tự do tôn giáo, ai muốn theo tôn giáo nào thì theo.

Luôn thấy mọi thứ là hỗn độn, là Đạo thì đời sống hôn nhân của Đạo sĩ ra sao? Trang Tử cũng có vợ, cho nên Đạo sĩ cũng có vợ. Đối với vợ con thì lý trí, dục vọng của Đạo sĩ yêu mà thôi, chứ cái tâm không yêu. Cái tâm điều khiển trí và dục vọng nên nói chung Đạo sĩ không yêu vợ mà nhìn thấy vợ con là những cái không, không bản tính. Tuy vậy, Đạo là tự nhiên, là vô vi, mà hành vi tình dục là thuận theo tự nhiên, loài người sinh con là tự nhiên nên Đạo sĩ có vợ con, có “tình yêu”. Họ không yêu cái hại nên cũng chăm sóc vợ con bình thường như bao người khác, cũng quan tâm tới con cái đầy đủ chứ không bỏ mặc như bao người bình thường khác. Đạo sĩ cũng thấy người này đẹp, người kia xấu. Con mắt mà không phân biệt đẹp xấu là con mắt hư rồi vậy. Đạo sĩ cũng có yêu, cũng có “si tình”, cũng “tương tư”, “tình yêu” cũng mạnh, nhưng bất cứ lúc nào Đạo sĩ cũng thoát khỏi tình yêu dễ dàng. Yêu là ghét, là quên và ngược lại, quên là yêu. Điều này nói ra người thường khó hình dung, cho là trừu tượng, ầy vậy mà rất thật. Lão Tử, Trang Tử, Phật, Chúa, quốc gia, nhân nghĩa, v.v... Đạo sĩ quên tất, nhưng lại là cái quên tỉnh thức, cái quên của người giác ngộ, người thường không sao có tâm trạng này được, vì họ không thấy cái hỗn độn. Tình yêu là cái có, mà cái có là cái không, cho nên Đạo sĩ nhìn vợ, nhìn người yêu thấy tình yêu và cái không cùng một lúc. Đạo sĩ cũng chọn vợ là người hợp với mình, và nếu vợ không giác ngộ thì cũng sống bình thường, chấp nhận cái xấu của người đó. Có ai hoàn hảo đâu nhỉ? Biết yêu là biết chấp nhận toàn bộ tính cách người ấy và chỉ có công an và nhà tù là sửa đổi tính cách người ta thôi. Nhân vì biết chấp nhận cái xấu của “bà nhà”, và thấy nó là cái không, cho nên đời sống hôn nhân của Đạo sĩ suôn sẻ, không gây ra những đổ vỡ ghê gớm. Và họ tha thứ cho vợ con rất dễ dàng.

Đối với vấn đề rất gay go là Trung Quốc lấn chiếm biển đảo Việt Nam, cái họa chiến tranh đến gần thì đạo gia có bỏ mặc, vô trách nhiệm không? Không! Vậy làm thế nào, đánh hay hòa? Đạo gia tích cực hoạt động truyền Đạo, nhưng chỉ hướng tới giác ngộ cá nhân. Ai đọc mà hiểu được kinh sách Đạo Học thì sẽ trở nên khác đi, không còn giống với lúc chưa đọc. Thêm nữa, khi tư duy Đạo Học, khi hành thiền, nhiều ít gì đó hành giả sẽ có phần giống Lão, Trang, Liệt, GS Cao Xuân Huy, hay giống hết khi ngộ, tức họ rất lành. Tôi tích cực giảng đạo để giác ngộ cá nhân thì các cá nhân đó sẽ bớt sát máu, bớt hung hãn, bớt dân tộc chủ nghĩa cực đoan, nghiêng về phía “bồ câu” hơn là “diều hâu”. Có một câu chuyện về việc đó: Tu viện Bát Nhã ở Lâm Đồng bị công an tấn công. Các tu sĩ phải đi tị nạn ở một ngôi chùa khác.

Công an bao vây ngôi chùa này. Đến giờ ăn trưa, dọn cơm ra xong, các nhà sư ... mời các anh công an vào ăn! Đó mới là Phật thật, là giác ngộ. Ông trụ trì chùa này hẳn là một bồ tát chính hiệu, khác với phong trào Phật Giáo hồi 1963, các sư tự thiêu, và số còn lại thì đánh lại cảnh sát khi bị cảnh sát tấn công.

Đạo sĩ có mắc lỗi không? Có chứ. Họ cũng tính toán sai chứ, như bao người khác vậy thôi. Nhưng với lỗi lầm của mình thì Đạo sĩ cũng thấy là cái không, cho nên không buồn, không xấu hổ, không hối hận, nhưng vì là cái không, tức Đạo, tức có khi là cái tốt cho nên lỗi lầm là dịp để anh ta nhìn lại mình mà sửa đi, để không lặp lại sai lầm cũ nữa. Tôi có nghe một đài hải ngoại giảng rằng những lỗi lầm của ta như vết sẹo trong tâm hồn ta, không làm sao mà tẩy xóa được, vì vậy ta phải cầu xin Chúa tha tội cho ta! Nghe tới đó tôi bật cười. Có ai vấp té một chỗ hai lần không? Không. Vì thế, mắc lỗi rồi thì người ta sửa lỗi mà trở thành tốt lên. Cái xấu là nguyên nhân của cái tốt. “Ai nên khôn không khôn một lần”, bình thường như vậy, có sai mới có đúng, việc gì phải phóng đại lên mà phải đi cầu xin một nguyên lý tối cao nào đó tha lỗi cho ta? Ân hận vì lỗi của mình hoài, mang mặc cảm tự ti mình là cái xấu chả hóa ra ta làm hèn ta đi sao? Kinh Thánh viết ta yêu kẻ thù ta, vậy thì ta cũng yêu ta luôn đi mà quên lỗi của ta đi, cần gì đến Chúa nhỉ?

Ngoài ra Đạo Sĩ còn có khả năng đặc biệt, người thường không có nên khi kể ra, có thể độc giả khó tin. Ngay trong gia đình tôi cũng ít người tin tôi có khả năng này. Đó là khả năng nhìn thấy bằng cái tạm gọi là con mắt thứ ba. Có một số những “con mắt” như vậy, nó trùng với các luân xa khi ta học hay đã thu được nhân diện vào người. Tôi không biết gọi các điểm đó là gì, vì sách Đạo Học không hề bàn về các điểm đó. Cụ thể, giữa trán có một điểm, ngay đỉnh đầu một điểm, sau gáy một điểm, ngang tim, giữa lưng có một điểm, sau lưng, ngang rốn một điểm, cuối xương sống một điểm và điểm giữa hậu môn và bộ phận sinh dục. Điểm cuối này giống như một cái lò lửa, cháy sáng ngày đêm. Bên nhân diện, điểm cuối này chỉ bậc sư tổ mới có, người học bình thường không có, vì bản lĩnh cao mới khai luân xa này, bản lĩnh kém, khai ra, nó tẩu hỏa nhập ma. Tôi không tập tành, tu luyện gì cả, mà tự nhiên những điểm này mở ra.

Mùa đông 2004, tôi đang giúp má tôi thu hoạch cà phê ở Gia Lai thì tôi thấy một căn nhà đẹp hiện lên giữa trán, 3 đêm liền tôi không thiếp được, mà chỉ thấy hình ảnh đó. Không phải là sự ám ảnh. Đầu óc tôi lúc đó rất sáng suốt, còn sáng khoái nữa. Đến 9-2005 thì tôi dọn về nhà mới, má tôi mua.

Việc này không chủ quan, không phải của riêng tôi. Những người khác cũng có khả năng như vậy. Ông sư Quang Huy ở chùa Khải Đoan ở Buôn Ma Thuột, trong bếp có người đối, mua mì tôm ăn, không chay, ăn mặn, không có mặt ở đó, nhưng ông biết, ông xuống bếp hỏi, ai cũng giật mình. Người giác ngộ đạo Phật hay Lão là dễ có khả năng này và ai cũng có khả năng này, nhưng nó bị lý trí che lấp đi, như trong bài báo sau đăng trên website cand.com.vn, website báo Công An Nhân Dân ngày 7 – 10 – 2006:

Lý giải của các nhà khoa học về “con mắt thứ ba”

Theo các nhà khoa học trên thế giới, “con mắt thứ ba” có thể là cơ quan giúp một số người có được những khả năng đặc biệt như tiên tri hay thần giao cách cảm.... Còn đối với các nhà yoga, các thiền sư lỗi lạc thì bất cứ ai trong chúng ta cũng có "con mắt" đó, vấn đề là có biết “mở” nó ra hay không mà thôi.

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Phúc Giác Hải thì chị A có thể nhìn bằng “con mắt thứ ba” là do chị đã mở được luân 66. Tuy nhiên, cũng như rất nhiều người có khả năng đặc biệt khác ở nước ta, mặc dù không phải do luyện tập yoga mà có được, song có thể do những tác nhân bên ngoài kích động vào vỏ não (chẳng hạn như tai nạn xe cộ, chấn thương sọ não, mắc bệnh nặng...) đã vô tình mở ra được những trung tâm vốn bị đóng từ ngàn xưa.

Theo nhà yoga số 1 Việt Nam Nguyễn Thế Trường, đối với những người luyện yoga đến mức thượng thừa thì chuyện nhìn thấy mọi sự vật, hiện tượng xảy ra trong vũ trụ không có gì lạ, chứ đừng nói đến chuyện chỉ là đọc chữ khi nhắm mắt.

Một số nhà yoga của Ấn Độ, Tây Tạng giam mình trong hang động, tu luyện suốt cuộc đời đã có thể làm chủ được bản thân, khai mở được những bí huyết, huy động được những tiềm năng sâu ẩn trong cơ thể mình, nắm được chìa khóa tác động đến những tầng bậc sâu kín của “cái tôi đích thực”, đạt được những khả năng siêu phàm bí ẩn, tới được cảnh giới tối cao làm biểu hiện “bản tính chân như”, hợp nhất cá thể cùng vũ trụ... Khi các nhà yoga hòa hợp được với vũ trụ thì quyền năng của họ là không thể lường hết được.

Ý thức con người như một tảng băng, phần ta nhận ra chỉ là phần nổi, còn tiềm thức là phần chìm. Yoga có những phương pháp khai thác được phần tiềm năng còn chìm trong mỗi con người. Do vậy, yoga có thể làm sáng tỏ những bí ẩn của con người trong vũ trụ.

Đối với chị A, tuy không luyện tập yoga, song nhờ cơ duyên đặc biệt đã khai mở được những bí huyết trong bộ não. Tuy nhiên, theo ông Trường, nếu chị A không tiếp tục có sự luyện tập đúng bài bản, có sự hướng dẫn của những chuyên gia về yoga hoặc thiền tông thì đến một độ tuổi nào đó, khả năng này sẽ dần biến mất và đó sẽ là một điều rất đáng tiếc đối với các nhà nghiên cứu về tiềm năng con người.

Nhà nghiên cứu Tuệ Đức, người đã bỏ công sức làm các thí nghiệm về chị A trong suốt 4 năm trời qua thì khẳng định rằng, những người luyện thiền cũng có thể khai mở được khả năng nhìn không bằng mắt. Hiện tại, ông cũng đang nghiên cứu một số trường hợp nhìn bằng “con mắt” ở trán của một số thiền sư, song ông không cung cấp địa chỉ vì đối với những người luyện thiền họ cần có sự yên tĩnh, tập trung luyện tập. Tuy nhiên, kể cả những thiền sư lỗi lạc nhất cũng chưa luyện được đến mức nhìn mọi vật rõ ràng như chị A, đặc biệt lại có thể nhìn bằng cả trán, mũi và hai bên thái dương.

Ông Đức chưa công bố lời giải thích cụ thể, song ông đã liên hệ hiện tượng nhìn bằng “con mắt thứ ba” của chị A. có những cơ chế đặc biệt giống với rất nhiều loài bò sát như các nhà khoa học trên thế giới đã nhận định. Tuy nhiên, theo ông Đức, khả năng nhìn của một số loài động vật còn ghê gớm hơn nhiều. Chẳng hạn như một số loài cá, ngoài việc có thể cảm thụ ánh sáng bằng da, nó còn phân tích nhanh chóng màu nước để thay đổi màu da cho lẫn với màu nước nhằm che mắt kẻ thù.

“Con mắt thứ ba” của chị A là tuyến epiphysis trong não như các nhà khoa học trên thế giới phân tích hay do những điểm trên da của chị A có những cấu tạo đặc biệt còn phải tiếp tục nghiên cứu bằng nhiều cuộc thí nghiệm và bằng khoa học hiện đại. Ông Đức cũng khẳng định rằng, việc “nhìn” bằng trán, mũi, thái dương của chị A hoàn toàn không có tính chất ma quái và khoa học sẽ giải thích được trong thời gian tới.

Theo các nhà khoa học, ở Hội Người mù Hà Nội cũng có một số trường hợp khiếm thị đã khai mở được “con mắt thứ ba” do tập thiền công phu. Nhà nghiên cứu Nguyễn Phúc Giác Hải đã gặp chị Tú, người bị hỏng hoàn toàn hai mắt, nhà ở Láng Hạ (Hà Nội).

Theo chị Tú, khi ngồi thiền, chị đã nhiều lần thấy được hình ảnh trên tivi bằng “con mắt” đặc biệt ở vùng trán. Chị Tú bảo, đã vài lần “nhìn” thấy ông Hải trên chương trình “Những chuyện lạ Việt Nam” nên khi ông bước vào nhà là chị nhận ra ngay. Tuy nhiên, việc “nhìn” bằng “con

mắt thứ ba” của chị Tú là rất hãn hữu và mờ nhạt. Khả năng này chỉ chợt đến rồi chợt biến mất. Việc chị Tú có chút khả năng đặc biệt là do rất chăm chỉ học thiền trong 4 năm qua. Hiện một ông thầy dạy thiền đang tập luyện cho những người khiếm thị ở Hội Người mù Hà Nội như chị Tú để khai mở tiềm năng bí ẩn của “con mắt thứ ba”.

Nhiều tài liệu cổ khẳng định khả năng đặc biệt này có thể được đánh thức nhờ tập luyện thiền công phu hoặc yoga và hiệu quả cũng đã có, như vậy, một tia hy vọng mới dù rất ít ỏi đã mở ra cho người khiếm thị.

Và không chỉ vậy, mời bạn đọc tiếp bài báo sau để thấy khả năng khác thường của con người:

Cô gái Việt nhìn bằng “con mắt thứ 3”

Theo lời kể của chị A và ông Tuệ Đức, người đã 4 năm miệt mài, âm thầm nghiên cứu hiện tượng lạ này thì chị A không những có “con mắt thứ ba” mà điều đặc biệt là bằng sự điều khiển từ suy nghĩ của chị, “con mắt” sẽ phát huy tác dụng ở trán, ở hai bên thái dương hoặc ở mũi.

Phần I: Cuộc thí nghiệm bí mật

Trong hơn chục năm qua, ông Tuệ Đức, Tổng giám đốc Liên hiệp Khoa học tin học ứng dụng Việt Nam và các thành viên là các nhà khoa học trong Liên hiệp đã có cả ngàn cuộc nghiên cứu thí nghiệm đề tài về những khả năng được coi là đặc biệt của con người trên khắp cả nước.

Tổng kết các cuộc nghiên cứu, thí nghiệm, các nhà khoa học ở Liên hiệp nhận thấy, có đến 98-99% số người tự nêu ra khả năng “đặc biệt” là lừa bịp. Như vậy, con số 1-2%, dù vô cùng nhỏ bé, dù còn phải nghiên cứu nhiều, song sự tồn tại những khả năng đặc biệt là có thật? Có nhiều chuyện kỳ lạ mà các nhà nghiên cứu từng thí nghiệm như có người nhìn thấy linh hồn, nhìn thấy quá khứ, nói chuyện với người âm... nhưng với kết quả là đúng sự thực, các nhà khoa học vẫn chưa dám công bố.

Tôi từng được ông Tuệ Đức cho xem một đoạn phim quay cuộc thí nghiệm về một hiện tượng mà người ta gọi là bị... "ma" nhập. Đó là một người đàn ông còn trẻ, anh ta thỉnh thoảng lại bị một con “ma chữa” nhập vào khiến mặt mũi đỏ gay đỏ gắt, nói giọng con gái, cứ cười khanh khách và đặc biệt là cái bụng tự nhiên trương phình lên như người chứa 8 tháng (?!). Khi các nhà khoa học dùng roi dũa vụt vào cơ thể anh ta, thì tự nhiên "con ma" thoát ra ngoài, và cái bụng anh dần dần xẹp xuống (?!).

Các nhà khoa học ở Liên hiệp đã nghiên cứu nhiều lần, song vẫn chưa tìm ra lời giải đáp thuyết phục cho hiện tượng trên nên vẫn chưa dám công bố kết quả. Người đời thì cứ cho rằng, đó là hiện tượng "ma" nhập. Những chuyện lạ xảy ra ở nước ta mà các nhà khoa học của Liên hiệp Khoa học tin học ứng dụng đã nghiên cứu là rất nhiều và nó thực sự quá kỳ lạ mà đôi lúc ta không thể phủ nhận, cho rằng đó là vớ vẩn, mê tín dị đoan.

Chẳng hạn như chuyện về những người có khả năng tìm mộ. Đối với người dân thì những chuyện trên thuộc lĩnh vực mê tín, song đối với các nhà khoa học chuyên nghiên cứu những khả năng đặc biệt của con người thì hoàn toàn mang tính khoa học thuần túy. Ông Tuệ Đức lý giải rằng, mỗi con người, mỗi sự vật trên trái đất đều có một loại sóng đặc biệt mà khoa học chưa tìm ra được bằng máy móc thông thường. Khi sự vật mất đi, khi con người tan biến vào cát bụi thì loại sóng bí ẩn đó vẫn lưu lại trên trái đất có thể hàng trăm, hàng ngàn năm.

Năng lượng bộ não con người là vô tận, con người mới chỉ khám phá được một phần rất nhỏ, song đối với một số người, vì những lý do nào đó, do bệnh tật, tác động của ngoại cảnh, nội lực đã khai mở được phần bí ẩn của bộ não, mà phần bí ẩn này có khả năng giải mã được những loại sóng đặc biệt đó. Hiểu một cách đơn giản thì chiếc tivi hoặc chiếc radio có thể giải mã được các tần số sóng, nhà ngoại cảm có thể ví như chiếc tivi hay chiếc radio vậy.

Tôi đã nghe ông Tuệ Đức hé lộ về cô gái có khả năng đọc được chữ, nhìn thấy mọi vật bằng... trán, bằng mũi, bằng hai thái dương từ mấy năm trước, trong những lúc có chút men rượu. Tuy nhiên, khi tôi đặt vài câu hỏi liên quan đến cô gái đặc biệt kia thì ông Tuệ Đức tỉnh liền và lảng sang chuyện khác, mặc cho tôi thuyết phục đủ kiểu. Mấy năm nay, thi thoảng tôi lại điện thoại hoặc ghé Liên hiệp Khoa học tin học ứng dụng “thăm” ông Đức và... hỏi thăm về cô gái có “con mắt thứ ba”, nhưng cũng chỉ nhận được nhón một câu “đang nghiên cứu”.

Đối với ông Tuệ Đức, cô gái này là nhân vật đặc biệt nhất mà ông từng gặp, cho nên ông quyết tâm nghiên cứu thật kỹ càng trước khi công bố. Cách đây không lâu, nhà nghiên cứu Nguyễn Phúc Giác Hải khi trả lời phỏng vấn trên truyền hình cũng nhắc đến cô gái có khả năng kỳ lạ trên, song nhất định không tiết lộ thông tin cụ thể.

Nhà báo Thanh Tùng, người dẫn chương trình “Chuyện lạ Việt Nam” cũng tốn không ít công sức thuyết phục, song ông Hải chỉ lắc đầu. Tôi cũng từng gọi điện thoại tới ông Hải, song cũng thất bại. Một số nhà báo biết chuyện này cứ tiếc ngẩn tiếc ngơ.

Thời gian trôi đi, không hiểu thương xót cho sự “nhiệt tình” của tôi hay sao mà sáng sớm ông Tuệ Đức đã điện bảo tôi đến ngay Liên hiệp Khoa học tin học ứng dụng để gặp người phụ nữ có “con mắt thứ ba”, với điều kiện không được dẫn ai theo và nếu viết báo thì không được nêu tên, địa chỉ cụ thể của chị.

Các nhà khoa học chưa muốn công bố kết quả các cuộc nghiên cứu vì chưa có lời giải đáp thuyết phục, hơn nữa nếu công bố tên tuổi, địa chỉ cụ thể của người phụ nữ này trên báo chí sẽ có nhiều người tò mò tìm đến làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng tư của chị. Từ đây xin tạm gọi người phụ nữ này là A.

Mới đầu giờ sáng mà căn phòng tầng 4 đã chật kín các nhà khoa học của hai cơ quan chuyên nghiên cứu hiện tượng lạ, khả năng đặc biệt của con người là Liên hiệp Khoa học tin học ứng dụng, Trung tâm Bảo trợ Khoa học kỹ thuật truyền thống. Ngoài ra còn có một số nhà khoa học của Viện Khoa học Hình sự, Bộ Công an đến để chứng kiến, ghi nhận và vào cuộc nghiên cứu nhằm vận dụng khả năng của chị A.

Khác với tưởng tượng của tôi, chị A không có vẻ ngoài gì đặc biệt. Chị ngoài 30 tuổi, mặc áo thẫm màu, chiếc quần kẻ giản dị, trông chị chất phác và bình thường như bao cô gái lam lũ ở các vùng quê.

Phương án thực hiện cuộc thí nghiệm đã được vạch sẵn từng bước. Qua mỗi bước thí nghiệm thông minh của các nhà khoa học, khả năng của chị A sẽ được bộc lộ và những toan tính, những chuyện bịp bợm nếu có cũng dễ dàng bị lộ tẩy.

Ông Tuệ Đức đã làm thí nghiệm nhiều lần với chị A nên khuôn mặt ông không có vẻ vừa háo hức vừa nghi ngờ như những nhà khoa học được chứng kiến lần đầu. Lần thử nghiệm này ông tập hợp nhiều nhà khoa học của ba cơ quan hàng đầu Việt Nam chuyên nghiên cứu hiện tượng lạ, cốt để cùng hợp tác đi tìm lời giải thích cặn kẽ, có sức thuyết phục.

Sau khi đã trình bày kết quả các lần thí nghiệm trước, những đặc điểm sơ lược về thân nhân của chị A, ông tiến hành làm thí nghiệm trước sự chứng kiến của đông đảo các nhà khoa học đứng ngồi xung quanh. Chiếc camera của ông Đức được bật lên, cuốn băng chạy sẽ sẽ. ▶

Bước đầu tiên, ông Đức yêu cầu chị A nhắm mắt lại. Sau khi chị A đã nhắm tịt cả hai mắt trước sự chứng kiến của mọi người thì một nhà khoa học cầm tờ Chuyên đề ANTG mà tôi mang đến tiến về phía chị A. Nhà khoa học này giơ tờ báo lên trước mặt, chị A cũng ngước mặt lên theo như thể chị nhìn thấy mọi hành động của nhà khoa học này. Tất cả những người chứng kiến lần đầu đều trố mắt kinh ngạc. Nhưng ngạc nhiên hơn là chị “đọc” báo... bằng trán rất trôi chảy.

Đó mới chỉ là bước đầu tiên của cuộc thử nghiệm. Để hóa giải mọi nghi ngờ khi một số người đặt câu hỏi: “Liệu chị A có nhìn theo kiểu ti hí hay không?”, ông Tuệ Đức dùng mẫu băng dính đen dán hai mí mắt chị A lại. Với hai mẫu băng dính chắc chắn, chị A cố mở thế nào, hai mí mắt cũng không nhích lên được. Tuy nhiên, khuôn mặt chị A vẫn thanh thản. Chị đọc vanh vách hết trang này đến trang kia của tờ báo như bất cứ một người bình thường nào.

Đây là tờ báo vừa phát hành buổi sáng mà tôi cầm đến, nên nhiều khả năng chị A chưa được đọc lần nào chứ đừng nói đến chuyện chị đã đọc thuộc lòng. Tất nhiên, bất kỳ một loại tài liệu nào đưa ra trước đôi mắt dán chặt bằng miếng băng dính đen ngòm kia chị A đều đọc rất trôi chảy.

Để loại bỏ khả năng đôi mắt của chị A đặc biệt đến nỗi có thể nhìn xuyên thấu lớp mi và băng dính mỏng, các nhà khoa học dùng tiếp tờ tạp chí để che trước hai mắt chị. Tuy vậy, chị A vẫn đọc lù lù như không hề có chuyện gì xảy ra, thậm chí các nhà khoa học mang cả cuốn sách dày hơn 10cm che trước mắt, cũng không gây khó khăn gì cho việc tiếp nhận thông tin của chị A từ những tờ báo.

Lạ lùng hơn, chị A ngước trán lên tường nhà đọc chính xác con số chỉ từng giây, từng phút trong chiếc đồng hồ treo tường; chị chỉ tay, và miêu tả hình dáng, màu áo quần từng giáo sư, tiến sĩ, các nhà khoa học đang đứng, ngồi khắp phòng, khiến các nhà khoa học đi hết từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác.

Một nhà khoa học còn cẩn thận bằng cách dùng chính đôi tay của mình bịt hai mắt chị A nhưng hỏi vật gì xung quanh, chị nói đúng vật đó. Một nhà khoa học khác thì nghĩ ra cách dùng hai chiếc cốc sứ dày, chụp cả vào hai mắt chị A và đem cuốn Kinh Dịch bày trước mắt chị. Chị vẫn đọc lưu loát, không sai một lỗi chính tả.

Ngay cả nhà nghiên cứu Nguyễn Phúc Giác Hải cũng đã từng mất mấy ngày trời để sáng chế ra một chiếc kính có mắt kính đen ngòm, dày cộp, ôm kín mắt chị A, song ông ngồi quan sát chị cả ngày, chị vẫn đeo kính và làm việc bình thường, xem tivi, đọc sách như không có chuyện gì xảy ra. Người khác đeo chiếc kính đặc biệt của ông, trước mặt sẽ chỉ là bóng đêm đen kịt.

Để tìm ra vị trí “con mắt thứ ba” của chị A, các nhà khoa học che kín cả khuôn mặt chị lại. Lúc này, dù cố gắng thế nào chị cũng không nhìn thấy gì nữa. Như vậy, dù “con mắt thứ ba” của chị nằm ở đâu trên khuôn mặt thì nó cũng đã bị che khuất. Ông Tuệ Đức kéo dãn vật che mặt từ phía đỉnh đầu xuống phía cằm. Khi vật che hở phần trán, điểm giữa hai lông mày thì chị lại nhìn được.

Chị A cũng khẳng định rằng, chị nhìn được là nhờ “con mắt” ở trán, phía trên sống mũi, điểm giữa hai lông mày. Chị nhận thấy có một luồng ánh sáng chiếu từ trán ra và thu nhận được những hình ảnh trước mắt như một chiếc máy quay phim vậy. Chuyện nghe cứ như vị bồ tát có con mắt giữa trán ở trong phim Tây Du Ký!

Ông Tuệ Đức cùng các thành viên trong đoàn nghiên cứu tiếp tục bịt khắp mặt của chị A lại và chỉ để hở một điểm nhỏ ở mũi theo yêu cầu của chị. Thật ngoài sức tưởng tượng khi chị có thể nhìn thấy mọi vật và đọc được mọi loại sách báo bằng mũi. Các nhà khoa học lại che

mũi và để hở một bên thái dương. Lại một sự sửng sốt mới: Thái dương của chị A cũng có "mắt". Che thái dương bên trái, chị đọc sách bằng thái dương phải, che thái dương bên phải, chị đọc bằng thái dương bên trái.

Theo lời kể của chị A và ông Tuệ Đức, người đã 4 năm miệt mài, âm thầm nghiên cứu hiện tượng lạ này thì chị A không những có "con mắt thứ ba" mà điều đặc biệt là bằng sự điều khiển từ suy nghĩ của chị, "con mắt" sẽ phát huy tác dụng ở trán, ở hai bên thái dương hoặc ở mũi.

Do vậy, dù có bịt cả hai mắt, che cả mặt, song chỉ cần hở ra một trong 4 điểm trên khuôn mặt là chị A nổ xe máy phóng vù vù trên đường đông người qua lại. Điều này, ông Tuệ Đức cũng đã làm thí nghiệm. Chính chị A, trong hoàn cảnh bịt mắt đã chở ông Đức dọc đường làng, vượt qua các chướng ngại vật do các nhà khoa học sắp xếp.

Theo ông Tuệ Đức, cách đây 4 năm, khi ông bắt đầu nghiên cứu chị A thì thi thoảng chị A mới bộc lộ khả năng đặc biệt. Mỗi khi khả năng của chị bộc lộ, gia đình lại gọi ông đến làm thí nghiệm và lần nào cũng thành công mỹ mãn. Thời gian gần đây, "con mắt thứ ba" của chị đã ổn định hơn và có thể nhìn bất cứ lúc nào.

Khả năng đặc biệt của chị A, theo lý giải bước đầu của các nhà khoa học, có thể là một ngoại lực hoặc nội lực nào đó đã vô tình đánh thức một cơ quan bí ẩn của não bộ mà các nhà khoa học chưa phát hiện ra. Việc chị A nhìn được bằng "con mắt thứ ba" là rất lạ đời, bởi chị không hề tập thiền, không tập yoga mà theo chị và gia đình thì chị cũng chẳng có tiền sử bệnh tật hay bị một chấn thương nào.

Hoàn cảnh gia đình chị cũng bình thường như những gia đình khác. Chị sinh ra trong một gia đình làm nghề nông ở Hải Phòng. Chị đã lấy chồng, có con và hiện đang sống với chồng ở Lương Sơn (Hòa Bình) rất bình thường như bao người phụ nữ khác. Chị A cho biết, một ngày cách đây 5 năm, tự nhiên chị thấy có một luồng sáng từ trán chiếu ra và chị cảm nhận được những hình ảnh mờ nhạt qua luồng sáng đó. Sợ hãi quá, chị dùng băng dính đen dính "con mắt" ở trán đó lại, nhưng rồi bằng sự điều khiển qua ý nghĩ, chị lại thấy có luồng sáng phát ra từ mũi. Chị dán ở mũi thì lại nhìn được bằng thái dương.

Chị và gia đình quá sợ hãi, không biết nguyên nhân vì sao. Thế rồi một người mách chị đến Liên hiệp Khoa học tin học ứng dụng, nơi có các nhà khoa học chuyên nghiên cứu về các hiện tượng đặc biệt. Từ đó chị được các nhà khoa học quan tâm, làm rất nhiều thí nghiệm và đặc biệt, mỗi ngày chị đã nhìn thấy mọi vật rõ hơn bằng "con mắt thứ ba", và giờ đây, "con mắt" ấy đã nhìn mọi vật rõ ràng như mắt thường.

Bài này đăng trên báo Công An Nhân Dân, Ngày 7 – 10 – 2006

Và bài sau, cũng trên website cand.com.vn ngày 7 – 10 – 2006:

Người "nhìn" được bằng "con mắt thứ ba"?

Một số người "nhìn" bằng "con mắt thứ ba" là do hoạt động phần mềm của bộ não có những xáo động (có một số nghiên cứu cho rằng nguyên nhân là do hoạt động của vùng hải mã trong bộ não không bình thường) đã đưa kênh ngoại cảm từ bị ức chế lên hoạt động.

Nhìn bằng "con mắt thứ ba" phát hiện được ở Việt Nam và thế giới, thường "đặt" ở các vùng da sau gáy, trước trán, đỉnh mũi, dái tai... Các vùng đó thường là những huyết mạch của hệ thống huyết đông y. Một số nghiên cứu nước ngoài về huyết, không tìm thấy thêm các thể cảm thụ gì mới ở huyết so với các vùng da bì khác.

Trong da bì có cơ quan cảm thụ nóng lạnh, đó là các tiểu thể Ruffini và Krause, cảm thụ được các kích thích nhiệt (dẫn truyền tới bằng các dao động nhiệt phân tử và bằng bức xạ tia hồng ngoại).

Kích thích nhiệt bằng tia hồng ngoại được thực hiện bởi tác dụng quang hóa lên các tế bào cảm thụ (của các tiểu thể nóng lạnh Ruffini và Krause đã nêu ở trên) tạo nên điện thế xung điện ở đầu dây thần kinh đưa đến vỏ não để nhận diện cảm xúc nóng lạnh (đó là định khu xử lý nóng lạnh đánh số 1 và số 2 ở vỏ não đỉnh).

Ở một số động vật cấp thấp, kích thích nhiệt bằng tia hồng ngoại ở các tiểu thể nóng lạnh được dùng để “nhìn” bằng da, ở trường hợp này các xung điện kích thích đưa đến vỏ não ở đỉnh khu xử lý về hình ảnh thu được (với con người, đó là định khu xử lý thị giác, được đánh số 17 nằm ở khe của vỏ não).

Những người “nhìn” bằng “con mắt thứ ba” ở các điểm trước trán, đỉnh mũi, dái tai đã phục hồi lại cách nhìn bằng các tiểu thể nóng lạnh ở động vật cấp thấp; bằng cách “chuyển” các xung điện kích thích ở các tiểu thể nóng lạnh (ở các điểm nhìn bằng “con mắt thứ ba” nói trên) về vỏ não, từ định khu nóng lạnh 1,2 (với những người bình thường vẫn thực hiện) sang định khu 17 xử lý nhận dạng tín hiệu thị giác (ở người bình thường tín hiệu từ 2 con mắt vẫn gửi tới định khu 17 để xử lý).

Việc “chuyển” các trạng thái hoạt động thần kinh nói trên liên quan đến khả năng mở kênh ngoại cảm. Các hiện tượng ngoại cảm (là các hiện tượng không thu nhận bằng 5 giác quan thông thường) có trước đây ở động vật cấp thấp vẫn nằm ở vùng tiềm năng của con người, thông thường nó bị hoạt động thần kinh ức chế. Nó chỉ được đưa lên xử lý ở vùng ý thức (vùng xử lý của kênh năm giác quan thường trực) nhờ mở kênh ngoại cảm (kênh ngoại cảm là kênh không thường trực được mở nhờ điều khiển bởi ý thức của con người).

Kênh ngoại cảm có lúc mở được có lúc không (có người lúc đầu khó mở sau mở dễ dàng) chính là do khả năng chuyển trạng thái từ ức chế sang phát động, bởi điều khiển hoạt động thần kinh có ý thức của mỗi người.

Một số người tập luyện yoga, khí công, thiền, do tạo được ức chế ở vỏ não, ức chế các hoạt động của các kênh thường trực năm giác quan (giảm hoặc buông lỏng các hoạt động của kênh năm giác quan, gần giống với trạng thái khi ngủ). Sự ức chế năm giác quan nói trên đã tạo khả năng đưa kênh ngoại cảm từ ức chế sang phát động, vì vậy một số người kể trên đã “nhìn” được bằng “con mắt thứ ba”.

Việc “chuyển” chức năng xử lý từ định khu này sang định khu khác được thực hiện nhờ đặc tính linh hoạt của bộ óc, dựa trên sự đấu nối linh hoạt của tế bào thần kinh (có thể thay đổi đấu nối từ hướng này sang hướng khác), dựa vào cơ cấu có thể đấu nối song song của một kênh này với nhiều kênh khác (thực hiện ở vỏ não và áo não mới).

Để đọc được chữ in trên báo, bằng “con mắt thứ ba” phải nghiên cứu về độ phân giải của cấu trúc các tiểu thể nóng lạnh. Bề rộng nét chữ in trên báo là 0,2 đến 0,3mm. Như vậy để nhìn thấy nó với bề rộng 1cm, vật cảm thụ phải phân biệt được 4 đến 5 vạch đen trắng. Điều này tương ứng với độ phân giải, chứa từ 16 đến 25 ô cảm nhận độc lập (pixel). Các tiểu thể nóng lạnh có mật độ ở da bì là từ 1-30 cái (1-30 pixel). Các điểm làm “con mắt thứ ba” được lựa chọn có mật độ tiểu thể phải lớn hơn 16 pixel.

Ngoài yêu cầu trên, điểm chọn làm “con mắt thứ ba” phải thỏa mãn hai điều kiện nữa: Có suy giảm tia hồng ngoại nhỏ (các điểm có vùng da bì mỏng và tương đối “trong” với tia hồng ngoại). Có khả năng đấu nối với kênh ngoại cảm được mở (điểm nhìn sau gáy, đã từng tồn tại ở động vật cấp thấp, vẫn còn giữ được liên hệ mở với kênh ngoại cảm được mở. Kênh

ngoại cảm có từ rất sớm, tương thích rất tốt với hệ thần kinh thực vật, mà hệ này lại có nhiều liên hệ với các huyết ở đầu tai, trán, đỉnh mũi).

Vì không có cơ cấu quang học như con mắt bình thường (con người, thủy tinh thể) làm tăng cường độ ánh sáng, tác dụng đến tế bào thị giác, nên tín hiệu “nhìn”, nhận được từ cơ quan cảm thụ nóng lạnh là rất yếu và lẫn rất nhiều can nhiễu (do môi trường xung quanh gửi tới). Bộ óc đã phải khắc phục các nhược điểm đó, mới “nhìn” rõ bằng “con mắt thứ ba”. Bộ óc thông qua xử lý phần mềm đã sử dụng một số biện pháp sau:

- Làm tăng độ nhạy thu của kênh ngoại cảm, bằng cách làm tăng phản ứng quang hóa ở các tế bào cảm thụ (một nhà ngoại cảm khi mở kênh ngoại cảm tìm mộ, lúc đó trong óc họ có rất nhiều tiền ồn lao xao của người “âm” vang lên, đó chính là bằng chứng tăng độ nhạy thu khi mở kênh ngoại cảm).

- Dùng phần mềm xử lý “ép” loại bỏ can nhiễu, lọc thu lấy tín hiệu cần lưu ý (khi ta nói chuyện với ai đó trong phòng rất ồn ào, ta hầu như không nghe thấy tiếng ồn đó - chính là mình chứng bộ óc đã xử lý “ép” loại bỏ can nhiễu).

- Sử dụng kỹ thuật ghi rồi đọc lại, có tính năng chọn lọc (loại bỏ can nhiễu, chỉ ghi và đọc lại tín hiệu cần lưu ý). Tín hiệu gửi đến xử lý ở bộ não đầu tiên được ghi vào bộ nhớ đệm sau đó được đọc lại để đưa đến bộ nhớ làm việc, và sau đó trao đổi với bộ nhớ dài hạn, trình tự nêu trên đều thực hiện ghi và đọc lại có tính năng chọn lọc.

Nhờ tất cả các biện pháp xử lý đã nêu trên, mở kênh ngoại cảm nhìn bằng “con mắt thứ ba” vẫn có khả năng “nhìn” được tốt ■

Tôi cho là đây là một điểm đặc biệt phân biệt Đạo Sĩ thật, thiền sư thật và những người tự cho mình là đắc Đạo. Nhưng với độc giả bình thường, thì tôi khuyên là đừng quá chú tâm hay phóng đại những điểm này mà hóa mê tín, hay nghĩ nhiều, bận tâm hay ham hố gì những khả năng này. Những cái như luân xa, khả năng này có lợi cũng như có hại, vì họa hay phúc, nó báo trước như nhau, như điện thoại di động vậy, có điện thoại di động không có nghĩa là bạn tốt hơn, đạo đức hơn, thông thái hơn người không có, vì lắm khi có điện thoại di động mà ta dễ bị stress hơn vì nhận tin xấu nhiều hơn, nhanh hơn. Những hiện tượng người thường không có đó, siêu nhiên đó đến một cách tự nhiên, không phải tu luyện gì. Tôi cũng khuyên độc giả là nếu là người thiền, thì không tin cái gì, tức vô thần. Niềm tin đặt giới hạn cho cuộc sống, mà cuộc sống vốn vô hạn. Trong trường hợp nào cũng vậy, cả lợi lẫn hại, người giác ngộ cứu vô vi là đúng với chân lý.

Tóm lại, Đạo sĩ vì thấy mình là cái hỗn độn âm dương không có bản tính nào cả mà đâm ra vô ngã. Và vì thấy ai cũng là Đạo, nên thấy ai cũng như mình, không thân và không sợ với bất kỳ ai. Họ không sùng bái ai cả, không sợ thần thánh, không sợ ma quỷ. Họ đối xử với mọi dân tộc như nhau, như đối xử với mình. Họ không theo bằng giá trị nào cả mà cũng không có bằng giá trị nào cả. “What is fixed is dead” - Cái gì mà cố định là cái đã chết. Cứ nhất mực làm tốt thôi thì chết, mà phải biết tùy thời. Có cái xấu phải làm. Giá như Kiều phá hoại nhan sắc mình đi, tạo ra một vết sẹo nhỏ trên má cho mất vẻ hoàn hảo đi thì được yên thân ngay, không còn gì để mà đau khổ cả. Đạo sĩ không bị nô lệ cho bất cứ cái gì, bất cứ ai, là hạng được giải thoát hoàn toàn. Song sự giải thoát này hoàn toàn cá nhân thôi. Đạo mà đắc được thì cha dạy con, anh dạy em, chồng dạy vợ... mà thế gian nở hoa thành thiên đường hết rồi. Bạc tử có thể có những Đạo không thể đắc. Tùy theo căn cơ mà có người đắc Đạo chỉ ở tuổi hai mươi, nhưng người khác thì tu tập cả đời cũng không biết cái không là gì. Mà tôi, dù muốn cũng chẳng giảng Đạo cho anh em tôi được giải thoát được, vì anh em tôi không yêu triết Phương Đông như tôi. Ấy vậy mà dù không hề muốn, anh Độ lại là người giúp giác ngộ cho tôi được, mà lại là thứ giác ngộ Lão Giáo anh không hề biết tới. Đạo sĩ cũng như thiền

sự có những khả năng đặc biệt mà người thường không bao giờ thấy được, ví dụ khả năng thấu thị, và họ cho rằng ai cũng có thể có những khả năng này, như, đơn giản hơn, ai cũng có thể học nhân điện vậy. Đạo Lão là sự giải thoát cá nhân, như ai tu nấy được, ai ăn nấy no. Tôi viết sách này ra cũng mong làm việc như vậy, là giúp cho những cá nhân nào đó trong xã hội, trước tiên có lòng yêu những cái sâu sắc của triết nói chung và của Đạo học nói riêng, rồi đọc nhiều, nghiền ngẫm nhiều, rồi thiền để tiến tới quên được cái mình yêu đi để được giải thoát tuyệt đối. Trực tiếp và cụ thể, ta cần làm gì, mời bạn xem chương tiếp theo.

CHƯƠNG IV

THỰC HÀNH

Thực hành ở đây là hành thiền. Ở đây tôi cho bạn là hạng trung bình như tôi. Còn nếu bạn là thiên tài, không học mà biết, tự suy ra được Đạo như Lão Tử, hay bạn có cách nào đó để đắc Đạo mà không phải thiền thì sách này chỉ để bạn tham khảo, hay theo một cách khác, bạn thực hành và dạy người khác sự giác ngộ mà không phải thiền, là một cách mới, khác với cách tôi. Tôi thì thiền và truyền cho người khác cách đó. Thiền không chỉ có trong Phật Giáo. Yoga là một kiểu thiền. Nhân điện (bioenergy) cũng là một kiểu thiền, nhưng khác với Đạo học và Phật học là thiền của hai phương pháp sau dẫn ta tới sự giải thoát tuyệt đối, không còn bao giờ đau khổ nữa. Nhân điện thì chỉ dùng để chữa bệnh. Người có nhân điện, như tôi chẳng hạn, cũng dùng nhân điện chữa bệnh, chữa được, một số bệnh chữa khỏi, rất tốt, không tốn tiền, không đau đớn, không tác dụng phụ, dễ dàng mọi lúc mọi nơi, nhưng có một số bệnh nó không chữa được. Bác tôi, người dạy nhân điện cho tôi, chết vì bệnh, mặc dù bác là ông thầy nhân điện. Nhân điện không giải thoát tâm ta được, tâm ta trống không khi ta ra lệnh cho nhân điện vào người ta qua các luân xa nhưng cái tâm trống này có tính cưỡng bức, không tự nhiên, không 24/24, bất cứ đâu, không vậy không được như thiền Đạo học và Phật học mà ta vẫn là người thường, còn vô minh. Nhân điện gần giống với thiền Đạo học nhưng dễ hơn và “thấp” hơn nhiều. Nhân điện thì ở Việt Nam, chắc là tỉnh nào cũng có thầy dạy, có người biết, nhưng Đạo sĩ thứ thiệt thì có mấy ai ngoài Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử, giáo sư Cao Xuân Huy, “thánh” Krishnamurti và thêm NNH? Bạn có thể cho rằng có nhiều Đạo sĩ nhưng ta không biết. Tôi thấy ngược lại là khi đắc Đạo rồi thì Đạo sĩ thấy ta và xã hội là một, mà ta thì đã giải thoát nên Đạo sĩ liền làm như Phật, là giảng Đạo, để giải thoát người khác. Đạo trừu tượng vậy còn thấy, hướng chỉ là viết một cuốn sách, là việc đơn giản hơn, là một cách giảng Đạo, rồi phát hành ra, bằng mọi cách, thật rộng rãi để giúp đời. Vì thế ta dễ thấy, dễ biết khi một người đắc Đạo Lão. Tôi dĩ nhiên là đọc nhiều sách Đạo học, và luôn xem các tác giả tham khảo. Đạo sĩ mà xuất hiện, tôi biết ngay, và liên lạc ngay. Nhưng ngoài mấy ông trên, tôi chưa thấy ai là Đạo sĩ thật cả. Có mấy ông là “giáo sư”, “tiền sĩ” gì gì đó, họ viết kể cả từ điển Tam Giáo Nho, Phật, Lão, nhưng họ chỉ copy lại Lão Tử, chứ không đưa ra được định nghĩa về Đạo dứt khoát, rõ ràng như tôi. Định nghĩa như tôi thì theo đó thiền được, giải thoát được, vì chính tôi đã thiền, và đã giải thoát, hơn vậy nữa, chính cuốn sách bạn đang đọc đây, và tất cả các hành vi của tôi, lối sống, tư duy, thế giới quan, nhân sinh quan đều thống nhất theo định nghĩa đó. Tôi không hề kiêu ngạo khi tôi liệt tôi vào danh sách những Đạo sĩ hiếm hoi, vì tôi chứng minh được bằng cả lý thuyết và hành động sinh động tươi rói như rau sống tôi là cái không, cái không không phải là cái tốt, khác xa cái tốt, nên tôi không phải là hiệu danh, là kiêu ngạo gì cả. Việc tự xưng mình là Đạo sĩ thì phải tỏ ra xứng đáng. Tục ngữ có câu: “Cây cao thì gió càng lay/ Càng cao danh vọng, càng dày gian truân”, phải chứng minh được mình là Đạo sĩ thật thường trực, ví dụ, yêu kẻ thù thường trực. Đạo sĩ thì hiếm hoi như vậy, với tôi, Đạo rất dễ mà rất khó, nên thiền Đạo “cao cấp” hơn nhân điện nhiều. Tôi khi chưa đắc Đạo, học nhân điện sơ cấp, trình độ tự chữa bệnh thì mỗi ngày

chừng vài giờ, trong một tuần là thành công. Còn thiền Đạo học thì phải tư duy, thiền không xác định thời gian, có khi suốt đời.

Thiền Đạo học là sự nhìn vào bên trong tâm trí mình để đạt tới sự sáng suốt, sự giác ngộ. Thiền có thể thực hành mọi lúc, mọi nơi. Vì là sự nhìn vào tâm trí bạn để đạt tới sự sáng suốt, không còn vướng mắc vào bất cứ cái gì, do đó không còn yêu ghét cái gì. Không yêu ghét cái gì thì không có cái gì gây họa cho bạn được. Muốn thế phải tự hỏi ta yêu cái gì, ta ghét cái gì và tại sao. Nói tóm lại là tìm hiểu chính tư tưởng bạn, và nhìn cho ra tất cả các ý nghĩ trong đầu bạn không có bản tính nào cả.

Tưởng là dễ, ấy vậy mà khó. Nếu bạn biết bạn yêu cái gì thì bạn sẽ dễ giỏi cái đó, do đó bạn đã đi hướng đó rồi, không đi lung tung mà đâm ra không thành công. Như bản thân tôi chẳng hạn, để biết tôi yêu cái gì thì mãi đến 30 tuổi mới biết, và chỉ một năm sau, tới 31 tuổi thì đắc Đạo. Vậy có thể nói những người không thành công là những người không biết mình yêu cái gì. Đại kiện tướng cờ vua khác với kiện tướng cờ vua điểm nào bạn biết không? Đại kiện tướng cờ vua thông minh hơn ư? Không phải đâu, mà là vì đại kiện tướng yêu cờ hơn kiện tướng. Vậy bạn phải tìm ra cho được cái bạn yêu là gì, và tương tự cái bạn ghét là gì. Bạn yêu cái gì thì bạn dễ dàng suy nghĩ về điều đó 24/24, khác với tham vọng. Hiện nay thì tôi thấy nhiều người “thích” tiếng Anh để đi làm ở các công ty nước ngoài, nhưng thật ra họ không yêu tiếng Anh, tức suy nghĩ về tiếng Anh 24/24. Họ chỉ tham vọng về tiếng Anh thôi. Tham vọng khác, yêu khác. Một cách so sánh khác là bạn xem bạn có yêu cái bạn thích như bạn yêu gia đình bạn không. Nếu bạn nói bạn thích toán học thì bạn coi nó tự nhiên như cha mẹ bạn vậy, thế mới gọi là yêu và như vậy chắc chắn bạn giỏi toán. Như tôi chẳng hạn, ngay khi chưa ngộ Đạo cũng vậy, cho tôi sống trong biệt thự đẹp, có bể bơi, có vườn hoa, có gara, có xe hơi, sáng chơi tennis, v.v... nghĩa là lối sống thượng lưu, nhàn hạ nhưng không được đọc sách triết thì tôi không thêm. Ngược lại, sống giữa những tủ sách triết học, dù ăn rau, tôi cũng vui lòng. Nhưng phải đến 30 tuổi, tôi mới phát hiện ra chính tôi như vậy. Khó, biết mình yêu cái gì là khó. Cuộc đời có quá nhiều thứ để lựa chọn, lại còn hỗn độn nữa, biết đi đường nào bây giờ?

Tương tự như vậy, nếu tôi hỏi bạn tư tưởng của bạn là gì, thì chắc bạn không dễ dàng trả lời được. Cái ngay trong đầu nhưng không dễ dàng trả lời được. Nhưng phải tìm cho ra, vì mục đích của ta là đạt tới sự sáng suốt, sự thông suốt trong tư tưởng mà. Muốn thế phải trả lời câu hỏi “tư tưởng của ta là gì?” Đó là cái mà nó phân biệt bạn với người khác, cái mà nó lái cuộc đời bạn đi. Tư tưởng bạn thế nào thì đời bạn thế ấy. Tư tưởng của bạn thì không thoát khỏi tư tưởng Việt Nam được. Tư tưởng Việt Nam là Nho, Phật, Lão, Cơ Đốc Giáo (gồm hai nhánh chính là Thiên Chúa Giáo và Tin Lành) và Chủ Nghĩa Mác. Đây là những nhánh chính, còn những nhánh nhỏ thì không đáng kể, chẳng hạn, Phật Giáo Hòa Hảo, hay Cao Đài. Hai tôn giáo sau thì chỉ có cả thầy chừng 4 triệu tín đồ trong tổng số hơn 80 triệu người Việt Nam mà thôi mà Phật Giáo Hòa Hảo thì cũng từ Phật Giáo mà ra. Phật Giáo Hòa Hảo và Cao Đài không thể đại diện cho tư tưởng Việt Nam, ảnh hưởng của hai tôn giáo này nhỏ, có tính khu vực ở miền Nam mà thôi. Đạo Cao Đài có truyền ra miền Bắc nhưng không có tính đại diện cao như Phật Giáo, Cơ Đốc Giáo được. Bạn nói gì thì nói, làm gì thì làm, không thoát khỏi tư tưởng Việt Nam được, trừ phi bạn điên khùng. Bạn thương yêu người khác ư? Nho Giáo, Thiên Chúa Giáo dạy bạn cái đó từ xưa. Nói bạn bất nhân, bất nghĩa tất bạn không chịu, phải không? Đó, nhân nghĩa, bạn chịu ảnh hưởng của Nho rồi. Bạn cầu tiến, bao giờ cũng cố gắng hết mình trong công việc, trong giao thiệp với người, lại thích làm việc nghĩa ư? Ấy, tư tưởng của bạn cũng không thoát khỏi Nho Giáo, vì Nho dạy ta như vậy từ xưa lắm rồi. Tư tưởng của bạn như vậy là không có gì mới lạ cả, bình thường thôi, và có thể nói là cũ mèm nữa, vì nó không vượt qua nổi ông Khổng. Bạn bị ông Khổng chặn lại, bạn

không vượt qua ông Không được. V.v... có thể nếu ra vô số ví dụ như vậy, bất cứ cái gì bạn làm, bạn nghĩ cũng không thoát khỏi 5 luồng tư tưởng trên được.

Vậy 5 luồng tư tưởng trên có đáng học không? Đáng chứ. Bạn học chúng để xác định tư tưởng bạn ở đâu trong 5 luồng đó, và tư tưởng bạn từ đâu ra. Cái này ít được quan tâm, vậy mới kỳ lạ. Tôi đã chứng kiến nhiều. Bạn có khi gặp một tay khoa bảng, cỡ như thạc sĩ quản trị kinh doanh (MBA) chẳng hạn, bạn hỏi các có: tư tưởng Việt Nam là gì, thì chắc rằng đa số không trả lời được. Nếu nói được tư tưởng Việt Nam là 5 luồng trên thì bạn hỏi tiếp “Nho là gì?“, “Phật là gì?“, “Lão là gì?“, “Chúa là gì?“, “Chủ nghĩa Mác là gì?“ thì chắc tay khoa bảng nọ trả lời không rành mạch. Tư tưởng Việt Nam mà không biết thì chúng ta suy nghĩ theo kiểu gì? Theo một kiểu không phải Việt Nam chăng? Dù là kiểu không phải Việt Nam thì cũng phải chỉ ra cho được nó là cái gì. Sự không thông tư tưởng chính mình tôi gặp rất nhiều trong thực tế, kể cả những người có học vị cao, tới tiến sĩ đi Tây học. Bạn dùng 5 luồng tư tưởng trên làm những cột mốc chính để xác định tư tưởng bạn từ đâu mà ra.

Để trả lời được câu hỏi “tư tưởng của ta là gì?” thì trước hết bạn tìm cho được đâu là các bài học quan trọng nhất trong cuộc đời bạn. Tìm được các bài học quan trọng nhất rồi, bạn tìm tiếp chúng từ đâu ra, thuộc hệ tư tưởng nào? Như hiện nay thì bài học quan trọng nhất trong đời tôi là Đạo. Trước đó, thì tư tưởng tôi phần nhiều thuộc về Nho Giáo. Không muốn vậy cũng không được, vì tôi muốn làm việc thiện, việc nhân nghĩa, việc tốt, chống cái xấu, cái ác, mà không đủ trình độ để quên chúng đi. Có quên sự làm việc thiện thì mới sống trong cõi giới “Vô” mà đủ trình độ “dĩ ân báo oán” rất cao của nhà Lão. Trước khi đắc Đạo thì tôi không đủ trình độ dĩ ân báo oán. Có lẽ cũng cần kể lại quá trình nhận thức của tôi trước khi đi vào hành thiện. Kể ra để bạn làm theo một cách tương tự mà thôi, không phải là sự phô diễn cái tôi: tôi mà muốn tốt thì hóa ra là xấu vì cái tốt là cái xấu.

Bài học thứ nhất, trích ngay truyện đầu tiên trong tập Góp Nhặt Cát Đá, có tên là Một Tách Trà.

Nan-in, một thiền sư Nhật sống vào thời Minh Trị (1868-1912), tiếp một giáo sư đại học đến hỏi về Thiền.

Nan-in mời trà. Ông đã rót đầy tách của khách nhưng vẫn tiếp tục rót thêm.

Vị giáo sư ngồi nhìn nước trong tách tràn ra cho đến khi không kiềm mình được nữa: “Đầy quá rồi. Xin đừng rót nữa.”

“Giống như cái tách này,” Nan-in nói, “ông cũng đầy ắp những quan niệm, những tư tưởng của ông. Làm sao tôi có thể bày tỏ Thiền cho ông được, trừ phi ông cạn cái tách của ông trước?”

Bài học này làm tôi có tính khiêm tốn một cách nguyên tắc. Khiêm tốn là đức tính đầu tiên cần có để học hỏi được nhiều. Trước khi đắc Đạo thì học nhiều, học mọi người xung quanh, học trong sách vở, trong thư viện, học ở nhà trường. Do bài học này mà ngay cả khi nghe một quan điểm trái ngược, tôi cũng để tâm tìm hiểu nguyên nhân tại sao, và tìm ra liệu quan điểm đó có phù hợp thực tế không, chứ không vội chỉ trích. Song, khiêm tốn là cái từ xã hội, từ bên ngoài đưa lại, bạn bắt bạn phải tuân theo, chứ nó không tự nhiên từ trong tâm trí bạn phát ra. Vì thế mà thoảng hoặc, bạn có thể quên, và vì muốn phô diễn cái hay của bạn, tức cái tôi mà bạn trở nên tự kiêu. Tín Lăng Quân, một trong “Chiến Quốc Tứ Công Tử”, nổi tiếng là hiền tài, là khiêm tốn với kẻ sĩ, vậy mà có lúc cũng kiêu ngạo, cậy công.

Bài học thứ nhì là thấy cái gì cũng hỏi “Tại sao? “. Cái gì cũng có nguyên nhân cả. Chính vì thế mà ta cũng hỏi “Tư tưởng của ta là gì và tại sao ta có tư tưởng đó? “

Bài học thứ ba là luôn quan sát sự vật, hiện tượng, con người từ nhiều khía cạnh, nếu không nói là từ tất cả các khía cạnh. Aristotle, nhà triết học cổ Hy Lạp đã dạy ta như vậy và cũng đã dùng cách đó. Chẳng hạn bạn tán gái, thì cần tìm hiểu hết những người thân của cô gái đó, tìm hiểu quá khứ, việc làm, sở thích, thói quen, yêu ghét. v.v... của cô gái đó. Nếu cô gái thích thơ thì bạn bình thơ, học làm thơ mà “tán công”, hẳn cô gái sẽ thích bạn. Khi tìm hiểu nhiều chiều cô gái, thông qua bạn bè, người thân, hàng xóm cô gái như vậy mà bạn mới xác định được là cô gái có công, dung, ngôn, hạnh hay không để mà tiến tới tiếp. Nói cô gái có công, dung, ngôn, hạnh là vì bạn chưa giác ngộ, dễ bị những cô gái như vậy thu hút. Nho Giáo cũng nói “trí tri tại cách vật”. “Cách vật” người Mỹ dịch là “investigate things”, là điều tra sự vật. Điều tra thì cũng phải nhìn từ nhiều chiều như vậy. Tôi cũng có thời gian làm gia sư, dạy môn Anh Văn. Khi dạy, chỉ một lớp, tôi dùng nhiều sách khác nhau của các tác giả khác nhau, đâm ra bài học có bề sâu và phong phú. Học trò làm bài tập nhiều thì cũng tiến bộ hơn. Đến một hôm, qua một em học sinh hàng xóm thì tôi biết rằng cô giáo cũ của em dạy Anh Văn cho em chỉ dùng có duy nhất một cuốn sách. Vì thế mà em cho rằng tôi dạy hay. Tôi biết người khác dạy như vậy, không khỏi bật cười. Ôi trời, kiến văn mông, thiếu kiến thức triết học như vậy thì “chết”. Dạy mà chỉ biết có một tác giả thì như người chột vậy. Phải nhìn vào đối tượng, vào môn học từ nhiều chiều, tức học theo nhiều tác giả khác nhau chứ. Chính vì cái lối luôn nhìn sự vật, hiện tượng từ nhiều khía cạnh mà ta đọc sách báo, nghe radio, thu lượm thông tin từ internet, tiếp xúc với người giỏi, v.v... nhiều. Tóm lại, làm bất cứ việc gì cũng phải tìm hiểu sự vật từ nhiều khía cạnh.

Không chỉ nhìn theo nhiều chiều như vậy mà theo Mạnh Tử, ta cũng cần kiên nhẫn nữa, như trong bài tôi gọi là “Ba câu phản tỉnh của Mạnh Tử” trích trong sách Cổ học Tinh hoa. Trong sách này bài viết ấy có tên gọi là Tự xét lại mình:

“ Người quân tử sở dĩ khác người là vì lúc nào cũng để tâm tới việc “nhân”, để tâm tới việc “lễ”.

Đã là người có nhân, thì yêu người, đã là người có lễ thì kính người. Mà theo nhẽ thường, yêu người thì người tất yêu lại, kính người thì người tất kính lại.

Người quân tử ăn ở như vậy, mà gián hoặc còn có kẻ đem thói ngang ngược đối đãi lại thì tất nhiên tự xét ngay mình lại, chắc mình còn bất nhân, chắc mình còn vô lễ, thì họ mới xử với mình như thế, chứ tự đứng thì có khi nào họ ngang ngược với mình được.

Người quân tử xét lại thật mình có nhân, thật mình có lễ, mà người ta đối đãi với mình vẫn ngang ngược như trước thì, thì tất lại xem xét lại mình ta nhân, ta lễ thật, nhưng ta chưa được hết lòng chăng?

Nếu người quân tử xét rằng thật đã hết lòng mà thói người ngang ngược vẫn như trước, thì bấy giờ người quân tử nói:

“Hạng này thật là càn dỡ. Người mà đến như vậy thì khác gì loài vật. Đối với loài vật thì ta còn so kể làm chi! “ “

Bài học này ích lợi trong việc giao tiếp. Nó làm ta khảo sát đi khảo sát lại một con người nhiều lần trước khi kết luận một người là tốt hay xấu. Biết người khó lắm. Vì thế mà không

vội vàng, không nghe tin đồn, sự phán đoán của ta về con người ít sai sót. Ít chứ không phải hết, vì có khi phản tỉnh tới 3 lần rồi nhưng có thể ta vẫn làm bản chất con người. Ví dụ, Pê Tanh là vị cứu tinh nước Pháp trong Thế Chiến thứ nhất, nhưng lại là tên phản quốc nhục nhã, đầu hàng phát xít Đức trong Thế Chiến thứ hai.

Mạnh Tử còn dạy tôi bài học sau: “Làm việc mà không hiểu rõ tại sao mình làm như vậy, cứ theo thói quen mà không chịu quan sát, trọn đời theo đó mãi mà chẳng biết phải trái thế nào, hạng người như vậy rất nhiều.” Tôi hiểu câu này vẫn tắt: Những thói quen xấu của ta ngăn cản ta trên đường thành công mà ta không biết. Vì thế tôi thường tự quan sát những thói quen xấu của tôi, do đó, tôi cũng lần ra những thói quen tốt của tôi. Vì thế mà ngay cả khi chưa giác ngộ, tôi hiểu chính tôi hơn khi tôi chưa biết quy tắc này. Đây cũng chính là một thứ thiền sơ cấp. Một người hữu vi lại có phát ngôn và giúp một người vô vi! Ta hãy xem danh nhân như Benjamin Franklin, ông ghi lại các tật xấu của ông, rồi ông diệt chúng mà thành một người rất dễ thương. Hơn nữa, còn là một người minh triết, dù là minh triết kiểu nhị nguyên.

Đọc Nho Giáo của Trần Trọng Kim thì tôi biết bài học sau: Vương Dương Minh ở Trung Quốc là một đại thần, một triết gia. Có lần ông phải đi đánh giặc cướp, tóm được tên cừ khôi của giặc, Hỏi vì sao mà tài vậy, tên cướp đáp: “Nghe nói có ai là người tài thì tìm mọi cách kết giao rồi cùng họ mưu việc lớn.”

Ấy, việc kết giao với người giỏi quan trọng như vậy. Có kết giao với người tài thì mới đa mưu túc trí được. Truyền thống của Nho Giáo là “thượng hiền” (tiến cử người hiền tài). Cứ thấy ai là người giỏi thì tôi không xu nịnh, nhưng tôn trọng, đánh giá cao khả năng của họ và làm bạn. Chính vì trước khi giác ngộ, tôi cực kỳ khâm phục anh Độ, vì thấy những gì anh nói và làm rất giống Chân Nhân, mà tôi mới học và thành Chân Nhân vậy.

Cách tôi giành chiến thắng là tôi áp dụng binh pháp Tôn Tử: tìm điểm yếu của đối phương rồi đánh vào đó. Chơi cờ, tán gái, đá banh, làm việc, v.v... thấy đều áp dụng cách này.

Và nếu tôi làm công nhân viên chức thì áp dụng bài học sau của Khổng Tử, trích trong Luận Ngữ:

“Ông Tử Trương trong khi đi học có ý muốn làm quan hưởng lộc. Biết rõ mục đích của ông, Khổng Tử dạy rằng: “Nên nghe cho nhiều. Những điều chỉ mình nghe chẳng tỏ, hãy còn hồ nghi thì dẹp lại một bên, đừng có nói. Còn những điều chỉ mình nghe được minh bạch, mình nên nói một cách dè dặt. Như vậy, ít có dịp người ta quở trách mình. Nên thấy cho nhiều. Những điều chỉ mình thấy chẳng rõ, có thể nguy hại thì dẹp lại một bên, đừng có làm. Còn những điều chỉ mình xét chẳng có hại, mình nên làm một cách dè dặt. Như vậy, ít có dịp mà mình ăn năn. Nói mà ít bị quở, làm mà ít ăn năn, bổng lộc tự nhiên ở đó rồi.”

Ở công sở, nghe nhiều, thấy nhiều tức là học nhiều từ nhiều khía cạnh, nếu không nói là tất cả các khía cạnh, rồi việc gì biết chắc đúng thì mới nói, mới làm. Việc gì còn lờ mờ thì không nói, không làm. Như vậy ít mắc lỗi.

Khổng Tử còn dạy tôi bài học rất quan trọng này: “Đương nhân bất nhượng ư sư”, nghĩa là làm điều nhân thì không cần nhường thầy. Nói rộng ra, làm điều phải, làm chân lý thì không nhường thầy. Ta vì chân lý chứ không vì thầy, vì thế, khi còn là sinh viên, tôi tranh luận với các thầy giáo, dù là tiến sĩ, dù là giáo sư, v.v... rất hăng. Tôi dùng hết sức lực, hết khả năng hiểu biết của tôi để dồn các thầy tôi vào góc như tranh luận với bạn bè ngang ngửa vậy. Tôi

chưa bao giờ là kẻ tiếp thu kiến thức thụ động mà luôn phê phán các kiến thức đó trước khi cho nó nhập vào mình. Thầy giỏi là thầy dạy tốt tới nỗi đào tạo được học trò giỏi hơn mình. Và mục đích của giáo dục là để cho thế hệ sau giải quyết những vấn đề thế hệ trước chưa giải quyết được, ví dụ như thế hệ hiện nay giải quyết vấn đề ung thư, AIDS, v.v..., chứ không phải lặp lại cái thế hệ trước đã làm rồi, như chết tạo bộ xử lý Pentium IV chẳng hạn. Vậy trò giỏi hơn thầy là bình thường. Vì thế trong học tập tôi luôn tranh luận thoải mái với thầy tôi.

Một bài học khác học từ Chúa Jesus là đi sau và phục vụ người khác, chứ không kiêu ngạo đứng trước người khác. Theo Kinh Thánh thì Chúa luôn đi sau và phục vụ các tín đồ của mình. Lão Tử cũng nói như vậy.

Không chỉ đi sau và phục vụ người khác mà tôi còn làm tốt đùng cho người khác biết như bác tôi nói.

Và vì mê đọc sách báo ngay từ nhỏ, thêm nữa, sách báo này được chế độ Cộng Sản trong nước kiểm duyệt nên từ bé tôi có tư tưởng duy vật. Tuy vậy, từ nhỏ, tôi xem Phật Thích Ca như thần, có phép màu, có thể trừng trị ta, khi chết thì bắt ta xuống âm phủ, tức là tôi rất mê tín Phật Giáo chứ không xem Phật như ông hàng xóm như bây giờ.

Sau hết và cơ bản nhất là phải nhân ái. Bài học này tôi không học một cách có ấn tượng từ Nho Giáo mà học từ Binh Pháp Tôn Tử và Nguyễn Trãi. Theo Tôn Tử thì làm tướng phải nhân hậu. Còn Nguyễn Trãi thì viết “Đạo làm tướng, nhân nghĩa làm gốc, trí dũng làm cành.” Làm người cũng như làm tướng, phải ứng xử với bao nhiêu người xung quanh như một viên tướng ứng xử với bao người xung quanh. Đạo làm tướng mà nhân ái thì đạo làm người cũng nhân ái.

Sau khi tìm ra các bài học quan trọng trong đời ta, những bài học quyết định tính cách ta và nguồn gốc của chúng rồi thì ta phê bình gắt gao các bài học đó. Chẳng hạn, bài học “Ba câu phản tỉnh” có thể làm, vì người xấu có thể làm việc tốt và người tốt có thể mắc lỗi, có thể làm việc xấu. Bài học của Khổng Tử về chốn quan trường cũng có thể mang họa, vì làm tốt thì thăng tiến, mà thăng tiến có nghĩa là cản mũi, vượt qua mặt nhân viên khác mà bị vu oan, bị đặt điều. Nhân ái lại là cái ác. Người ác có thể có một cuộc đời an lành, vui vẻ trong khi người thiện thì cứ bị khổ sở. Ấy, chợ đời này như vậy, chứ không phải câu tục ngữ ngây thơ “Ở hiền gặp lành” luôn luôn đúng. Luôn khiêm tốn đi sau phục vụ người khác thì cũng bị oán đày, một khi bạn phục vụ cơ quan bạn, gia đình bạn tốt. Một viên chức tốt, khiêm tốn là cái cản trở ghê gớm cho sự tiến thân của viên chức khác. Sau khi phê phán các tư tưởng của ta rồi thì thiền.

Thiền là sự nhìn vào tâm trí mình tìm ra các tư tưởng của mình từ đâu đến và chúng có bản tính gì không. Như đã nói trên, các tư tưởng trước khi đắc Đạo của tôi chắc bạn dễ dàng nhận ra chúng không có bản tính gì. Người có những tư tưởng đó có thể thành công mà cũng có thể thất bại. Khi nào bạn nhìn ra rằng cái tốt và cái xấu của những tư tưởng đó nhập lại làm một thì đó chính là cái một của Đạo, hay nói cách khác, bạn đắc Đạo.

Trực tiếp hơn thì bạn đem những mâu thuẫn nội tâm của bạn ra mà thiền. Khi những ý nghĩ đó tới, bạn cứ mặc nó tới, như những đám mây bay trên trời, bay tới một vùng trời rồi bay đi, chứ không ở hoài một chỗ. Chỉ khi bạn bị tâm thần phân liệt thì ý nghĩ mới dừng lại một chỗ. Khi những ý nghĩ của mâu thuẫn nội tâm đến thì bạn tự hỏi chúng từ đâu đến, bản chất của chúng là gì. Bạn có thể nghĩ như vậy khi lên giường ngủ, khi đang trên đường đi làm, khi

đang tắm, khi đang sửa một cái ghế, v.v... Vì thế mà tôi nói có thể thiền ở mọi nơi, mọi lúc, dễ dàng, tự nhiên. Và ở Đạo học thì bạn không cần phải ngồi theo tư thế nào cả, khác Phật học. Cứ tư thế nào thoải mái nhất cho bạn thì bạn trầm tư. Tôi chưa bao giờ biết “tọa vong”, biết “ngồi thiền” là gì. Tôi đắc Đạo khi tôi nằm tay chân co quắp, không theo kiểu gì cả, và khi đắc Đạo rồi thì làm gì cũng là thiền, tức là càng không theo một tư thế, một kiểu cách nào để “dễ thiền”, “khó thiền” gì cả! Không chấp mà, không chấp cái gì cả, không theo một kiểu nào cả, không theo một tư thế nào cả. Đừng có mong muốn trở thành một Chân Nhân, một Trang Tử thứ nhì. Ngay cả muốn trở thành một cái không cũng không. “Còn muốn thành Phật thì không bao giờ thành Phật.” Đã là Đạo sĩ thì không muốn gì cả. Khi thiền bạn cũng không muốn gì cả, cứ mặc cho các ý nghĩ nó đưa đến, rồi bạn suy luận, phân tích để thấy các mặt tốt xấu, lợi hại của chúng để thấy chúng hỗn độn, hay nói cách khác, chúng không có một tính chất gì thuần nhất, tuyệt đối cả.

Tôi chỉ giải quyết một mâu thuẫn nội tâm mà đắc Đạo. Tôi có mua một CD-ROM học tiếng Anh của một gã hàng xóm. Về nhà, cài vô máy tính không được. Tôi đưa cho một tay kỹ thuật cài vô máy anh ta để test, cũng không được. Thế là tôi mang lại cho gã hàng xóm để xem. Anh ta cài được. Cài xong, chạy ổn thỏa rồi, anh ta đưa lại cho tôi, buộc phải lấy. Chuyện đó đối với tôi là tất nhiên, tôi nào phản nản gì. Song, gã nói là khi mua, tôi bỏ láo, và khi đem trả, tôi cũng bỏ láo. Tôi không biết tôi bỏ láo gì. Gã đòi đánh tôi. Tôi tức ghê lắm. Cổ nhịn. Tôi về hỏi thiền sư Độ: “Vì sao em còn tức thẳng đó?” “Thiền sư trả lời: “Vì mày còn coi mày quan trọng hơn nó.” Tối đó, khi lên giường, tôi nằm tay chân co quắp, không theo tư thế nào cả, và xem ý nghĩ mình ghét thẳng hàng xóm từ đâu đến và có bản tính gì không: “Ừ đúng. Mình coi mình quan trọng hơn nó, tức là ý nghĩ đó xuất phát từ âm, dương, không phải một. Xem thử ý nghĩa này từ đâu ra. À, thật ra mình với nó là một.” Tới đó, tất cả các mâu thuẫn nội tâm của tôi không còn nữa, do trước đó tôi ghét tên hàng xóm là tôi dựa trên âm dương, dựa trên yêu ghét, dựa trên hai, chứ không phải trên một. Tôi thấy tôi và gã nhập thành một. Trong chừng hai phút, tôi thấy có một cái gì đó vỡ ra trong tôi. Trờ dậy, tôi đi lại, và bỗng thấy mình không yêu tiền nữa khi nghĩ tới nó, và cũng không ghét những thứ đáng ghét, như ghét rác chẳng hạn. Tôi thấy cái gì cũng hỗn độn, không bản tính. Sáng ra, tôi tuyên bố với anh em, với hàng xóm là tôi thiền được rồi, đã được giải thoát rồi. Nhưng mọi người xung quanh tôi chưa ai hiểu tôi cho rốt ráo hết cả. Dù vậy, tôi vẫn nhìn thấy mọi người xung quanh có một phần của tôi, chỉ khác là họ không nhận ra mình là cái không mà thôi.

Khác Phật giáo, khi thiền không được vọng tưởng. Vọng tưởng, chẳng hạn bạn thấy một phụ nữ đẹp, đâm ra bạn có đam mê với cô ta, rồi mơ mộng được nắm tay cô ta, được hôn cô ta. Thấy người có nhà đẹp, bạn mơ mộng được sống trong căn nhà đẹp như vậy. Thiền trong Phật giáo là làm việc gì thì khuôn tâm mình trong một việc đó thôi. Với Đạo học, qua ba nhà Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử tôi không thấy bàn về điểm này. Và ngay cả bản thân tôi, dù nhận ra mình là cái không rồi, có khi tôi cũng vọng tưởng. Tôi cho việc này không quan trọng. Vọng với thực là một. Bạn vọng tưởng một cô gái đẹp là vợ bạn thì bạn mới yêu cô ấy, rồi cưới cô ấy. Đạo học không có pháp quy, tôi cho là điểm chính là bạn dùng lý luận của Đạo học của ba nhà nói trên, và phần Đạo và Đức mà tôi trình bày trên để phân loại tất cả các ý nghĩ bạn có trong đầu là tốt hay xấu, lợi hay hại, vinh hay nhục, v.v... rồi suy luận để thấy rằng cái tốt là cái xấu, cái xấu dẫn tới cái tốt mà thấy rằng tất cả các vướng mắc trong tư tưởng bạn đều không có bản tính gì cả. Khi bạn không còn vướng mắc gì thì bạn thông suốt mọi lẽ, bạn nhận ra bạn là cái không, trở nên hạnh phúc.

Chương V:

Vận dụng Đạo học vào đời sống: Phê bình

Phê bình một số tài liệu Đạo học

Trong phần này, chúng tôi phê bình một số tài liệu Đạo học để độc giả có cái nhìn rộng rãi hơn về Đạo, tránh những lối nhìn Đạo thiên lệch, hiểu sai Đạo, vu oan cổ nhân. Mục tiêu của chúng ta là bàn về Đạo càng rộng càng tốt để giúp các bạn thiện vì thiện là không còn vướng mắc vào bất cứ cái gì. Muốn vậy, sau khi bàn bạc và chứng minh bằng các ví dụ thực tế sinh động rồi thì ta cô đọng Đạo Học lại trong vài hàng thôi, rồi dùng hệ thống đó phê bình các tác giả khác.

Trong thế giới của cái Có, cái Sắc, cái Hữu (Being, Existence, Everythingness), tất cả mọi vật đều không thoát khỏi âm, dương. Âm là ác, xấu, kém, tiêu cực, phía sau, bóng tối, tiểu nhân, thất bại, nhục, phía dưới, mềm, yếu, vật, bệnh, v.v... và dương là ngược lại: thiện, tốt, tích cực, phía trước, ánh sáng, quân tử, thành công, vinh, phía trên, cứng, tâm, khỏe mạnh, v.v... Người hay vật không trước thì sau, không tốt thì xấu, không hay thì dở, v.v... không thoát khỏi âm dương.

Đạo là cái một. Tốt luôn đi với xấu, nên tốt và xấu là một. Tương tự, thiện và ác là một, vinh và nhục là một, trên và dưới là một, v.v... âm và dương là một. Đạo là sự kết hợp giữa âm và dương. Đạo chính là Thái Cực trong kinh Dịch. Vì âm không bao giờ thuần âm, mà trong âm có dương, âm là dương và ngược lại, dương không bao giờ thuần dương, trong dương có âm, dương là âm, nên sự kết hợp âm dương đưa tới một kết quả là cái một, hay Đạo không rõ âm, hay rõ dương, tức không tốt, không xấu, không trên, không dưới, không cứng, không mềm, không bại, không thắng, v.v... mà là hỗn độn.

Vì hỗn độn, không rõ bản tính, nên Đạo có tính không. Đạo học là học thuyết phi học thuyết. Vì có tính không nên Đạo có hai mặt là có và không (Nonbeing, nonexistence, nothingness). Người thường chỉ thấy cái có, cái hữu, cái sắc, người thấy cái một tức đắc Đạo thì thấy hai mặt có và không. Cái không vượt ra khỏi âm, dương. Âm và dương mới chỉ là cái có. Chỉ khi ta giác ngộ, tức thấy cái một (kiến độc), ta mới thấy cái không. Cái không không phải là không có gì, mà nói một cách hình tượng thì nó vô vi, vô hình, đi khắp nơi, có mặt mọi nơi như không khí ẩm vậy. Nhưng từ không khí ẩm, gặp lạnh liền sinh ra nước, và từ nước ta có tất cả các hình dạng (sắc). Thế giới vật chất không bao giờ biến mất, mà luôn bảo toàn, nhưng lại có tính không, tức không tự tính, không có bản tính nào cả, vì thế Đạo học phát ngôn giống Phật học là không là có và có là không.

Đức là cái tự nhiên, tức Đạo tạo cho vật, như ánh sáng truyền đi nhanh, nam châm thì hút sắt, con nai có nhung bồ dưỡng. Vật sinh ra, tồn tại, phát triển, rồi đi đến già cỗi, bị diệt là do Đức nội tại của nó, như một tiểu vũ trụ. Tuy Đức khác nhau, nhưng trong vật, Đức hợp với Đạo thành một.

Vì không làm tốt, cũng không làm xấu được do bản thể thế giới là Đạo, là hỗn độn nên ta Vô Vi. Vô Vi là để cho vật, xã hội, con người đi theo Đức của nó mà ta không “làm tốt” là can thiệp, sửa dạy. Vì tuân theo Đức, tuân theo tính tự nhiên nên vật được tự do, tự nhiên, vậy tuy có làm mà như không làm gì cả, vì thế không kể là công của mình, là làm mà như không làm. Vô Vi còn là giác ngộ người khác, chỉ cho họ thấy Đạo và cái không vì những cái này là những cái có thật và tự nhiên. Thuận theo tự nhiên của mình, do trong lòng thấy hỗn độn,

nên ngoại vật không thể tác động tới mình mà ta luôn bình tĩnh. Làm như vậy thì tuy có làm nhưng dân không hay mình làm. Đó là Vô Vi nhi vô bất vi, vô vi nhi trị.

Đạo học, dù bàn tới đâu, gom lại cũng chỉ là cái Một. Vì thế sách Đạo học thường ngắn. Với người hiểu, chỉ cần nêu ra cái Một là được. Vì thế mà tôi viết để thực hành Đạo học cả đời, chỉ cần nghĩ về cái Một, hành động theo cái Một, thiền cái Một, là sự kết hợp hỗn độn Âm, Dương. Chỉ một câu, thậm chí một từ là gom hết thầy một nền triết học, một chân lý lại, đó là Đạo, là Thái Cực, là cái Một.

Đoạn tóm tắt Đạo Học Lão Trang này chỉ dài hơn một trang A4, nhưng quan trọng nhất, thâm học thuyết thật gọn. Khi cần nắm rõ, vận dụng, học đạo Lão, chỉ cần quý vị xem lại đoạn tôi đã cô đọng này. Các phần khác chỉ là mở rộng cho dễ hiểu của phần tóm tắt này thôi. Trong toàn cuốn Đạo Học này thì đoạn tóm tắt này quan trọng nhất.

Trước tiên ta xét bài Dụng Vô Vi trị quốc của Vô Vi Đạo Nhân.

Dụng Vô Vi Trị Quốc Vô Vi đạo nhân

Nghe nói Khổng Tử đã viết; "Kỳ sở đắc dục, vật thi ư nhân". Khi đói bụng, bần đạo cũng muốn ăn. Khi ra đường, thấy kiều nữ nào xinh đẹp, bần đạo cũng khoái nhìn. Than ôi! Sinh ra kiếp người xem chừng khó thoát khỏi chữ "Dục". Chữ "Dục" là tốt hay là xấu? Nếu là tốt sao Phật dẫn chúng sinh phải đoạn tuyệt với "Tham", "Sân", "Si", Tuyệt bỏ dục vọng mà hướng đến cảnh giới cõi Niết Bàn? Biết đường nào mà lần...? Xem ra, chỉ có chết mới hết thoát khỏi chữ "Dục"

Mà hỡi ôi! Con người ta đói thì muốn ăn, khát thì muốn uống. Bản chất của lòng dục vọng là từ đâu, ấy cũng bởi chúng sinh từ ngũ uẩn, lục giác mà có. Nhưng Phật gia cũng như cái đạo của Kito giáo, hay quan điểm chung của những bậc chí thánh là tối kỵ chuyện tự diệt nhục thể, bởi nó phạm luật của tạo hoá cũng như đạo đức của loài người. Cũng chính vì chúng sinh ở trong thế giới hữu vi nên hành vi đó đáng lên án nếu không phải vì mục đích cao cả vì thế giới Hữu Vi. Như đức Chúa chịu đóng mình trên thập giá, đức bồ tát Thích Quảng Đức tự huỷ nhục thể mà hoằng hoá Phật pháp, bảo vệ thế giới Hữu Vi chính là hành động cao thượng của đức từ bi, hỷ xả với tám lòng vị tha bao la. Nhược không, tự sát chỉ là hành vi tội tệ.

Bởi thế cho nên con người ta phải đối diện với thế giới hữu vi. Nhưng bản chất thế giới là Hư Vô nên Hữu Vi chỉ là ảo vọng mà ta không thoát ra khỏi trong kiếp làm người. Vì vậy, Chúng sinh ta phải lựa chọn thái độ trong thế giới Hữu Vi. Vì chúng ta hiện hữu trong ảo tượng mà thế giới lại là Hư Không nên hãy lựa chọn Vô Vi làm thái độ

"Vô Vi" chẳng cần hiểu biết và cũng chẳng thể hiểu biết mà chỉ có thể cảm thấy. Bần đạo cảm thấy Vô Vi nhưng không hiểu được Vô Vi nên không thể nói cho quý vị được về Vô Vi mà chỉ có thể nói cho quý vị "Cảm" về Vô Vi qua cái "Cảm" của bần đạo mà thôi

Xin được quý vị đại xá cho trước...

Diễn đàn ta hay thảo luận chuyện chính trị, chủ thuyết. Bần đạo cũng ưa nói về chính trị {Vi bần đạo ở thế giới hữu vi nên còn chữ "Dục" mà...}. Nên được nói về "chủ nghĩa Vô Vi" theo học thuyết của Lão Tử

Vậy quý vị hỏi Bàn Đạo "Mi biết hiểu biết gì về Vô Vi?, Về Lão giáo", Bàn đạo chỉ cảm thôi! Vả lại, cái Đạo của Lão Tử không thể hiểu, mà chỉ có thể Cảm, Cảm thế nào lại thuộc tri thức của từng người! Lão Tử khoái chí nói rằng cái Đạo của ông khó hiểu, nên nó mới chính là Đạo vậy! Các cụ ta nói " Biết thì thừa thì thốt, không biết thì dựa cột mà nghe", Bàn đạo không biết, nhưng lại có có sự Cảm nhận và dực vọng {Muốn bàn luận chuyện chính trị nên làm cái Topic này }

Trước hết, nói về chủ nghĩa Vô Vi

Vô Vi là gì? Trong Đạo thì Vô Vi không thể định nghĩa. Nó là cảnh giới huyền diệu mà trong thế giới hiện tại ta không thể lĩnh hội cho đủ và hiểu bản chất căn nguyên. Thế giới vốn là Vô, ảo tượng cho ta thấy Hữu, vì trong Hữu phải có Danh, nên ta tạm dùng cái Hữu để miêu tả về cái Vô, gọi cái huyền diệu ấy là Vô Vi vậy

Theo tự điển Hán Việt thì Vô là không, Vi là hành động

Vô Vi là không làm, tức là để cho tự nhiên diễn tiến.

Đạo bản đạo theo, do Thái Thượng Lão Quân mà người đời gọi là Lão Tử ngộ được coi cái tự nhiên và sự vận động tự nhiên bao giờ cũng có Lợi cho Hữu Vi, Không bao giờ có hại cả, vì tự nhiên là biểu lộ của Vô trong Hữu. Nên cứ thuận theo Tự Nhiên để tìm cái Lợi cho Hữu Vi và thế giới thực.

Từ chuyện căn bản như ăn, mặc đến chuyện mỗi cá nhân hay quốc gia đại sự, thuận theo triết lý vô vi là tồn tại, nghịch Vô Vi là diệt vong. Vì "Không làm" nghĩa là bản chất của Vô, không can thiệp vào Hữu, nên nó tồn tại. Vì Vô biểu hiện là sự tự nhiên trong thế giới Hữu Vi nên mọi sự "Có làm" đều tổn hại đến cái bản chất, cái gốc là Vô là không tốt.

Ví dụ; Đói thì ăn, không ăn nghĩa là "hữu vi" nghĩa là trái với tự nhiên, thì không tốt {Không nên hiểu Vô Vi = không làm gì theo nghĩa đen}

Bởi vì chữ "Vô" có được khi ta ở Hữu Vi và dùng Hữu Vi để miêu tả cái Vô nên Vô trong Vô Vi không có nghĩa tuyệt đối, nên chủ nghĩa Vô Vi cũng không phải là không hành động mảy may.

Lão Tử nói: "Đạo thường không làm", nghĩa là thuận với lẽ tự nhiên, nhưng không cái gì mà nó không làm. (Đạo thường Vô Vi nhi vô bất vi).

Vì sao thế?

Trong Trời Đất, cái gì cũng có nguyên nhân. Có sinh thì mới có tử, có làm mới có thất bại, có cạnh tranh mới có người tranh cạnh với mình. Muốn được bình yên vô sự thì đừng cạnh tranh, mình không tranh thì thiên hạ không ai cạnh tranh với mình. (Phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh.)

Ví dụ; Mình không làm chính trị thì không ai làm chính trị với mình. Mình không đánh ai, thì không ai đánh mình. Mình không tìm đến với ai thì không ai tìm mình, mình không yêu em nào thì không em nào yêu mình.

Đọc những ví dụ đó, sẽ có người nhao nhao phản đối, Vì họ chưa cảm được chủ nghĩa Vô Vi mà thôi.

Chính vì ta ở thế giới Hữu, lấy Hữu để nói vô nên ta không thể hiểu được Vô mà chỉ cảm được Vô thôi. Tại sao Trung Quốc đánh Việt Nam trong khi Việt Nam không đánh TQ; tại vì VN yếu hơn, tại vì TQ muốn bá quyền, mở rộng lãnh thổ,vvv...những lý do đó là việc VN "đánh" TQ vậy

Tại sao, Anh A không yêu cô B, sao cô B "bò kết" anh A? Tại vì A đẹp trai, bản đạo lãng mạn, lịch sự với cô B, A là mẫu người cô B thích..vv; Đó chính là A đã "Yêu" cô B để cô B yêu A vậy! Nếu không có lý do là A "Yêu" cô B, Cô B Sẽ không yêu A!

Vậy muốn khỏi thất bại và muốn tránh những di hại do nó mà ra, người ta phải trừ cái nguyên nhân của nó.

Nguyên nhân của sự thất bại chính là Hữu Vi vậy! Đó là những sự trái "Tự Nhiên", trái cái "Vô Vi"

Lão Tử nói: Người có làm tất có thất bại, người muốn cầm giữ tất bị mất. Cho nên Thánh nhân không làm việc gì nên không bại, không giữ cái gì nên không mất. Người thường làm việc, thường khi gần thành thì thất bại. (Vi giả bại chi, chấp giả thất chi. Thị dĩ Thánh nhân vô vi cố vô bại, vô chấp cố vô thất. Dân chi tòng sự, thường ư cơ thành nhi bại chi).

Giả như không xây dựng CNXH có cần phải lo CNXH thất bại không? Không cần làm cách mạng Dân Chủ, có cần lo Dân Chủ cho Việt Nam hiện nay là nên hay không nên hay không? Không cần yêu, có chuyện thất tình hay nhưng nhớ ai đó hay không?

Tất cả bởi hữu vi mà ra cả!

Có người lại bảo, Có những cái Không thể không làm vì nó thuộc hữu vi, Vi không thể tránh Hữu Vi!{Như đói thì ăn, người đánh ta, áp bức ta, ta phải phản kháng...}

Ấy là vì cái đạo Vô Vi chưa được nhiều người theo, chưa hoằng hoá cho tuyệt đại chúng sinh mà thôi!

Chủ nghĩa Vô Vi làm thế nào mà trừ được những nguyên nhân sanh ra những điều có hại?

Chủ nghĩa Vô Vi cốt diệt những nguyên nhân tai hại từ khi nó chưa phát hiện. Lão Tử nói: Làm cách Vô Vi, thờ cái Vô Sự, mến cái Vô Vị. Lớn nhỏ nhiều ít đều lấy Đức báo lại thù oán. Lo việc khó từ khi còn dễ, làm việc lớn từ khi còn nhỏ. Việc khó trong thiên hạ tất phải làm từ khi còn dễ, việc lớn trong thiên hạ tất phải làm từ khi còn nhỏ. Vì vậy, Thánh nhân không bao giờ làm việc lớn nào mà có thể thành được việc lớn. Vâng nhận một cách khinh suất tất nhiên ít được đúng lời, coi là dễ bao nhiêu thì càng khó khăn bấy nhiêu. Vì vậy Thánh nhân thường lấy làm khó mà chung qui không có việc gì khó. (Vi Vô Vi, Sự Vô Sự, Vị Vô Vị. Đại tiểu đa thiểu báo oán dĩ đức. Đồ nan ư kỳ dị, vi đại ư kỳ tế. Thiên hạ nan sự tất tác ư dị, thiên hạ đại sự tất tác ư tế. Thị dĩ Thánh nhân chung bất vi đại, cố năng thành kỳ đại. Phù khinh nặc tất quả tín, đa dị tất đa nan. Thị dĩ Thánh nhân do nan chi, cố chung vô nan kỳ.)

Bổn ý của Đức Lão Tử không phải ngồi khoanh tay mà nhìn. Ngài cũng muốn lo việc thiên hạ, nhưng lo hẩn bằng cách trừ những cái mầm hại trước khi nó xảy ra.

Vì ở thế giới Hữu Vi nên chủ nghĩa Vô Vi không phải là không làm, không trị, nhưng phải làm từ lúc chưa có việc gì xảy ra, trị lúc chưa loạn. (Vi chi ư vị hữu, trị chi ư vị loạn). Như là việc chúng ta không để cho mình đói, thì không sợ khi đói phải tìm cái ăn. Không để cho cái mầm của áp bức nảy sinh và phát triển thì khỏi lo áp bức vậy!

Chính vì cái Vô Vi vô cùng huyền diệu và tuyệt vời nhưng lại khó hiểu, ít người theo nên thế giới Hữu Vi mới ra nông nổi không hay! Nghịch Tự nhiên, thế giới Hữu Vi cũng đi đến diệt vong mà thôi! Việc thế giới Hữu Vi diệt vong vì trái đạo, cũng như việc người ta tự sát. Chính Trị theo thuyết vô vi là nhằm trách cho thế giới Hữu Vi tự sát. Nhưng than ôi! Vì cái Đạo Vô Vi huyền diệu, khó hiểu nên thế giới vẫn cứ mê mải trong ảo tượng với những chủ thuyết sai lầm; Tư Bản hay XHCH, Dân Chủ hay Độc Tài thì cũng khiến thế giới sớm diệt vong mà thôi!

Vì những ảo tưởng đó không thuận hoà theo Tự Nhiên và Đạo Vô Vi nên nó là căn nguyên của huỷ diệt. Ai dám khẳng định rằng thế giới chẳng có lúc lãnh đủ bom nguyên tử?

Cái đạo chính trị Vô Vi ấy là nhà nước Làm một việc, Chẳng làm gì cả! Vô Vi. Chính là nguồn của sự bình an, là Cội của ổn định và tự nhiên! Những sự rối loạn trong thế giới hữu vi chỉ vì người ta có làm vậy! Không làm, sao phải lo làm được hay không? Không làm sao phải lo đối loạn hay không? Không làm, sao phải lo tốt hay không?

Cũng như việc báo chí ca ngợi anh A, anh B là anh hùng, là tốt đẹp bởi có anh C, anh D tội tệ, xấu xa! Lên án anh C, anh D vì bởi có anh A, anh B. Như Lão Tử nói "Có nói đến cái tốt, vì nó đã có cái xấu, có cái thẳng vì đã có cong.." "Dân có nhiều ngày kỵ hủ thì dân nghèo, dân có nhiều khí giới thì nước loạn. Nhiều người tài khéo thì vật giả mạo càng thêm, pháp lệnh càng tăng thì trộm cướp càng nhiều. Hành động đầu tiên của là bãi bỏ hết những điều ấy."

Dứt Thánh bỏ trí, dân lợi gấp trăm; dứt nhân bỏ nghĩa, dân lại hiếu từ; dứt khéo bỏ lợi, trộm cướp chẳng còn. Không chuộng người hiền, khiến dân không tranh; không trọng vật quý hiếm khiến dân không trộm cướp; không thấy vật đáng ham khiến lòng dân không loạn. (Tuyệt Thánh khí trí, dân lợi bách bội; tuyệt nhân khí nghĩa, dân phục hiếu từ; tuyệt xảo khí lợi, đạo tặc vô hữu; bất thượng hiền, sử dân bất tranh; bất quý nan đắc chi vật, sử dân bất vị đạo; bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn)

Cho nên, lỗi trị dân của là làm cho lòng trống bụng no, yếu chí, mạnh xương, thường khiến dân ít chạy theo cái Danh của Hữu Vi, để những kẻ có biết cũng không dám làm. (chỉ trị, hư kỳ tâm, thực kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt. Thường sử dân vô tri vô dục, sử tri giả bất cảm vi giả.)

Diệt nguyên nhân đối loạn, chẳng còn rối loạn! Diệt nguyên nhân tranh đoạn, chẳng còn tranh đoạn! Chẳng coi ngọc là quý, Ai cần giữ ngọc là vật báu? Ấy là tư tưởng cao siêu diệt mầm loạn của Đạo Vô Vi vậy! Tiếc rằng ít người cho là đúng..

Chính trị Vô Vi diệt nguyên nhân rối loạn trong đời, sau đó sẽ trị vì bằng chủ nghĩa Vô Vi. Vô Vi là không làm gì nhưng mọi việc đều thành.

Đức Lão Tử nói: Ta không làm mà dân tự hay, ta thích yên mà dân tự chánh, ta vô sự mà dân tự giàu, ta không muốn mà dân tự phác.

Không làm (Vô Vi) mà không có gì chẳng làm được. Đó là một tư tưởng đặc biệt của Lão Tử, nó có vẻ như mâu thuẫn, nghịch lý, nhưng theo các Đạo gia, vị cầm quyền quốc gia phải bắt chước theo Đạo. Nhà cầm quyền không làm gì, mà để cho mọi người dân làm điều gì mà mỗi người có thể làm.

Tại sao xã hội có nhiều kẻ háo danh? Vì xã hội đó đã đề cao kẻ có Danh!
Tại sao xã hội có nhiều kẻ bất nhân? vì xã hội đó đề cao nhân nghĩa!
Tại sao xã hội có nhiều kẻ tham nhũng? Vì xã hội đó đề cao thanh liêm!

Cái đạo chính trị Vô Vi ấy là tự nhiên! Không theo ảo vọng! Cũng như nếu coi tiền là trọng, thế gian sẽ đảo điên vì tiền. Đề cao một giá trị hữu vi chính là cái mầm để sinh ra những mối loạn đối nghịch với giá trị được đề cao. Đạo Vô Vi huyền diệu ở chỗ không can thiệp mà can thiệp, không tác động mà tác động. Bởi lẽ Tự Nhiên là sự vận động hoàn mỹ nhất rồi!

Dĩ vô sự thủ thiên hạ
(Lấy vô sự mà giữ thiên hạ)

Chúng sinh trong thế giới ảo tượng nên ngay câu "Dĩ vô vi trị quốc" cũng đã là hữu vi rồi! Có việc "Dĩ " tức là có "Danh", Có cái "Hữu " rồi. Chính vì thế, "Dùng Vô Vi trị nước" huyền diệu thay, Khó lắm thay! Người ta chỉ dùng ở mức tương đối, không thể nào hoàn toàn "Vô Vi"

được! Vì cái thuyết chính trị này khó hiểu, ít người dùng nên nhân loại mới đắm chìm trong bế tắc với những chủ thuyết không có ích lợi gì cho tiến hoá và thế giới Hữu Vi cả. Những lý luận về Dân Chủ, Xã Hội Chủ Nghĩa, Tự Bản hay Toàn Trị, Chuyên Chế,...vv chỉ đáng vứt vào sọt rác; Bởi chúng không đi tới mục đích cuối cùng là giải thoát và trở về với Vô Vi, làm nhân loại trường sinh và an lạc. Những chủ thuyết hữu vi chỉ là cái mằm của sự diệt vong mà thôi!

Cho nên bản đạo khuyên các thí chủ trong này không theo cái chủ thuyết hữu vi nào cả, hãy từ bỏ lập trường đấu tranh cho Dân Chủ. Hãy từ bỏ quan điểm bảo vệ CNXH bảo vệ Đảng Cộng Sản đi! Hãy để cho lịch sử vận động Tự Nhiên và hạn chế thấp nhất sự can thiệp vào quá trình này theo quan điểm của chủ thuyết Vô Vi!

Tuân theo Vô Vi, Thuận với cái gốc tự nhiên ban đầu thì chính là an bang tế thế một cách an bang tế thế tuyệt vời nhất!

Đường lối quốc trị tốt nhất là đường lối vô vi: Lo cho dân no ấm, mạnh khỏe và dạy cho dân sống tự nhiên hợp với môi trường chung quanh, không ham muốn những ẢO TƯỢNG, không chạy theo thế giới HỮU VI. Một khi dân được ấm no, không bệnh tật và không ham chuộng Những cái ảo vọng phù phiếm thì không có nhu cầu khoe tài hay ganh đua nữa. Bởi vì các giá trị Hữu Vi (Danh vọng tiền bạc, người hiền tài...vv) không cần phải đề cao. Người dân đã thấm nhuần tinh thần vô vi (không làm); và khi đã theo vô vi rồi(Hay gần đạt tới sự vô vi căn bản, Cũng như các thí chủ Dân Chủ trong này kêu gọi có nền Dân Chủ Căn Bản vậy) thì những giá trị hữu vi sao kích động được họ nữa? Họ sẽ không điên đảo vì tiền, Không nghiêng ngả vì lễ, Nghĩa, vì Tài năng, địa vị! Lấy tinh thần thuận theo tự nhiên của sự vận động, Ấy chính là Vô Vi vậy! Không can thiệp làm nó tốt lên, Cũng chẳng can thiệp làm nó xấu đi! Cái đạo trị quốc của Vô Vi huyền diệu ở chỗ không can thiệp để thế giới hữu vi có thể tồn tại mà không bị huỷ diệt bởi những Ảo Tưởng do thế giới này gây nên!

Ví như Ảo Tưởng về sức mạnh khiến thế giới này chạy theo điên đảo, đó là mằm hoạ của chiến tranh vậy!

Ví như, Ảo tưởng về danh lợi, khiến cho thế giới có những kẻ bất chấp tất cả để đạt tới danh và lợi!

Ví như, Ảo tưởng cho rằng Vàng, Ngọc là quý khiến cho người ta muốn sở hữu vàng ngọc vậy! Nếu như theo quan điểm Vô Vi, coi vàng ngọc cũng như cục đá, ai cần vàng ngọc làm chi?

Đã ngộ được chủ thuyết Vô Vi, thì làm chính trị vô vi bất cần Dân Giàu, Nước Mạnh. Nếu đề cao Dân Giàu, Nước Mạnh lại là Hữu Vi rồi, Nó khiến thế giới hữu vi điên đảo chạy theo cái mục đích đề cao mà trái với cái Gốc của Đạo là Vô Vi, là Tự Nhiên và Không Can Thiệp

Quốc gia lý tưởng chỉ cần như Lão Tử quan điểm; là một quốc gia nhỏ mà trong đó nhân dân sống thuận với thiên nhiên, biết vừa đủ mà không ham biết nhiều, không ham muốn nhiều, không ganh đua bề ngoài. Vì cái đạo Vô Vi được thực hành mà có những điều trên!

Con người không tranh giành quyền lợi thì thiên hạ không có chiến tranh cho nên quốc gia đâu có xe cộ, máy bay, tàu lửa thuyền bè, Vũ khí nguyên tử, Computer, Internet cũng chẳng cần đến làm gì nữa. Thiên hạ thái bình, vô sự chẳng lo chiến tranh. Lòng người không còn tranh đoạt, chẳng lo trộm cướp. Lòng người không còn chạy theo những giá trị Danh, Lợi, vv thì cần gì đến phương tiện để đạt tới mục đích! Ấy vậy cho nên Xe máy, Ô tô, phi cơ, súng đạn, máy tính cũng không cần hiện hữu làm gì... Nhân loại luôn hồn nhiên, chất phác và thái bình. Cũng chẳng lo có chiến tranh thế giới thứ III huỷ diệt địa cầu!

Vạn vật trong thế giới Hữu Vi không nằm ngoài Đạo, Trong Hữu chính là Vô, cho nên thế giới ta tưởng là có hoá ra không phải có. Nhưng vì ta ở trong thế giới này, nên ta nghĩ nó là Hữu và trong thoát khỏi chính Ảo Tượng. Cũng như người bị bệnh hoa mắt, thấy bầu trời đầy Hoa cà hoa sim, Sao, trăng nhưng lại chẳng phải vì có Hoa cà hoa sim, có sao trăng mà gây ra cái sự Hoa Mắt đó. Vì ở trong trạng thái Hoa Mắt, nên người đó mới ảo tưởng ra Hoa cà hoa sim nhưng không thoát ra cái ảo giác đó được. Thế giới Hữu Vi cũng là "Hoa cà, Hoa Sim" đối với người giác ngộ chủ thuyết "Vô Vi". Bản chất là "Vô Vi", nhưng Ảo tượng là "Hữu Vi". Nên người làm chính trị Vô Vi phải như người Hoa Mắt, thấy "Hoa cà, hoa sim" mà không cho nó là Thật! Nên áp dụng sách lược vô vi vào việc quốc gia cũng như muôn việc khác của thế giới ảo tượng này. Khi đóp dân chúng được tự do, bình an. Làm chính trị vô vi quan điểm Hữu Vi, khác nào chạy theo những giá trị Ảo, Cõi Hoa Cà Hoa Sim là thật?

Vậy nên chủ thuyết chính trị Vô Vi, Theo Lão Tử ấy là 'tuyệt thánh bỏ trí, tuyệt nhân bỏ nghĩa, tuyệt xảo thuật, bỏ lợi'. Làm chính trị theo lối Hữu vi, dù là Dân Chủ hay Toàn Trị cũng phải dùng đến xảo thuật, cũng phải cần kinh tế, cũng cần tổ chức, cần biểu tình, mít tinh, cần trí thức người tài...vvv chỉ là cái mào loạn mà thôi. Lão Tử với chủ trương vô vi dạy giới lãnh đạo phải bỏ qua tiểu xảo, gian mưu khi trị quốc. Theo chủ thuyết chính trị Vô Vi của Đạo Gia, Lão Tử cho rằng đừng nên đề cao nhân nghĩa quá đáng. Loài người sống trong xã hội hỗn loạn có thể được hướng dẫn làm điều lành, việc thiện; nhưng nếu lãnh tụ quốc gia đề cao nhân nghĩa, thì nhân nghĩa trở thành cái vỏ lễ nghi tốn kém đè chết nhân dân: kẻ dưới phải nịnh bợ, đút lót bề trên và hà hiếp cũng như chà đạp người ở dưới hơn. Việc tôn trọng lợi lộc cũng đem đến tình trạng bi thảm như việc tôn trọng nhân nghĩa quá đáng. Khi mọi người đều tôn thờ lợi lộc thì dồn cả tâm trí vào việc chiếm đoạt lợi lộc; dần dần con người trở thành đạo tặc. Vậy Cho nên; Chủ thuyết chính trị Vô Vi không đề cao cái gì cả! Cũng không chạy theo cái gì cả! Cứ để Tự Nhiên diễn tiến với tinh thần; Không Can Thiệp mà Can Thiệp!" Không Làm mà chẳng cái gì Không Làm" Ấy chính là tư tưởng chính trị Vô Vi của Lão Tử vậy! "Tuyệt thánh bỏ trí, dân được lợi bội phần. Tuyệt nhân bỏ nghĩa, dân trở lại hiếu từ. Tuyệt xảo thuật bỏ lợi, không có đạo tặc"

Ví như việc dùng người, Nhà nước giao việc cho người có khả năng, Nhưng không vì vậy mà đề cao và ưu ái. Mà để cho việc đó là "Bình Thường", "Tự Nhiên". Khi người ta ai cũng cho người có năng lực thì được giao trọng trách thì cũng chính là đút bỏ việc, tranh đua nhau để khoe tài hay âm mưu hại lẫn nhau vì chạy theo cái giá trị được đề cao đó! Cũng như việc đề cao, hay yêu thích của quý, vật lạ sẽ kích động sự thèm thuồng để rồi đem đến cảnh đâm chém giành giật lẫn nhau...

Chủ trương chính trị theo phương pháp vô vi nhằm giảm thiểu phép tắc vốn được đặt ra để áp bức và trừng phạt nhân dân. Lãnh tụ quốc gia theo đạo sẽ hướng dẫn nhân dân noi theo gương của mình, dùng cái thanh liêm của mình để dạy dỗ dân bỏ đi lòng tham dục cũng như các hành động xấu. Dần dần nhân dân trở thành thuần hậu và sống theo tự nhiên, chất phác mà không bị phép tắc chính trị gò bó. Luật lệ hà khắc được đặt ra (hữu vi) nhằm khiến người ta sợ nhưng hiểm khi tiêu diệt hết được các tệ nạn xã hội; trong khi đó đường lối vô vi không dựa trên phép tắc rườm rà lại có thể cảm hóa nhân dân để họ theo con đường thiện hợp với cái đạo của tạo hóa. Vậy nên chính trị vô vi hướng tới bỏ hết pháp luật!

Chính trị vô vi không chủ trương Pháp Trị, Không Chủ trương Đức Trị mà chủ trương Đạo Trị, Theo chính trị Vô Vi là hướng tới từ bỏ Pháp luật hoàn toàn! Để cho vạn vật phát triển tự nhiên, nếu muốn hướng thiện thì đừng trừng phạt kẻ xấu, mà hãy coi người tốt là việc tự nhiên phải vậy!

Chính sách quốc trị cao nhất là đạo trị, rồi mới đến đức trị (nhân trị), và rồi đến pháp chế; chính sách xảo trị (dùng xảo thuật để cầm quyền) là phương pháp thấp nhất vì chính quyền

không còn được nhân dân tin tưởng nữa mới dùng đến xảo thuật. Chính quyền cũng không còn tin dân được nữa cho nên mới bày kế để gò ép dân; dân không tin cho nên phải đóng kịch sợ sệt hay cung kính để lừa gạt, chấp hành pháp luật vì sợ chứ không vì sự tự nhiên. Hai bên đều dùng bề ngoài xảo trá để làm bình phong che giấu sự bất tín.

Chính Pháp Trị là cái mầm của họa loạn vậy

Như đã nói, Vì ở thế giới Vô Vi, Nên "Dùng Vô Vi trị quốc" đã là Hữu Vi, Bởi thế việc trị quốc bằng thuyết chính trị "Vô Vi " có thể không ra ngoài Hữu Vi được. Vậy làm chính trị Vô Vi có thể dùng luật pháp để quản thống việc đất nước, nhưng không thể dùng xảo thuật, mưu mẹo để lừa dối nhân dân.

Dùng Pháp Trị thì nhân dân cũng khôn ra và sẽ dùng tài vật cá nhân để thủ lợi; và nếu ai cũng lo thủ lợi cá nhân thì không ai lưu ý đến quyền lợi quốc gia khiến đất nước trở nên yếu kém. Với chính sách đạo trị, người dân trở nên chất phác, không tham lam, không tranh giành lẫn nhau khiến quốc gia được ổn định, thiên hạ được thái hòa. Vậy nên không cần Pháp Trị, Không cần kêu gào đấu tranh cho thể chế Dân Chủ, Đa Nguyên gì cả. Cứ để Tự Nhiên vận động đi!

Lão Tử cho rằng; " dân nhiều lợi khí mà quốc gia càng tầm tối loạn thêm; con người nhiều kỹ xảo, vật lạ càng nảy ra nhiều; phép tắc luật lệ càng rõ rệt, đạo tắc từ đó càng lắm. Cho nên bậc thánh nhân nói: không làm gì mà dân tự thay đổi, ta ưa yên lặng mà dân tự ngay ngắn, ta vô sự mà dân tự giàu có, ta không ham muốn mà dân tự chất phác.'

Nhân loại sống trong thời đại hôm nay khó tin là "cái nhu nhược trong thiên hạ có thể cai quản được cái chắc bền' hay 'lấy nhu thắng cương' được. Nhưng có lẽ hiếm ai không biết câu tục ngữ 'nước chảy đá mòn'; nước rất mềm mại và nhẹ nhàng, trong khi đó đá là chất cứng phải dùng búa lớn mới có thể đập bể thành từng mảnh nhỏ. Nước mềm mại, nhẹ nhàng nhưng có thể xoáy mòn đá cứng lại còn mài dũa mặt đá bằng phẳng, bóng láng. Một chứng cứ hùng hồn về sự tất thắng của đường lối 'lấy nhu nhược để thắng cương cường' là thành quả của phong trào bất bạo động dưới sự lãnh đạo của Thánh Gandhi. Với chủ trương dùng tình thương để cảm hóa đồng bào và kẻ thù, Gandhi trong tay không một tác sắt đã làm sụp đổ đế quốc Anh - một đế quốc mà mặt trời không bao giờ lặn trong biên thùy thuộc địa. Sự kiện này chứng minh chủ trương 'lấy nhu thắng cương' không hẳn là thiếu thực tế.

Về lãnh vực quốc phòng, chính trị Vô Vi chủ trương không dùng sức mạnh quân sự để 'trị quốc, bình thiên hạ'. Quân đội đi đến đâu thì mang đau thương đến đó, và còn gây ra nhiều hậu quả tác hại cho tương lai như nạn mất mùa. Nếu lãnh tụ quốc giả sử dụng sức mạnh đao binh để 'trị quốc, bình thiên hạ' thì sớm muộn gì cũng sẽ bị thất bại dưới vó ngựa của một đạo quân mạnh hơn. Không có sức mạnh quân sự nào trường cửu vĩnh viễn; phong kiến Trung Hoa, đế quốc La Mã, thực dân Anh, v.v., đều tàn lụi theo thời gian. Lão Tử cho rằng 'Vật mạnh mẽ ắt già, ắt bảo là không noi theo đạo; không noi đạo, sớm hết.' quy luật hưng phế là tất nhiên, hà tất chi phải chạy theo cái mạnh? Nhưng trong thế giới hữu vi, kẻ mạnh hà hiếp kẻ yếu ta phải làm sao đây? Vậy thuận theo tự nhiên, đối với kẻ mạnh thì ta hàng phục. Không hàng phục được thì bỏ chạy, Không bỏ chạy được thì cam chịu.

Chính Trị Vô Vi quốc trị đòi hỏi giới lãnh đạo phải bỏ qua tiểu xảo, gian mưu khi đối xử với nhân dân và lân láng giềng. Ồi với hiền tài thì bậc lãnh đạo quốc gia phải biết giao việc cho người có khả năng tương xứng, nhưng không vì khả năng tài giỏi của họ mà lại quý trọng họ hơn người khác. Về lãnh vực quốc phòng, sách lược vô vi chủ trương tránh sử dụng sức mạnh quân sự để 'trị quốc, bình thiên hạ', chỉ dùng đến binh quân khi phải cứu giúp dân.

*Hưng tất phải phế
Vốn bởi mệnh trời*

*Càng mong phát triển
Là đường bại vong*

Nguồn: www.tgtn.net

Diễn Đàn Bạn Trẻ & Du Học Sinh

Chưa gì đã trích dẫn sai. Khổng Tử nói “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” chứ nói “đắc dục” hỏi nào? Câu đó nguyên văn tiếng Anh là “Do not do to others what you would not want they do to you”, nghĩa là điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác, Khổng Tử trả lời học trò khi học trò hỏi có câu nào để theo suốt đời thực hành Nho Giáo hay không. Theo câu này là có đủ nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Nhưng theo câu này là theo Nho, một hệ thống hoàn toàn khác với Đạo học, đưa vào làm gì, chỉ dùng để phê bình nó ... thấp, nó vô minh thôi chứ có tác dụng gì mà trích dẫn? Khổng Tử Á Trung Quốc, Việt Nam, Triều tiên, Nhật Bản bị ảnh hưởng của Nho Giáo từ hàng ngàn năm nay nhưng có bao giờ nhân dân được hạnh phúc đâu mà trích dẫn Nho vào đây? Lấy ví dụ như Việt Nam cho dễ hiểu chẳng hạn thì suốt thời gian phong kiến, khi có minh quân thì dân dễ thở, nhưng minh quân truyền tử (truyền ngôi cho con) chứ không truyền hiền (truyền ngôi cho người hiền tài), mà con cái của mấy minh quân đó thì lắm khi ngu ngốc, thế là loạn lạc, là chiến tranh, là tranh giành quyền lực, thua xa thể chế dân chủ ngày nay, dân chọn người tài đức lên lãnh đạo. Vậy thời phong kiến là xấu, là ác hơn ngày nay nhiều, là cả dân tộc phục vụ cho một dòng họ nhà vua. Tiếp theo đến thời thực dân nửa phong kiến Pháp trị thì dân cũng không hạnh phúc. Rồi đến chiến tranh Đông Dương, chiến tranh Việt Nam, dân cũng không hạnh phúc, mà hơn thế, bất hạnh, hàng triệu người chết và thương tật. Đến thời bao cấp, ai cũng nghèo, kinh tế khủng hoảng, lạm phát phi mã, cũng bất hạnh. Nay, đổi mới cũng còn nghèo vào hạng nhất thế giới, thu nhập bình quân đầu người chưa quá mức nghèo khó theo tiêu chuẩn Liên Hiệp Quốc, chưa tới mức 2 USD/người/ngày, chưa kể nạn tham nhũng đã trở thành lối sống. Những người Cộng Sản muốn tiến tới xã hội không còn bóc lột người thì lại bị bóc lột kiểu khác, bóc lột kiểu tham nhũng. Như vậy chưa bao giờ theo Nho mà con người được hạnh phúc cả. Đạo sĩ thì cũng ăn, cũng ngủ với vợ, cũng hít thở, v.v... nghĩa là sinh lý hoàn toàn bình thường như bao người khác, nhưng không chấp, không vướng mắc vào cái gì, thế mà nói là “thấy kiều nữ nào xinh đẹp, bản đạo cũng khoái nhìn.” Vậy ông “đạo nhân” này còn bị gái đẹp sai khiến, khác xa Đạo sĩ thật, phóng khoáng, tự do, vô vi, chả ai sai khiến được cả. Cái lối nói cũng phản Đạo nữa. Đạo sĩ thật làm gì có chuyện đi khiêm tốn xưng mình là “bản đạo” gì gì. Cái này chỉ có trong Đạo Cao Đài. Xưng hô khiêm tốn là cái ác mà không biết à? Còn muốn chinh phục quần chúng à? Còn tham dục à? Nếu không tham dục, không muốn chinh phục người khác, không muốn cái tốt cho mình, thì khiêm tốn làm gì? Hm, ăn nói bậy bạ. Dám nói là chỉ có chết mới thoát hết khỏi chữ “dục”. Tôi sống sờ sờ ra đây, làm gì có cái “dục” nào! Bất cứ cái gì, con người nào mà nhân loại cho là sung sướng, đáng ước mơ, đáng hy sinh để giành lấy như gái đẹp, biệt thự, xe hơi, chức tổng giám đốc công ty lớn, chức chủ tịch tỉnh, tiến sĩ, tôi đều không lấy làm ghét, không chấp mà, vui vẻ thôi, nhưng tôi chả yêu gì mấy cái đó, tỉ như bè phái, hối lộ để được lên chức tổng giám đốc, để có bằng tiến sĩ triết học chẳng hạn. Vậy sao nói tôi tham dục được? Tôi là bằng chứng sinh động như rau sống, thực tế 100% để nói rằng tôi vẫn sống giữa đời, sinh hoạt bình thường, nhưng đi ngược hoàn toàn điều “Vô Vi đạo nhân” nói là tôi không có cái dục nào cả. Ông viết như vậy là phản Đạo, phản Vô Vi, phản Lão, ông là Ngụy Nhân, chứ không phải “Vô Vi đạo nhân” nào cả. Ông tự vẽ bùa cho ông đeo, ông hoang tưởng, ông hiểu Đạo theo trí, chứ không phải theo tâm, mà tâm và trí phải là một. Làm gì có cách hiểu Đạo lung tung, muốn theo kiểu nào thì theo như ông. Đạo chỉ có một cách hiểu duy nhất, đó là giác ngộ cái một, cái Thái Cực, và giác ngộ rồi

thì thấy rất gần với những người giác ngộ Đạo Phật. Người như ông suốt đời không giác ngộ được ai đâu mà chỉ ... nói nhảm.

Độc giả có thể cho là tôi sao mà ngoa ngoác, nặng lời với gã Vô Vi Đạo Nhân như vậy. À, chê chính là khen mà. Chê tức là thử thách, thử thách thì tìm ra tính tốt, tìm ra tính tốt tức là khen. Nói ngược lại cũng đúng. Khen là chê vì khen thì “Mật ngọt thì ruồi chết tươi / Những nơi cay đắng là nơi thật thà.” Tôi “thương cho roi cho vọt” cho ông ta ra hồn người. Thêm nữa, bất cứ ai tự xưng là Đạo nhân, Đạo sĩ, Chân Nhân, thiền sư, guru (Đạo sư), cư sĩ, tu sĩ, bồ tát thì tôi có quyền test, chứ nếu không test thì họ là thánh thần gì đó mà ta phải một mực tin theo, tức ta theo chủ nghĩa giáo điều a, ta mù quáng à? Phải test, phải thử thách, phải chê. Tôi không ép gã “Vô Vi Đạo Nhân” này tí nào cả. Gã chứng minh được gã là cái không thì cứ làm đi, làm được thì đời khen ngay, hà tất cần tới tôi? Ở Việt Nam, cho tới nay, tôi chỉ biết có một Đạo Sư thật, đó là giáo sư triết học phương Đông Cao Xuân Huy mà thôi, nhưng ông đã quá cố. Tóm lại trong một câu của bài phê bình này là “Vô Vi Đạo Nhân” là Vô Minh Ngụy Nhân. Bỏ cái mặt nạ Đạo xuống đi. Gã chỉ là một người rất bình thường, tham dục, chứ tâm không trống không như Lão Tử đâu.

Một bản Lão Tử – Đạo Đức Kinh khác là của Lưu Hồng Khanh, NXB trẻ 2004. Lưu Hồng Khanh là giáo sư tiến sĩ phân khoa Triết học trường Đại Học Frankfurt, Cộng Hòa Liên Bang Đức. Ông hy vọng tập sách ông viết là một “bảng chỉ đường”, một “ngón tay chỉ hướng” giúp bạn đọc tìm về với Đạo.

Ở trang 31, Lưu Hồng Khanh viết: “Đạo là thiện, là sáng tạo mọi vật ... “

Trang 51, tác giả viết: “Ta nhận thấy Đạo là vô trong bản tính sơ thủy của nó, nhưng lại là hữu trong tương quan với thế giới hiện tượng. Do đó Nghiêm Toàn có lý mà kết luận: Vậy, “ắt Đạo là cái không mà Một là cái có””

Chỉ một câu “Đạo là thiện” thì “giết chết” Lão Tử rồi, còn mong gì làm “ngón tay chỉ đường”? Viết vậy là sai. Tiếp theo, Đạo chính là cái một có hai mặt hữu và vô chứ làm gì mà Đạo là cái không mà Một là cái có? Lão Tử viết: “Thiên hạ vạn vật sinh ư hữu, hữu sinh ư vô”, thì ta hiểu là cái không sinh ra cái có, nhưng cái có cũng sinh ra cái không, và không và có là hai mặt của Đạo, làm gì có chuyện Đạo là cái không? Viết như thế thì giống thầy bói nói dựa, tìm cả đời, thiên cả đời cũng chỉ tẩu hỏa nhập ma. Tám bằng giáo sư tiến sĩ triết học không cứu ông ta được. Ông ta chỉ lờ được người thường, không thể nào qua mặt tôi khi bàn về Lão được. Gặp ông ta hay tranh luận với ông ta, tôi chỉ hỏi vài câu: ông là cái Một hay không? Cái Một ra sao? Ông sống trong Một hay trong thế giới nhị nguyên thì ông ta tịt chữ trả lời gì nổi. Chưa là cái một mà bàn về Đạo thì giống như chưa uống trà mà bàn về trà, không đưa ra được ý kiến riêng ta, mà chỉ lặp lại lời kẻ khác nói. Cả tập sách ông ta viết là như vậy. Ông ta rất khác tôi. Tôi thì chỉ ra ngay được liền là trong thế kỷ 21 này làm thế nào người ta thành Chân Nhân, và Chân Nhân hành động như thế nào, còn ông ta chỉ đưa ra toàn kiến thức cũ. Ông ta hoàn toàn không có kinh nghiệm Đạo như tôi. Không đắc Đạo mà bàn về Đạo thì chỉ có là lặp lại kiến thức cũ, riêng mình, từ tâm mình mà nói ra cái Một là gì, ông ta nói không được. Cái ông ta có không phải của ông ta mà của người khác. Viết một cuốn sách như vậy, ai làm cũng được. Đọc nhiều tác giả khác nhau về Lão, ắt viết được như vậy, dễ. Vì dễ vậy nên ... không có giá trị gì cả, chỉ làm loạn Đạo.

Ta xét một bản Lão Tử – Đạo Đức Kinh khác do Nguyễn Hiến Lê chú dịch và giới thiệu, NXB Văn Hóa Thông Tin 2006. Ông này thì cũng chỉ là học giả. Lúc tôi còn trẻ, Nguyễn Hiến Lê là thần tượng của tôi. Tôi đọc và học nhiều sách của ông. Lúc đó tôi hài lòng với hầu hết sách của ông. Thấy sách nào của Nguyễn Hiến Lê mà tôi chưa có, tôi mua ngay. Nay xét lại, thấy

ông yêu Khổng Tử, tôi biết ông là hạng đọc nhiều, biết lắm, nhưng cùng lắm chỉ là một kiểu học giả nhị nguyên, còn chấp, còn đau khổ, không như tôi, đã được giải thoát khỏi tất cả đau buồn của thế gian này. Dưới mắt tôi, ông như một cái thư viện vậy, nghĩa là tập trung nhiều kiến thức, nhưng chưa được xử lý. Kiến thức của tôi ít hơn ông, nhưng tôi xử lý tốt hơn, nghĩa là tôi thiên đúng cách, nên tôi ngộ, mà ngộ rồi thì không cần ra khỏi cửa, cũng biết Đạo Trời. Quả nhiên là như vậy. Tôi đọc bản Lão Tử của ông và tôi không hài lòng được.

Trang 56, ông viết:” Ông cho rằng vũ trụ có khởi thủy và cơ hồ không có chung”. Viết như vậy là gán cho vũ trụ, tức Đạo một khởi điểm, một hình thức rồi. Đạo là cái không có hình thức nào mà, tức vô sắc mà. Trong Đạo Đức Kinh cũng viết Đạo thì vĩnh cửu bất biến, làm sao mà có một khởi thủy được. Nhưng Nguyễn Hiến Lê cũng công bằng. Ở trang 58 ông viết có thể sự linh hội của ông thiên lệch. Và tôi xác nhận: đúng, Nguyễn Hiến Lê thiên lệch, không hiểu Đạo, như anh mù sờ voi, không thấy hết Đạo, mà qua sách vở, qua những học giả khác, vốn cũng không ngộ Đạo, ông chỉ thấy vài góc, chứ không thấy hết toàn bộ. Thêm nữa, khiêm tốn nhận rằng mình thiên lệch là chưa ngộ Đạo. Người giác ngộ không khiêm tốn, vì khiêm tốn là làm tốt, mà làm tốt là làm xấu. Người giác ngộ thì thấy thế nào, nói thế ấy.

Trang 103, ông viết:”Lão Tử không cực đoan như Trang Tử mà đưa ra chủ nghĩa vô chính phủ”. Chính vô chính phủ mới là đúng đây học giả già ạ. Quốc gia, dân tộc là khối hỗn loạn, không làm sao mà trị cho ngay được đâu. Lão mới là chưa cao như Trang đây ông già ạ. Học Đạo thì chỉ giải thoát cá nhân thôi, chứ không làm sao giải thoát cho quốc gia, dân tộc được đâu. Vô Vi là chủ nghĩa tự nhiên, việc chính trị để dân làm, đừng can thiệp, tức “làm tốt” gì trong đó. Còn “làm tốt”, tức là còn làm xấu, và như thế là hữu vi, trái Đạo.

Trang 123, Nguyễn Hiến Lê viết Lão Tử “thực tâm thương dân”. Đọc tới đây tôi phì cười. Lão Tử là cái không mà thương cái gì? Ông không thương ai hết và đối xử với mọi người như nhau, như bản thân ông. Còn thương thì còn ghét. Hạng còn thương còn ghét là hạng nhị nguyên, đâu được là cái một như ông.

Trang 147 Nguyễn Hiến Lê viết:” Nhưng tự nhiên đâu phải là cực hoàn hảo, nó sẽ còn tiếp tục biến chuyển nữa trong không biết bao nhiêu tỉ năm nữa, sẽ còn tiến bộ nữa, và “nhân vi” đã có thể giúp nó tiến mau hơn dù chỉ là trong phạm vi rất nhỏ. Hoa cúc rừng đâu đẹp bằng hoa cúc ở Ngọc Hà (Hà Nội), ổi rừng, xoài rừng đâu ngon và lớn bằng ổi Xá lị Mỹ Thuận, xoài cát Cần Thơ. Nhân lực rõ ràng đôi khi đã thắng thiên: trẻ sơ sinh ngày nay không chết nhiều như ngày xưa, chúng ta đã đổ bộ lên được cung trăng...

Sùng thượng tự nhiên, diệt sát nhân vi, tức là phủ nhận sự tiến bộ, sự văn minh, trở về “huyền thoại con người dã man”, cho đời sống con người sơ khai sung sướng nhất, tính tình của họ dễ thương nhất. Huyền thoại đó không còn ai tin nữa mà những người đưa ra huyền thoại đó chắc chưa hề sống trong các bộ lạc săn đầu người ở châu Phi, hoặc trong vài đảo Salomon để thấy thổ dân nuôi đàn bà cho mập như nuôi heo để làm thịt trong các ngày lễ.”

Nghe một học giả uy tín, nghiêm túc, nổi tiếng hùng biện có vẻ chặt chẽ, khó bắt bẻ phải không quý độc giả? Nhưng tôi thì chỉ ra cái dở, cái sai của ông dễ dàng. Ồi Xá lị càng to, càng ngọt, càng nhiều vitamin thì nó càng phục vụ cho kẻ xấu, kẻ trộm, tên khủng bố tốt. Bọn này mà càng khỏe thì phá người khác càng lắm. Vì thế, ổi Xá lị là cái hỗn loạn chứ không phải cái tốt. Người Mỹ đặt chân lên Mặt Trăng thì kỹ thuật tên lửa tầm xa của họ hóa ra tốt lên, làm cho Liên Xô đương thời lên ruột, Liên Xô rất ghét. Tốt cho anh này thì xấu cho anh kia, làm gì có chuyện lên Mặt Trăng là cái tốt thuần túy, là tiến bộ thuần túy! Trẻ em ít chết thì

trong số đó, có những trẻ từ nhỏ, không ai bày, không ai dạy, đã có đạo đức rất xấu. Tôi biết một bé gái nọ, học lớp 1, ngày nào cũng bị bạn học cùng lớp chôm bút, thước, tẩy. Chúng ta không quay trở lại thời xưa mà sống, thời không internet, không máy bay, không đường nhựa, nhưng mục tiêu của chúng ta là nhìn những cái đó hiển nhiên là những cái hỗn loạn, là những cái có hai mặt có và không. Nguyễn Hiến Lê là anh mù sờ voi, chỉ thấy mặt tốt, là chấp tốt, chấp dương, không thấy mặt xấu của các thứ ông viết ra.

Tóm lại, đọc Nguyễn Hiến Lê viết về Lão là để xem một học giả nổi tiếng viết sai về Lão như thế nào thôi, chứ ta không theo ông được.

Tiếp theo, ta xem một bản Trang Tử – Nam Hoa Kinh. Bản này do Nhượng Tống dịch và bản, NXB Văn Học, Trung Tâm Văn Hóa Ngôn Ngữ Đông Tây, nọp lưu chiều 2001. Nhượng Tống Hoàng Phạm Trân (1897 – 1948) là cây bút kỳ cựu trong sinh hoạt văn học tiền chiến. Trong khoảng đầu những năm ba mươi, trong làng văn làng báo Bắc Kỳ, không ai không biết tên ông.

Tôi chỉ cần phê bình Nhượng Tống chỉ vài câu thôi, là độc giả thấy ngay ông này bản về Trang đúng hay sai.

Trang 52, Nhượng Tống viết: “Trang có một chủ trương: triệt để duy tâm. Và cũng như phần nhiều các nhà duy tâm khác, Trang tin có Thượng Đế, một đấng “thật là chúa tể có tình mà không hình.” Cái đấng Thượng đế ấy tức là bản thể ở thế gian này.”

Nói Trang triệt để duy tâm là không hiểu gì về ông cả. Trang Tử viết rằng ông nằm mơ thấy mình là bướm rong chơi khắp nơi, tỉnh dậy, không biết là Trang Châu hóa bướm hay bướm hóa Trang Châu. Ở ông, tâm và vật là một, vật là tâm, tâm là vật. Duy vật hay duy tâm đều có trong ông cả, nhưng thuần duy vật hay thuần duy tâm thì không diễn tả hết được ông, hết học thuyết của ông. Ông không có cái “duy” nào cả. Hơn nữa Trung Quốc cổ đại còn có thuyết vạn vật nhất thể, đâu cần phải tới Trang phát ngôn mà ta mới biết. Mỗi con người chúng ta có Đức riêng. Cha mẹ sinh ra ta, ta tự hóa theo Đức riêng đó, tự lớn lên, tự học, tự yêu, tự sinh con, tự già đi, và tự chết. Ta là một vũ trụ nhỏ, chứ không cần thế lực quyền năng tuyệt đối nào ban phúc, giáng họa cho ta. Vạn vật nhất thể nghĩa là ta và trời đất là một, ta đồng với bản thể vũ trụ này, nghĩa là ta đồng với “thượng đế”, chứ không có Thượng Đế nào tách riêng ra trị ta, sắp xếp thế giới, ban phúc cho ta cả. Viết như Nhượng Tống thì dẫn đến cái dở là không thiên được, không đắc Đạo được. Chỉ cần bấy nhiêu thôi là nó phá hỏng nguyên một học thuyết. Tin Nhượng Tống thì con người hóa mê tín, phản Đạo học.

Ta xét tới một tác giả khác là Nguyễn Tôn Nhan (NTN), ông giới thiệu và dịch giải Trang Tử – Nam Hoa Kinh, NXB Thanh niên, nọp lưu chiều 1999.

Trang 150, ông viết: “Trang Tử thù ghét sâu sắc bọn thống trị tàn bạo và sẵn sàng vạch mặt chỉ tên chúng, Trang còn phản ánh cuộc đời là vô cùng gian nan và biểu hiện tinh thần mong muốn đạt tới chỗ tự do phóng khoáng của mình.”

Đó là Nguyễn Tôn Nhan nhìn Trang theo con mắt nhị nguyên mất rồi. Trang mà có “thù ghét sâu sắc”, hóa ra ông còn yêu ghét, còn vinh nhục, còn thành bại, hơn thua, được mất với người đời rồi. Chỉ cần bao nhiêu đây thôi, NTN “giết” nguyên một bộ kinh. Trang Tử xem người như ta, ta như người, đó là đây, đây là đó, quên hết tất cả, do ông thấy cái gì cũng hỗn loạn, thấy ta đồng với bọn quý tộc tham lam chứ làm gì còn phân biệt. Nói rõ hơn thì thế này: cái trí ông rất sắc, ông biết tốt, xấu, lợi, hại rất rõ, nhưng không yêu tốt, không ghét xấu.

Tôi lấy một ví dụ của tôi: có hai ông bạn học, ông A ngoại tình, quyến rũ vợ ông B, ngủ với vợ ông B hàng năm trời. Một ngày kia, ông A điện thoại rủ vợ ông B đi chơi, bị em của ông B phát hiện. Chuyện vỡ lở, ai cũng biết. Tôi cũng nói luôn là ông A là chó, chứ không thêm lịch sự, đạo đức giả gì cả, vì bạn học quen biết nhau hàng mấy chục năm mà chơi xấu vậy. Nhưng tôi khác ông B. Ông B căm thù ông A tột độ, muốn thuê giang hồ chặt tay ông A “cho khỏi cời quần phụ nữ”, còn tôi thì luôn kêu gọi tha cho ông A. Nhưng không phải tha sông một cách ngu ngốc. Giải pháp của tôi là gọi cặp ngoại tình tới, nói chuyện rõ ràng, tuyên bố tha tội, nhưng sau đó phải giám sát để họ không làm bậy nữa. Lòng dạ tôi trống không, không có chỗ cho lòng căm thù. Nhưng tôi không yêu cái hại, nên còn giám sát 2 kẻ làm bậy này. Đạo sĩ thật thì như vậy, biết cái xấu, cái tốt rất rõ, vì họ còn cái trí, nhưng không ghét cái xấu, không yêu cái tốt. Nếu nói ngược lại, Đạo sĩ nhìn gì cũng ra cái không, không còn phân biệt phải trái thì chắc là họ cời quần đi ngoài đường, vì lập luận “cái hại là cái lợi, và cái gì cũng là cái không!” Như vậy là điên chứ không phải là Chân Nhân. Không phải vậy, họ biết phải trái rất rõ nhưng thấy phải trái tương đối, chứ không tuyệt đối. Và biết phải trái rất rõ, nhưng không ghét người ác, chứ không như NTN viết là Trang “thù ghét sâu sắc”. Chỉ cần đọc tới đó, tôi chán ngán NTN, bỏ sách. Tôi lưu cuốn Trang Tử NTN dịch lại chỉ để phê bình nó nhìn Trang một cách sai lầm.

Một tác giả khác bàn về Lão học là Trí Tuệ, tên sách là Lão Tử – Tư tưởng và sách lược, NXB Mũi Cà Mau, nộp lưu chiểu 2003. Thấy tên tác giả và tên bìa to tát vậy, nhưng đọc nhàm, không chỉ ra được cái cốt lõi của Đạo học là Đạo và Đức, và từ đó suy ra tất cả như tôi. Đặc điểm của triết học là vậy, là từ biết một suy ra biết tất cả. Tác giả này thì đem những câu trong Đạo Đức Kinh ra bình luận và minh họa bằng những câu chuyện lịch sử của những “minh quân”, của mưu sĩ, biện sĩ, đọc như Chiến Quốc Sách vậy, không được cái thâm trầm, có mà không, không mà có, nhưng lại tự nhiên như đọc Trang Tử. Viết Đạo học như Trí Tuệ thì chỉ nói được cái bề ngoài của Đạo, dùng để dạy người dốt, còn kẻ biết được Đạo chính là cái Một thì chắc tác giả này tịt, không thể nào mà thuyết cho nổi. Xem mục lục thôi, không cần đọc sâu vô sách thì thấy tác giả này phản Đạo học. Mục lục viết nào là “Củng cố quyền thế”, “Đại quyền không được để mất”, “Chớ để thuộc hạ che mắt”, “Tu dưỡng phẩm cách người lãnh đạo”, “Công chính vô tư”, “Khoan dung độ lượng”, “Khiêm tốn hạ mình”, “Thành thực thủ tín”, v.v... Có cái quyền thế nào để ta cũng cố nhỉ? Chỉ có cái hỗn độn thôi, chứ làm gì có cái quyền thế nào? Thiên tài quân sự, chính trị như Quang Trung thì chết trẻ, tức quyền thế nào mà tồn tại? Ta chỉ có cái không mà thôi. Đại quyền mất hay còn, dù con người có ý chí cực kỳ mạnh, cực kỳ nham hiểm đi nữa, đại quyền vẫn cứ mất. Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc, muốn con cái làm vua muôn đời, nhưng chỉ ở đời con ông ta là đã bị giết, nước Tần chỉ tồn tại 15 năm rồi mất nước vào tay nhà Hán, làm gì có cái đại quyền nào tồn tại? Cho dù không muốn thuộc hạ che mắt thì lâu lắm mới tìm ra một minh quân như vậy, còn thì đa số các ông vua đều bị thuộc hạ che mắt hết cả. Ngay cả thời điểm hiện nay, tham nhũng tràn lan ấy, thực tế chỉ ra là cấp trên hay bị cấp dưới che mắt lắm. Rồi những thứ như “tu dưỡng phẩm cách”, “công chính vô tư” ... toàn là những thứ nhệ nguyên cả, những thứ làm tốt, tức làm xấu cả. Sách Đạo học mà viết như vậy, chứng tỏ tác giả không biết gì về Đạo học cả. Một người dốt mà nói chữ.

Có tác giả khác, học đến tiến sĩ, như tiến sĩ Nguyễn Thế Nghĩa, và tiến sĩ Doãn Chính (chủ biên), viết Lịch sử Triết học, tập Triết học Cổ đại, NXB Khoa học Xã hội 2002, cũng không làm tôi hài lòng được. Ở trang 466, tác giả viết: Cuộc đời Trang Tử thích tự do, ngang tàng, “vua Uy Vương nước Sở nghe tiếng ông hiền, sai sứ mang lễ hậu đến rước, hứa sẽ cất lên làm quan, nhưng Trang Tử cười mà nói rằng: Các người hãy về đi. Ta thà chịu kéo lê cái đuôi của mình trong bùn.”

Ấy thế mà trang 481, lại viết mâu thuẫn với ý trên: Liên quan đến vấn đề Đạo và Đức của Trang Tử là tư tưởng về “số mạng” và “mệnh trời”. Trong nhiều thiên, Trang Tử hay dùng các từ ngữ như “mệnh trời”, “số mạng”, “thánh nhân”. Vậy Trang Tử đã bàn về chúng như thế nào? Ở thiên Đức Sung Phù, ông viết: “Biết không thể nào làm khác được mà đành lòng coi như số mạng”. Trong thiên Đại Tông Sư, ông nói: “Tôi nghĩ không ra vì đâu mà tới nông nổi này. Cha mẹ cho tôi nghèo như thế này. Trời không của riêng ai, đất không của riêng ai. Trời đất đâu muốn làm cho riêng tôi nghèo. Nghĩ mãi nguyên do mà không ra. Vậy thì tôi tới nông nổi này là do mệnh trời ư?”

Làm lịch sử triết học kiểu này thì dỏm. Một đằng nói Trang tự do, ngang tàng, một nẻo lại nói Trang sợ mệnh trời như Khổng Tử. Mấy ông tiền sĩ này không phân biệt được chân ngụy và không nắm được cái lõi của Đạo học là cái một, thêm nữa, là cái không và cái có. Đã là cái không, thì giàu nghèo làm gì mà đụng tới tâm họ. Trang là thiên tài vĩ đại, hạnh phúc viên mãn, không ghét kẻ thù, không trả thù đời, vậy mà viết Trang sợ thiên mệnh! Trang thì luôn “thiên nhân hợp nhất”, tức ta và trời là một, tức ta và tự nhiên là một, làm gì có chuyện mâu thuẫn với trời để mà sợ mệnh trời. Hơn nữa, phục tùng Trời, sợ mệnh trời, thì trái với vô vi.

Tôi nói vậy, các tiền sĩ đừng tự ái, đừng cho mình học cao rồi nay bị người khác đem cái sai ra phê bày trước thiên hạ. Chê là khen, nói rồi. Thêm nữa, các thiên tài hơn các ông hàng mấy bậc như Gót, Shakespeare, Nguyễn Du, ... tôi còn chê đến điều, chứ tôi không ngại gì mấy ông đó cả. Đạo sĩ thật thì ngang tàng, tự do như Trang Tử, một thứ phóng khoáng tự nhiên. Trước khi giác ngộ, tôi chẳng bao giờ dám như vậy. Đặc điểm của người ngộ Đạo là vậy, là coi ai cũng bình đẳng, không nể sợ ai cả, nhưng cũng không coi thường ai cả, kể cả ăn mày, cave. Sau hết, phê bình các thiên tài, không phải để nổi tiếng, mà là để phê bày mọi góc cạnh của Đạo học cho rõ, cho hết, để giúp người khác thiên mà giác ngộ, để người khác không còn bị ảnh hưởng của uy tín lớn lao của họ, để dứt mọi thành kiến. Tôi không còn cái tôi đâu mà thêm muốn ba cái danh hão.

Cái sai là cái đúng. Điềm qua các tác giả nhìn Đạo học thiên lệch, sai lầm, nhị nguyên thì ta thấy ở Việt Nam họ làm cái nền cho 2 tác giả viết đúng. Đó là Thu Giang Nguyễn Duy Cần viết gần đúng bộ Trang Tử, Nam Hoa Kinh và Giáo Sư Cao Xuân Huy. Chính nhờ bộ Trang Tử của Thu Giang Nguyễn Duy Cần mà mới có tôi. Việc đọc Cao Xuân Huy là một bước xác định thêm ta nên nghĩ về Đạo thế nào cho đúng khi ông viết rằng Đạo có hai mặt là có và không. Nhưng cả hai bộ này đều không có phần thực hành chi tiết. Tôi thì ngược lại, muốn viết phần thực hành chi tiết nhất có thể được, thực tươi mát, sinh động, để người khác thực hành mà thấy chân lý như tôi.

Phê Bình Danh ngôn, Tục Ngữ

Danh ngôn, tục ngữ thường là những cái mốc để ta đánh giá hiện tượng, sự vật, con người. Nhưng đã là mốc thì phải là chân lý, là cái ai theo cũng đúng. Xem xét theo cách này thì ta cần khảo sát tục ngữ, danh ngôn cho thấu đáo để khỏi lầm. Đạo học, một nền học thuật được xem là chân lý, đem lại giải thoát, ta dùng Đạo Học để khảo sát các danh ngôn, tục ngữ, hẳn là thỏa đáng hơn. Thêm một lý do để viết phần này là chúng tôi không thấy tài liệu Đạo Học vận dụng vào cuộc sống. Mấy ông gọi là học giả, tiền sĩ triết học thì không viết mới về Đạo Học, không vận dụng Đạo Học vào cuộc sống, mà chỉ làm cái việc đem Lão và Trang ra mà bàn. Như vậy là chỉ lặp lại cái cũ, không phát triển mới, mà cuộc sống thì luôn mới, luôn thay đổi. Họ không hướng dẫn được người đọc một cách trực tiếp vận dụng Đạo Học như thế nào. Ví dụ thật rõ ràng là người muốn thành Đạo Gia thì làm gì và làm như thế nào

đối với vấn đề Cộng Sản? Không thấy ai nói, không thấy ai viết. Đối với khủng bố quốc tế thì làm thế nào cho phải theo Đạo học? Bàn về danh ngôn, tục ngữ là gom chúng lại thành một hệ thống, phê bình đúng sai, để mở rộng Đạo học, cho người đọc dễ theo, dễ hiểu, dễ biết trong những trường hợp sát sườn, thực tế, như đối với người Cộng Sản, đối với khủng bố ta làm thế nào vậy. Ở đây, ta dùng Đạo học phê bình danh ngôn, tục ngữ, nhưng vì Đạo là cái tồn tại có thật trong cuộc sống, và trước giờ cho đến mãi về sau cũng vậy, nên ta có thể nói ngược lại là danh ngôn, tục ngữ phê bình Đạo học cũng đúng!

Kho tàng tục ngữ Việt Nam rất lớn, chỉ riêng tục ngữ của người Việt thì in ra tới 2 tập dày tổng cộng 3240 trang, và tôi chỉ chọn những câu đọc lên nghe có vấn đề, nghe vô minh mà phê bình, nên không phải có rất nhiều những câu được đưa vào sách này. Số lượng danh ngôn cũng rất lớn, tôi không bao quát hết được, mà chỉ chọn những câu tôi thấy có vấn đề, những câu mà nếu ta tin vào nó hoàn toàn, ta có khả năng thất bại. Về bố cục thì tôi không phân loại được vì có nhiều loại chỉ có một vài câu, không đáng xếp làm mục riêng, nên tôi để chúng linh tinh. Nhưng cái lỗi dùng Đạo để phê bình chúng thì xuyên suốt, hay chúng phê bình Đạo cũng được!

Trí thức tự nó đã là sức mạnh.

Ph. Bêcon

Triết gia này phiền diện. Tôi nói ngược lại mà không ai bắt bẻ được tôi là trí thức cũng mang lại đau khổ. Khi tôi đang viết những dòng này thì Bắc Hàn đang thử tên lửa tầm ngắn, tầm trung, tầm xa. Nhật Bản đang hoảng sợ, sợ Bắc Hàn gắn đầu đạn hạt nhân bắn vào Nhật. Bắc Hàn cũng có thể uy hiếp, biến các căn cứ quân sự Mỹ thành biển lửa. Thế giới “phát triển” thì Bắc Hàn cũng “phát triển”, kiến thức, công nghệ phát triển, thế là nó đi hăm dọa kẻ khác. Chúng ta ai cũng muốn con cháu trong nhà học hành thành tài, đến hết học vị, thành tiến sĩ, hơn nữa, thành giáo sư. Tôi thì nhìn những tiến sĩ, giáo sư và tự hỏi không hiểu họ đã gây họa ra bao nhiêu rồi. Trong giới lãnh đạo của Khme Đỏ có tiến sĩ triết học, là những lý thuyết gia, giải quyết vấn đề lý luận cho chế độ. Kiến thức triết học này “giúp” họ giết hại dã man hàng triệu đồng bào Campuchia của họ. Nhà phê bình Trần Mạnh Hảo viết một cách nghiêm túc mà tôi buồn cười rằng bọn Pôn Pốt là “chân truyền của Mác”. Cái mà người Cộng Sản Việt Nam cho là “đỉnh cao trí tuệ loài người”, lọt vào tay bọn Khme Đỏ, hóa ra là thứ diệt chủng như vậy, tức kiến thức triết học là tội ác. Triết học phát xít ấy, cũng vậy, cũng là tội lỗi. Cái này thì kể ra nhiều, kể hoài không hết, về tội lỗi do trí thức gây ra. Bạn cứ để ý sẽ thấy. Phát minh lớn của loài người như thuốc súng làm loài người tiến hành chiến tranh, tức giết nhau nhanh hơn, tốt hơn, nghĩa là làm loài người dã man hơn, kéo thế giới đi thụt lùi hơn. Một tên cướp mà có khẩu súng ngắn trong tay thì nó cướp ghê hơn, làm xã hội đi thụt lùi hơn. Phát minh ra điện thì làm loài người có công nghiệp phát triển, tức sản xuất vũ khí hàng loạt phát triển, nghĩa là làm chúng ta giết nhau nhiều hơn. Tóm lại, trí thức không chỉ là sức mạnh mà còn là nguồn gốc thảm họa. Nói cách khác, trí thức hỗn độn lợi hại, và không thoát khỏi quy luật Đạo học là cái tốt là cái xấu. Có thể Ph. Bêcon chưa tiếp xúc với Đạo học, Phật học mà viết danh ngôn phiền diện, tức còn sai lầm như vậy.

Đòi hỏi một tình yêu không ghen tuông là đòi hỏi ánh sáng không có bóng râm.

O. Hammling.

Trước khi giác ngộ Đạo học thì câu này đúng với tôi. Khi tôi trẻ, tôi yêu chung thủy, yêu chỉ một người và cưới làm vợ. Biết yêu, biết giữ gìn, và biết đấu tranh cho tình yêu lắm. Vợ tôi bây giờ, khi trẻ, là một cô gái đẹp. Khi chưa lập gia đình, đi đâu đâu cũng có người theo. Tôi thấy nàng giống Lâm Đại Ngọc trong Hồng Lâu Mộng, hay giống Tiểu Long Nữ trong Thần

Điều Đại Hiệp của Kim Dung vậy. Và tôi gặp nhiều tay “cứng” ghê gớm. Tôi và em yêu nhau sờ sờ ra đó, họ vẫn tới nhà, tiếp cận, tìm cách tán cô ấy. Cứ miễn chưa cưới, chưa hỏi là họ còn tán, chứ không như tôi, thấy hai người yêu nhau rồi thì tôi lảng ra. Và dĩ nhiên là tôi nổi khùng. Tôi nắm tay em trong lòng, tôi rủ em đi chơi, để mặc cho tên “khách” không mời ngồi chơi với cái máy vi tính của em một mình. Nhưng từ ngày 21 – 2 – 2004, ngày tôi thấy cái hỗn độn, thì tôi không còn biết ghen là gì. Tôi coi tôi và tình địch là một. Cách hiểu vợ đúng Đạo là “tùy em thôi. Em là cái hỗn độn âm dương, là cái không, làm sao anh điều khiển được?” rồi để mặc vợ muốn làm gì thì làm. Nhưng vợ tôi lại không đọc triết học. Nàng chẳng bao giờ hiểu được điều này. Nhưng cưới tôi rồi, nàng vẫn tự do. Vô vi là vợ li dị, vui vẻ để vợ ra đi. Nhưng nếu nàng bất hạnh, muốn quay về, lại vui vẻ giang rộng vòng tay đón vợ con về. Không trường hợp nào buồn cả. Bạn có thể hỏi: Để cho tình địch mặc sức tán vợ mình, như vậy có ngu không? Lão Tử nói: “Đại trí nhược ngu”. Đại trí ở đây là người giác ngộ. Người giác ngộ thì trông giống người ngu vì họ vứt cái tôi, không giữ cái gì bo bo cho mình. Thực tế thì vợ tôi, dù là người còn khiếm khuyết, lại có tính tốt là rất chung thủy và chỉ yêu một người một lúc, không bao giờ xảo trá đi hàng hai. Và sống thêm thì tôi biết thêm. Nếu chọn lại, tôi chỉ chọn vợ hiểu Đạo, dù không đắc Đạo, nhưng cố gắng hành Đạo, thiền. Vợ hiểu Đạo thì chẳng coi mấy cái danh, lợi, hay sex ra gì để mà bị quyến rũ, mà là cô ta nói chuyện với Đạo sĩ, với Chân Nhân, thấy ông này lý luận không bao giờ bị bắt bẻ được, nói và làm như nhau, và vì giác ngộ rồi nên làm gì, nói gì, bao giờ cũng đúng Đạo, cho là kỳ dị, thú vị. Ngược lại, nói với các đại gia thì trước sau gì mấy ông này cũng chấp, nghĩa là bị bắt bẻ được, bị giới hạn, chán, không thỏa mãn trí óc. Vợ như thế thì tôi vô vi, không thù hằn, ghét bỏ kẻ tán cô ta, để mặc cho cô ta lựa chọn, cô ta cũng chọn tôi. Vợ, hay người yêu của tôi, do tôi chọn theo con mắt Đạo, không bao giờ nông cạn được, nên khó tán. Mà nói về lý luận thì tôi thông suốt hết, lý luận không bị giới hạn, thỏa mãn được trí óc sâu sắc. Tôi lại không bao giờ ích kỷ, vợ cái gì vào cho tôi, thế là được vợ cho là “tốt” gì đó, nên không bao giờ phản bội tôi. Thêm nữa, muốn li dị, bỏ bịch thì phải có lý do rõ ràng. Đạo sĩ là cũng là hạng rất có lý tính, vì lý luận thông suốt mà. Lý luận thông suốt nên làm việc gì cũng nói rõ lý do, hợp lý mới làm, đúng theo thiền mới làm chứ họ không bao giờ làm những việc phản thiền. Vì lý tính, cái gì cũng hợp lý như vậy nên li dị với Đạo sĩ là sự li dị hợp lý, sự không chung thủy hợp lý. Ví dụ, giả sử tôi bất lực, không sinh con được, vợ phản bội. Uhm, tôi đồng ý ngay, để mặc nàng làm gì thì làm. Tóm lại, trường hợp nào cũng vậy, Đạo sĩ luôn để vợ tự do lựa chọn mình hay người đàn ông khác, và coi mình như tình địch, chứ không ghen tuông. Nhưng không phải ngu, không biết gì mà để người khác muốn làm gì thì làm, mà do hiểu biết sâu sắc về chính bản thân mình và do đó, hiểu người khác mà Đạo sĩ chọn người yêu, chọn vợ cũng là người sâu sắc, không, hay khó bị quyến rũ bởi bất cứ cái gì, nên khó hay không bị phản bội. Nhưng tôi luôn có tình yêu. Đạo có hai mặt là có và không. Có tức âm và dương, nghĩa là yêu và ghét. Tôi thấy yêu và ghét, nhưng đồng thời thấy chúng là không, tức tôi vừa yêu, vừa ghét, vừa “quên”. Cái “quên” của người giác ngộ khác người thường. Tuy “quên” nhưng cũng luôn thấy tình yêu. Như vậy Đạo sĩ yêu nhưng không ghen, và họ vừa yêu, vừa “quên” cùng lúc, rất khác người thường, diễn tả cách nào cũng không nói ra hết được. Chỉ có Đạo sĩ, thiền sư là hiểu, người chưa giác ngộ không hiểu.

Chúng ta phải tiếp thu và học tập ở những người đi trước chúng ta và cả những người đồng thời với chúng ta. Ngay cả thiên tài cực kỳ vĩ đại cũng không thể tiến xa được nếu chỉ muốn lấy mọi thứ từ thế giới nội tâm của riêng mình.

G.V. Gót.

Lại là một lời vô minh. “Thiên tài “ này chưa biết gì về triết học phương Đông mới nói vậy được, một người Việt Nam, người Trung Hoa, người Nhật bản, Triều Tiên mà đọc tư tưởng cha ông thôi thì không bao giờ nói thế này. Phật dạy rằng đi thuyền qua sông, tới bến rồi, thì

bỏ thuyền dưới bến mà đi, chứ không vác thuyền lên vai đi tiếp. Kiến thức, sách vở, trong Đạo học và Phật học chịu chung số phận như vậy. Nghĩa là trước khi giác ngộ thì học nhiều, sâu và rộng, càng sâu, càng rộng càng tốt. Nhưng khi giác ngộ rồi thì sách vở vứt hết. Cuốn sách bạn đang đọc đây, cái lời của nó lấy từ tâm trí của tôi. Nếu tôi làm công việc là trích dẫn, rồi phê bình, thì sách tôi là một cuốn biên khảo tầm thường, không có dấu ấn cá nhân NNH trong đó, không phải là sách Đạo học. Tôi trích dẫn Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử rất ít, vì không cần các cụ nữa, mà tự đi vững vàng trên đôi chân mình rồi. Tôi viết về nguyên một triết thuyết, lại dùng triết thuyết đó phê bình các tay “Đạo gia” khác, mà nào có cần tài liệu gì, vậy mà tôi nào nói có sai câu nào! Câu này chỉ đúng đối với người chưa giác ngộ, với người giác ngộ thì nó sai. Người mà chưa giác ngộ, có học tới hai, ba bằng tiến sĩ, anh ta cũng không xác tín được chân lý là gì, vì ta dễ thấy những con người nhị nguyên “vĩ đại” như vậy, như Khổng Tử, Napoleon, Nguyễn Trãi, tổng thống Mỹ Kennedy; họ lập công lớn, không ai nghi ngờ họ tài hoa nhất một thời, nhưng kết cục của họ đều thất bại, có kẻ đến bi thảm. Những “vĩ nhân” như vậy không phải là chân lý, huống chi học đến hai, ba bằng tiến sĩ, cũng vẫn không phải là chân lý. Cái quan trọng là cách xử lý thông tin, xử lý kiến thức, chứ không phải vơ kiến thức thông tin vào cho nhiều như một cái thư viện, để rồi chìm đắm vào đó, không đi tới một kết quả nào. Cách xử lý kiến thức, xử lý thông tin là bạn nhìn thấy chúng, theo Đạo học, thông tin, kiến thức nào cũng có tốt có xấu, xa hơn nữa, là tốt nhập vào xấu không còn ranh giới, tức hỗn độn, tức cái Một. Chỉ khi bạn thấy cái Một rồi thì bạn sẽ tự tin như Lão Tử viết: “Không ra khỏi cửa mà biết Đạo Trời”. Bất cứ cái gì lọt vào tâm trí bạn, bạn cũng biết cái phương cách (the way, hay cái “how”) của nó. Như vậy bạn sẽ tự tin, vì biết chân lý, và thấy cái gì cũng đúng như vậy. Chẳng hạn, tôi mà gặp một bác sĩ giỏi, thì tôi không thấy anh ta tốt gì cả: anh ta chữa cho người đạo đức cũng tốt như chữa cho một tên lừa đảo, một tên ăn trộm, một cô cave, miễn là khi nằm bệnh, họ bình thường và trả tiền đầy đủ. Như vậy làm bác sĩ đâu phải là làm tốt, mà cũng giúp cho kẻ ác nữa. Một bác sĩ giỏi, tiến sĩ y khoa, là cái hỗn độn tốt xấu, chứ không phải là cái tốt suông, nói cách khác, anh ta không tự tính, nghĩa là có tính không. Nhưng không phải vì biết phương cách của tất cả mọi sự mà tôi không học! Tôi vẫn cứ chăm học như thường. Ở Việt Nam chưa có thể tin dụng nên không mua ebook được, tôi tìm các website ebook miễn phí, download về đọc. Hàng ngày tôi đều đọc nhiều báo, nghe nhiều radio. Hiểu biết càng rộng, càng dễ viết sách Đạo học, càng dễ giảng Đạo. Song, đọc nhiều, nghe nhiều, nói chuyện nhiều để làm gì? Chỉ để chứng minh một việc: thế giới này là cái Một, không như Gớt, học nhiều để “làm việc tốt”. Trong việc ăn ở với người đời thì các sự việc có thể chia ba loại: tốt, trung tính, và xấu xa, bỉ ổi, tàn nhẫn. Loại tốt và trung tính ta không buồn. Với loại xấu xa, tàn nhẫn, bỉ ổi thì chúng là cái sắc, mà cái sắc là cái không, tức tôi vừa thấy, vừa biết chúng xấu, nhưng đồng thời cũng vừa quên chúng, do tôi thấy cái sắc và cái không cùng một lúc. Do vừa thấy việc đó ác, vừa quên chúng, nên tôi không bị stress, không đau lòng, nên hạnh phúc 100%, và mãi mãi như vậy. Việc này thì khác, và hơn hẳn những kỹ thuật người ta dạy bạn trong loại sách Học làm người như cuốn Quẳng gánh lo đi và vui sống của Dale Carnegie, Nguyễn Hiến Lê dịch vậy. Tôi khi còn trẻ, hâm mộ mấy tác giả này. Bây giờ nhìn lại, thấy họ nông cạn, không thêm học. Lời của Gớt sai vì các thiền sư, bồ tát, la hán, Đạo sĩ là những người chuyên đối nhân xử thế bằng cách duy nhất là lấy mọi thứ từ nội tâm họ. Trang Tử nói một câu rất “lạ” nhưng đúng 100% với Đạo sĩ, thiền sư: “Nếu lấy tâm ta làm thầy thì ai cũng có thầy”. Đạo sĩ lấy tâm mình làm thầy, chứ không còn ai để mà thờ nữa cả, kể cả Lão Tử, Trang Tử. Nhưng bạn đừng đánh lầm cái này qua duy tâm nhé. Đạo sĩ nhập với thế giới làm một rồi, nên cái trong tâm họ luôn phù hợp với vật, nghĩa là họ duy tâm, đồng thời họ duy vật. Không bao giờ Đạo sĩ bị mâu thuẫn nội tâm vì thiên, vì Đạo, vì giác ngộ nó vượt qua khỏi logic, khỏi lương tri, khỏi lẽ phải đời thường. Gớt chỉ là sự phóng đại lớn của chiều dương, chiều tốt, chứ ông không phải là thiên tài của tôi. Sách của ông, tôi không thêm đọc. Nhưng nếu người khác đọc, tôi vô vi, để cho người khác cứ học Gớt tự nhiên.

*Đi khắp gầm trời, mẹ là tốt nhất; ăn khắp trăm vị, muối đứng hàng đầu.
Tục ngữ Trung Quốc.*

*Trong vũ trụ, có nhiều kỳ quan. Nhưng kỳ quan tuyệt diệu nhất là trái tim của người mẹ.
B. Số.*

Đối với hai câu này, ta lật ngược lại, xem thử có phải mẹ là tốt nhất hay không, nói cách khác, ta trả lời câu hỏi “Cái gì là tốt nhất?”, như ăn mọi thứ thì rồi cũng công nhận muối là ngon nhất vậy.

Tôi không chỉ bàn lý thuyết xa xôi, mà tôi đi ngay vào ví dụ thực tiễn, sinh động, cụ thể bằng cách lấy má tôi ra mà bàn. Má tôi tốt, làm trên xóm dưới đều nói vậy. Ba tôi mất khi mới 38 tuổi, má tôi một mình nuôi dạy 7 anh em tôi. Chúng tôi mà không hư hỏng đi là tốt quá rồi, nhưng còn hơn vậy, chỉ có một chị của tôi là không thành công, còn lại, ai cũng nên người. Anh tôi nói má tôi là một cái lò luyện thép. Đúng vậy thật. Chị của ba tôi mất sớm, gia đình ly tán hết. Có mấy cháu gọi ba tôi bằng cậu ruột, có thời gian ở với má tôi. Khi ở chung như vậy thì mấy anh chàng hoang lăm, nhưng khi buông ra đời thì rượu chè, cờ bạc be bét, chịu không nổi. Trước kia, có anh cứ lâu lâu lại đáo nhà anh tôi để nhờ giúp đỡ. Giúp hoài mà không tiến bộ, anh tôi đầu hàng. Ai ở chung với má tôi thì đều bị lây tính tốt của má tôi là chăm chỉ làm việc, bản lĩnh, thông minh, lương thiện, nhân hậu. Má tôi rất có uy tín trong dòng họ và hàng xóm. Hiện tại, bà có 4 căn nhà mặt tiền, hai khu đất mặt tiền, một cơ sở bán vật liệu xây dựng gần khu trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột, tức là bà là một tỉ phú, tuy chỉ ở mức độ trung lưu. Không chỉ vậy, có những lúc tai nạn, sa cơ thất thế, con cái có gây buồn phiền thế nào mặc lòng, bà luôn thương chúng tôi. Nhưng như vậy có thể nói bà “tốt nhất” không? Không! Bà có những giới hạn rất cơ bản sau đây mà chỉ có tôi mới thấy. Bà dốt, chỉ học hết lớp 2 Việt Minh. Bà không hướng dẫn con cái đi học được mà tôi tự lớn lên như cây đại. Vì dốt nên bà quy y Phật kiêu cũng mê tín nông cạn. Khi tôi nói rằng ăn chay cũng là sát sinh, vì muốn có gạo, có rau mà ăn, ta phải giết bao nhiêu là sâu. Bà nghe vậy, nói: “Thằng này khùng!” Tôi chả thể nào bày tỏ cho bà được. Thêm nữa, bà chấp mà tôi cho là độc giả chưa giác ngộ cũng cho là bình thường. Con dâu bà vu oan, chửi cay độc con trai bà, và các đứa con trai khác hàng tháng trời, hàng năm trời, bà đòi “tát bể mả”, “đánh bỏ mẹ” con dâu ra, rồi li dị cũng được. Cái dở của kiêu này là gia đình con trai bà tan nát, cháu nội mất mẹ, mất cha. Còn tôi thì bị vu cáo, bị chửi rửa cay nghiệt, tôi vẫn không buồn, mà còn hơn vậy, tôi còn có ý định là khi kiếm được tiền, tôi còn cho kẻ đã chửi tôi nghiệt ngã hàng năm trời, mà không cho ít đâu, cho dễ dàng, tự nhiên, như mẹ nuôi con, con nuôi mẹ. Đó là cách tôi “đánh” kẻ thù mà tôi lại làm như vậy không cố gắng, không đau lòng, dễ dàng, tự nhiên, thấy hợp với chân lý. Như vậy, về đối nhân xử thế, tôi hơn má tôi. Theo cách má tôi thì như Mike Tyson bị khiêu khích vậy, phải bị phạt: gia đình con trai bà tan nát. Cách của tôi làm cho kẻ thù đi từ ngạc nhiên nhiên này tới ngạc nhiên khác, và bảo toàn được gia đình, cảm hóa được kẻ thù. Má tôi thương con, nhưng cách bà bảo vệ con còn xấu. Cách tôi theo Đạo lại tốt hơn nhiều. Mà yêu kẻ thù như vậy, tôi lại không thấy tốt, mà thấy đó là lẽ tự nhiên, vì tất cả là Một. Ta và kẻ thù là Một. Như vậy, kết luận: Đi khắp gầm trời, Đạo (Lão, Phật) là tốt nhất; ăn khắp trăm vị, muối đứng hàng đầu. Những người tốt hơn má tôi là Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử, giáo sư Cao Xuân Huy, ... và Phật. Họ vẫn còn tác động tới tận ngày nay vào chúng ta. Trang Tử sống cách tôi hàng ngàn năm, hàng ngàn cây số, thế mà tư tưởng tôi cũng vẫn y hệt ông. Sức hấp dẫn tư tưởng ông lớn vậy.

*Hiểu biết nhiều sẽ làm cho con người trở nên rộng lượng hơn.
Ngạn ngữ Italia.*

Nghĩa là kiến thức làm cho con người trở nên vị tha hơn, tốt hơn. Vậy học nhiều con người sẽ vị tha hơn? Không đúng, hay nói chính xác, câu này nửa đúng nửa sai. Tin vào nó ta còn sai lầm. Xin dẫn chứng như sau:

Báo mạng tintuonline.com ngày 27/10/2005, bài Báo động nạn khủng bố qua điện thoại viết: Một bác sĩ chỉ vì cay cú không được một giáo sư đề bạt đã quên đạo thầy trò nhấn tâm “khủng bố” thầy bằng điện thoại. Lúc thì anh ta bịt mũi giả giọng, lúc lại thuê người khác qua điện thoại nói những lời tục tĩu, cốt hành hạ thầy.

Tiến sĩ ngôn ngữ “khủng bố” tiến sĩ luật. Tiến sĩ luật Nguyễn Văn Đ., trú tại quận Cầu Giấy, Hà Nội ngồi đối diện tôi với đôi mắt trũng sâu, khuôn mặt nhợt nhạt và liên tục thở hắt ra. Lâu nay, cứ tưởng chỉ những kẻ lưu manh trộm cắp mới có hành vi xấu, ai ngờ, một ông tiến sĩ về ngôn ngữ học, từng nhiều năm học tập, nghiên cứu ở nước ngoài lại dùng điện thoại để khủng bố láng giềng mình.

Tiến sĩ Đ. bị chứng huyết áp cao. Từ khi bị tiến sĩ Nguyễn Trần P. “khủng bố” thì bệnh tình của ông ngày một trầm trọng. Có lần, không chịu nổi lời lẽ nhục mạ của ông P., ông Đ. bị sốc, huyết áp tăng vọt, phải đưa đến bệnh viện cấp cứu. Chưa cần biết họ có mâu thuẫn gì, nhưng đọc bản trích “bài khủng bố” của tiến sĩ P. mà gia đình ông P. ghi âm được, tôi cũng rợn tóc gáy, không thể trích dẫn ra đây, vì nó thiếu văn hóa ghê gớm. Thậm chí ông P. còn dọa giết tiến sĩ Đ.

Chuyện chỉ có thể này: tiến sĩ P. mua một căn hộ ở khu nhà mà tiến sĩ Đ. sinh sống. Tiến sĩ P thuê thợ xây hai bể nước ở hai ga ra, nhưng thợ phát hiện bể phốt công cộng bị vỡ, có dấu hiệu tràn sang bể nước của bà con khu phố. Bà con khu phố đã làm đơn gửi lên Giám đốc công ty xây dựng, trong đó có kiến nghị cần mắc thêm đèn chiếu sáng cho một số khu nhà, đồng thời thắc mắc một số việc làm không đúng quy định của công ty xây dựng này, như bán tầng trệt cho một số cá nhân.

Vì là trưởng khu phố nên tiến sĩ Đ. đã thay mặt bà con ký tên vào đơn kiến nghị đó. Ông có ngờ đâu, nó chính là “mầm” gieo phiền muộn, lo lắng đến cho gia đình ông. Từ khi biết lá đơn đó do tiến sĩ Đ. ký tên, sợ ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân, tiến sĩ P. đã nghĩ ra trò dùng điện thoại “khủng bố” tinh thần vợ chồng tiến sĩ Đ. vào đêm khuya.

Loài người có học cao đến bao nhiêu thì cũng vậy mà thôi. Thịnh thoảng ta lại thấy họ ích kỷ, ngu ngốc, tàn ác. Tổng thống Mỹ Bill Clinton khi tại nhiệm, vướng vào xì căng đan tình dục, tức ông ích kỷ, thỏa mãn nhục dục cá nhân, mà đó lại là đệ nhất công dân của nước Mỹ, người mà dân Mỹ tin là sáng suốt nhất, đạo đức nhất lãnh đạo họ. Ngày xưa thì cung đình là nơi chất xám tập trung nhiều nhất phải không? Nhưng đây cũng là nơi chết bất đắc kỳ tử nhiều nhất: hoàng gia ám hại nhau để tranh giành quyền lực, tranh ngôi vua. Vậy ta nói ngược lại, càng có kiến thức con người càng ích kỷ. Ngược lại, ở nơi thôn dã, ở trong ngôi nhà tranh, thì tranh giành quyền lực làm gì? Vì không có tranh giành gì, nên trong những ngôi nhà nhỏ bé ở dân gian, nơi đó lại có những con người vị tha.

Nhưng tôi cũng gặp những con người nhờ học mà rất tốt. Bác Ba tôi, anh em bạn dì với ba tôi, học Nho từ nhỏ, thấm nhuần luân lý Khổng-Mạnh. Khi tôi tuổi chừnng đôi mươi, tính cách chưa định hình vững chắc như ngày nay, tôi thấy bác tôi, tôi ... choáng. Ấy vì tôi đọc sách mà biết là “Làm việc tốt đừng cho người khác biết”, nhưng tôi cho điều này chỉ có trong sách. Cho đến lúc đó, tôi chưa thấy ai thực hành điều này. Ấy vậy mà bác tôi lại khuyên tôi như

vậy và làm như vậy. Thế là tôi làm theo. Bác tôi là tham mưu trưởng tinh đội Lâm Đồng, đại tá. Tôi cho rằng Cộng Sản Việt Nam tồn tại được là nhờ những con người như vậy. Bác tôi rất ghét những người Cộng Sản tham nhũng. Ông là hạng “Hai tay nắm vững lập trường / Đầu đội chính sách, vai mang giáo điều”, nhưng nhân ái, bản lĩnh, quân tử thứ thiệt. Các ngọn núi ở tỉnh nhiều núi non của Lâm Đồng, bác tôi leo hết, để gặp thuyết phục mấy ông Thượng làm Fulro. Hạng từng trải, già đời như má tôi thì nói: “Bác Ba là ông Phật.”

Nhưng đó là bác tôi “tốt” trong phạm vi hẹp, trong sinh hoạt, trong quan điểm cá nhân. Nếu nhìn rộng ra dưới con mắt triết học, thì hạng như bác tôi là cực kỳ nguy hiểm, cực kỳ xấu đối với phe Quốc Gia, đối với “đế quốc Mỹ”. Tôi hỏi bác tôi sao không đọc báo Công An Thành Phố Hồ Chí Minh, bác chê: “Trước kia, thằng đế quốc có đại bác, có trực thăng, muốn bắn mình lúc nào thì bắn, muốn chụp mình lúc nào thì chụp, mà mình còn đánh nó được, huống chi bây giờ bắt mấy thằng cướp tay không. Có gì mà phải vẽ chuyện viết ra ồn ào?” Tôi nghĩ lại tôi vẫn buồn cười. Bác tôi cứng cỏi số một như vậy, dũng cảm như Napoleon. Bác tôi quá tốt, quá dũng cảm, cũng có nghĩa là trở nên quá xấu.

Như vậy ta thấy hiểu biết nhiều làm cho con người tốt lên, cũng như làm cho con người vẫn ích kỷ y nguyên như một đứa trẻ. Kiến thức làm ta vị tha mà cũng làm ta vị kỷ, chứ không phải cứ học nhiều là tốt. Kiến thức, xét thể nào đi nữa, cũng không thoát khỏi quy luật Đạo học là nó hỗn độn tốt xấu.

Vàng ròng đầy rương chẳng bằng cho con một sách. Cho con ngàn vàng chẳng bằng dạy con một nghề. Rất vui chẳng chi bằng đọc sách, rất cần chẳng chi bằng dạy con.

Hán Thư.

Vàng ròng không bằng sách, tức kiến thức tốt hơn tiền bạc, châu báu. Alvin Toffler nói một cách hệ thống rằng trong các dạng quyền lực thì bạo lực là thấp nhất, vì dùng nó gây ra hận thù, và dùng nhiều thì nó “mòn” đi; tiền bạc là quyền lực bậc trung; kiến thức là quyền lực bậc cao nhất, vì tiền bạc ta xài thì nó hao mòn đi, còn kiến thức, càng xài thì càng kinh nghiệm, chỉ có thêm, chứ không có bớt. Tôi muốn đưa ra một cái còn cao hơn kiến thức nữa, đó là sự giác ngộ. Kiến thức thì lợi hại bất thường. Chẳng hạn, một chuyên gia bom hạt nhân Iran là một đối tượng Mỹ, Châu Âu không ưa. Một kỹ sư tên lửa Bắc Hàn thì Nhật Bản cho là nguy hại. Như vậy thì cho con vàng ròng hay cho con kiến thức thì đều là không phải là kế vẹn toàn. Vì thế đọc sách không phải là rất vui, mà có khi là rất buồn. Đọc sách làm gì, nếu không phải là tăng kiến thức? Kiến thức càng tăng thì càng nguy hiểm, chứ không chỉ ích lợi suông. Dạy con thì cần chỉ ở giai đoạn chúng còn trẻ, chứ khi chúng lớn rồi thì “con hơn cha là nhà có phúc”, có khi chúng còn vượt qua cha mẹ, không dạy được nữa. Mà như bài học của riêng tôi thì ngay từ lúc 31 tuổi, tức khi tôi giác ngộ, thì ngay đến thánh trí như Lão Tử, Trang Tử, Khổng Tử, ... tôi đều không cần học nữa, mà tự mình lo tất cả mọi việc được rồi, một cách cá nhân, vì giác ngộ là giải thoát cá nhân. Nhìn chung, danh ngôn này chỉ đúng cho hạng nhị nguyên, hạng chưa giải thoát, và chưa thành công. Còn tôi thì cho là cho vàng, hay cho kiến thức, hay dạy nghề, đọc sách, thầy đều không phải là kế vẹn toàn.

Tột cùng thiện không gì hơn hiếu. Tột cùng ác không gì hơn bất hiếu.
Kinh Phật.

Câu này thì Đạo học không cùng quan điểm với Phật học. Trong Đạo học thì hiếu = bất hiếu. Tôi có giảng Đạo học cho một chị ở Buôn Ma Thuật, chị cũng đồng ý vậy, và nói thêm: có hiếu với cha mẹ, những đứa con khác họ hiếu là ta nịnh cha mẹ để được chia của phần hơn. Khi tôi mười chín, đôi mươi, tính tình cương trực, ghét người nịnh. Họ hàng tôi có một gã

giúp việc cho gia đình tôi. Gã lúc nào cũng bám sát má tôi, làm mọi việc hài lòng má tôi, có dịp là luôn kể công, luôn chia sẻ tâm sự với má tôi. Kiểu “có hiếu” này tôi ghét cực kỳ. Lúc đó tôi tìm mọi cách để công kích gã một cách bóng gió suốt ngày, suốt đêm. Cuối cùng gã cũng đạt được mục đích: gã được má tôi chia chác. Xong rồi thì gã lộ bộ mặt thật: đó là gã trở nên bình thường, trung tính như bao người khác trong dòng họ, không phải bám theo má tôi từng phút để mà bợ đỡ, khen ngợi má tôi nữa. Ta cũng biết luật này: giặc đến mới biết tướng tài, nước loạn biết tôi trung, vì thế khi gia đình rối loạn mới biết con hiếu. Sự rối loạn trong gia đình, ta cho là một sự “bất hiếu”, thì nó sinh ra những người con có hiếu, nói cách khác, bất hiếu = có hiếu. Nếu gia đình hòa hợp rồi thì ta không cần con hiếu. Chỉ ở những gia đình khổ sở, ta mới cần con hiếu. Cũng vậy, khi nước không loạn, ta không cần tôi trung. Khi giặc chưa đến, ta không cần tướng tài. Vì vậy, cách có hiếu đúng với cha mẹ là không theo chiều nào cả. Nếu cha mẹ nghèo khó, bệnh tật, già cả, mắc nợ, thì con cái phải trả nợ cho cha mẹ, chia ra cho các con trả, lúc đó muốn “hiếu” thế nào cũng được. Nhưng nếu cha mẹ giàu có, có quyền lực thì cẩn thận đấy. Có “hiếu” trong trường hợp này dễ bị hiểu lầm là tranh giành của cải, quyền lực với anh em. Đọc Tam Quốc Chí, ta thấy Tào Phi và Tào Thực là một ví dụ. Tào Tháo chiếm được đất rộng nhất, binh đông nhất, tiềm năng lớn nhất. Một trong hai người con là Tào Phi và Tào Thực phải được chọn lên ngôi vua. Tào Thực mà tỏ ra thương cha, nhân hậu, tài giỏi, bản lĩnh thì Tào Phi ghét, sợ mất ngôi. Trong trường hợp cha mẹ có quyền lực, giàu có thế này mà tỏ ra có “hiếu” thì có hại, mà có thương cha mẹ thì cũng phải giấu, phải dè chừng anh em khác, tức là không được theo hướng tốt. Bất hiếu thì không được rồi. Tôi không tán thành con cái bỏ mặc cha mẹ bệnh tật, già cả. Phải chăm sóc cha mẹ cả về mặt tinh thần lẫn vật chất, vì nếu chỉ cho tiền, nuôi ăn mà không chăm sóc tinh thần, tức là làm những việc cha mẹ vui lòng theo ý chí cha mẹ thì chẳng khác gì ... nuôi heo, nuôi chó. Nhưng làm tốt cho cha mẹ tùy trường hợp mà phải coi chừng đấy. Phát ngôn của Đạo học là Đạo là hỗn độn tốt xấu, tức cuộc sống cũng hỗn độn tốt xấu, nghĩa là không theo chiều nào, là vô thường. Trong cái vô thường đó mà ta cứ một mực giữ thái độ có hiếu thì bị hại, mà phải quyền biến.

Bên cạnh ánh sáng lung linh của các vì sao, còn có thứ ánh sáng êm dịu và huyền bí của người phụ nữ.

V. Huygô

V. Huygô yêu nhiều, và được phụ nữ yêu nhiều mới nói thế này. Nhưng nếu chỉ nói như vậy thì phiền diện. Phải nói là phụ nữ cho ta hạnh phúc mà cũng cho ta đau khổ. Nếu phụ nữ mà chỉ cho ta “ánh sáng êm dịu và huyền bí” thì chắc là cưới vợ thì ta hạnh phúc! Hay là cưới vợ rồi là phải lo cái nhà, chiếc xe, đồ đạc trong nhà, lo không nổi thì không dám cưới vợ? Đòi Nguyễn Trãi chứng kiến cả hai kiểu phụ nữ hạnh phúc và phụ nữ đau khổ như vậy. Vợ ông, Nguyễn Thị Lộ xinh đẹp, hay chữ, hiền đức. Nhưng ông bị vợ vua, Nguyễn Thị Anh, vu cáo, buộc tội ông cùng Nguyễn Thị Lộ giết vua, thế là bị tru di tam tộc. Báo Nga Pravda có bài viết sau:

Ba cô gái xinh đẹp khỏa thân để bọn trộm lấy xe

Ngày nay kẻ trộm trở nên quá thạo đời đến mức sự “sáng tạo” của chúng làm người ta phát sợ. Một số trộm thiết kế những máy quét điện tử đặc biệt có thể phá mã báo động xe hơi; những tên khác dùng xe cẩu lấy xe. Nhưng ấn tượng nhất là vụ xảy ra ở Moscow cách đây chưa lâu. Vụ trộm được thực hiện trôi chảy đến mức ngay cả các nạn nhân cũng không thể tả được sự khâm phục của họ.

Sau đây là cách vụ trộm được thực hiện - một buổi chiều nóng ở bãi Balashikh trên bờ sông Moscow có ba vị khách đặc biệt: ba cô gái cực kỳ hấp dẫn đi một chiếc xe hơi thể thao. Họ bước xuống xe, đi xuống nước và ... cởi hết quần áo. Sau đó các cô gái xinh đẹp hấp dẫn bắt đầu té nước gần bờ, cười giỡn và gây chú ý của mọi người. Một người chứng kiến nói rằng các cô gái thậm chí còn phô bày một show đồng tính luyến ái nữ nhỏ và bắt đầu kỳ cọ lẫn nhau, làm những người quan sát nam giới được kích thích cực kỳ mạnh mẽ và tán thưởng nhiệt liệt.

Trong khi những phụ nữ khỏa thân với thân thể xinh đẹp tự tụ tập quanh họ một đám đông những người ngưỡng mộ thì một nhóm trộm tiến vào những chiếc xe hơi vắng chủ của các fan. Trong vòng khoảng 15 phút, 10 chiếc xe đã bị trộm cùng với bốn chiếc khác rất đắt tiền! Còn ba cô gái xinh đẹp, sau khi hoàn tất show khỏa thân, họ nhanh chóng leo lên xe của họ và biến mất vào nơi vô định.

Hiện tại cả những chiếc xe hơi lẫn những người trình diễn đang bị cảnh sát tìm kiếm. Tuy vậy, các nhà điều tra nói rằng rất khó chứng minh các cô gái có tội vì đơn giản, họ chỉ đang tắm.

Vì thế lời của V. Huygô không tin được. Bạn mà tin phụ nữ có “ánh sáng êm dịu và huyền bí” có ngày bạn chết dưới tay họ đấy. Bạn phải tin là phụ nữ thì ngoài xinh đẹp, dịu dàng, đảm đang, ăn nói lịch sự, hiền đức thì họ cũng có luôn tất cả các tật xấu của nhân loại, như vậy mới phản ánh đúng chân dung họ được.

Con người thực sự trung thực và đạo đức thì trong cuộc đời hoàn toàn xứng đáng được xã hội kính trọng, và đó chính là nhờ lòng trung thực và đạo đức của mình.
N. Đôbrôliubốp.

Tôi thấy có những trường hợp ngược lại. Cứ tỏ ra trung thực và đạo đức thì bị hại, vì ta trở nên cực kỳ xấu, cực kỳ tàn ác với người khác. Đời Hán Cao Tổ, sau khi thống nhất đất nước rồi thì Lưu Bang (Hán Cao Tổ) đổ ky, thậm chí giết các bề tôi, vì sợ họ có uy tín cao, họ làm phản, chiếm mất ngôi vua của ông. Tiêu Hà, thừa tướng của ông, phải cướp đất của dân, tự bôi tro trát trấu lên mặt mình, làm mất uy tín mình đi, thì Hán Cao Tổ mới tin là Tiêu Hà không làm phản, vì không được dân ủng hộ. Bạn thấy đó, đi ăn cướp là tốt mà “trung thực và đạo đức” là cực kỳ xấu và ngu xuẩn. Ăn cướp mới là tài trí, là thông thái! Một ví dụ khác là bạn thân của tôi từ hồi hỉ mũi chưa sạch làm thư ký tòa án một thành phố cao nguyên, anh nói với tôi là “Nó (nhân viên tòa án) sợ mình hơn nó lắm”. Ấy, cứ tỏ ra “trung thực và đạo đức”, để có uy tín, đúng lương tâm thì được chánh án để ý, cất nhắc lên làm thẩm phán thì có mà bị “chơi” ngay, chứ làm gì được “xã hội kính trọng”? Nói như N. Đôbrôliubốp là vô minh (ignorant). Một nghĩa khác của từ “ignorant” là “dốt”. Tôi không ngại mà nói tác giả danh ngôn này là dốt cũng không sao. Cách làm đúng là không theo chiều nào nhất định cả. Trên website của Krishnamurti (Đạo gia Ấn Độ hiện đại, có người cho là ông thánh của thế kỷ 20) có câu danh ngôn “To believe is to be superstitious” (tin là mê tín), tức khuyên ta không tin cái gì, nghĩa là không đi theo chiều nào nhất định. Không đi theo chiều nào nhất định vì cuộc sống này vô thường, nghĩa là nó không theo chiều tốt, mà cũng không theo chiều xấu, mà là đi mọi hướng ta không sao lường trước được.

Người mẹ của sự khôn ngoan là kinh nghiệm.
Ngạn ngữ Anh.

Điều này chỉ đúng ở giai đoạn trước giác ngộ. Không có kinh nghiệm, không từng trải, chưa từng nếm qua thất bại, tức chưa chứng nghiệm trực tiếp tốt là xấu, vinh là nhục, phúc là họa, ... và ngược lại thì không thể nào thiên tốt mà đắc Đạo được. Chắc chắn là phải có kinh nghiệm như vậy, từng trải như vậy mới có thể nói chuyện Đạo được. Tôi nói chuyện Đạo học cũng thích những người già, những người từng trải. Như vậy những người chưa có kinh nghiệm thì thậm chí đến đọc sách Đạo thôi thì có thể họ không thích, vì họ chỉ thích, chỉ quả quyết là họ sẽ thành công. Mặt tốt của kinh nghiệm là vậy. Nhưng khi giác ngộ rồi thì bao nhiêu kiến thức và kinh nghiệm vứt hết, trong tâm trí của Đạo sĩ chỉ còn cái hỗn độn, và cái hỗn độn này ứng đúng với vạn vật. Nếu ngược lại chỉ cho là kinh nghiệm thuần túy tạo ra sự khôn ngoan, mà không cần tới triết học thì kinh nghiệm cũng bị giới hạn lắm. Kinh nghiệm là cái đã cũ mà, đâu làm sao mà thích ứng hoàn toàn với hoàn cảnh mới. Theo chủ nghĩa kinh nghiệm thì có thể bị thất bại to. Ví dụ, bác Ba tôi mà tôi nói ở trên, một tay Cộng Sản gộc, có thể thường nói: "Thằng đế quốc có đại bác, có B 52, có gái đẹp, tiền bạc, lắm âm mưu, tàn ác, xảo quyệt mà chúng tôi còn đánh được, chẳng lẽ xây dựng nước Việt Nam to đẹp hơn mà không làm được sao?" Không, vậy mà không được. Việc khó như đánh Mỹ, cường quốc số một, gian khổ, chết chóc, thương tật, chia ly, đau lòng lắm, thì làm được, mà làm kinh tế trong hòa bình, trong sự an toàn, lại không được. Từ 1975 đến 1986, Việt Nam xây dựng đất nước theo lối xã hội chủ nghĩa, thất bại, kinh tế khủng hoảng. Kinh nghiệm từ trước của đảng Cộng Sản đâu giúp được gì, mà chỉ gây hại. Từ 1986, thả cho tự do, tức gần với vô vi, nghĩa là để phát triển tự nhiên, thì Việt Nam mới khởi sắc. Lấy cái đã cũ áp dụng cho cái mới, trong tình hình hoàn toàn mới, thì có khi thành, có khi bại, chứ không phải luôn luôn kinh nghiệm là người mẹ của khôn ngoan. Kinh nghiệm còn là người mẹ của thất bại nữa. Kinh nghiệm là cái cũ, xơ cứng, cái đã chết, mà cuộc sống lại muôn màu muôn vẻ, luôn mới mẻ, sinh động, làm sao mà kinh nghiệm có thể thích ứng hết được. Kinh nghiệm, cũng như kiến thức, lúc thì có ích, lúc thì có hại, bất thường, như cuộc đời vẫn không đi theo chiều nào vậy.

Gieo hành vi, gặt thói quen.

Gieo thói quen, gặt tính cách.

Gieo tính cách, gặt số phận.

U. Thaccorây.

Nghe có vẻ logic và chặt chẽ. Nói cho rõ hơn thì thế này: gieo hành vi tốt, làm việc tốt mỗi ngày gặt thói quen làm việc tốt. Có thói quen làm việc tốt, tạo ra tính cách tốt. Có tính cách tốt thì số phận tốt. Ngược lại, hành vi hàng ngày xấu thì có thói quen xấu. Thói quen xấu tạo tính cách xấu, và tính cách xấu thì tạo số phận xấu. Cái này nghe nghe giống Cơ Đốc Giáo và Nho Giáo. Mấy ông Nho, hay nói rộng ra, mấy ông nhị nguyên thì tu thân theo cách này và bạn dễ thấy họ thất bại ra sao. Tôi lại thấy mọi việc luôn luôn hỗn độn, trong tốt có xấu, trong xấu có tốt nữa. Ví dụ: Zidane, danh thủ bóng đá Pháp, lớn vào tầm cỡ trong 50 năm Liên Đoàn Bóng Đá Châu Âu, anh là lớn nhất, trong trận chung kết bóng đá World Cup 2006 giữa Pháp và Ý, anh bị Materazzi khiêu khích, đã đánh nguội anh này, húc đầu vào ngực Materazzi, bị thẻ đỏ, rời khỏi sân. Zidane sau đó được các nhà báo bầu chọn là cầu thủ xuất sắc nhất World Cup 2006, một ngôi sao sáng rực rỡ như vậy còn không giữ được hành vi của mình, cho dù Zidane là người trưởng thành, bản lĩnh, điềm tĩnh và trận đấu đó quan trọng nhất trong giải quốc tế danh giá nhất. Trong anh, tính ngang ngạnh, và là tính ngang ngạnh của người Pháp còn lớn hơn cả vinh quang của giải đấu lớn nhất hành tinh. Sẵn sàng vứt bỏ vinh quang chỉ để húc đầu một cái thỏa mãn sự tức giận. Như vậy, ta có muốn gieo hành vi cũng không được. Nếu ta đi tiếp, nói rằng "gieo tính cách, gặt số phận" thì hãy xem bài Khi trí thức "bụp" vợ, báo Tuổi Trẻ Cười số 313, ngày 1-8-2006:

... Song ở TP HCM, có khá nhiều ông chồng có sở thích đánh vợ lại không ở trong diện thất nghiệp, thất học, thất bại ... Trái lại, họ thành đạt, có kiến thức, trình độ văn hóa cao, địa vị, tiền bạc ... Các bà vợ của họ chẳng những không khô đét, già nua, xấu xí mà lại còn khá ... xinh xắn, mô đen, trẻ đẹp. Bởi thế, ActionAids Việt Nam, một tổ chức phi chính phủ chống đói nghèo, xây dựng một dự án chống bạo hành gia đình ở Việt Nam cũng ... chịu thua, vì không tìm ra được nguyên nhân, và khó tìm cơ hội tiếp cận để “giáo dục” các ông chồng đầy chữ nghĩa.

Có lần, phóng viên một tờ báo khá nổi tiếng trong thành phố theo đường dây khẩn, phối hợp với công an phường ập đến một căn nhà lầu vào giữa đêm khuya. Nhân lúc ông chồng vào toa-lét, bà vợ đã nhanh tay gọi điện kêu cứu vì bị chồng đánh đập quá dã man. Trước mặt công an, nhà báo, ông chồng mặt xanh lè, líu ríu ký vào biên bản, và cam đoan không tái phạm. Mới 3 ngày sau, bà vợ với vết bầm còn hằn trên mặt tìm đến người phóng viên khóc lóc thảm thiết, tưởng đâu ông chồng to gan dám nuốt lời hứa, không dè chị khóc vì sợ chồng bị lên báo sẽ ảnh hưởng đến chuyện ... trình luận án thạc sĩ. Chị khóc năn nỉ nhà báo lên gặp công an lấy lại biên bản rồi phi tang cho chồng an tâm. Chị tâm sự: “Bây giờ, ảnh không đánh nữa mà chuyển sang không ... nói năng gì hết, làm tôi càng sợ hơn. Ảnh cứ làm lì, đồ thừa tại tôi báo công an mà sắp làm tiêu tan sự nghiệp của ảnh. Tôi không biết phải làm sao, để con tim ảnh vui trở lại...” Cũng tương tự, cô Trần Thị Khánh Nhi, một bà vợ trẻ trung, xinh xắn vừa chạy thoát khỏi nhà chồng, bỏ cả con nhỏ. Cô không chống lại được ông chồng muốn đuổi vợ ra khỏi nhà. Lý do vì cô không thuận theo ý chồng, không chịu ngoan ngoãn chờ chồng đi nhậu tới tận đêm khuya để ra mở cửa, vào hầu hạ nước nôi cho chồng. Ông chồng lý luận, thời buổi bây giờ, mấy ai lấy được chồng làm giám đốc, danh giá sang trọng, có xe hơi, nhà lầu ... vậy mà cô vợ có phúc mà không biết hưởng. Ông cưới vợ được thì thay vợ cũng được... Con gái chưa chồng nhiều vô số kể, không ít người muốn nâng khăn sửa túi cho giám đốc.

Các nhà tâm lý mổ xẻ “những ông chồng trí thức bạo hành vợ” nghiên cứu các thói quen ẩm thực của các ông để xem có gì khác thường, nhưng ý kiến này bị phản bác, vì “nếu do thức ăn kích động thì phải bạo hành cả người ngoài, nữ đồng nghiệp... chứ tại sao lại chỉ nhằm vào bà vợ”. Điều này, các ông chồng trí thức thành phố giống với các ông thất học ở vùng sâu, vùng xa. Đến khi phẫu thuật “các bà vợ bị bạo hành”, thì tình hình lại phức tạp hơn, khi có dấu hiệu “chồng hư, tại vợ”. Nếu như các bà kiên quyết không chấp nhận cái bạt tai, cú đấm, đá của chồng như bà hàng xóm thì các ông chẳng dám hùng hổ, phô trương sức mạnh cơ bắp của mình. Ngược lại, các bà sợ “hỗ thiếp, xấu chàng” ra sức bao che cho bạo hành. Nhưng nhân vật chính vẫn là các ông chồng vẫn vô tư, vũ như cần, và hồn nhiên dạy vợ theo kiểu “thương cho roi, cho vọt”. Còn chuyện trí thức mà cũng đánh vợ? Ăn thua gì, có học là một đẳng, dạy vợ là một chuyện khác, ăn nhập gì với nhau! Nhiều ông tuyên bố bỏ vợ như vậy...

Vậy ta kết luận là hành vi tốt tạo tính cách tốt, tính cách tốt tạo số phận tốt là đúng, như bạn xem những người thành đạt thì rõ, những gương như vậy thì nhiều, trong hàng xóm bạn, trong tình bạn, hay ngay cả trong dòng họ bạn, đều có, tìm thấy dễ dàng. Nhưng câu này chỉ đúng 50%. Nửa còn lại là gieo hành vi tốt, lại mang tiếng xấu, và có tính cách tốt lại gặt hái số phận buồn, như “thánh” Gandhi của Ấn Độ bị ám sát. Và qua bài báo trên ta thấy việc thi hành những hành vi tốt rất hỗn độn, kể cả những người có học vị cao, đầy chữ nghĩa, có tiền bạc, địa vị.

*Hãy chính là sự thay đổi bạn muốn thấy (Be the change you want to see).
Mahatma Gandhi.*

Gandhi đuổi được thực dân Anh ra khỏi Ấn Độ mà không tốn một viên đạn. Chủ nghĩa của ông gần giống với chủ nghĩa không tưởng, vậy mà lại có giá trị thực tế, và ông thành công. Ông là ông thánh của thế kỷ 20. Tôi cho là ông cao hơn hạng chính nhân quân tử, vì mấy ông “quân tử” thì tốn nhiều đạn, nhiều xương máu mới đuổi được kẻ thù ra khỏi quê hương. Nhưng nói như Gandhi thì ta đã định cho thế giới một hướng trong khi thế giới vốn vô hướng, hay nói cách khác, thế giới đi mọi hướng. Bằng chứng là Gandhi bị ám sát chết. Như vậy là “Be the failure you don’t want to see”, là sự thất bại mà ta không muốn thấy. Thất bại nữa là Ấn Độ bị chia thành Pakistan, Bangladesh mà dù Gandhi đau lòng cũng không sao đoàn kết lại được. Ngay cả tác giả câu nói này thực hiện câu này thì khi thành, khi bại. Không có ai mà thành công mãi được, kể cả “thánh”, mà là thành bại không định trước được, vô hướng, như phát ngôn của Đạo.

Kẻ nào không yêu quê hương mình thì không thể yêu gì cả.
G. Bairo

Câu này không đúng. Người Israel trên khắp thế giới, không phải ai cũng về quê hương họ, việc này ảnh hưởng đến chính trị Israel. Ấy là vì ở đây chiến tranh với Palestine không ngớt. Người Nhật sau 1945 thì lòng yêu nước không nhiệt tình như trước 1945 nữa, vì họ thấy cái hại của nó. Trước 1945, nhiều người Nhật sẵn sàng hy sinh để thực hiện giấc mộng Đại Đông Á do Nhật đứng đầu, vì vậy mà họ gây ra chiến tranh tàn khốc. Có những phi công đội Thần Phong sẵn sàng lái máy bay cảm tử chứa đầy bom lao vào tàu địch. Hơn 60 năm trôi qua nhưng các nước Châu Á, nhất là Trung Quốc và Nam Hàn còn mang nỗi đau này. Theo tình hình hiện nay thì yêu nước Mỹ là chống Hồi Giáo cực đoan, chống Cu Ba, Bắc Hàn, Trung Quốc, Venezuela, Iran. Với Việt Nam, Trung Quốc thì tuy Mỹ hợp tác về kinh tế một cách thực dụng, nhưng hệ tư tưởng hai quốc gia đi ngược nhau. Yêu nước Mỹ thì chống I Rắc, chống độc tài, chống khủng bố, dân chủ hóa, tự do hóa nước này để khỏi biến nó thành nước ủng hộ khủng bố, hay thành ổ khủng bố. Kết quả là hiện nay hơn 2973 lính Mỹ chết ở đó, cao hơn số người chết khi Mỹ bị khủng bố ở WCT tại New York và Mỹ sa lầy ở đó, không dám đụng tới Iran, Bắc Hàn dù Mỹ gọi các nước này là Trục của tội ác. Như vậy yêu nước là một việc bất khả, dù có yêu nước, dù là cường quốc số một như Mỹ cũng không được tự do hành động. Sau khi sa lầy ở I Rắc thì Mỹ bỏ “chính sách cao bồi”, tức chính sách đơn phương hành động mà phải cần có đồng minh, cần có sự ủng hộ quốc tế. Việc gì mà đa số phản đối, Mỹ không dám làm, dù trước kia, có nhiều nước phản đối, Mỹ vẫn xâm lược I rắc.

Vậy ta thấy trước mắt, trong thực tế, yêu nước có khi rất khó, không luôn luôn vậy nhưng có khi không được, chỉ gây hại. Đạo học đối với vấn đề này như thế nào? Quốc gia là Đạo, quốc gia nào cũng là Đạo, là cái hỗn độn âm dương, chứ không phải cái tốt để mà ta yêu. Vì vậy mọi quốc gia đều bình đẳng, và không tự tính. Cách xử sự đúng là không yêu quốc gia nào, vì không yêu nên không ghét quốc gia nào, và đối xử với mọi quốc gia như nhau, như đối xử với tôi. Tôi thì xử sự với Nigeria cũng như đối với Mỹ, đối với Trung Quốc, đối với Việt Nam, không phân biệt, kể cả khi Việt Nam bị nước nào đó xâm lược. Người thiện thật thì không còn quốc gia nào nữa cả.

To be or not to be.
Shakespeare.

Câu này nổi tiếng nên tôi để nguyên văn như vậy. Dịch ra có nghĩa là “Tồn tại hay không tồn tại”, tức là tồn tại để làm gì, hay mục đích của tồn tại là gì. Đây cũng là mục đích cuộc sống. Theo ý nghĩa thông thường, tức ý nghĩa nhị nguyên, thì sống mà không có mục đích là thấp

kém. Điều này đúng với người hư hỏng, với giang hồ, với cave, trộm cướp, nghiện hút. Sống như thế thì đúng là thấp kém thật. Và câu này, mong đặt một mục đích tốt đẹp cho cuộc sống, cũng đúng với hạng nhị nguyên, hạng ái quốc hạng nặng, hạng lấy Khổng Tử, Mạnh Tử, Nietzsche, Gandhi, ... làm thần tượng. Thế còn một người học trò của Lão thì sao?

Khi tôi 19 tuổi, tôi gặp một anh giảng viên Cao Đăng Sư Phạm Dăk lăk, thạc sĩ văn chương. Tôi phục anh lắm, vì tôi chỉ học xong 12. Anh hỏi tôi mục đích cuộc sống là gì làm tôi suy nghĩ rất lung trong nhiều năm mà không tìm ra. Về sau thì tôi thấy có nhiều mục đích. Người bình thường, hay tầm thường và hay gặp nhất là kiếm tiền, làm giàu một cách lương thiện. Ông linh mục, là đức tin vào Chúa và tình yêu. Việc thực hiện tình yêu đó với kẻ thù, nó khó, nên mới đáng làm. Và làm được vậy luôn là thánh. Rồi tôi còn đọc Andre Maurois, tập Thư Ngỏ gửi Tuổi Hai mươi, thì biết là “phải sống cho một cái gì khác, chứ không phải sống cho mình”, nghĩa là vị tha, chứ không phải vị kỷ. Một người Cộng Sản Việt Nam thì sống theo kiểu Bác Hồ, mục đích sống là làm như Bác. Khi tôi 21 tuổi, sinh viên khoa Anh Đại Học Đà Lạt, tôi cũng chưa có mục đích vững chắc. Mục tiêu của tôi lúc đó là mong học giỏi để trở thành giảng viên ĐH tiếng Anh. Thất bại, vì tổng kết, tôi chỉ trung bình khá. Phải nhỉnh hơn một chút, phải khá, mới thành giảng viên ĐH được. Học xong ĐH thì đã 26 tuổi, lo tìm việc làm, kiếm sống. Nhưng rồi cũng không thành cái ông gì cả, mà luôn bị nạn thất nghiệp đe dọa. Mỗi tới khi giác ngộ rồi cũng vậy, cũng bị thất nghiệp. Nhưng từ lâu, tôi luôn luôn tự vấn: cái gì đứng phía sau những hoạt động xã hội, phía sau quyền lực, và tiền bạc. Chỉ đến khi tôi đọc sách thiền, tham vấn thiền sư và thực hành thiền (thật ra, chỉ mất 10 phút là xong, là giác ngộ), thì tôi mới biết chân lý là gì, cái phía sau quyền lực, sau xã hội, thúc đẩy xã hội, cái mục đích tối hậu của cuộc sống là gì. Đó là Đạo, là cái không. Và thế là, gã NNH 31 tuổi liền phản đối Shakespeare! Ông này là thiên tài của tôi khi tôi là học trò, còn khi tôi thấy Đạo như Lão thì tôi thấy ông ta chả là gì cả, ăn nói lằng nhằng, xịt chó vô gai. Tôi nói có bằng chứng thực tiễn sinh động và cả bề gãy ông ta trên lý thuyết. Cuộc sống là vô hạn theo hai chiều, cả chiều âm lẫn chiều dương. Nó cực kỳ tốt đẹp, đẹp hơn mong ước cũng như bỉ ổi, xấu xa tàn tệ không tưởng tượng được. Trong cái cuộc sống vô hạn ấy thì ta mong gì mà đặt một mục đích, tức một giới hạn cho cuộc sống? Không, cuộc sống không có giới hạn nào cả, không có mục đích nào cả. Chính Khổng Tử cũng có tư tưởng tương tự về pháp luật: “Cuộc sống thì vô hạn. Pháp luật thì hữu hạn. Đem cái hữu hạn, trói buộc cái vô hạn, bất cập chẳng?” Pháp luật nước nào cũng bất cập cả, và phải bổ sung, sửa đổi liên tục. Chẳng hạn, Nhật Bản trước 1945, là “điều hâu”. Một số công dân “ái quốc” của họ sẵn sàng tham gia đội Thần Phong, là phi cơ cảm tử, chứa đầy bom, lao vào tàu địch. Đến 1945, họ bị thế giới, trực tiếp là Hoa Kỳ khuất phục, đánh bại. Thấy mối nguy của lòng yêu nước cực đoan, họ đổi hiến pháp thành chủ hòa, thành “bồ câu”. Thế rồi, đến 2006, khi gã điên rồ Bắc Triều Tiên bắn tên lửa tầm xa qua lãnh thổ Nhật, thử bom hạt nhân, người Nhật Bản đang muốn hợp với nhau để thay đổi hiến pháp, muốn có một lực lượng quân sự bình thường để bảo vệ đất nước như các nước khác, rồi còn toan tính chế tạo bom hạt nhân để đối đầu với Bắc Hàn, không còn chủ hòa nữa, mà có phần “điều hâu”. Trong vòng vài chục năm, Nhật Bản thay đổi hiến pháp như con trùng biến hình, không theo kiểu nào, lúc thì điều hâu, lúc thì bồ câu, sao gọi là có mục đích cho được, dù trong mọi tình huống, nó đều muốn cái lợi cho nó.

Không, ông Shakespeare ạ, to be or not to be, ông xúi người khác phải có mục đích sống ấy, là trái với tự nhiên đó, là thọc gậy bánh xe đó.

*Đạo đức là ngôi sao dẫn đường cho khoa học.
X. Buýt-phle (1737 – 1815).*

Nghe câu này, phái Vô Vi bật cười ha hả. Đạo đức gì? Phải yêu nước chẳng? Một khoa học gia Trung Quốc mà yêu nước thì góp phần phóng các vệ tinh nhân tạo lên. Các vệ tinh này làm nhiều ra đa vệ tinh Mỹ, làm Mỹ nhức đầu, không làm sao do thám được, mà cũng không biết làm sao gỡ được. Đó là “đạo đức” kiểu Tàu. Đạo đức kiểu này thì biến thành tự khoa học Mỹ thành cái không. Đạo đức Mỹ xung khắc trầm trọng với đạo đức Tàu. Không có đạo đức nào cả. Chỉ có cái không mà thôi.

Không cái gì không chân chính mà trở nên vĩ đại được.
G. Let-Xinh.

Những con người vĩ đại như Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử, Phật, không nói các ông chân chính, mà nói các ông là cái không.

Người nào tự giác tuyên bố rằng mình còn kém cỏi, người đó đã rất gần mức hoàn hảo.
G. Gót.

Tất cả những người vĩ đại đều khiêm tốn.
G. Lét-Xinh.

Những người thông thái thật cũng tựa như những bông lúa: khi còn lép, chúng vươn cao đầu lên đầy kiêu ngạo, nhưng khi hạt đã đầy và chắc, chúng bắt đầu khiêm nhường cuối đầu xuống.

Càng hiểu biết rộng rãi bao nhiêu thì lại càng phải nhún nhường và khiêm tốn bấy nhiêu.
Ô. Ban Dắc.

Tư tưởng thấp. Hạng khiêm tốn như vậy, ta gặp hoài, cứ đi ra đường là gặp hạng khiêm tốn, mà nào thấy ai “vĩ đại” đâu nhỉ? Người khiêm tốn, ta thấy rất nhiều, thế mà hạng thánh nhân thật, ta lại không thấy. Nghe mấy ông này tán hươu tán vượn, chỉ tổ nực cười. Ăn nói như người mù. Đọc tiểu thuyết của Ban Dắc để thấy toàn cảnh xã hội Pháp thời ông sống, biết mọi lối sống thì được, nhưng để mà nên người, làm theo lời khuyên của ông, thì thành hay bại khó lường.

Đời sống là một cuộc hành trình mà tư tưởng là người dẫn đường. Không có người dẫn đường, tất cả đều phải dừng lại. Khi không có mục tiêu thì sức mạnh cũng sẽ không còn nữa.
V. Huy-gô.

Có một vấn đề tương tự câu danh ngôn này. Tôi vào trong website Phật Giáo thuvienhoasen.org, đọc sách, thấy có tác giả viết rằng người tu hành muốn đắc Đạo, người tu hành cũng muốn ăn, muốn ngủ, vậy ai cũng còn “muốn”. Một sự hiểu lầm lớn, lớn là vì tính nguy hiểm của nó cao, nếu không giác ngộ thật, không bẻ được lý luận của tác giả. Tôi thì phán ngay rằng người viết thế này là vô minh 100%, chả biết giác ngộ là gì. Sách ông ta được đưa vào website chỉ tổ làm loạn Đạo (Phật). Quả thật tổ chức nào cũng có cái xấu. Website Phật giáo cũng có sách “ngụy” như vậy. Ngoài đời thì bọn nào trụ trì, hòa thượng gì đó mà chống bất cứ ai, ví dụ, chống Cộng, là Phật dỏm. Tôi bẻ lại lý luận người tu hành còn “muốn” đắc Đạo như thế này: thiên của tôi là làm cho tư tưởng mình đồng với tự nhiên, với Đạo, với Đại Khổ, mà Đạo thì có tính vô, nên việc làm cho tư tưởng mình đồng với Vô là gỡ những cái còn chấp trong người mình, là những cái trái Tự Nhiên, chứ không có “muốn” gì cả. Tuyệt nhiên không ham muốn gì. Còn chuyện muốn ăn, muốn ngủ thì nó thuộc về sinh lý, chả ăn nhập gì với thiên cả. Phật cũng đi trung đạo, chứ đâu tu ép xác, khổ hạnh. Thêm nữa,

cái không là cái có, nghĩa là người nhận ra mình là cái không rồi, tức giác ngộ rồi, anh ta là cái sắc nữa. Sắc là vật chất, là ăn, ngủ, sinh hoạt, làm việc, ở bên Đạo học, còn là cưới vợ sinh con. Chứ nếu nói ngược lại, cái không là cái không, thì giác ngộ rồi, nhận ra tính không của mình và thế giới rồi, mà không thấy mình là sắc, chỉ thấy cái không rỗng rã thì Phật chui vô hòm đi cho xong, còn đi giảng Đạo, còn sống, còn ăn uống làm gì, vì nó vô ích, tất cả đều là không mà. Như vậy gọi là không chứ không phải giác ngộ.

Nhưng trước khi giác ngộ thì ta có mục đích. Ít nhất là phải nắm chắc tư tưởng Trang Tử, và dùng nó giải thích, hay cao hơn vậy, giải quyết gần như hết mọi vấn đề của ta. Nhưng khi thiền thì buông xả hết, chết không sợ, và dùng các lý luận Đạo Học gỡ hết tất cả mọi vướng mắc trong tư tưởng ta. Giác ngộ rồi, đồng với Tự Nhiên rồi, ta sẽ không còn mục đích gì cả, và thấy ta trộn lẫn với mọi người. Nhân vì thấy người còn chấp, tức trước sau gì cũng còn khổ, ta bèn rất tự giác đem cái giác ngộ của ta mà giảng giải cho người để người được hạnh phúc như ta, mà nói người không nghe thì thôi, cứ để người tự nhiên. Giảng cũng được, không giảng cũng chả sao, nên gọi là không có mục đích.

Năng lực nhìn thấy được cái tuyệt diệu trong cái bình thường – đó là dấu hiệu chắc chắn của sự sáng suốt.

R. Ê-Mec-Xon (nhà văn Mỹ 1803 – 1882).

Một câu hay, dùng để test, để phân biệt Chân Nhân và thường nhân được. Tôi có một ví dụ như vậy. Tôi nói với bạn tôi từ hồi học lớp 1 là tôi thiền được, giác ngộ rồi. Bạn tôi không biết gì về chuyện sách vở, triết học gì cả, nên không coi là quan trọng. Một hôm tôi đến nhà bạn tôi, Vinh, rủ đi uống cà phê. Không gặp. Lát sau, Vinh đi gặp tôi, rủ tôi ra quán cà phê. Tôi muốn uống cà phê ở nhà nó hơn, để nó vừa uống, vừa bán hàng. Nó nói: “uống ở nhà buồn, ra quán vui”. Tôi ngạc nhiên: “Mày thì vậy, chứ tao uống cà phê một mình ở góc chuồng heo, tao cũng vui”. Bạn tôi nói: “Mày thiền được rồi, mày hay”. Ấy là do lòng tôi rộng, và hợp với vật, nên tôi không bao giờ còn cảm giác buồn, nó bị cái trống không xua đi đâu mất tiêu rồi, và cái trống không ấy hợp với vạn vật, nên tôi tự tin. Diễn đạt cho người bình thường hiểu thì trong người tôi, “niềm vui” luôn tuôn ra ào ạt, không dứt, vì thế tôi thấy cái bình thường như góc chuồng heo, miễn là đừng hôi thối (tôi không yêu cái hại), thì cũng “vui”. Ở cảnh nào tôi cũng vui cả.

Hành động không có quy tắc là công việc khó khăn và nặng nhọc nhất trên đời.

Man-Đô-Ni (nhà văn Ý, 1785 – 1837).

Nhưng hành động có quy tắc vẫn vô cùng khó khăn, thậm chí thất bại thê thảm. Tiến bộ khoa học của Liên Xô (cũ), tức tiến bộ vũ khí bắn hạ máy bay Mỹ rơi ở chiến tranh Việt Nam. Bên nào cũng có quy tắc cả. “Tiến bộ” ở nước này triệt tiêu “tiến bộ” ở nước khác. Nói có quy tắc hay không quy tắc, đằng nào ta cũng kết luận rằng cuộc sống là hỗn độn, là vô hướng.

Chỉ cuộc đời của những ai không biết ranh giới giữa cái “của tôi” và cái “của anh” mới thật thanh bình.

X. Pu-Bli-li.

Câu này đúng cho người giác ngộ Đạo học & Phật học. Nhưng hiểu nó theo nghĩa đen thì là phi thực tế. Tôi cũng giữ tiền, nhà cửa thì không phải ai muốn vào cũng được như bao người bình thường khác. Nhưng tôi hề có tiền là giúp người nghèo chứ không giữ của mình làm gì. Tiền đó cho đi không mất, mà người ta nhớ ơn, người ta sẽ trả lại khi người ta làm ăn tốt lên.

Nhưng cho tiền là chuyện còn dễ. Cho Đạo, tức giác ngộ người khác, còn tốt hơn là cho tiền. Người nghèo mà giác ngộ thì hơn là người giàu mà vô minh. Câu này, tư tưởng phương Tây gặp tư tưởng phương Đông, nhưng ở phương Đông thì đòi hỏi sự giác ngộ mới làm được hết, tự nhiên và dễ dàng. Ở người không giác ngộ, cũng có thể làm được điều này, nhưng khó hơn và thấy phải hy sinh.

*Càng đem lại hạnh phúc cho người khác, con người càng được hạnh phúc.
Ben Tam (nhà văn Anh, 1748 – 1832).*

Tôi giảng Đạo, viết sách, có giác ngộ được người hay không, tôi vẫn hạnh phúc. Hạnh phúc của tôi là tuyệt đối, không phụ thuộc vào ngoại cảnh, vào người ngoài.

*Hạnh phúc cũng như sức khỏe: khi người ta không để ý đến nó thì tức là đang có nó đấy.
Tuốc-ghê-nhép.*

Nếu có lúc nào bạn săn đuổi hạnh phúc và tìm thấy nó, thì giống như bà lão đi tìm kính, bạn sẽ tìm thấy nó vẫn nằm trên mũi bạn.

G. Sô.

Hai văn hào này nói sai bét. Hạnh phúc nào mà đơn giản vậy: chỉ là sự không chú ý tìm kiếm tới nó! Hạnh phúc phải là sự nhận ra chân lý, tức Đạo chứ. Khi giác ngộ rồi thì dù vợ con mất, dù nhà cháy, dù bị cướp, vẫn thương luôn bọn cướp mới gọi là hạnh phúc chứ. Tin các “văn hào” này chả khác gì tin bọ mọt bò, tin học trò mất vợ, có ngày gặp họa gỡ không ra đó.

*Ai càng hiểu biết nhiều, càng thấy quý thì giờ.
G. Gớt.*

Cứ gặp Gớt là tôi nhạo báng. “Thiên tài” này nực cười. Ông ta như cái thư viện, phải chất thật nhiều kiến thức mới thỏa mãn, chứ không như tôi, không phải đọc rất nhiều. Tôi cũng có thể nói ngược lại Gớt mà nghe vẫn hợp lý. Lâm Ngữ Đường viết trong The Importance of Living (Sự quan trọng của sinh hoạt) là “Văn minh là sản phẩm của sự nhàn hạ. Vậy biết hưởng nhàn tức có văn minh cao”. Trong lòng một Đạo sĩ, thời gian biến mất. Họ sống trong thời gian, nhưng quên tất cả, đem cái một chiều từ quá khứ tới tương lai của thời gian mà khắc vào lòng họ, họ không chịu. Vì thế Chân Nhân không quý mà cũng không coi khinh thời giờ. Khi thiên thì không quý thì giờ và không được ép mình phải đắc Đạo ngay, mà là thiên bất kể thời gian, suốt đời, vô hạn.

*Hạt giống khoa học nảy mầm là để nhân dân thu hoạch.
Đ. Men-Đê-Lê-Eúp.*

Và để nhân loại bị tai họa.

*Vui một mình thì thật buồn.
G. Lét-Xinh (nhà văn, nhà phê bình Đức).*

Vui mà phải dựa vào người ngoài, vậy người khác tạo niềm vui cho ta sao? Hiện tượng tri kỷ (Sĩ vị tri kỷ giả tử – kẻ sĩ vì người tri kỷ mình mà chết) chỉ có ở người thường, với hạng đắc Đạo thì không. Tôi và một số sư nói chuyện rất tâm đắc, sư khen tôi là “số một”, nghĩa là tôi “tốt” hơn hết những người sư từng gặp, nhưng chúng tôi độc lập với nhau hết, đường ai nấy

đi, không thắc mắc. Đi đâu? Hành Đạo, giảng Đạo. Chúng tôi độc lập vì biết ai cũng là cái không, tới cái mức không thêm hỏi địa chỉ dù chúng tôi là “tri kỷ”.

Học mà không suy nghĩ thì lãng phí. Suy nghĩ mà không học thì nguy hiểm.

To study and not think is a waste. To think and not study is dangerous.

Luận Ngữ – Khổng Tử.

Học mà không suy nghĩ thì không nắm được sâu sắc, đúng. Nhưng suy nghĩ mà không học thì nguy hiểm thì ta cần xét lại. “To think and not study is dangerous”, suy nghĩ mà không học là nguy hiểm, có bản không dịch là “to think” mà dịch là “to meditate”. “To meditate” có nghĩa là trầm tư, và một nghĩa khác là “thiền”. Thiền là trầm tư, nhưng theo một lý thuyết, như Phật Học, Đạo Học. Trong Đạo Học của tôi thì thiền là trầm tư mà nền tảng là Đạo Học, để xét xem các ý nghĩ của ta từ đâu ra và chúng có bản tính gì không. Lối trầm tư như vậy thì dẫn tới ta thành chân nhân, nếu không thành chân nhân thì thành ... người bình thường, chứ không có gì nguy hiểm. Và tôi vì thiền mà giác ngộ nên tôi khuyên độc giả luôn thiền, hay ít ra, là trầm tư theo Đạo, suy nghĩ theo Đạo, việc mà tôi thấy dễ dàng và tự nhiên. Có học, nhưng học thứ gom lại chỉ còn một chữ, là Đạo, và nếu mở rộng ra, là cái hỗn độn âm, dương, cái một, và cứ như vậy trong một thời gian không xác định, không có điểm dừng, chứ không phải như Khổng Tử, lúc nào cũng học. Lão Tử và Phật tự mình, không học ai, suy ra được Đạo lớn, thành những vĩ nhân, nào có “nguy hiểm” gì! Câu “suy nghĩ mà không học là nguy hiểm” của Khổng Tử là một câu sai. Hạng như Khổng Tử, khi Nhan Hối, học trò giỏi nhất của ông, chết, ông khóc đau buồn tới mức người khác phải can, tức ông còn đau khổ. Còn tôi, nào có biết đau khổ là gì!

Nòi nào giống ấy.

Tục ngữ Việt Nam

Đây là sự kế tục truyền thống người đi trước, cũng như câu “Đàn anh có mả, kẻ cả có giòng”. Nói về địa lý cũng có sự kế tục, phát huy truyền thống như vậy. Chẳng hạn, ở Việt nam ta, thủ tướng là người Nam, trong khi tổng bí thư là người Bắc. Người Nam làm kinh tế giỏi hơn người Bắc, ta cũng thường thấy. Nhưng quy luật này không tuyệt đối. Ví dụ, cha mẹ vua Quang Trung nào phải hiền nhân quân tử gì, mà lại sinh ra thiên tài. Nhưng đến con Quang Trung thì lại tầm thường, để mất nước vào tay nhà Nguyễn. Tôi cho câu này thích hợp hơn:

Kinh đô cũng có thằng rồ,

Man di cũng có sinh đồ trạng nguyên.

Tức trong tốt có xấu, trong xấu có tốt. Câu này phản ánh thực tế mà cũng phản ánh Đạo học. Và làm kinh tế thì không chỉ có người Nam giỏi, một số người Bắc cũng giỏi. Trong vài trăm năm, tình hình sẽ thay đổi, lúc đó ta không thấy người Nam giỏi làm kinh tế hơn người Bắc, và người Bắc chuyên chính vô sản hơn người Nam nữa.

Một giọt máu đào hơn ao nước lã.

Khác máu tanh lòng.

Họ chín đời còn hơn người dưng.

Đắng cay cũng thể ruột rà,

Ngọt ngào cho lắm cũng là người dưng.

Tục ngữ Việt Nam

Nghe hẹp hòi, tù túng. Nó theo Ngũ Luân của Nho: vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè, xếp theo thứ tự đó, cái trước quan trọng hơn cái sau. Nay vua thay bằng Tổ Quốc. Đạo sĩ không theo bằng giá trị này mà là coi mọi người bình đẳng như nhau và như mình, kể cả kẻ thù, vì ai cũng là Đạo. Trang Tử và tôi là “người đứng”, cách xa nhau hàng ngàn dặm, cách xa nhau hàng ngàn năm, là nghìn trùng xa cách, vậy mà ông “đề” ra được tôi. Đúng là tất cả là Một. Xưa và nay là một. Gần và xa là một. Ông thân với tôi hơn hàng xóm tôi, bạn bè tôi. Trường hợp Trang Tử và tôi, ta phải nói ngược lại: giọt nước lã hơn ao máu đào! Dòng họ tôi thì chỉ một hai người hiểu được Đạo học, hiểu được thiền. Anh em, má tôi, vợ tôi không biết thiền là gì, vì thế không hiểu tôi là người thế nào. Thực tế cho thấy có khi “giọt nước lã” ăn đứt “ao máu đào”. Trường hợp ngược lại “giọt máu đào” hơn “ao nước lã” thì ta dễ thấy. Nghĩa là người thân có khi thua người đứng, có khi người đứng kém xa người thân, không theo chiều nào cả, hỗn độn như Đạo.

*Con cô, con cậu thì xa;
Con chú, con bác thật là anh em.*

Cái này xảy ra ở đâu ấy, chứ ở quê tôi là Buôn Ma Thuật thì ít, hay không có. Tôi chưa từng thấy sự phân biệt này, tức phân biệt nội, ngoại, nghĩa là phân biệt giới tính, nam tôn, nữ ti. Khi còn phân biệt nam tôn nữ ti thì người ta còn ... ngu ngốc. Trong đạo Phật và đạo Lão, ai cũng bình đẳng. Chỉ có Nho mới trọng nam khinh nữ. Nhưng muốn khinh cũng không được. Chính sách một con ở Trung Quốc làm cho người ta chọn sinh con trai để nối dõi tông đường, nhiều người phá thai khi biết giới tính thai nhi là nữ. Kết quả là trong tương lai, hàng chục triệu đàn ông Trung Quốc sẽ không có vợ do nhiều nam ít nữ. Lúc ấy thì nữ tôn mà nam ti! Tình hình ở Ấn Độ cũng vậy. Với riêng tôi thì có sinh 11 đứa con gái, tôi cũng bình thường, “tâm không khởi”.

*Thương con mà dễ, thương rể mà khó.
Đánh nhau vỡ đầu là anh em rể.
Thật thà cũng thể lái trâu,
Yêu nhau cũng thể nàng dâu mẹ chồng.
Tục ngữ Việt Nam.*

Sống thế này thì còn phân biệt ta- người, lòng dạ hẹp hòi, phản Đạo, phản thiền. Nhưng tục ngữ Việt Nam không chỉ có như vậy. Còn có câu: dâu dâu, rể rể, cũng kể là con và dâu hiền hơn con gái, rể hiền hơn con trai. Cũng là tục ngữ Việt Nam cả nhưng đưa ra hai triết lý trái nhau. Cái nào cũng đúng cả, nhưng chỉ đúng 50%. Kết luận là con ruột hay con dâu, con rể có thể dở cũng như có thể giỏi, ta không sao dứt khoát một chiều được, mà là đi mọi chiều, tức theo cái vô hướng của Đạo học.

*Người ngu không biết xã giao,
Những người lịch thiệp khi nào ai chê.
Tục ngữ Việt Nam.*

Tôi thì không mất dạy, vô lễ trong đời sống thường, nhưng rất ngỗ ngược, xác xược, hiểu chiến, châm chọc trong triết học, thế mà chưa thấy ai ... chê. Ấy vì khi tôi châm chọc, “mất dạy”, “xác xược” thì tôi phải chắc chắn là đối phương, dù bất cứ là ai, là tiến sĩ, là linh mục, hiểu được rằng chê = test = tìm ra cái hay = khen. Càng học cao, tôi càng khoái, càng châm chọc, càng phá dữ tợn. Phá cho tới khi tê cóng trí tuệ, tịt luôn thì thôi. Ai thoát được tôi bạn biết không? Chỉ có người thiền. Như vậy là tôi không hề có thái độ xã giao, mà là “xả đao”. Còn người “lịch thiệp”? Hạng đó, với tôi chỉ để giao lưu không thân tình. Chuyện này có lý do

chứ. Người hiểu mình nhất là người đã giác ngộ Phật hay Lão. Người chưa ngộ thì không hiểu mình sâu đâu. Vì thế, nói chuyện vài câu về chính bản thân họ, ta thấy họ chấp. Đã chấp thì trước sau gì cũng bị thiên làm cho bí, tức trở nên yếu kém, còn “lịch sự” thế nào được? Bất cứ ai lộ vẻ yếu kém đều lộ bịch, làm sao mà lịch sự cho được? Chẳng hạn, danh nhân văn hóa, học giả Nguyễn Hiến Lê, rồi Gót, Khổng Tử, Nguyễn Du, Shakespeare, tôi đều dám phê bình, chỉ ra cái yếu của họ. Tôi “mất dạy” vậy mà nào ai chê?

Câu này thấp, chỉ dạy cho trẻ em, cho người trẻ mà thôi, không dạy cho người già dặn được, không áp dụng cho Đạo Sĩ được vì Đạo Sĩ làm cách mạng bản thân một cách căn cơ, không tuân theo quy tắc xã hội nữa.

Chọn bạn mà chơi.

Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng

Tục ngữ Việt Nam.

Trước khi giác ngộ, điều này rất quan trọng. Khi còn trẻ, tôi luôn chọn bạn, tìm người giỏi, có đức mà kết giao, thấy bạn xấu thì lánh. Ở bình diện quốc gia cũng vậy. Quốc trưởng nào mà luôn chăm chú nghe trí thức đưa ra phương sách hay thì thành công, như tổng thống Tưởng Kinh Quốc của Đài Loan đã luôn lắng nghe các trí thức, các giáo sư Đài Loan trên khắp thế giới mà làm cho quốc gia giàu mạnh. Nhưng khi giác ngộ rồi thì đủ sức ta làm thầy ta, mọi việc chỉ cần nhìn vào tâm mình là có giải pháp, vì ta đã đồng nhất với bản thể vũ trụ, nên không cần chọn bạn mà chơi nữa, mà là chơi với bất cứ ai cũng được, không làm thế nào mà mình trở nên hư hỏng cho được. Trở thành Đạo sĩ là được tự do hoàn toàn, tuyệt đối, không còn lệ thuộc người ngoài nữa, người ngoài không thể làm Đạo sĩ hư được nữa.

Dại bầy hơn khôn độc.

Khôn độc sao bằng ngốc đàn.

Chết cả đồng còn hơn sống một người.

Tục ngữ Việt Nam.

Những câu này chỉ ra cái bảo thủ, cái yếu kém trong tư tưởng người Việt, cần phê bình triệt để. Nói như vậy có nghĩa cứ xúm lại cho đông, thì đó là đúng, là hay, là phải, bất chấp chân lý ra sao? Không, không phải vậy. Chân lý có tính phổ quát, áp dụng cho ai cũng được, nếu đi đúng đường thì kết quả tốt, đi sai đường thì kết quả xấu, sao lại có chuyện đối lập giữa tập thể và cá nhân như vậy? Nếu cá nhân đúng mà được xem là “thua” một tập thể sai thì tập thể đó không còn lý trí nữa rồi.

Con sâu làm rầu nồi canh.

Đúng không? Đúng. Nhưng nói ngược lại, một con sâu không làm rầu nồi canh được không? Cũng đúng. Một người con hư không làm xấu cả gia đình đi được, cũng như cha mẹ hiền lương mà con hư là chuyện bình thường, không phải vì con hư mà cha mẹ mất tiếng đi được. Tục ngữ Việt còn có câu ngược lại: Công ai nấy chờ, tội ai nấy chịu. Nói ngược, nói xuôi đều đúng cả.

Đồng tiền đi liền khúc ruột.

Nghĩa là mất tiền thì “tiếc đứt ruột”. Ai cũng giữ tiền cẩn thận, hơn vậy nữa, yêu tiền. Nhưng cái này không đúng với Đạo Sĩ. Đạo Sĩ có tiền hay không có tiền, nhiều tiền hay ít tiền, lúc nào anh ta cũng sung sướng hết cả, không phụ thuộc vào tiền bạc. Anh ta không khinh tiền,

nên có tiền nhiều, cũng vui. Nhưng tiền ít, anh ta cũng sáng suốt, cũng vẫn coi người như ta, và không có tiền bạc nào mua chuộc được. Câu này không đúng với hạng Đạo Sĩ.

Có tiền mua tiên cũng được.

Tôi thì không vậy. Tôi không nộp đơn xin việc ở nơi đòi ăn hối lộ. Tôi không sợ bất cứ ông nào làm vậy để mà chịu nộp tiền cho họ vì cuộc đời đi nhiều hướng, không chỉ có một hướng là phải thành ông này bà kia để mà bắt buộc phải vào cơ quan nọ, cơ quan kia. Mà ông nào chấp như vậy, làm sao ta làm việc tốt được? Tiền, với Đạo Sĩ, vừa tốt vừa xấu, chẳng thể yêu hay ghét gì được, không “mua tiên” được. Dùng nó để bao gái đẹp, dẫn dụ gái đẹp, thì đó là hạng gái yêu tiền, tư tưởng tầm thường, không thỏa mãn tư tưởng cho được. Tiền không “mua tiên” được.

Một mặt người hơn mười mặt của.

Người sống hơn đồng vàng.

Tục ngữ Việt Nam

Nghe nhân bản nhỉ? Nhưng nói ngược lại đúng không? Cũng đúng. Một mặt của hơn mười mặt người, câu này cũng đúng. Chẳng có quốc gia nào mà không có vấn đề. Nói vậy còn nhẹ. Nói toạc ra là quốc gia nào cũng có cái tệ cả, không nhân bản gì cả đâu đề mà câu người hơn của này đúng mọi nơi, mọi lúc. 95% vũ khí của thế giới là do 5 nước thường trực Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc sản xuất và bán. Ấy, những nước mạnh nhất thế giới ấy, bán cái thứ giết người ấy, làm cho thế giới chúng ta hỗn loạn lên, không theo trật tự nào cả. Tóm lại là bạn nói ngược, nói xuôi đều đúng cả, theo quy luật Đạo học. Cũng tục ngữ Việt Nam có các câu ngược lại: của làm hại người; của trọng hơn người; người ghét của yêu; Có tiền vợ chồng chồng, hết tiền chồng đồng vợ đoài; Chị em hiền thật là hiền, lâm đến đồng tiền hết cả chị em; của làm hư nết; nhiều tiền thì thối, ít tiền thì phai; trăm ơn không bằng hơn tiền; nén bạc đâm toạc tờ giấy; tiền đến đâu, mau đến đấy; phóng tài hóa thu nhân tâm; Trong lưng chẳng có một đồng, lời nói như rỗng chúng chẳng thèm nghe; đồng tiền không phẫn không hồ, đồng tiền khéo điếm, khéo tô mặt người; chẳng gì tươi tốt bằng vàng, chẳng gì lịch sự vẻ vang bằng tiền; mạnh về gạo, bạo về tiền.

Của đau, con xót.

Tục ngữ Việt Nam

Đạo sĩ mất tiền, mất của không bao giờ đau lòng. Anh ta biết mình bị mất, không yêu cái hại, cũng tìm cách thu hồi lại, nhưng thu hồi không được thì thôi, không đau lòng, không làm nô lệ cho bất cứ cái gì cả. Không bị stress vì của. Đây là một thứ dưỡng sinh tốt. Còn “con xót”? Ví dụ, con té, bị thương ở tay chân, anh ta chữa một cách bình tĩnh, cũng nhanh chóng, cũng bế con lên, xuyết xoa, xoa dầu, mang tới bác sĩ trông rất “điển hình” như bao ông cha khác nhưng không đau lòng, vì biết con là cái không, có thể bị hại bất cứ lúc nào, chứ không phải cái tốt để mà lúc nào nó cũng khỏe như trâu, học hành tấn tới, thành công ở trường đời. Mọi việc đều có thể xảy đến với đứa con, dù tốt hay xấu.

Người hèn bạn với người sang

Chỗ ngồi, chỗ đứng có ngang bao giờ.

Một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp.

Tục ngữ Việt Nam

Còn phân biệt trật tự là còn chấp. Đạo sĩ thì đối xử ông chủ tịch nước cũng bình đẳng như đối xử ông bạn hàng xóm, cũng như không bao giờ thấy ăn mày là xấu. Theo Đạo học thì mọi tôn ti trật tự biến mất, không thờ ai, kể cả thờ Thượng đế, thờ Lão Tử, thờ Phật, thờ Chúa.

Có chí làm quan, có gan làm giàu.

Tục ngữ Việt Nam.

Không đúng hẳn. Có chí có thể nên quan, cũng như có thể thất bại, hay phải từ quan. Không phải ai có chí thì đều làm quan được. Có những kẻ dốt nát, tư cách kém nhưng do bè phái mà được làm quan, thời nào cũng có. Nói chung, quan trường có nhiều xu hướng trong đó, có phái thanh, có phái trọc, chỉ chực ăn tiền, háms danh. Và có gan thì làm giàu được không? Có thể được cũng như có thể thất bại. Bạn đọc hết sách về các tỉ phú, triệu phú thế giới, cũng chưa hẳn bạn làm giàu được. Không có gì bảo đảm cho bạn sẽ giàu được cả.

41. Ra ngõ gặp gái, mọi cái mọi may.

Tục ngữ Việt cũng có một câu quý như câu này. Thói mê tín thì ta hay gặp. Thường nhất là thờ Phật, thờ Chúa để mong được cứu giúp kiếp sau. Ấy vậy mà người Việt cũng có tư tưởng lật ngược lại vấn đề lại như câu này.

Chân tâm tức Phật.

Tục ngữ Việt Nam

Câu này không rõ ràng. Thế nào là chân tâm? Ta không làm sao biết được. Nếu hiểu tâm lành, tâm làm việc thiện là chân tâm, là Phật thì không đúng. Phật phải là cái không, nếu Phật là người làm thiện chống ác thì Phật cũng giống như Nho giáo, Cơ Đốc Giáo, hay như Giáo Hội Việt Nam Thống Nhất một mực cho rằng ngày 30 – 4 – 1975 là ngày tủi nhục của đất nước, và họ chống Cộng, dù là chống bằng phương pháp hòa bình. Không phải vậy. Thiện hay ác đều là không cả, và Phật là “tâm không khởi”, rất gần với vô vi. “Tâm không khởi” chứ không phải là làm thiện chống ác, tức nhị nguyên.

Người ta là hoa đất.

Người như hoa ở đâu thơm đấy.

Tục ngữ Việt Nam

Câu này gần giống câu 36. Tư tưởng nào nhân bản thì bao giờ cũng có câu nói ngược lại. Không làm sao mà hai câu này đúng hết trong mọi trường hợp, mọi nơi, mọi lúc được. Với hai câu này ta nói ngược lại cũng được. Tục ngữ Việt cũng có câu: Vai mang túi bạc kè kè, nói quấy nói quá chúng nghe ầm ầm. Tiền quyết định, lòng tham quyết định chứ không phải con người luôn luôn có vai trò quyết định.

Đường dài hay sức ngựa, nước loạn biết tôi trung.

Anh hùng trong bước gian nan,

Càng oan nghiệt lắm càng tràn nghĩa nhân

Tục ngữ Việt Nam.

Trong cái khó khăn gian khổ mới sinh ra anh hùng. Trong thời thái bình thịnh trị, không có anh hùng. Tức cái ác sinh ra cái thiện; cái xấu sinh ra cái tốt, cái họa sinh ra cái phúc.

Nhân hiền tại mạo.

Tục ngữ Việt Nam.

Chỉ đúng 50%. Cũng tục ngữ Việt có câu: Họa hổ họa bì nan họa cốt, tri nhân tri diện bất tri tâm. Vẽ cọp thì vẽ da, chứ khó vẽ xương; biết người thì biết mặt chứ không biết lòng. Với câu này thì ta không thể nào nói “hiền tại mạo” – hiền tài thể hiện ra tướng mạo được.

Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

Đi cho biết đó biết đây, ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn.

Tục ngữ Việt Nam

Trước khi giác ngộ thì nên như vậy, nên đi nhiều, nhìn nhiều, nghe nhiều, học nhiều, suy nghĩ nhiều và thiền nhiều. Phải có kinh nghiệm. Hạng trẻ người non dạ không làm sao mà thiền tốt được. Nhưng khi giác ngộ thì ta đồng nhất với vũ trụ, đồng nhất với vạn vật, và sinh ra lòng “từ bi” vô hạn với người khác thì khác. Tôi thấy mấy ông thầy của tôi là Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử, giáo sư Cao Xuân Huy không lịch duyệt như tôi, vì thời các ông cũ, kém thông tin hơn tôi, vì thời tôi là thời internet, nhưng chắc gì tôi nói, tôi viết hơn các ông đâu? Tôi nói gì, viết gì cũng không hơn các ông được. Và khi giác ngộ rồi thì bạn vượt lên trên mọi chủ nghĩa, tức kể cả chủ nghĩa kinh nghiệm. Bạn học chủ nghĩa gì thì con người cũng không được hạnh phúc, tự nhiên, ung dung như tình trạng giác ngộ đem lại.

Chúng khẫu đồng tử, ông sư cũng chết.

Tục ngữ Việt Nam

Nhiều người cùng nói một lời, ông sư cũng chết. Sai. Sư nào mà bị dư luận, bị số đông sai khiến như vậy là sư dỏm. Tôi nghe có sư bên Thái Lan bị người khác cho là hiếp dâm một phụ nữ thì ông ta tự sát để giải oan. Tôi nghe vậy bật cười. Sao không làm như thiền sư Hakuin ở lời dẫn sách của tôi? Đã là giác ngộ thì không sợ cái gì cả, người giác ngộ không bao giờ là nô lệ của dư luận, của những lời vu oan. Câu này chỉ đúng cho người thường, hạng trọng danh dự cá nhân.

Nói dễ, làm khó.

Tục ngữ Việt Nam

Có hai thuyết nghịch nhau là “tri nan hành dị” (biết khó làm dễ) và “tri dị hành nan”. Cả hai thuyết đều phiến diện. Phải là “tri hành hợp nhất” mới đúng. Với hạng Đạo Sĩ thì tri hành như nhau, nói và làm như nhau, nói được làm được.

Cá không ăn muối cá ươn,

Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

Tục ngữ Việt Nam.

Không đúng hết, nửa đúng nửa sai. Nếu cha mẹ lúc nào cũng đúng, lúc nào cũng là chân lý thì sự tiến bộ đến cha mẹ là hết, không tiến bộ thêm nữa. Sai. Loài người luôn “phát triển” thêm chứ, và mỗi đời là một hoàn cảnh không ai giống ai được, đòi hỏi giải pháp mới chứ. Thêm nữa, cha mẹ rồi già yếu, mất đi, ai giúp ta được mà ta dựa dẫm vào cha mẹ? Và tục ngữ cũng có câu: Con hơn cha là nhà có phúc. “Hơn cha” thì phủ nhận cha chứ làm gì mà cứ theo cha mẹ? Câu này chỉ đúng với người trẻ, đôi mươi trở xuống. Với người già dặn hơn, cỡ như ba mươi rồi, thì có thể không đúng nữa. Các thiên tài và cả tội phạm, người ta

thống kê, và thấy họ trở nên kiệt xuất xung quanh tuổi ba mươi. Tôi ngộ đạo khi 31 tuổi và từ đó trở đi, không cần học ai nữa cả, kể cả cha mẹ.

Lành với Bụt, chẳng lành với ma.

Tục ngữ Việt Nam.

Đây là kiểu đối xử của người thường, chả có gì hay, đáng học ở đây cả. Trẻ em cũng biết vậy. Phải là lành với Bụt và lành với ma mới là đúng chân lý. Yêu kẻ ác thì mới giác ngộ nó được, chống kẻ ác là hành vi tầm thường, là nhị nguyên, không có gì đáng gọi là giác ngộ ở đây cả, là trái Đạo học và Phật học. Hai học thuyết này thì nói vì chúng ta không đưa ra một ý niệm nào nên không ai chống chúng ta cả. Không đưa ra ý niệm nào vì đây là hai học thuyết về cái không. Ấy, nó cao siêu như vậy, chứ không phải mồm loa mép giải là vì Cộng Sản Việt Nam đem lại đau khổ cho dân tộc nên ta chống Cộng! Không, Đạo Học và Phật Học không chống ai cả.

Biết tội đâu mà tránh, biết phúc đâu mà cầu.

Tục ngữ Việt Nam

Tư tưởng gần Đạo học. Ta không làm sao quyết định tương lai ta được vì nó là cái hỗn độn âm dương, không định hướng được. Nói cho đúng thì tương lai vừa có tính quyết định, vừa có tính không quyết định được, tức hỗn độn, không theo hướng nào nhất định. Ở thiên tài thì tương lai vừa quyết định được, vừa không quyết định được. Ví dụ Quang Trung quyết định được trong việc đánh đâu thắng đó, đánh nhà Nguyễn, đánh Xiêm La, đánh quân Thanh, ông nói thắng là thắng, nhưng ông không quyết định được cái chết của ông mà ông chết trẻ. Người Cộng Sản Việt Nam cũng đâu hoàn toàn quyết định được tương lai mình. Thắng ở Điện Biên Phủ nhưng đất nước chia đôi. Khi thống nhất được thì liền theo đó, đi theo mô hình XHCN, kinh tế phát triển không theo quy luật nào, bị khủng hoảng, trở thành một trong những nước nghèo nhất thế giới. Tư tưởng này mới đúng, và ngược lại với các câu sau: Ở hiền gặp lành; Ở hiền thì lại gặp lành, những người nhân đức trời dành phần cho; Ở có nhân mười phần chẳng khổ; Ở hiền thì lại gặp lành, ở ác gặp dữ tan tành ra tro. Những câu này mà cứ áp dụng thường xuyên, có khi ta bị đau khổ, bị họa, và chúng là những câu có phần ngây thơ.

Khôn đâu đến trẻ, khỏe đâu đến già.

Tục ngữ Việt Nam.

Câu này chỉ đúng trong chừng mực thông thường, dễ thấy, ở những trường hợp dị biệt, khác thường, nó sai bét. Ngược với câu này, có câu “Tài không đợi tuổi”. Trần Quốc Toản, tuổi thiếu niên, vẫn làm tướng, mà lại là tướng dũng cảm. Nay ta vẫn gọi là “anh” Trần Quốc Toản do anh trẻ quá, dù tuổi thì đáng cụt tị tổ chúng ta. Osho, thầy dạy thiền cho người phương Tây, ngộ Đạo, thấy chân lý, trở nên thông tuệ khi mới 21, tức rất trẻ. Giáo sư Cao Xuân Huy mới trong ngoài ba mươi đã ngộ Đạo. Tôi 31 tuổi đã giác ngộ. Napoleon cầm quân khi mới 27 tuổi, tức còn thanh niên. Không Minh ra làm quân sư cho Lưu Bị, lãnh đạo cả nước, khi ấy cũng chỉ mới 27. Và nghiên cứu cho thấy ở tuổi quanh 30 thì thiên tài lần tội phạm lớn đạt tầm mức hơn đời của họ ở tuổi này, tức là còn trẻ. Nhiều ví dụ vậy cho ta kết luận là “khôn vẫn đến trẻ” và thêm nữa, “khỏe vẫn đến già” vì ngay nay khoa học phát triển hơn xưa, ăn uống tốt hơn, thuốc men tốt hơn, nên con người sống lâu hơn. Nói ngược, nói xuôi đều đúng cả, như Đạo, như thiền.

Khôn ngoan quỳ quyết chết lao chết tù,

*Lũ khủ lủ khủ chết già chết rủ.
Ngu si hưởng thái bình.
Ăn trộm ăn cướp thành Phật thành tiên,
Đi chùa đi chiến bán thân bất toại.*
Tục ngữ Việt Nam.

Tục ngữ Việt mà có những câu này thì ta suy ra cuộc sống là vô hướng, chứ không phải cứ ở hiền là gặp lành, ở ác gặp họa.

Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống.
Tục ngữ Việt Nam.

Thế nào là “biết”? Là sự từng trải, tức kinh nghiệm chăng? Vậy theo chủ nghĩa kinh nghiệm thì sống? Sai. Không ai theo chủ nghĩa kinh nghiệm mà thành công mãi được, có khi ngược lại, còn bị thất bại đau đớn nữa, vì kinh nghiệm là cái đã cũ, trong khi cuộc sống thì luôn mới, thiên biến vạn hóa, và người già 70, 80 vẫn cứ còn mắc sai lầm. “Biết” là vận dụng kiến thức đã có, là “ôn cố tri tân” (ôn cũ biết mới) chăng? Cũng sai, kiến thức thua thiên xa. “Biết” là thiên chăng? Cũng không bảo đảm cho ta sống được, vì thiên dẫn tới cái không, bao hàm cái chết trong đó. Nhưng ai mà giác ngộ thì hạnh phúc và không sợ chết, mà là bình thản, an nhiên đón cái chết tới. Tóm lại thì ai cũng bị luật vô thường chi phối cả, nghĩa là có thể chết hay bị họa bất kỳ lúc nào. Cái biết thật thì bao hàm cái chết trong đó, chứ không tránh né cái chết.

Làm phúc quá tay, ăn may chẳng kịp.
Tục ngữ Việt Nam

Câu này trùng với tư tưởng Đạo học, tức là cái gì quá dương thì hóa âm. Phụ nữ quá đẹp thì có khi là cái họa. Người quá tài cũng có khi là họa, chứ không phải là phúc. Danh y Tuệ Tĩnh, nổi tiếng là thầy thuốc giỏi, bị Trung Quốc bắt phải cống người, phải sang Trung Quốc sống, đầu được sống và phục vụ cho dân Việt nam. Đọc Đông Chu Liệt Quốc, ta thấy gương Trí Bá. Trong các họ nước Tấn, Trí Bá tài trí nhất, đánh đầu thắng đó, nhưng cũng có dã tâm nhất. Trí Bá mưu đánh, lấn chiếm cả 3 họ còn lại là Hàn, Triệu, Ngụy. Ba họ thấy Trí Bá tham lam không đáy, họp lại, đánh giết Trí Bá, đất Trí Bá chia ba, từ đó nước Tấn chia thành 3 chư hầu là Hàn, Triệu, Ngụy. Sau đó tới đời Hán – Sở tranh hùng, có Hàn Tín, tướng tài của Hán, cũng là tướng đánh đầu thắng đó. Công ông lớn quá, Khoái Thông can ông, xui ông làm phản, hình thành cục diện chia ba thiên hạ nhưng ông cho là Lưu Bang (vua Hán) thấy ông công to, trọng dụng ông. Khoái Thông cho rằng công lớn quá vua không dung mà ông không nghe. Kết cục, diệt Sở (Hạng Vũ) rồi, nước nhà thống nhất một mối, quả nhiên Lưu Bang lo ngại ông làm phản vì uy tín ông lớn, đã giết ông. Hàn Tín giỏi quân sự nhưng không quyền biến, không thông thời cuộc, không giỏi chính trị, kết cuộc mất mạng. Tướng tài là cái họa cho chính mình. Bên Châu Âu thì có Napoleon, giỏi tới mức làm hoàng đế Châu Âu, là một trong những thiên tài quân sự vĩ đại nhất của nhân loại. Nhưng Châu Âu thấy rằng không thể nghĩ tới một Napoleon mà không gây chiến, mà lại giỏi đánh giặc, cực kỳ nguy hiểm, thế là Châu Âu đoàn kết lại, đánh bại Napoleon. Cuối đời ông bị đày ở đảo Sainte Helene, chết ở đó. Kết luận của tư tưởng này là không phải ta làm ngược lại, là làm xấu đi, dở đi, yếu đi mà ta được tồn tại, được sống. Khi đó ta hèn yếu mà thôi. Nhưng làm quá tốt, quá hay, quá giỏi, trong nhà là gương hiếu để, ra ngoài xã hội là quan chức giỏi, là một giám đốc tốt, đưa cơ quan đi lên, nổi tiếng khắp nơi, cũng không phải là kẻ vẹn toàn mà có khi bị hại. Cách duy nhất là thấy tính không nó ẩn sẵn trong ta mới là hạnh phúc thật, viên mãn.

Nhưng thấy tính không thì thành công hay không, không thành vấn đề với bạn nữa. Không mà, không chấp gì, thành hay bại, không làm tâm bạn lay chuyển.

*Những người đức hạnh thuận hòa,
Đi đâu cũng được người ta tôn sùng.
Những người hiếu để trung trinh,
Về vang tiên tổ, thơm danh họ hàng.
Những người ích quốc lợi gia,
Tiếng tăm lừng lẫy gần xa nức đời.
Những người truyền đạo khai nhân,
Nghìn thu để tiếng muôn phần thơm lâu.
Tục ngữ Việt Nam.*

Toàn là những câu vô minh. Cái gương nhân nghĩa của Khổng Tử làm chính Khổng Tử bị thất sủng hết nước này đến nước khác. Về già chỉ có dạy học, làm văn hóa, chứ không làm chính trị được. Vậy mà người đời không thấy, cứ mãi nhân nghĩa. Kéo dài mãi về sau sinh ra cái gương Nguyễn Trãi, cũng nhân nghĩa rồi bị tru di tam tộc. Và cứ thế, người đời cũng sẽ còn theo hai cái gương này và mang họa tiếp. Danh nhân mà. Đạo gia nhìn những anh nào nhiệt tình nhân nghĩa thì bật cười. Ta cũng cần cẩn thận xem những tư tưởng ngược trong tục ngữ Việt Nam:

*Cây cao thì gió càng lay,
Càng cao danh vọng càng dày gian truân.
Được tiếng khen, ho hen chẳng còn.
Quan cá, vạ to.*

Tóm lại là nói chiều nào cũng được cả. Theo chiều dương, chiều tiến lên, thành danh nhân, cũng được, mà theo chiều ngược lại, thành một kẻ làng nhàng thôi, cũng được, trong tục ngữ Việt có cả hai xu hướng như vậy. Kết quả là ta được tư tưởng Đạo học: Cuộc sống đi mọi hướng, không bao giờ chỉ đi theo một hướng.

*Thật thà là cha quỷ quái.
Những người tính nết thật thà,
Đi đâu cũng được người ta tin dùng.
Một câu nói ngay bằng làm chay cả tháng.
Thật thà mà vật không chết.
Tục ngữ Việt Nam.*

Đúng không? Đúng, nhưng chưa đủ, mà phải nói ngược lại, *thật thà là cha đại*, mới đủ. Người đi đâu cũng mang tư tưởng thật thà, chính nghĩa thì có mà mang họa. Cứ ra đường, hay làm việc gì có tiếp xúc với người đời mà có tư tưởng thật thà là cha đại thì đó là người có kinh nghiệm, có kiến thức, từng trải, lịch lãm. Tôi cũng trải qua việc như vậy. Việc nghe có vẻ đơn giản như trong nom việc những người làm công hái cà phê thôi, nhưng cũng phải sâu sát, và không tin họ, thì mới làm tốt được vì cứ hờ ra là họ ... làm biếng, lãng công, phá hoại. Khi hái thì 3 người kéo lê bạt dưới đất, đi một hàng. Không coi sát, họ hái sót, hay khi cà phê rớt xuống đất, họ không lượm, hay lượm sót. Những chỗ khó như ngọn cây, phải leo trèo, rướn cao, có khi họ bỏ lơ. Lúc khác thì họ bề cảnh để tuốt cho nhanh, có hại cho cây lắm. Cuối ngày, nhặt lá khỏi cà phê, thì phải nhắc họ là trong lá, còn nhiều hạt để họ nhặt ra, lơ là thì họ bỏ về luôn, cà phê hạt bị lãng phí. Không chỉ một nhóm ba người, mà là 5, 6 nhóm ba người như vậy, ta phải vừa bao quát hết, vừa kiểm soát đến từng cây cà phê họ đã hái qua,

và luôn nhắc nhở họ, nếu không việc thu hoạch của ta không tốt. Nhưng ta không oán trách họ khi họ làm sai, ta nhắc nhở, yêu cầu không lặp lại việc cũ, và đối xử với họ tốt trong quan hệ người chủ rẫy và người làm công. Song cũng có khi mùa hái nhiều nơi chín rộ, những người này làm reo, không đi làm, đòi tăng giá. Đủ chuyện. Ta mà mang tư tưởng thật thà thì quả là ngây thơ, mà phải là không tin người, luôn kiểm soát người, thì mới làm việc được. Không chỉ trong việc coi người làm, mà ở đâu cũng vậy thôi. Khi ta xây nhà, thì phải có người nhà coi. Vậy mà nhiều khi thợ cũng không làm như ý ta mà làm sai hỏng, không theo kiểu nào cả. Chả có khi nào mà ta giao hẳn việc làm nhà cho thợ cả, vì không có anh thợ nào có lương tâm làm như ý ta cả mà ta phải luôn giám sát. Đi mua sắm (ai cũng là người mua sắm cả) thì càng phải coi chừng. Một chị nọ, mua máy tính ở cửa hàng A, chạy rất tốt. Chị nói em trai mua máy tính khác cũng ở cửa hàng đó thì nó chạy trời ơi đất hỡi. Hư linh kiện, được bảo hành thì bảo hành hàng dỏm luôn, mà thái độ lại là cù nhầy, không nhiệt tình gì cả. Ra đường là gặp toàn chuyện gian. Tôi ở Buôn Ma Thuột, tỉnh lẻ, nạn trộm cắp cũng có nhưng không ghê như Sài Gòn. Về Sài Gòn, rủ thẳng bạn thân, thân từ hồi học mẫu giáo với nhau, tới nhà bà cô gọi bà nội tôi là dì ruột chơi. Cả hai đối với tôi đều thân, vậy mà thằng bạn để chiếc Honda ngoài vỉa hè thì mất nó sặc lèm, luôn quan sát chiếc xe không rời, cảnh giác với cả chị họ tôi. Tôi ngạc nhiên cho thái độ cực kỳ cảnh giác của dân Sài Gòn lắm.

Thái độ thật thà chỉ có ở người thân (mà cũng chỉ tương đối, vì cha con, anh em còn vì đồng tiền mà kiện nhau, đánh nhau, giết nhau), và những người đã qua test. Test tìm người thật thà, người tốt rất khó. Mạnh Tử viết rằng người mà cả triều đình cho là hiền tài, chưa đủ tin. Phải là người cả nước cho là hiền tài, rồi ta dùng thử, thấy thật là hiền tài, mới phong chức, giao việc cho. Mà như vậy cũng chưa chắc nữa, vì người ta có thể thay đổi tư tưởng chứ. Nói tóm lại là cuộc sống này đi mọi hướng và tư tưởng đúng là vừa thật thà, vừa không thật thà. Rất khó, phải không? Khổng Tử nói “Vi nhân nan” mà. Nhưng nếu bạn làm sao thấy được tính không của thế giới thì bạn sẽ nói như tôi “vi nhân dị”.

*Nuôi con chẳng dạy chẳng rằng,
Thà rằng nuôi lợn mà ăn lấy lòng.
Tục ngữ Việt Nam*

Câu này sơ đẳng. Gia đình nào nuôi con, khi chúng còn nhỏ, và ngay cả khi đôi mươi, mà để con mất dạy là hạng vứt đi. Nhưng khi chúng lớn rồi, trải qua thành bại rồi (hạng chỉ biết thành công, không biết thất bại là hạng ảo tưởng) thì dạy chúng cái không. Và sau cùng thì dù cho bạn sống tới 120 tuổi thì bạn cũng không quyết định được tương lai con cái vì “cha mẹ sinh con, trời sinh tính”.

*Của ai người nấy xót.
Cha chung không ai khóc.
Của người bỏ tất, của mình lặt buộc.
Của mình thì giữ bo bo,
Của người thì thả cho bò nó ăn.
Văn minh, vợ người.*

Nghe ích kỷ. Đó cũng là ích kỷ của tâm hồn Việt, của cuộc đời. Ở quốc gia nào thì cũng vậy thôi. Ở Đạo gia thì của người như của mình, và “lắm sãi thì đạo sĩ đóng cửa chùa”, chứ không phải “lắm sãi không ai đóng cửa chùa”. Sau hết thì tục ngữ Việt cũng có những câu ngược lại như: Trẻ nhà người như trẻ nhà ta; mất của ta, ra của người cũng vị tha. Nếu ta xem tục ngữ phản ánh cuộc sống thì cuộc sống đầy vị tha cũng như đầy vị kỷ vậy, đi theo nhiều chiều.

*Có kiêng có lành.
Chẳng thiêng ai gọi bằng thần.
Tục ngữ Việt Nam.*

Kiêng có cơ sở thì được, ví dụ như kiêng chần gối quá độ, kiêng hút thuốc lá, tránh nghiện ngập bất cứ cái gì, chữa bệnh thì ăn uống theo lời bác sĩ mà gặp lành thì được. Nhưng nếu kiêng theo kiểu mê tín thì không được. Má tôi làm rầy, thờ thổ địa. Má tôi càng thờ bao nhiêu, tôi càng lén mọi người phỉ báng cái bàn thờ bấy nhiêu. Không ai biết cả và gia đình tôi vẫn tốt đẹp. Trong nhà, vợ tôi thờ Phật, thờ Thần Tài. Còn tôi, có đập vỡ cái bàn thờ đi, tôi cũng chẳng trách người ta. Tôi không kiêng cái gì mê tín cả. Nhưng má tôi cứng thì tôi cũng không can, do “Đức” má tôi khác tôi, can thế nào được. Má tôi học có lớp 2 Việt Minh, làm sao hiểu Phật theo kiểu của tôi được. Kết luận của tôi là tôi luôn làm nhục linh hồn, ma quỷ, thần thánh, nhưng tôi không sợ gì chúng sẽ hại tôi được.

*Tú Xương viết: Đồng giỏi sao đồng không giúp nước?
Hay là đồng sợ sủng thần công?*

Nhưng nếu người khác tin những cái đó, ta thuyết Đạo học và Phật học là những cái không mà không được thì ta đừng can thiệp mà hãy để họ tự do tín ngưỡng. Đạo học là chủ nghĩa tự nhiên.

*Trăm đường chẳng tránh khỏi số.
Thuốc chữa bệnh, chẳng chữa được mệnh.
Tử sinh hữu mệnh, phú quý tại thiên.
Phi vận bất đạt.
Người sang tại phận.
Trời cho hơn lo làm.
Tốt số hơn bố giàu.
Tục ngữ Việt Nam.*

Cũng tục ngữ Việt có câu ngược lại: Đức năng thắng số. Nguyễn Du cũng viết một câu hay được trích dẫn là “Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều” và có vẻ như người ta tin “thiên tài” này lắm. Dưới mắt Đạo học thì vũ trụ vốn hỗn độn, dù cho bạn có ý chí tốt, hay ý chí xấu, thì thế gian này luôn hỗn độn. Vì thế khi thì nó bất ngờ ban phước, lần này rồi lần khác, khi thì nó giáng họa liên tiếp, không biết làm thế nào mà gỡ. Tính hỗn độn còn thể hiện ở điểm ta không làm thế nào mà biết một người sẽ là tốt số hay không, ta không có dấu hiệu nào để biết cả. Và “tốt số” theo quan điểm nào? Nếu là lấy vợ đẹp, ngoan, chung thủy, rồi làm ăn giàu có, con cái dễ thương, thành đạt mà cho là tốt số thì theo Đạo học không đủ. Phải là một Chân Nhân mới là “tốt số”. Nhưng Chân Nhân thì nào thêm mấy cái của cải, nhà cửa, vợ đẹp đó? Họ tự nhiên, có cũng được, không có cũng chẳng sao. Điều chính là họ như Phật, nhân thấy mình giải thoát rồi thì hoạt động để phổ biến Đạo ra. Mà rồi giác ngộ người khác như vậy mà không ai ngộ họ cũng chẳng buồn. Dưới mắt Đạo học, không có mệnh trời, vì họ nhập với Vũ Trụ, tức Trời làm một. Trực tiếp thì tôi không bao giờ tin Thượng Đế. Không có Thượng Đế nào sắp xếp số phận tôi cả, mà là “Đức” của tôi dẫn tôi đi. Bạn thấy trong tục ngữ Việt có hai luồng ngược nhau như vậy, bạn nói chiều nào cũng được cả.

*Có thờ có thiêng, có kiêng có lành.
Cầm tất thông, cầu tất ứng.
Tâm động quỷ thần tri.*

Đọc tới các câu này thì tôi bật cười. Tôi là người không tin các tôn giáo, Thượng Đế, các thần linh, các linh hồn. Một cách tôi giao tiếp với thế giới là chat. Tôi có gặp vài người Mỹ, có người quá sùng đạo, có lần hỏi tôi có biết những điều tốt đẹp nào Chúa Giê Xu làm cho loài người không. Tôi hỏi lại: "Quần áo có linh hồn không?" Anh ta nói: "Không". Tôi tiếp: "Vậy các linh hồn đều ở trường". Đến đây thì anh ta tê cóng trí tuệ, nói rằng tôi thông minh hơn anh ta. Hừm, tôi mà thông minh gì. Tôi đọc Phương pháp biện luận thuật hùng biện của Triệu Truyền Đồng rồi mới biết vậy, và chat vậy. Tôi nói tiếp là hệ thống anh ta có điểm yếu, tôi mới chọc vào được, chứ mọi điểm của hệ thống đó đều mạnh thì làm sao tôi tấn công cho được. Tôi chọc tức một số người Mỹ vài lần như vậy, và chưa thấy ai trả lời được. Nói chung tôi chưa gặp ai chứng minh cho tôi được là thế giới là hữu thần, mà toàn là khi tranh luận với tôi, toàn bị thua. Tôi có lần cũng hỏi một linh mục qua chat như vậy: "Quần áo có linh hồn không?" Linh mục không dám trả lời, dù tôi vây hãm ông ta cả tiếng đồng hồ. Cuối cùng thì ông ta phải nhận là ông ta không phải là chân lý. Tôi đành bỏ ông ta vậy, không chat tiếp nữa, vì ông ta nhận ông ta không đúng mà. Sách này, tôi đưa cho cả mục sư của Đạo Đức Chúa Trời, có hai triệu tín đồ ở Việt Nam, ông đáng tuổi cha tôi, ông đọc, khen hay, và nói "Nếu làm được như vậy thì tuyệt vời". Hừm, không làm được như tôi viết thì làm sao có một cuốn sách sinh động, tươi rói như đĩa xà lách trong bàn ăn được. Như vậy là giao du với mục sư, tôi cũng không bị "nhuôm nhuôm" đi được, bị "sọc dưa", bị lai căng đi được, mà ngược lại, mục sư còn khen tôi viết hay. Tôi cũng không cực đoan đâu, mà là để người khác theo niềm tin của họ một cách tự nhiên. Nói, khuyên một lần, hai lần, chứng minh cho rõ mà vẫn không nghe thì thôi. Bạn tôi cũng có những người theo Thiên Chúa Giáo sùng kính, mà giao du với tôi vẫn bình thường, dù biết tôi là tay vô thần. Tôi nói không ngoa đâu. Tôi mà đụng Giáo Hoàng, ông ta cũng không làm thế nào mà chứng minh cho tôi biết thế giới này hữu thần để tôi thờ một Thượng Đế như ông ta. Trên website của Krishnamurti có câu khẩu hiệu "To believe is to be superstitious" – tin là mê tín. Tin tức là định một hướng cho thế giới, mà thế giới vô hướng, nên niềm tin nào cũng bị bể gãy hết cả. Nhưng tôi lại vô vi, nghĩa là để cho người khác theo tín ngưỡng, tôn giáo họ tự nhiên, không can thiệp. Xung quanh tôi, vợ tôi, anh em tôi, má tôi, dù tôi có cố gắng hết sức cũng không giảng cho gia đình tôi biết thiên là gì, cái không là gì, nên vợ tôi, má tôi, anh em tôi, ai cũng thờ Phật như một ông thần cứu ta ở kiếp sau, thờ Thần Tài để mua may bán đắt, tôi không can thiệp gì. Nhưng riêng tôi, bảo tôi đi thắp nhang mấy cái đồ vô minh, tôi không bao giờ làm. Trước mặt, tôi còn tôn trọng, sau lưng, tôi coi mấy cái bàn thờ như cục đá, như cái bàn, chẳng nghĩa lý gì. Thờ thì không thiêng, mà kiêng thì không lành mà còn có hại như bài sau, trích báo Tiền Phong online 28 – 2 – 2006:

Cô Châu làng Thượng đã gấp nghề tuổi 30 mà vẫn chưa chịu lấy chồng. Nghe đâu cũng có nhiều đám dờn ngó nhưng đều bị cô từ chối.

Ông Trình - bố Châu buồn lắm, nào ông có cảm đoán gì con gái đâu mà, nghĩ vậy hết đứng rồi lại ngồi, ông cứ thờ dài thườn thượt.

Thế rồi cho đến một hôm, ông nghe chú Tịnh - người hàng xóm mách, Châu chưa chịu lấy chồng là vì cô đang mắc nợ duyên kiếp trước và bảo ông nên đi xem bói để mời thầy về giải hạn cho con.

Ban đầu khi nghe điều đó ông không tin nhưng suy đi nghĩ lại ông thấy lời chú Tịnh có lý, dầu sao thì "có thờ có thiêng". Nghĩ vậy ông đã dò hỏi xem xung quanh có thầy nào xem tốt, cuối cùng thì ông cũng thỏa lòng mong ước, mời được thầy xem giỏi như "Thánh" về cắt duyên kiếp trước cho con gái ông.

Thầy yêu cầu phải sắm những lễ vật phải đúng như ý, ông tính ngót nghét cũng phải đến 3 triệu vậy mà một năm sau chuyện chồng con của Châu vẫn vậy.

Mãi gần đây, có một anh bộ đội đến nhà thăm Châu và ngồi thưa chuyện cùng ông, ông mới biết. Châu và Long - con trai làng Hạ đang đóng quân ở trong Nam đã hẹn ước với nhau từ mấy năm nay, Châu đợi khi nào Long về phép, sang nhà và thưa chuyện với bố luôn thể.

Ông Trình thầm trách mình: Thật đúng là không có cái đại nào bằng cái đại nào, đầu đã hai thứ tóc rồi mà vẫn còn tin vào trò mê tín dị đoan.

Tốt khoe, xấu che.

Tục ngữ Việt Nam.

Má tôi thỉnh thoảng có dạy tôi như vậy. Nhưng khi tôi còn nhỏ, tôi nghe; khi tôi lớn khôn rồi, tôi thấy nó tầm thường, có khi có hại. Má tôi trước kia là tiểu tư sản thành thị, khi bán hàng thì thực hành câu này, cái gì hay của hàng hóa thì nói hết ra, còn cái gì xấu thì không đề cập đến. Khi tôi ở vào tuổi 19, 20, tôi đọc Quẳng gánh lo đi và vui sống (How to stop worrying and start living của Dale Carnegie), trong đó dạy ta là muốn cải thiện bản thân ta, ta phải diệt các tật xấu của ta nữa, tức là không giấu dốt, không giấu cái xấu. Nho Giáo cũng dạy vậy, như ba câu phản tỉnh mà tôi trích dẫn trên, hay câu này của Mạnh Tử: "Làm việc mà không hiểu tại sao mình làm như vậy, cứ theo thói quen mà không chịu quan sát, trọn đời theo đó mãi mà chẳng biết phải trái thế nào, hạng người như vậy rất nhiều." Người không biết thói quen xấu, không biết điểm yếu của mình, cũng như không biết mặt mạnh của mình thì nhiều. Nay thì câu này tôi chỉ áp dụng cho hạng nông cạn mà thôi, để tôi "lòe" người, chứ hạng hiểu Đạo, thì hay dở, mạnh yếu, tôi nói hết, nói thành thực, không giấu diếm gì cả. Cái xấu mà nói ra thì không xấu, cái xấu mà che đi mới là xấu.

Câu này mở rộng ra thì với một chế độ chính trị mà áp dụng sự bùng bít thông tin, chỉ nói cái tốt của chế độ mà không dám nói cái xấu, không cho dân chỉ trích chế độ thì tôi phê phán thẳng đó là một chế độ ngu ngốc. Khi người ta bùng bít thông tin về cúm gà H5N1 vì sợ mất khách du lịch do lây bệnh thì bệnh càng lan truyền mạnh ra. Công bố thông tin về H5N1 thì mới diệt được bệnh. Bùng bít thông tin về AIDS thì nó càng lan truyền dữ dội, nhưng ngược lại, công khai thông tin bệnh AIDS thì số bệnh nhân giảm đi. Ấy, ta phải khách quan, tốt xấu gì đều nói ra cả. Khổng Tử cũng vậy, ông nói là ông may mắn, khi có tật xấu, người khác chỉ ra ngay. Hơn nữa, ông không tự coi mình là chân lý, là luôn luôn đúng. Đến như Đạo học thì không có gì là lợi, mà cũng không có gì là hại, lại càng không sợ sự thật để mà giấu diếm gì cả.

63. Đói ăn vụng, túng làm liều.

Tục ngữ Việt Nam

Lại là một câu sai đối với Đạo sĩ. "Ăn vụng", "làm liều" chỉ đúng cho người thường thôi, người bản lĩnh kém thôi. Với Đạo sĩ thì không có gì là có hại. Dưới gầm trời này, cái gì là hại? Không có cái hại nào cả. Và trước và trong khi đắc Đạo thì Đạo sĩ đã giải quyết cái hại lớn nhất là cái chết. Ta thử bàn về việc này, về cái hại lớn nhất. Sống là dương mà chết là âm. Đạo là kết hợp hỗn độn âm dương, nên ta có Đạo, hay bản thể (essence) thế giới là cái hỗn độn sống chết, là cái không sống không chết. Nói như vậy nghe rất trừu tượng, nhưng có thật. Cái không sống thì mới không chết, mới tồn tại vĩnh viễn. Sống và chết chẳng qua là những trạng thái tạm thời, cái không sống không chết mới là vĩnh viễn. Vì thấy thế giới là hỗn độn chứ không phải cái hại nên Đạo sĩ không làm việc hại. Câu này chỉ đúng với người thường.

Sống đục sao bằng thác trong.

Tục ngữ Việt Nam.

Tức là chết trong danh dự, chết mà không mang tiếng xấu. Việc này phức tạp, chứ không đơn giản. Hàn Tín, khi còn trẻ, phải chui qua háng người khác, mang tiếng nhục. Vì sao vậy? Vì ông muốn bảo toàn mạng sống để làm đại tướng. Lập chí của ông cao xa quá, nên ông chịu được cái nhục nhỏ. Thực tế khi cầm quân rồi thì đúng như vậy, ông bách chiến bách thắng. Hạng “nóng đầu”, chịu không nổi cái nhục nhỏ là hạng tầm thường. Hạng bị người chửi, bị đốt nhà, bị cướp, vợ bị hiếp dâm mà chịu không nổi, phản ứng tiêu cực là hạng tầm thường. “Thác trong” như vậy là “thác đục”. Trong chiến tranh, đặc biệt là các chiến sĩ tình báo, họ phải đóng kịch, sống kề cận, sống trong lòng địch lâu năm, bị đồng đội và nhân dân hiểu lầm, nhưng cái nhục họ chịu lại mang vinh quang chiến thắng về cho đất nước, hay nói cách khác, nhục là vinh. Trường hợp này không chịu nổi cái nhục, không nuốt cái đắng trong cái đắng, sao nên bậc anh hùng? Kết luận của Đạo học là nhục là vinh và vinh là nhục; vinh là nhục vì “quan cả vạ to”, “trèo cao té đau”. Yêu quyền lực thì sẽ chết vì quyền lực.

65. *Sống gửi, thác về.*

Tục ngữ Việt Nam

Về đâu? Về một trong hai nơi là “thiên đường” và “âm phủ”? Tức là sống thì chỉ tạm thời, mà cõi mình về sau khi chết mới là vĩnh viễn. Cái này chỉ đúng trong Cơ Đốc Giáo và Đạo Giáo, dùng thiên đường và địa ngục hù dọa người khác để họ hướng thiện. Với Đạo học thì phức tạp hơn nhiều, những đầu óc suy nghĩ đơn giản không sao hiểu được, khi phát ngôn của nó là bản thể thế giới, tức Đạo, tức chân lý, là cái không sống không chết. Tôi có vào website của guru (Đạo sư) Osho và đọc thấy câu đó, họ nói Osho không sống không chết. Phật cũng không sống không chết, Lão cũng không sống không chết. Như vậy làm gì có một nơi nào cho chúng ta đến sau khi chết? Có một sự tích về việc đó.

Một tướng quân tới gặp thiền sư Ekaku hỏi: “Bạch thầy, thiên đường, địa ngục có thật hay không?”

Thiền sư hỏi: “Thế ngài là ai?”. Ông tướng đáp: “Tôi là tướng quân.” Thiền sư cười: “A ha! Thăng ngục nào cho ông làm tướng vậy? Trông ông giống anh hàng thịt”. Tướng quân nổi giận: “Cái gì? Ta băm xác mi ra”. Thiền sư trở tay, đáp: “Đây là mở cửa địa ngục!” Viên tướng đổi ngay thái độ: “Xin ... xin thầy tha lỗi cho cử chỉ thô bạo vừa rồi của tôi”. Thiền sư nói: “Đây là mở cửa thiên đường”.

Câu chuyện kết luận: Thiên đường, Địa ngục không phải là chỗ con người tới sau khi chết mà nó ở đây và bây giờ. Lành, dữ đều do tư tưởng, cửa Thiên đường và Địa ngục mở ra bất cứ lúc nào.

Cũng vậy, niết bàn là trạng thái con người, chứ niết bàn không phải là một địa điểm, một vị trí, là thiên đường cho “người tốt” siêu thoát lên đó sau khi chết.

Trong Đạo học thì kết luận là sống thì cũng dưỡng sinh, lo tinh thần và vật chất cho đầy đủ để hưởng hết tuổi trời, chứ không yêu sống, ghét chết, hay yêu chết, ghét sống để mà cho là “sống gửi, thác về”. Sống hay chết, hãy tự nhiên.

Sinh dữ, tử lành.

Tục ngữ Việt Nam.

Một câu nói mê tín, bậy bạ, nhảm nhí. Theo câu này thì mới sáng ra ngô gặp bà bầu thì xui, mà gặp đám ma thì hên. Không hiểu sao các nhà biên soạn lại đưa câu này vào tục ngữ Việt Nam để mà di hại cho người đọc như vậy. Nói cho thỏa đáng là sinh có dữ, có lành và tử có dữ, có lành.

Thân trọng thiên kim.

Tục ngữ Việt Nam

Thân trọng nghìn vàng, đúng không? Nói cách khác, ta phải yêu quý bản thân ta. Không, nói vậy không đúng. Tư tưởng này sai. Tầm thân ta vừa là cái có, nó thực sự tồn tại, làm việc, ăn uống, yêu, sinh con, ... nhưng cũng là cái không, nghĩa là không đi theo hướng nào, nghĩa là đi tất cả mọi hướng, kể cả hướng hết sức có hại và lầm lạc. Chì tôi đi xe gắn máy trên đường, bị xe công nông tông chết. Ấy, làm sao mà yêu quý, mà trọng tầm thân ta cho được. Muốn trọng thì cũng bị chết. Tư tưởng đúng là không ghét bản thân ta, không bỏ mặc nó, như hành lạc quá độ, rượu chè be bét, làm việc quá sức, ăn ở dơ bẩn, v.v... nhưng cũng không quý nó, mà là cứ sống tự nhiên, có cái hại xảy ra thì cũng chấp nhận vậy. Chúng ta không bao giờ thừa hưởng một bộ gien hoàn hảo, vì có những khiếm khuyết nên chúng ta bị bệnh là tự nhiên. Không những vậy, trong hoạt động, lao động, chúng ta còn bị tai nạn, và trong những quyết định cuộc sống, chúng ta mắc sai lầm nữa. Nếu mang tư tưởng thân trọng là ta chỉ đi một hướng thôi, mà cuộc sống lại đi muôn phương, coi chừng bị mâu thuẫn mà mang stress rồi bệnh chết đó. Cách nhìn đúng là mang sẵn tư tưởng thân ta là cái không, có thể hưởng lợi tốt, như cưới vợ đẹp, được lên lương mà ăn ngon, mặc đẹp, nhưng cũng có khi bị bệnh, bị tai nạn mà không sao lường được, nghĩa là không theo hướng nào nhất định.

Chỉ cần mưu lược, châu chấu có thể đá xe.

Ngạn ngữ Châu Phi

Nghĩa là người yếu mà thông minh thì có thể thắng kẻ địch mạnh, hay nói ngắn gọn, yếu thắng mạnh. Theo Đạo học thì cũng đúng, mà nói mạnh thắng yếu cũng đúng luôn. Chiều nào cũng đúng cả, không nhất định phải theo chiều nào hết. Mạnh thắng yếu như người Pháp xâm lược Việt Nam vào thế kỷ 19. Yếu thắng mạnh như Việt Nam thắng Pháp trong thế kỷ 20. Nếu cho rằng người yếu mà có mưu trí thì luôn thắng kẻ mạnh thì có khi sa vào duy ý chí, chủ quan. Yếu chỉ thắng mạnh dựa trên một môi trường, một nền tảng có thể thắng được tiềm ẩn, chưa được khai thác. Chẳng hạn, Việt Nam thắng Pháp dựa trên chiến tranh nhân dân, và vì người Việt chán ghét sự đô hộ của người Pháp rồi. Hơn vậy nữa, phải tổ chức chặt chẽ, đoàn kết, vũ khí tương đối hiện đại, kêu gọi được lòng yêu nước của nhân dân thì mới thắng. Lật ngược lại, những người hùng tài đại lược như Phan Bội Châu chẳng hạn, dù quyết tâm rất cao, cũng chỉ thất bại, vì ông thiếu một nền tảng như vậy, vì thời chưa tới, như chưa xảy ra Cách Mạng Tháng Tám chẳng hạn. Một câu khác ngược với câu này là “Chân lý thuộc về kẻ mạnh”. Đúng không? Cũng đúng. Ví dụ, tổng thống Miền Nam Việt Nam bị giết là Ngô Đình Diệm là vì vậy. Người Mỹ vu cho ông là bắt tay với Bắc Việt. Nhưng làm vậy là để bầu cử thống nhất đất nước, là thi hành hiệp định Geneva. Việc giết tổng thống Diệm chỉ là đúng với người Mỹ, chứ không đúng theo hiệp định Geneva. “Dân chủ”, “tự do” của thời đó chỉ là những từ rất tương đối, không có giá trị thực. Nó là dân chủ kiểu Mỹ, tự do kiểu Mỹ mà thôi, còn theo kiểu Ngô Đình Diệm thì bị giết ngay. Em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, bản lĩnh, thông minh, đệ nhất mưu sĩ miền Nam (Tuy không phải thần tượng của tôi, nhưng khi chưa ngộ Đạo, tôi thích hình ảnh và con người thông minh này), mà đâu cứu được chế độ đâu. Như vậy là dù mưu trí, châu chấu cũng không thể thắng xe mà bị xe đè

bep. Tóm lại là yếu có thể thắng mạnh, và ngược lại, mạnh cũng có thể thắng yếu, không theo chiều nào cả.

Có thực mới vực được đạo.

Tục ngữ Việt Nam.

Câu này có nghĩa là chủ nghĩa, tôn giáo nào cũng phải dựa trên một nền tảng vật chất đầy đủ. Điều này cũng đúng cho Đạo học, ở giai đoạn trước giác ngộ. Nếu lo ăn không đủ, thiếu đói, vợ con nheo nhóc, cơm áo ghi cho sát đất thì tinh thần không còn thắng bằng để mà thiền. Nếu đau bệnh thì tinh thần bất ổn, lo lắng, như vậy sẽ thiên lệch, không sao mà thiền được. Phật cũng đi trung đạo chứ không tu ép xác. Phải khỏe mạnh mới thiền được. Nghèo khó quá thì không đắc Đạo được, mà phải giải quyết sao cho không phải quá lo lắng về cơm áo thì mới thiền được. Nhưng thời thế như hiện nay, lo việc cơm áo không đói rách không phải khó. Thời loạn mà giàu có là có tội, nhưng thời bình mà nghèo khó cũng là tội. Nhưng ngược lại, ham làm giàu thì lại không được. Người giác ngộ thì yêu chân lý hơn là tiền bạc. Mà người giác ngộ như tôi rồi thì không làm sao mà làm giàu được, vì giàu là tốt, mà tốt là xấu. Hơn nữa, ta và người là một, nên khi có nhiều tiền thì tôi liền giúp người nghèo xung quanh hết. Chúng ta có rất nhiều người nghèo khi mà hiện nay (2006), thu nhập trung bình người Việt thấp hơn 2 USD/người/ngày. Sống trong môi trường nghèo như vậy, tôi không làm sao làm giàu được. Chúng ta sống và làm việc để làm gì? Đạo gia trả lời là để tìm thấy Đạo, tìm thấy chân lý, như trường hợp tôi là thông qua thiền. Nghĩa là “thực” phục vụ Đạo. Ấy là chúng ta bàn về vật chất và Đạo học trong giai đoạn trước khi đắc Đạo. Khi ngộ rồi thì không sợ gì nữa cả. Hơn nữa, còn được một cái rất có sức mạnh là lý lẽ trong thoáng chốc, ta thông suốt hết. Vì thế, việc gì ta cũng hiểu phương cách của nó, trở nên có sức mạnh tinh thần. Sức mạnh này trong Phật học nói khi giác ngộ ta có lòng từ bi vô biên đối với người khác. Tôi không nói “từ bi”, vì có từ bi thì có phản từ bi, mà là tôi nói “không ghét”: Đạo sĩ luôn luôn không ghét ai, kể cả kẻ thù. Đối với sự quyến rũ vật chất, như biệt thự, gái đẹp, rượu ngon, những Paris, Luân Đôn, New York, v.v... thấy đều không thể dẫn dụ Đạo sĩ cho được. Nhưng người ngộ Đạo không chỉ biết sống đạm bạc. Sống trong nhung lụa cũng vui, có sao đâu? Ở cảnh nào cũng vui cả.

No cơm ấm cật, giậm giật mọi nơi.

Tục ngữ Việt Nam.

Sống đầy đủ, sung sướng, thừa thãi vật chất, tiền bạc, sinh hư, sinh dâm dăng. Điều này chỉ đúng với thói thường, với người thường. Với Đạo sĩ, anh ta coi mình và xã hội là một, có bao nhiêu tiền dư thì đem giúp người nghèo hết cả. Trong số những người anh ta giúp, tất có kẻ làm ăn tốt lên, giàu lên, rồi đem tiền trả ngược lại ơn anh ta. Được tiền trả ngược lại, anh ta lại đem đi giúp kẻ khác tiếp. Tiền vào nhà Đạo sĩ như dòng suối chảy, không ngưng lại. Suốt đời Đạo sĩ không bao giờ giàu vì cái giàu là cái tốt, mà trong tốt lại ẩn họa. Tôi mà mang tiếng giàu thì đi ra đường không an tâm, dễ bị cướp, con cái bị bắt cóc, điện thoại bị hù dọa. Nhưng nói Đạo sĩ luôn sống đạm bạc là sai. Anh ta có thể có những thú vui quý tộc, đi xe hơi đắt tiền, ở biệt thự, v.v... nhưng coi mấy thứ đó rất thường, nghĩa là khi cần thiết, thì bỏ đi dễ dàng. Không chấp mà. Nhưng “giậm giật mọi nơi” thì không bao giờ có, vì trong lòng anh ta, đặc biệt là khi anh ta chú ý vào tâm mình, tức thiền, thì anh ta hạnh phúc tức thì, không có thứ gì mua cho nổi. Câu này không bao giờ đúng đối với Đạo sĩ. Anh ta luôn thắng bằng.

Chương VI

THAY LỜI KẾT: ĐỐI THOẠI GIỮA MỘT ĐỘC GIẢ VÀ ĐẠO SĨ

Độc giả (ĐG): Tôi còn băn khoăn là cái không có thủ tiêu đấu tranh không? Đấu tranh là động lực của phát triển.

Đạo sĩ (ĐS): Khi bạn nói đến phát triển là bạn buộc thế giới đi theo một chiều, đó là chiều tiến bộ, chiều dương. Cái đó mới chỉ là một nửa của chân lý hay của Đạo. Nửa còn lại là sự “thoái bộ”, hay chiều âm. Thế giới không đi theo một hướng nào cả, hay nói cách khác, thế giới không có mục đích, nó là cái hỗn độn âm dương mà. Cái gọi là tiến bộ chỉ là cái không lặp lại những sai lầm mà thế giới đã đi qua. Chẳng hạn, người ta biết cái sai lầm hay cái hại của chủ nghĩa phát xít nên người ta ngăn ngừa nó, để khỏi xảy ra chiến tranh và nghĩ rằng như vậy là tiến bộ. Song, không có gì lấy làm chắc rằng nhân loại sẽ không có chiến tranh. Thực tế thì chiến tranh hết xảy ra nơi này lại xảy ra nơi khác. Có hòa bình là có chiến tranh. Khi thực hiện những chính sách mới, những chủ trương mới, những chủ nghĩa mới, một phần của nhân loại sẽ lại mắc sai lầm. Mắc sai lầm là bản chất của con người, cứ mãi như vậy. Tôi không thấy có sự tiến bộ nào cả, chỉ thấy có sự khác biệt. Ngày hôm qua khác ngày hôm nay, và ngày mai khác ngày hôm nay. Ta cứ xem phát minh của loài người là rõ. Ví dụ, máy tính là sự “tiến bộ” nhưng nó phục vụ cho kẻ khủng bố cũng đắc lực như phục vụ cho một nhân viên văn phòng cần mẫn. Khoa học và công nghệ càng phát triển thì vũ khí càng phát triển và sự giết người cũng xảy ra nhanh hơn, nhiều hơn, tinh vi hơn, khoa học hơn. Chiến tranh thời trung cổ làm sao mà có sự chết chóc khủng khiếp như Thế chiến thứ hai được? Trong kháng chiến chống Mỹ, chỉ thoáng chớp, cả phố Khâm Thiên bị bom tàn phá, nhiều người chết chỉ trong chớp lát. Vũ khí tiến bộ hơn thì người chết nhiều hơn làm ta phải nhận rằng chúng ta nay dã man hơn người xưa. Ngày xưa đi bộ, đi xe ngựa thì hiếm có tai nạn giao thông. Nay, giao thông “tiến bộ” hơn xưa nhiều thì cũng có rất nhiều người chết và bị thương mỗi năm ở Việt Nam, tới hơn 11.000 người chết trong năm 2010. Bạn cho rằng ngày xưa sản xuất được ít của cải vật chất, ngày nay của cải vật chất nhiều hơn xưa nhiều là tiến bộ. Nhưng hỡi ơi, phương thức sản xuất tiến bộ kiểu phát xít Đức phục vụ rất đắc lực cho chiến tranh! Kiểu sản xuất hàng loạt “tiến bộ” của người Mỹ giúp cho việc ném bom lên đầu người Việt Nam cũng “tiến bộ”, cũng nhiều trong thời chiến. Của cải vật chất càng nhiều, càng rẻ, càng tốt thì càng hại. Bất cứ sự “tiến bộ” nào cũng có cái hại kèm theo cả và sự “tiến bộ” của thời đại này là cái lạc hậu thời đại khác, hay nói cách khác, sự tiến bộ nó “mòn” đi và trở về cái không, tức mất đi, không còn tác dụng nữa, chứ không phải tiến bộ luôn, tốt luôn. Lấy ví dụ là một siêu cường hiện nay là Mỹ, là sen đầm quốc tế, là mạnh nhất, nhưng liệu nó có thể bắt thế giới đi theo ý chí nó được không? Không, dù nó rất tham vọng như vậy. Nó can thiệp vào Triều Tiên, bị Trung Quốc cản lại. Can thiệp vào Việt Nam thì thất bại. Đánh chính quy không được thì có những kẻ liều chết đánh nó kiểu khủng bố, rất hỗn độn. Mỹ mạnh nhất nhưng không phải vô địch. 200, 300 năm sau, liệu Mỹ có còn là cường quốc số một hay không cũng chưa biết được. Lịch sử cho thấy nước Anh thế kỷ 19 là mạnh nhất, nhưng qua thế chiến II thì nó yếu đi, nó bị thay thế bởi Mỹ trong thế kỷ 20. Tương lai thế giới và tương lai nước Mỹ ra sao, chưa ai biết trước được. Nước mạnh nhất còn chưa bắt được kẻ khác phải theo quỹ đạo mình, vậy phải nói thế giới không đi theo quỹ đạo nào cả, không đi theo chiều nào cả, tức không có chiều dương, chiều tiến bộ. Có mâu thuẫn, nhưng giải quyết mâu thuẫn rồi thì không phải là tiến bộ. Đạo học nhìn thấy mọi mâu thuẫn đều là cái không, và cái không này có thật, thấy được cái không thì hạnh phúc tức khắc. Và nước Mỹ thì than ôi, có những tay Sát thủ Kinh tế (economic hit man – EHM) làm cho thế giới rất hỗn độn, không “tiến bộ” chút nào cả mà là dùng mọi thủ đoạn, kể cả giết người của CIA làm lợi cho

các tập đoàn, tác giả cuốn *Lời thú tội của một sát thủ kinh tế* cho biết. Mời bạn đọc bài báo trên website dantri.com.vn:

“Lời thú tội của một sát thủ kinh tế”

Trong vòng hai năm trở lại đây, *"Confessions of an Economic Hit Man"* (*Lời thú tội của một sát thủ kinh tế*) - Nhà xuất bản Penguin, New York - của tác giả John Perkins đã trở thành một “hiện tượng” ở Mỹ và đang lan sang nhiều nước khác.

Dù tác giả là một người hầu như không tên tuổi, và cuốn sách không được một tờ báo lớn nào nói đến (cho mãi đến gần đây), nó đã leo lên hàng thứ sáu trong danh sách các quyển bán chạy nhất (tháng 3/2006). Cuốn sách cũng đang được nhiều đại học khuyến khích sinh viên đọc, và nghe đâu Hollywood cũng sẽ quay thành phim với tài tử Harrison Ford thủ vai chính.

Đây là hồi ký của một nhân vật tên John Perkins, tự xưng đã từng làm “sát thủ kinh tế”. “Sát thủ kinh tế”, theo lời Perkins, là người được giới đại doanh thương Mỹ gửi sang các quốc gia đang phát triển để thực hiện những mưu đồ kinh tế đen tối nhằm phục vụ quyền lợi của giới này, và gián tiếp là của nước Mỹ. Cuốn sách là “lời tự thú” của Perkins về những “tội lỗi” ông đã làm trong thập niên 1970.

Tác giả kể: sau khi tốt nghiệp đại học, ông ta được một công ty tư vấn ở Boston (Mỹ) tuyển mộ làm chuyên viên kinh tế với hai nhiệm vụ. Đầu tiên, ông sẽ được gửi sang một quốc gia đang phát triển để biện minh (thường là dối trá) những dự án cơ sở hạ tầng (như xa lộ, đập, mạng điện...) cách nào để các quốc gia này vay được tiền của các tổ chức và ngân hàng quốc tế và, cùng lúc, giúp các đại công ty Mỹ (như Bechtel, Halliburton) “trúng thầu”.

Sau đó, “sát thủ kinh tế” Perkins phải làm thế nào để các quốc gia ấy... phá sản, không trả được nợ. Khi đã sa vào hoàn cảnh ấy, các nước này phải nghe lời chủ nợ, trở thành một “đàn em” dễ bảo của Mỹ, cho Mỹ khai thác dầu hỏa và các tài nguyên thiên nhiên khác, lập căn cứ quân sự, hoặc ít nhất thì cũng bỏ phiếu theo Mỹ ở Liên hiệp quốc.

Sự nghiệp của Perkins bắt đầu ở Indonesia năm 1971 với nhiệm vụ lập một dự án mạng điện cho đảo Java. Ông ta nhận lệnh đưa ra những dự báo kinh tế cực kỳ lạc quan để USAID (Cơ quan Viện trợ kinh tế của Mỹ) và các ngân hàng quốc tế có thể cho Chính phủ Indonesia vay tiền. Tất nhiên, dự án ấy sẽ thất bại (hoặc không nhiều lợi ích như dự báo), Indonesia không thể trả nợ, và sa vào cái “còng” của Mỹ.

Chu toàn tốt đẹp sứ mạng ở Indonesia, năm 1972 Perkins được gửi sang Panama. Làm “cố vấn” cho “kế hoạch phát triển toàn bộ” của nước này, Perkins được sắp ra lệnh đề nghị một loạt dự án không thực tế, ngụy tạo các con số, tưởng tượng một tương lai sáng ngời cho Panama để Ngân hàng Thế giới đầu tư hàng tỉ đô la vào cơ sở hạ tầng ở nước này. Perkins cũng không quên gài vào những hợp đồng cho vay một số điều kiện mà chỉ các công ty Mỹ mới thỏa mãn được.

Thâm độc hơn, vì Chính phủ Panama lúc ấy có thái độ “kình” Mỹ, cụ thể là muốn Mỹ trả lại kênh Panama, Perkins được chỉ thị phải làm sao để các nhà lãnh đạo nước này “nhu mì” hơn đối với Mỹ.

Song, có lẽ “thành tích” rực rỡ nhất của Perkins là ở Ảrập Saudi, nơi Perkins “hạ cánh” năm 1974. Như mấy lần trước, ở đây Perkins cũng được lệnh thổi phồng dự báo tăng trưởng để biện minh cho các món vay và các hợp đồng với các công ty Mỹ.

Quan trọng hơn, Perkins thú nhận rằng, để tránh tái diễn cuộc khủng hoảng dầu hỏa như vào những năm 1970, ông ta được lệnh thuyết phục Chính phủ Ảrập Saudi (1) không để dầu hỏa chảy vào Mỹ bị gián đoạn, ở một giá “phải chăng”; (2) dùng tiền bán dầu hỏa để mua ngân khố phiếu của Mỹ; (3) rồi lại dùng tiền lãi để thuê các tập đoàn kinh doanh của Mỹ “hiện đại hóa” Ảrập Saudi theo kiểu phương Tây.

Perkins khoe rằng ông đã biến Ảrập Saudi thành “con bò sữa có thể vắt đến ngày về hưu” cho ông và các sếp của ông, và tự đắc là “Bộ Ngân khố Mỹ thuê chúng tôi, trả lương chúng tôi với tiền của Ảrập Saudi, để xây dựng cơ sở hạ tầng ở đó, thậm chí nhiều thành phố của họ là hoàn toàn do chúng tôi xây dựng”.

Sau vài chuyến công tác nữa ở Iran và Colombia, Perkins giải nghệ “sát thủ” năm 1980. Bị “lương tâm cắn rứt” từ đó đến nay, ông ta viết cuốn này (dù bị cản trở nhiều lần, ông ta nói).

ĐG: Nhưng Đạo sĩ là hạng tu hành ẩn dật và không mê tiền bạc, vậy làm sao làm giàu được? Chúng ta cần làm giàu và có tiền mới sống được chứ. Vật chất quyết định ý thức, có thực mới vực được Đạo mà. Cứ chú tâm vào thiền, vậy Đạo sĩ là phi thực tế. Tôi sống thực tế, yêu gái đẹp, thích tiền, thích rượu ngon, thích thành công còn Đạo sĩ thì không hề màng đến những cái đó, làm sao mà hạnh phúc được nhỉ? Cứ có tiền, có bạn gái xinh đẹp, có rượu Tây, sáng chơi tennis, tối đi vũ trường, và thành đạt trong cuộc sống là hạnh phúc, cần gì phải tìm tới cái không nào!

ĐS: Sao lại chán đời được vậy? Đạo sĩ cũng vẫn có gia đình, cũng làm việc, cũng vui chơi, nhậu nhẹt như bao người khác vậy thôi. Họ cũng làm ra tiền, làm ra sản phẩm và dịch vụ cho xã hội chứ. Làm giàu ư? Đạo sĩ cũng có thể làm giàu chứ, sao không? Đạo sĩ cũng như bao người khác, phải tuân theo quy luật của cái không, nghĩa là anh ta không có bản tính, có thể giàu cũng như có thể nghèo. Còn tu hành ư? Tôi có thấy tôi tu hành gì đâu! Tôi đọc Trang Tử Nam Hoa Kinh do Thu Giang Nguyễn Duy Cần dịch và chú giải từ 1993, vì tôi biết ông là người văn học hoàn toàn, văn còn hay hơn cả thiên tài Tư Mã Thiên nữa. Ấy vậy mà từ đó tôi không cãi lại đại sư này được. Đến 1995 thì đọc Lão Tử cũng do Nguyễn Duy Cần dịch và chú giải. Thế là từ đó tất tần tật hay được tôi giải thích theo con mắt Đạo. Tôi thiền mà không biết là tôi thiền. Đến 2004, tôi hỏi một thiền sư chừng 7, 8 câu để giải quyết một mâu thuẫn nội tâm, giải quyết được theo kiểu thiền, tôi nhận ra tôi là cái không. Vậy thôi, không tu hành gì cả. Còn chuyện lập nghiệp, không ai được sinh ra và được lập trình sẵn để thành một phú ông hay một gã ăn mày. Một người giàu có thể nghèo đi và một người nghèo có thể giàu lên, ta không sao biết trước được. Điểm khác biệt Đạo sĩ không bị những cái đó tác động một tí nào cả. Khi làm cái lợi thì anh ta nghĩ ngay tới cái hại, và đối với đồng loại thì anh ta bắt tranh một cách tự nhiên không cần cố gắng. Thực tế của bạn là thực tế nào? Chẳng hạn, vấn đề gái đẹp, Khổng Tử ngồi chung xe với một phụ nữ đẹp nhưng dâm dăng thì bị học trò lên tiếng ngay, ông phải thề thì học trò mới bỏ qua cho. Đó là điểm yếu của đàn ông. Lịch sử cho thấy bao nhiêu gương mỹ nhân kế rồi đấy. Tai họa của biết bao đàn ông là do yêu mỹ nhân gây ra. Trong khi hạng Đạo sĩ thì anh ta như vị quân tử Liễu Hạ Huệ vậy, trời mưa, ôm một người con gái vào lòng để che mưa, anh ta sẽ làm được mà không sợ mang tiếng tà dâm. Đó là thực tế phi thường của Đạo sĩ đó chứ. Vấn đề tiền bạc ư? Bạn có dám chắc là tiền bạn luôn được sử dụng một cách đúng đắn không hay là có khi dùng nó để làm việc sai? Rồi bạn đầu tư, đầu tư thì có rủi ro làm cho tiền bạc của bạn đội nón ra đi. “Không ai giàu ba

họ, không ai khó ba đời.” Có người giàu nghèo đi, dù rất cố gắng, và có người nghèo giàu lên. Bạn cũng vậy, có khi bạn rất cố gắng, cố gắng cả đời cũng không giàu nổi. Làm sao mà bắt buộc một người sinh ra là phải giàu có cho được nhỉ? Luôn có những cái bất ngờ đưa tới mà ta không sao biết được. Còn sự thành công thì nó là sự vượt lên những người khác, cũng vậy, có khi bạn làm được, nhưng có khi bị người khác ném đá giấu tay mà thất bại. Rồi nạn bè phái chi phối. Một ông giám đốc, một thủ trưởng mới lên thì ê kíp cũ phải ra đi, dù bạn có tài đức thì cũng vậy. Một điều rất dễ hiểu là không ai, kể cả bạn, có thể bảo đảm sự thành công cho bạn hết cả. Có thể nói cho tới nay, chưa có một lý thuyết nào, một mô hình kinh tế nào tối ưu nhất để có thể mang ra áp dụng cho tất cả các trường hợp ở cấp độ quốc gia cũng như cấp độ công ty một cách thành công. Trong kho tàng kinh nghiệm nhân loại có rất nhiều kinh nghiệm thành công, cũng như kinh nghiệm thất bại, nhưng ta biết rồi, áp dụng các kinh nghiệm thành công, cũng như học các kinh nghiệm thất bại để tránh né, nghĩa là theo chủ nghĩa kinh nghiệm, thì ta cũng bị thành bại bất thường. Mọi lý thuyết kinh tế đều chỉ đúng tương đối, trong một số trường hợp, ở vài thời điểm, ở trường hợp khác, thời điểm khác chúng sai, và cứ như vậy mãi. Làm kinh tế, hay làm giàu kiểu gì cũng vậy, tôi không nói bạn trước sau cũng bị bại, mà tôi nói bạn thành bại bất thường. Buôn cá thì giàu mà buôn vàng thì nghèo. Không thoát khỏi cái không đâu. Sau hết, mục đích của chúng ta là hạnh phúc, thế mà đạt tới cái không thì bạn hạnh phúc tức thì, hạnh phúc vô điều kiện. Bạn sẽ trở thành người có thể tha thứ cho kẻ thù mọi lúc, mọi nơi, là điều mà ta thường nghe Thánh Kinh nói mà bạn không cần phải cố gắng, không thấy đau lòng gì cả. Đó là một thứ của quý. Chính bản thân bạn là một thứ của quý không tìm đâu xa cả. Cái mà Chúa gọi là Thiên Đường, Phật gọi là Niết Bàn thì đối với tôi, đó chính là cuộc đời này. Tôi gọi vậy vì tôi không bao giờ biết buồn rầu là gì cả, người lúc nào cũng yên tĩnh, cũng nhìn người hay vật ở nhiều chiều nhưng tôi không làm sao mà mô tả tâm trạng tôi cho được. Bút mực hay lời nói không diễn tả “hạnh phúc” của tôi được. Nếu bạn theo Chúa Jesus mà tha thứ cho kẻ thù thì bạn thấy khó và phải hy sinh nhiều.

ĐG: Nhưng ĐS không làm việc thiện, không làm việc tốt, không làm việc đẹp. Như vậy liệu có thú vị gì? Anh ta nhàn nhạt ấy.

ĐS: Những cái nhân vi có đẹp khi so sánh với tự nhiên không? Đạo sĩ theo tự nhiên, tức vô vi. Tự nhiên đẹp lắm chứ. Nó làm mà như không làm gì vậy. Sống trái tự nhiên, bị thiên nhiên trừng phạt, loài người rồi cũng phải quay lại với thiên nhiên thôi. Chẳng hạn, nhân loại dùng nhiên liệu hóa thạch như than đá, dầu mỏ nhiều, làm khí hậu ấm lên, trái tự nhiên. Và phá rừng. Những việc như vậy làm thay đổi khí hậu, nơi này thì lũ lụt do mất rừng, nơi kia thì hạn hán. Có một câu chuyện trong Xung Hư Chân Kinh của Liệt tử so sánh cái nhân tạo và tự nhiên, chuyện tên là Không dùng trí xảo:

“Nước Tống có người dùng một miếng ngọc chạm trở thành một cái lá mắt hết công phu ba năm mới hoàn thành. Cái lá được khắc chạm xong, cuống lá, sống lá tinh tế y như lá thật, có cả những sợi lông tơ của lá mềm mại, dù cho để lẫn lộn trong đám lá thật cũng khó mà nhận ra được đâu là lá thật, đâu là lá giả. Người thợ khắc ấy nhờ kỹ xảo khéo léo của mình mà được bổng lộc của nước Tống.

Liệt Tử nghe chuyện ấy, bảo:

Nếu giả sử như đại tự nhiên sinh ra vạn vật cũng phải mất ba năm dài mới tạo được một cái lá thì cây cối chắc phải là ít lá lắm! Vì vậy thánh nhân dựa theo quy luật tự nhiên để sinh hóa vạn vật chứ không dựa vào trí mưu và kỹ xảo.”

Chính cái nhân vi tạo ra sự khan hiếm hàng hóa (tiền) mà nảy sinh tình trạng xem “tiền là tiên, là Phật. Tiền là sức bật của lò xo. Tiền là thước đo của lòng người...” Đạo sĩ trả tiền lại giá trị vốn có của nó: không coi trọng nhưng cũng không coi khinh. Vì không coi trọng cho nên không dùng trí xảo để có nhiều tiền hơn. Đó là vô vi, là tự nhiên. Như vậy không đẹp sao? Nói đúng hơn, như vậy là đúng Đạo. Đẹp chỉ là một cách diễn tả, trong Đạo đẹp, xấu hỗn độn, không diễn tả bằng lời được.

Nhưng tôi cho rằng Đạo sĩ hiện đại thì không làm như Lão Tử được, chủ trương dứt bỏ trí xảo, tức dứt bỏ kiến thức, dân lợi gấp trăm. Đạo sĩ hiện đại thì cũng dùng những phương tiện hiện đại, cũng đọc nhiều, học nhiều, nghe nhiều, cũng làm việc nhiều để kiếm sống, nhưng tất cả những hoạt động đó cũng chỉ chứng minh cho cái không. Chẳng hạn, tôi phải đi trên con đường nhựa nhanh chóng chứ không đi trên đường đá, đường đất với xe ngựa như cổ nhân được, nhưng vì thế mà tôi cũng phải chịu tính gây tai nạn cao hơn xưa rất nhiều của đường nhựa so với đường rải đá, đường đất. Tôi cũng phải dùng internet hàng ngày để biết tin tức khắp thế giới và email nhanh, rẻ và chịu luôn nạn virus tin học, nạn phần mềm gián điệp. Nhưng khác với người thường là khi hưởng những lợi ích của internet, Đạo sĩ không hề yêu thích gì cả, chỉ thấy nó là cái không và ngược lại, khi phần mềm, phần cứng máy tính bị hư, anh ta khắc phục một cách điềm tĩnh, vì cũng thấy những việc ấy là cái không, chứ không bức mình gì cả. Như vậy không “đẹp” sao? Nếu bạn yêu những cái đẹp, những cái mới, những phương tiện hiện đại thì bạn sẽ bị lắm cái phiền toái do chúng gây ra. Đó là điều chắc chắn. Vậy liệu bạn có thể nói cõi giới Đạo sĩ là “nhàn nhạt”, vô vi là “nhàn nhạt” không? Khi tôi đang viết những dòng này thì đài Quốc tế Pháp cho biết Việt nam là đồng minh chiến lược tiềm năng của Mỹ ở Châu Á. Một tin thú vị. Kẻ thù cũ lại là bạn đồng minh, mà lại là có thể là đồng minh chiến lược nữa. Như vậy cả Việt Nam lẫn Mỹ đúng là không có bản tính nào cả. Vài chục năm trước thì đả đảo kịch liệt, ngày nay thì hoan hô, dù cả hai trường hợp, hai dân tộc đều hết sức cố gắng, “dũng cảm”, “sáng suốt” nhất. Cái thế giới chúng ta đang sống không có một bản tính nào cả thì làm sao mà bạn có thể giữ một thái độ hoài được. Kẻ thù chính là bạn thân và ngược lại cho nên không có cái nào là bạn – đẹp và thù – xấu mãi cả. Và vì thế giới có tính không, sao bạn không tỏ rõ sự lớn lao của bạn một lần bằng cách nhìn ra cái không đó? Chỉ là một dấu chấm không thôi thì làm sao tỏ rõ sự lớn lao của ta được? Phải là hai đầu mút và chiếm hết đoạn giữa hai điểm đó nữa chứ. Hãy thử thiền xem sao, theo Phật cũng được, theo Lão cũng được, để xem cái không nó như thế nào.

ĐG: Như vậy DS muốn chứng tỏ rằng việc theo cái không là một sự bắt buộc, là chân lý?

ĐS: Về điểm này thì tôi rất rõ ràng. Đạo là chân lý tuyệt đối. Và không ai thoát khỏi trở về với Đạo, tức trở thành một cái không cả. Song vì Đạo là hỗn độn nên thế giới hỗn độn chứ không phải tất cả nhìn ra mình trở thành cái không. Vì hỗn độn nên có người yêu như Thiên Chúa Giáo chẳng hạn, và có người ghét, như những tay khủng bố chẳng hạn. Chẳng làm cách nào giác ngộ được. Tôi không bắt buộc ai theo tôi cả, kể cả những người thân nhất của tôi. Đạo Phật, một triết học về cái không nó cũng mất khỏi Ấn Độ hàng bao thế kỷ nay rồi đó chứ, nó bị thay thế bởi Ấn Độ Giáo và Hồi Giáo nhưng nhân dân Ấn Độ vẫn sống, làm việc, yêu ... như chưa có chuyện gì xảy ra vậy. Cái khác biệt là họ sống trong vô minh. Sống trong vô minh vẫn là sống. Phải nói thế nào đây? Chỉ là những người có căn cơ, theo chính kinh nghiệm tôi, là người luôn luôn thắc mắc phía sau những hoạt động xã hội, phía sau tiền bạc và quyền lực là gì, hay nói cách khác, chân lý là gì, câu hỏi đó luôn luôn ám ảnh thì mới tìm ra được chân lý tức Đạo. Và phải là người sâu sắc, là người mà thường tiên đoán được sự phát triển của sự việc, của con người xung quanh như một nhà phê bình chỉ vài câu là tiên đoán được số phận văn chương của một nhà thơ, người như vậy mới chọc thủng được bức màn vô minh, vượt trên cái có để nhìn thấy cái không. Và nữa, trước khi đắc Đạo thì anh ta

yêu kiến thức, ưa tranh luận, như thế mới có cái nhìn nhiều chiều về thế giới để có thể giải thích rất nhiều hay giải thích tất cả bằng lý luận Đạo học, rồi mới đắc Đạo được. Đạo thì ở sẵn trong mọi người, nhưng người thông minh, sâu sắc, có căn cơ thì không nhiều. Vì số người có thể đắc Đạo là không phải dễ thấy như vậy thì Đạo sĩ không làm sao mà truyền Đạo tùy tiện được, trừ phi anh ta xuyên tạc, tôn giáo hóa Đạo học cho nó đi vào quần chúng dễ dàng như Đạo Giáo chẳng hạn. Nhưng với tôi thì đó là sự vu oan cổ nhân, vu oan Lão và Trang. Vì không phải ai ai cũng hiểu, cũng yêu Đạo học cho nên việc theo Đạo không bao giờ là bắt buộc cả. Đạo sĩ không phải là hạng mọi người phải theo. Người xưa nói: bậc thượng trí nghe Đạo thì chăm chú thực hiện, trung trí nghe Đạo thì băng khuâng, hạ trí nghe Đạo thì cười phá lên. Tôi không phân chia như vậy vì có kẻ cả học lực lẫn tư duy đều không cao nhưng lại thành đạt và ngược lại, kẻ thông minh học cao thì lại thất bại. Nhưng có khi tôi nói chuyện Đạo học thì có kẻ cười phá lên thật. Họ chỉ tin những cái họ thấy, và suốt đời theo đuổi sự thành công, tiền bạc, rồi hiện sinh. Hạng “cá tính mạnh” ấy. Người như vậy thì nhiều, làm sao mà Đạo học có thể giúp ích gì cho họ được? Họ thấy cái không là cái vớ vẩn. Vũ trụ này không có cái không. Đó, thế giới này nhiều loại người hỗn độn như vậy cho nên tuyệt nhiên Đạo sĩ không là một cái “must” (bắt buộc) nào cả. Hơn vậy nữa, vì không yêu danh, không theo chiều dương, tức chiều đẹp, chiều tốt nên Đạo sĩ không có được cái rạng rỡ của “anh hùng”, của “gương mặt tiêu biểu”, của “người tốt việc tốt” để thu hút quần chúng. Lại thêm Đạo là cái không nên Đạo học không có giáo quy, nên cũng không lập môn phái, không có tổ chức nào cả cho nên không bao giờ bắt buộc ai theo mình. Ai đọc sách Đạo học mà thấy không phản bác được rồi thì Đạo sĩ giải đáp mọi thắc mắc cho anh ta thông suốt mọi mâu thuẫn mà đắc Đạo.

ĐG: Đạo sĩ còn làm cho phụ nữ yêu để cưới vợ là Đạo sĩ dỏm.

ĐS: Thiền sư Suzuki người viết cuốn Thiền luận nổi tiếng ở Việt Nam trước 1975 và các tăng Nhật Bản là những người có vợ bạn ạ. Sự giác ngộ không ảnh hưởng gì đến việc có vợ hay không. Có vợ vẫn giác ngộ được. Đạo sĩ thì không chấp chứ phải không? Không chấp thì cứ nghe tiếng lòng mình ấy, tùy theo bản chất của mỗi người mà có thể cưới vợ cũng như không thể cưới vợ. Bên cạnh đó, vợ cũng là Đạo, con cũng là Đạo, chứ không phải cái tốt hay cái xấu gì để bạn vướng mắc vào hay xa lánh ra. Vợ và con cũng cùng một gốc như bạn mà thôi, như vậy cưới vợ được chứ? Khác với Phật học, Đạo học cho cưới vợ sinh con là hợp quy luật tự nhiên, tức vô vi. Báo mạng tintuonline.com.vn ngày 22/7/2005 có tin một tu sĩ ngoài 50, được người nhà mang đến bệnh viện trong cơn đau đớn vật vã. Vậy nhưng trong cơn đau, ông ta vẫn cố thanh minh là bồ củi bị tai nạn làm đứt “của quý”. Mãi sau khi điều trị xong, ông ta mới thú nhận là chính mình làm đứt “của quý” để kiềm chế ham muốn đàn ông. Hm, tham vọng thành La Hán, thành Bồ tát để rồi hành hạ mình thành thương tật như vậy! Kẻ nào muốn thành Thánh thì hóa thành quỷ sứ. Đó là hành vi cực hữu vi, trái quy luật tự nhiên.

Tôi có biết chuyện một võ sư nọ, học chữ Nhấn thâm hậu. Một hôm mặc bộ đồ lớn đẹp ngồi quán cà phê. Cô tiếp viên bưng ly lỡ tay làm đổ cà phê vào áo ông. Ông hỏi “Tay em có làm sao không?” chứ không bực tức, nổi giận. Bạn võ sư cùng đi phục ông võ sư nọ rầm rập. Một chuyện khác cũng trên tintuonline.com.vn 22/7/2005, kể chuyện ông Khoa, Việt kiều Úc, về Việt Nam phải lòng một cô gái làng. Hay tin chồng mình có bồ ở quê nhà, bà vợ ở Úc lòng lên, tức tốc bay về Việt Nam. Chẳng cần nói nhiều, gặp ông, bà lôi tuốt về nhà ngay rồi giải quyết cái “của nợ” bằng một nhát dao mỏng, sắc lạnh. Xong, bà khoan thai bay về bên kia để mặc ông chồng đau đớn, oán thán ... Với Đạo sĩ thì anh ta “nhấn” như ông võ sư trên vậy và anh ta hoàn toàn không ghen tuông, mà thấy tình địch như mình, không gây những tai họa ghê gớm. Vì thấy tình địch như mình nên anh ta để mặc cô gái lựa chọn. Như vậy ĐS

yêu theo vô vi, chứ không hữu vi kiểu Romeo phải chết vì Juliet, nghĩa là yêu hợp Đạo. ĐS yêu kiểu như vậy dễ dàng, tự nhiên, bất tranh, không vậy không được.

ĐG: Về văn hóa nghệ thuật, văn học, ý kiến của ĐS ra sao?

Lão Tử viết: "Ngũ sắc làm cho người ta mờ mắt; ngũ âm làm cho người ta ù tai; ngũ vị làm cho người ta tê lưỡi; ruỗi ngựa săn bắn làm cho lòng người ta mê loạn; vàng bạc châu báu làm cho hành vi người ta đồi bại. Cho nên thánh nhân cầu no bụng mà không cầu vui mắt, bỏ cái này mà lựa cái kia." Nghĩa là theo Lão, ta phục cổ, sống chất phác, không cần văn học nghệ thuật. Cái này thì tôi không đồng ý với cụ, dù cụ là Tổ Sư vĩ đại của tôi, mà tôi đồng ý với Trang Tử, là không can thiệp, và chỉ giải thoát cá nhân, là vô vi thực thụ. Ta không thể nào ngăn cản thế giới vận động, do đó không thể nào ngăn cản văn học nghệ thuật "phát triển" được. Cái ta làm là nhìn nhà hát, nhìn diễn viên, nhìn vở kịch, nhìn bức tranh sao cho thấy cái hỗn độn của chúng, tức Đạo. Chúng phát triển theo kiểu nào cũng là Đạo mà.

Cứ để phát triển tự nhiên. Tôi cũng nghe nhạc sến, nhạc trữ tình, nhạc Quốc Tế. Tôi không được giáo dục âm nhạc, nên không biết nghe nhạc cổ điển. Nhưng tôi nghe giới thiệu trên ti vi, và biết cái hay của hai bài Phiên Chợ Ba Tư và Hành Khúc Thổ Nhĩ Kỳ. Nhạc cổ điển kỳ diệu thật, nghe mãi không chán. Nhưng những bài khác tôi không biết nghe. Một thứ nhạc khác gần nhạc cổ điển là nhạc Ngô Thụy Miên, cũng hay. Trong các nhạc sĩ Việt Nam, tôi yêu Phạm Duy nhất. Tôi cũng như báo chí hải ngoại, tôi cho ông là thiên tài, lớn hơn Trịnh Công Sơn, người mà Đài Quốc Tế Pháp (RFI) cho là thiên tài. Tôi luôn yêu Phạm Duy dù ông ở Mỹ, còn chống Cộng hay khi ông đã về Việt Nam. Tôi là cử nhân Anh Văn, cũng dịch sách báo, được các tòa soạn báo khen hay, được đăng chừng hàng chục số báo (2012), nhưng tôi dịch nhạc không thể hơn Phạm Duy được mà phải gọi Phạm Duy là ... ông cố, là ông tổ nhạc dịch. Ông dịch nhạc hay và khá nhiều. Tôi mà thấy bài Em đẹp nhất đêm nay (nhạc Pháp), nhiều lời, nhiều ý, làm sao mà nén nó vào một khung giai điệu cố định, mà nghe phải tự nhiên và có tính văn chương, tôi chịu thua, không thể làm như ông. Phải là bậc thầy về ngôn ngữ Việt, dùng lời Việt cực kỳ giỏi mới làm được. Rồi như bài Bang Bang, bài Love Story, v.v... rất nhiều bài khác, nổi tiếng thế giới, nổi tiếng Việt Nam qua cái đầu phù thủy âm nhạc của ông mà phổ biến khắp nơi. Người ta định nghĩa thiên tài là người có thể làm bất cứ gì trong lĩnh vực của mình, ví dụ như Nguyễn Huệ đánh cầu thắng đó, thì Phạm Duy đúng là thiên tài như vậy. Ông làm gì trong âm nhạc cũng hay. Tôi còn nghe nhạc sến. Nghe Chế Linh, Thanh Tuyền, Trường Vũ, Mạnh Quỳnh, Phi Nhung, Tuấn Vũ, ... Cái này không chỉ được nghe mà là "bị" nghe. Khi tôi còn là một chú bé, các anh chị tôi chọn nhạc cho tôi nghe, chứ tôi biết gì mà chọn, và tôi thấy xung quanh tôi, một con đường cách trung tâm thị xã Buôn Ma Thuột 1 km, hàng xóm mở toàn nhạc sến, nhạc vàng, thỉnh thoảng có nhạc Quốc Tế, chứ không mở nhạc đỏ. Loại nhạc sau cũng có những bài hay, nhưng qua nghe radio là chủ yếu. Thế là tôi yêu ba loại nhạc một cách tự nhiên, nhưng phải chọn lọc, chứ không nghe tạp được. Mua một đĩa MP3 (nhạc nén) về thì thường là nghe không được, nhiều bài dở, phải save chọn lọc vào máy tính rồi mới nghe được. Nhạc Quốc Tế thì tôi chỉ có tiếp xúc với nhạc Pháp và nhạc hát tiếng Anh. Tôi thích các ban Abba, Boney M, Modern Talking, Carpenter, một số bài của Madonna, v.v... Tôi chỉ thích một số bài của Beatles, chứ không thích hết, cũng như tôi không hề thích Thái Thanh, mặc dù bà là ca sĩ đàn chị nổi tiếng nhất. MTV (Music television – kênh âm nhạc trên ti vi), tôi nghe được rất ít. Tôi ghét cái gọi là nhạc trẻ hiện nay (2006). Tôi tỏm cho cái thứ nhạc hát rằng "thà như thế, thà rằng như thế ..." do U'HP mà thành top hit. Chúng tôi thì hát "thà như giọt mưa, vỡ trên tường đá..." (Thơ Nguyễn Tất Nhiên, nhạc Phạm Duy) giai điệu hay và ca từ thì văn chương, đầy tính thơ chứ không có tính thực dụng như U'HP như vậy. Bọn nhạc sĩ và ca sĩ gọi là "trẻ" đó chắc không nói chuyện với tôi được, vì chỉ nông cạn mới hát như vậy, và vì mệnh đề của tôi là "chê là khen và khen

là chê”. Nói chuyện với bọn đó, tôi châm chọc cho vài câu, bọn đó thấy bị xúc phạm, chứ không thấy được khen như tôi, tất dễ nổi khùng, dễ stress. Mà bọn đó thì tôi không khen được, có khen chỉ là “ghét cho ngọt cho ngào” để bọn này mau ... thất bại. Nhưng sau hết thì ĐS yêu hay ghét cũng rất khác người. Khi thiền thì Phạm Duy hay bọn ca sĩ trẻ đều biến mất. Trạng thái thường trực của tôi là thấy cái có và cái không cùng một lúc. Cái có là yêu và ghét, nên tôi thấy yêu, ghét và cái không, tức quên cùng một lúc. Yêu là quên và quên là yêu. Ghét là quên và quên là ghét.

Về hội họa, điện ảnh, sân khấu, kiến trúc, v.v... ĐS không can thiệp mà để phát triển tự nhiên.

ĐG: Vận dụng Đạo học vào chính trị, tôi muốn nghe ĐS nói cụ thể, ĐS nghĩ sao về những người Quốc gia và những người Cộng Sản Việt Nam, và cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ?

ĐS: Lão học thì chưa phát triển hoàn toàn như Trang. Lão là giai đoạn đầu của Đạo Học, Đạo Đức Kinh là cuốn sách dạy làm chính trị, viết cho các nhà chính trị khởi đi vào con đường thất bại. Vì thế Lão còn hướng dẫn làm chính trị, nghĩa là còn có khuynh hướng can thiệp vào đời, có hướng tốt, tuy không trực tiếp, mà không vô vi hoàn toàn, chứ Trang thì khác Lão ở điểm ông thấy cái gì cũng hỗn độn tốt xấu, không làm sao mà trị cho ngay được, nên ông vô chính phủ, mà tôi cũng vậy, nên theo Trang thì ta chỉ mưu cầu giải thoát cá nhân thôi. Và hành động đối với hai phe Quốc – Cộng là giảng Đạo, là hướng dẫn thiền cho các cá nhân của cả hai phe. Các cá nhân chứ không phải tập thể. Cái này có giá trị thực tế của nó. Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng thiền. Linh mục Nguyễn Văn Lý, “nhà dân chủ”, tức “nhà đối lập” trong nước, cũng thiền. Người Cộng Sản hay người Quốc Gia cũng có thể mong muốn được giải thoát theo thiền, và hành động của Đạo Sĩ đối với cả hai phe là như vậy, là giúp giải thoát cá nhân cả hai phe. Đạo Sĩ vì vậy luôn theo dõi thời sự sát sao, ta và xã hội là một mà, nhưng không làm chính trị, mà việc làm chủ yếu là giải thoát, là hoạt động triết học, tức phổ diễn triết học Lão – Trang. Không làm chính trị là vì, bạn xem, đảng phái nào chấp nhận Đạo Sĩ được khi mà ông ta luôn yêu kẻ thù? Mà làm chính trị là làm gì, nếu không phải là làm tốt? Hoặc không làm tốt thì làm xấu, theo tiêu chuẩn nào đó? Như vậy, theo Đạo, chiều nào cũng không được cả, vì thế mà Đạo Sĩ vô vi, không can thiệp việc đời. Tuy không can thiệp việc đời nhưng đừng hiểu lầm là Đạo Sĩ lãnh đạm, thờ ơ với mọi người. Đạo sĩ luôn giác ngộ người khác một cách tự giác, miễn phí, tự nhiên.

Tôi cũng đưa ra luôn một phản ví dụ là các tu sĩ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, giáo hội tự nhận là “thuần túy”, không phải là “giáo hội Quốc Doanh” thì lập luận rằng họ cứu đời, nên không nhìn đời đau khổ được. Đời đau khổ, dân đau khổ vì Cộng Sản vô thần, đàn áp tôn giáo, Cộng Sản độc đảng, độc tài, vi phạm nhân quyền, không tự do ngôn luận, tự do báo chí, tham nhũng, không tự do, không dân chủ. Họ cho là họ không làm chính trị nhưng phải có thái độ chính trị. Tôi lấy làm lạ. Suy ra thì họ hữu vi chứ không bay lượn, giải thoát khỏi mọi đau khổ cuộc đời. Bạn xem, ở nơi Cộng Sản bị giải thể như Liên Xô cũ thì các thành viên của nó, các nước SNG liền xuất hiện các nhà độc tài. Như vậy để “cứu đời”, mấy ông “Phật gia” này bèn chống độc tài. Chống độc tài được rồi thì lại tất yếu xuất hiện cái xấu khác. Ta luôn luôn thấy cái xấu trong cuộc đời này, vậy các ông “Phật gia” này lại tiếp tục chống những cái xấu đó, tức can thiệp việc đời, chả khác gì Nho Giáo, chẳng khác các chính trị gia “ái quốc hạng nặng”, tức nhị nguyên. Tôi thấy trong lịch sử, sau cách mạng có khi không phải là cái tốt mà là cái ác, xấu, đáng buồn. Sau cách mạng Pháp 1789 là Napoleon đánh khắp Châu Âu, gây tai họa, chiến tranh cho các nước khác mà không ai muốn cả. Đã ác với dân tộc khác mà còn là thiên tài quân sự nữa chứ. Sau cách mạng tháng 10 Nga là Stalin

độc ác, giết hàng chục triệu dân Liên Xô vô tội, và ông còn là người mắc chứng sùng bái cá nhân quá mức. Ở Trung Quốc, sau khi đuổi được Tưởng Giới Thạch ra Đài Loan thì dân Trung Quốc phải chịu bao nhiêu là tai họa do Mao Trạch Đông gây ra, chết hàng chục triệu dân vô tội. Không! Sau cách mạng không phải là được giải phóng, được tốt, mà là hãy tỉnh táo, kéo gập họa tiếp đó. Phật gia mà chống CS thì còn kẻ thù, còn phân biệt ta, địch là không được. Trong khi thái độ của tôi thì không phải ngược lại, nhưng hoàn toàn khác. Tôi có thể so sánh được vì Đạo học gần Phật học. Vì rằng bản chất và hiện tượng là một, nội dung và hình thức là một, hay nói cách khác, bên trong và bên ngoài là một, bên trong là bên ngoài và bên ngoài là bên trong thì tham những có giấu vào trong bao nhiêu thì nó cũng lộ ra ngoài, và như thế là phạm luật, bị xã hội trừng trị, tôi không cần nhúng tay. Ta không tiếp tay cho tham những, nhưng ta yêu bọn tham những thì mới giải thoát được bọn đó chứ. Nhất mực chỉ đi một hướng thôi, hướng chống Cộng, là fixed, là chấp, là nói rằng Cộng Sản vô thần không phải là Phật, trái với thực tế và kinh sách rằng người nào cũng là Phật, người nào cũng là Đạo cả. Cái lỗi của vấn đề ở đây là cái không, cái gì cũng là cái không, nên ta không cứng nhắc, không chấp, khi thì chống, khi thì thuận, không theo chiều nào cả, và để cho xã hội vận động tự nhiên. Khi bạn, một người dân Việt Nam bình thường, đưa con nhập trường mà phải hỏi lộ cho hiệu trưởng, bạn buồn vì chuyện này thì bạn không phải đã theo Phật hay theo Đạo học gì cả. Phật thì “tâm không khởi”, không làm sao mà buồn được. Theo Đạo học thì đưa tiền cho tên hiệu trưởng tham những thì chả khác nào đưa cho người thân. Tôi có sự thật ở đây chứ. Một cư sĩ Việt Kiều Mỹ, trước 1975 là sĩ quan chế độ cũ, đã đắc Đạo Phật, khi nói chuyện, tôi đoán trước là anh không chống Cộng, hỏi ra, quả nhiên là như vậy. Anh nói y hệt tôi: “Cái không mà chống gì”, trong khi anh sống với Việt Kiều là những người chống Cộng Sản Việt Nam nhất thế giới, chống như hóa rồ. Một bằng chứng khác là anh Độ mà tôi nói trên cũng vậy, anh nói bọn chống Cộng là bọn bậy bạ. Không có cái gì là xấu cả. Xấu hay tốt là tương đối, như âm và dương là tương đối. Tuy vậy, tôi phát ngôn, lên tiếng vậy rồi mà Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vẫn một mực chống Cộng, dù là theo kiểu bắt bạo động, ôn hòa, hòa bình, thì tôi để tự nhiên, không can thiệp. Đó chính là Vô Vi của nhà Lão.

Từ đây thì bạn dễ suy ra phát ngôn của Đạo Sĩ trong cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ. Đó là yêu luôn bọn khủng bố. Không theo chúng, nhưng yêu chúng. Chống khủng bố như Mỹ hiện nay chỉ làm oán thêm oán, mãi không dứt, khổ. Ấy, Mỹ chống Iraq thì kết quả là chết hàng nghìn binh sĩ ở đó, vào cuối năm 2006 thì số lính Mỹ chết ở I Rắc đã cao hơn 2973 người, là số người chết ở WCT khi Mỹ bị khủng bố, tổn tiền bạc, thì giờ vào đó, mắc kẹt vào đó. Có tình yêu thì diệt được khủng bố ngay. Tôi thấy việc này dễ và tự nhiên mà. Hành vi hùng hục đi chống khủng bố như George W. Bush chả có gì mới mẻ. Nó tầm thường, cũ rích. Trẻ em cũng làm như vậy. Bạn giật đồ chơi khỏi tay trẻ em là chúng liền chống bạn. Hành vi của Bush không khác gì người bình thường về phẩm, chỉ khác là ông ta nắm hàng sư đoàn, nhiều vũ khác, khác về lượng mà thôi, về phẩm thì như một người bình thường, hay tầm thường vậy. Bush sẽ không bao giờ đi vào lịch sử là một tổng thống thánh nhân, mà là một tổng thống trung bình. Ông ta chỉ là cái không. Nhưng tôi không kêu gọi yêu khủng bố suông. Ở đời này phải có móng vuốt sắc nhọn mới sống được. Muốn yêu được khủng bố, phải kiện toàn quân đội, an ninh, cảnh sát, tình báo cho vững mạnh, sẵn sàng giáng trả rồi khi đó mới tha thứ cho chúng được. Muốn hoà bình phải chuẩn bị chiến tranh. Tha thứ cho chúng để chuyển hóa chúng. Một lần, hai lần, ... n lần, cho tới khi thấy bọn này không chuyển hóa được thì đánh. Ta không tấn công vào lợi ích chúng thì chúng không đánh ta đâu. Nhưng nếu chúng ngoan cố thì mới ra tay. Mà có ra tay thì cũng đánh một cách khoan hậu. Thế nào là đánh khoan hậu? Cứ có tư tưởng khoan dung, khắc tìm được lỗi đánh khoan dung.

Ấy là theo trường phái Lão học. Theo Trang học thì cứ để mặc bọn khủng bố và Bush phát triển tự nhiên, không can thiệp. Cái can thiệp, nếu có, là ai có thể nghe được thì chỉ chân lý Đạo học cho cả hai phe, cho bất cứ ai, vì Đạo là cái có thật và tự nhiên, nên chỉ cho người khách đối xử với kẻ thù một cách vô hướng giống mình mà không phải luôn luôn, nhưng trong nhiều trường hợp, là yêu kẻ thù, là đúng Đạo, đúng Vô Vi, đúng tự nhiên.

ĐG: Khi yêu kẻ thù thì chúng bị “diễn biến”, bị chuyển hóa, bị quyền lực mềm lạt mềm buộc chặt, chúng nhận ra xu hướng này và chống ta quyết liệt hơn nữa thì sao?

ĐS: Nói vậy là tư biện, chỉ có trong lý luận, không có trong thực tế và không hề đúng theo kinh nghiệm. Phật thì cũng làm cao lắm chỉ vậy mà thôi. Khi ta thực hiện lòng yêu kẻ thù dù chỉ một lần, các phật đã vỗ tay hoan hô ta rồi, hướng hồ chí tha thứ cho kẻ thù vài lần.

ĐG: ĐS đánh giá như thế nào về Đạo học, các Đạo gia và bản thân mình?

ĐS: Viết một cuốn sách thế này là bàn nhiều về Đạo học rồi phải không? Nhưng tôi cần bàn thêm là Đạo là cái có thực trong vũ trụ và thấy được nó, tức đắc Đạo thì hạnh phúc viên mãn, và tháo gỡ được mọi bế tắc trong cuộc sống. Đạo thì vô biên, vô vi, có thực nhưng vô hình, không có giới hạn về thời gian và không gian, không có hình dạng nào nhưng có tất cả các hình dạng, thường hữu nhưng cũng thường vô, chứa trong lòng nó những mâu thuẫn dường như không thể điều hòa được. Ví dụ, con người chúng ta từ khi sinh ra thì sẽ chết, tức tiến dần về cái chết. Nói cách khác, mỗi chúng ta là đầu mối của cái chết. Sống là chết. Nhưng cái đầu mối của cái chết này lại yêu và sinh con, tức mỗi người lại là đầu mối của sự sống nữa. Như vậy con người chúng ta là đầu mối sự sống, đồng thời là đầu mối cái chết. Đó là một sự mâu thuẫn tưởng như không điều hòa được, nhưng có thật. Đạo thì hỗn độn và trừu tượng như vậy, nên chỉ những người có cái nhìn vượt hình tượng mới hiểu. Nhưng vì có thật và do nguyên lý tất cả là một, con người đồng nhất với vũ trụ, với xã hội nên trước hay sau, sớm hay muộn cũng có người phát hiện ra Đạo. Đạo học vì thế cũng vô vi, vô hình (không có tổ chức nào cả), vô biên, vĩnh viễn, tất yếu, giải thoát cho nhân loại.

Đánh giá về các Đạo gia và Đạo sĩ thì khi tôi thiền, tôi thấy tôi và các Đạo gia vĩ đại như Lão Tử, Trang Tử là một. Không phải kiêu ngạo mà là đúng Đạo học: tất cả là một. Nếu tôi không thấy tất cả là một như vậy tôi còn phản thiên, phản Đạo học nữa. Và tôi thấy tiếp là có vô số, có không giới hạn con số các Đạo sĩ từ khi Lão Tử phát hiện ra Đạo trong tương lai mà tôi chỉ là một. Kết luận của tôi là về Đạo, hay về tâm, thì các Đạo gia, Đạo sĩ đều giống nhau: cái không, cái tâm trống làm sao mà khác cái tâm trống được. Cái tâm trống phải giống cái tâm trống. Nhưng trong các Đạo gia mà tôi biết và quen thuộc với chúng ta là Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử, và giáo sư triết học phương Đông Cao Xuân Huy thì mỗi ông có Đức khác nhau. Lão Tử thì quá thông minh nên phát hiện được Đạo, quá thông minh nên đồng hóa mình với kẻ thù, coi kẻ thù như mình. Ông là một trong những thiên tài vĩ đại nhất của loài người và vì ông là người phát ngôn đầu tiên của Đạo nên vị trí của ông không gì thay thế được. Nhưng Đạo học theo ông còn chưa phát triển hết. Chẳng hạn, ông cho là phải quay về lối sống đơn giản thời cổ thì mới bớt hại, bớt chém giết nhau ghê gớm trong thời cụ sống là thời Chiến Quốc. Để hiểu điều này, ta lấy một ví dụ như kỹ thuật, công nghệ, khoa học hàng không càng phát triển thì B 52 ném bom lên đầu người Việt Nam “tốt hơn”, tiện lợi hơn, nhanh hơn, nhiều hơn, quy mô hơn, thảm khốc hơn, trúng đích hơn, diệt được nhiều “Việt Cộng” hơn, tức tàn ác hơn, dã man hơn, hại hơn. Và chính cái “tiến bộ” này cũng quay lại tàn phá nước Mỹ ghê gớm hơn. Vụ khủng bố 11-9-2001 vào WTC ở Mỹ ấy, hai máy bay chở khách khổng lồ lao vào hai tòa tháp, “hoành tráng”, “hùng vĩ”, ta thấy những người cời trần vì nóng quá, lao từ trên cao hàng chục tầng xuống đất vì không còn lối thoát, gần ba ngàn người chết. Và

những hình ảnh này truyền đi khắp thế giới. Kết luận của ta là khoa học kỹ thuật, công nghệ càng phát triển thì càng hại vì thế ta hiểu vì sao Lão Tử phục cổ. Ông phục cổ để xã hội Trung Quốc thời đó bớt hại. Nhưng như vậy là còn tác động tới thế giới, còn muốn xã hội tốt lên, mà tốt là xấu nên Lão Tử còn chưa đúng Đạo học 100%, chưa vô vi hoàn toàn. Lão Tử cũng viết là “nhu nhược thắng cương cường”, tư tưởng ông thiên về âm. Nói như vậy không đúng hẳn mà chỉ đúng một nửa. Ví dụ: thế kỷ 19, Pháp xâm lược Việt Nam, thắng luôn, như vậy là “cương cường thắng nhu nhược”. Đến 1954, Việt Nam thắng Pháp, như vậy là nhu nhược thắng cương cường. Như vậy âm thắng dương, dương thắng âm, không theo xu hướng nào nhất định. Để làm rõ thêm thì ta thấy cuộc sống này “cá lớn nuốt cá bé”, chứ không chỉ kẻ yếu thắng kẻ mạnh suông. Hỗn độn, cuộc sống này hỗn độn, không theo chiều nào, nói vậy mới đúng. Và vì thế tôi thấy cuốn Đạo Đức Kinh của Lão Tử không có thuần nhất, tạp. Tôi thấy tư tưởng Lão là tư tưởng của ông bác ruột tôi mà thôi. Nhưng đến Trang Tử và tôi thì khác. Trang Tử mới là cha đẻ tư tưởng tôi. Trang Tử vô vi hoàn toàn, chỉ giải thoát cá nhân, không giải thoát xã hội, vì không sao giải thoát được, nên không thêm trị dân. Vô Vi hoàn toàn như Trang là đi đến mức phát triển cao nhất của Đạo học. Và ông còn đưa ra thuyết tương đối: cái gì cũng tương đối, không có cái gì là tuyệt đối, là có bản tính. Cọng lông là to nhất, đối với những sinh vật nhỏ bé như vi khuẩn, và núi Thái sơn là bé nhất, so với càn khôn. Vì thế cọng lông là to mà núi Thái Sơn thì bé. Ông cũng thấy luôn tính tương đối của không gian và thời gian, trong ông, không gian và thời gian biến mất, chỉ còn cái không. Thuyết tương đối của ông được Albert Einstein xác nhận lại trong vật lý hiện đại. Một sự thống nhất vĩ đại. Theo Trang thì ta cứ để xã hội vận động tự nhiên, không can thiệp. Tôi cũng đồng ý kiến như vậy: không phải ta ngăn cản không cho khoa học kỹ thuật, công nghệ hàng không phát triển mà là ta nhìn thấy nhà máy sản xuất máy bay, chiếc máy bay sang trọng, khổng lồ là cái hỗn độn, là Đạo, là cái không. Máy bay tiếp tay cho kẻ xấu, buôn lậu, buôn ma túy cũng “tốt và nhanh” như làm cho người lương thiện bay nhanh. Sang đến Liệt Tử thì ông kém vĩ đại hơn Lão Tử và Trang Tử, ông chỉ là sự bảo vệ và lặp lại hai tổ sư trên, nhưng trong Xung Hư Chân Kinh của ông cũng có những chuyện rất hay mà tôi có trích dẫn trong sách này. Chỉ có Đạo gia thực thụ mới viết được những câu chuyện như vậy. Qua Giáo Sư Cao Xuân Huy thì ông viết ít quá. Cái Đức của ông là ít nói và thâm trầm, giá như không ai biết đến ông cũng chẳng sao, ông không cần, vì hạnh phúc trong ông mạnh quá, không phải như tôi, biết 100 là viết 100, giảng 100, tích cực hoạt động để phổ biến Đạo học để người khác bớt hữu vi, đời bớt hại. Đức của tôi là không thâm trầm như các Đạo gia trên, mà vì tôi trẻ (tôi sinh năm 1973), nên tôi sôi nổi, tôi luôn tìm cách phổ biến Đạo học bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Ngoài ra, khác với các Đạo gia trên, tôi đưa thiên vào Đạo học, tức kỹ thuật trực tiếp phát hiện ra mình là Đạo. Trong các Đạo gia mà tôi biết trên, không ai bàn về thiên trong Đạo học cả.

Bàn tiếp về ... chính tôi và các Đạo Gia khác, điểm đặc biệt là ở đây có sự thống nhất, như Trang Tử nói xưa cũng như nay. Và tôi thêm nay thì cũng như tương lai. Ở tư duy và hành động nhị nguyên thì dẫn đến chia lìa vụn vặt, như Cộng Sản Trung Hoa thì cá lớn nuốt cá bé, lấn chiếm biên giới, biển đảo Việt Nam trong khi cả hai là đồng chí; Cu Ba thì lại là Cộng Sản giáo điều, khác Trung Quốc và Việt Nam; Bắc Hàn lại theo chủ nghĩa Stalin “tự lực tự cường”, bế quan tỏa cảng, là quốc gia nghèo đói, luôn xin viện trợ nhân đạo, là quốc gia bị Phương Tây chế nhạo. Lại có kiểu tự giết 2 triệu đồng bào mình như Khme Đỏ. Các Đạo Gia giác ngộ thì giống nhau, dù sống thế kỷ nào, ở quá khứ, hiện tại, hay tương lai cũng vậy thôi. Nhưng các tổ sư thì được kính trọng, được xem là các thiên tài, còn tôi thì không được công nhận rộng rãi. Tôi gửi tập này & gọi điện thoại tới tất cả các nhà xuất bản ở Việt Nam để in, nhưng không nhà xuất bản nào đồng ý. Tất nhiên là tôi không buồn, dù tôi muốn Đạo Học truyền càng rộng càng tốt. Gặp Lão Tử thì cho là đại thông thái, đại hiền nhân, còn gặp

tôi thì ... cho là có vấn đề, và không công nhận. Như thế là bé cái nhảm. Có một câu chuyện nói về việc đó.

Trong Sử Ký Tử Mã Thiên có truyện Phùng Đường. Ông của Phùng Đường là người nước Triệu, đến đời cha đời đến đất Đại. Khi nhà Hán nổi lên, dời đến An Lăng. Đường nổi tiếng vì có hiếu, được cử làm người cầm đầu các trung lang thự. Đường thờ Văn Đế, Văn Đế đi xe qua hỏi Đường:

- Tại sao cụ lại làm trung lang? Nhà ở đâu?

Đường cứ theo thực mà tâu. Văn Đế nói:

- Khi ở đất Đại, ta thường ăn cơm của người quan coi việc ăn uống là Cao Khư, ông ta mấy lần nói với ta rằng Lý Tề, tướng nước Triệu là người hiền (hiền tài, hiền triết – TG), đánh ở gần Cự Lộc. Nay mỗi khi ăn cơm ta vẫn thường nhớ đến Cự Lộc. Cụ có biết ông ta không?
- Cũng không bằng Liêm Pha, Lý Mục làm tướng.
- Tại sao biết?
- Ông của thần khi ở Triệu coi một đạo quân, chơi thân với Lý Mục. Cha của thần vốn làm tướng quốc ở nước Đại chơi thân với tướng quốc nước Triệu là Lý Tề nên biết ông ta là người như thế nào.

Nhà vua nghe nói đến Liêm Pha, Lý Mục lấy làm cao hứng, vỗ đùi mà nói:

- Than ôi! Ta không có Liêm Pha, Lý Mục để dùng làm tướng. Nếu có thì ta lo gì quân Hung Nô!

Đường nói:

- Thần sợ bề hạ tuy có Liêm Pha, Lý Mục cũng không dùng được.

Nhà vua nổi giận, đứng dậy đi vào cung cấm.

Một hồi lâu sau, nhà vua cho gọi Đường vào trách:

- Tại sao ông làm nhục ta trước mặt mọi người, ông không có dịp nào khác nữa à?

Đường tâu:

- Kể hèn mọn này vốn không biết kiêng dè.

Lúc bấy giờ quân Hung Nô mới đem đại quân xâm nhập huyện Chiêu Na, giết đồ úy đất Bắc Địa là Ngang. Nhà vua đang lo lắng về giặc Hồ nên cuối cùng lại hỏi Đường:

- Tại sao ông biết ta không thể dùng Liêm Pha, Lý Mục được?

Đường tâu:

Thần nghe nói các vua thời thượng cổ khi nào sai tướng thì quỳ xuống đẩy trục bánh xe nói: "Việc trong kinh đô thì quả nhân quyết định; việc ở ngoài kinh đô thì tướng quân quyết định". Việc quân công, khen thưởng, ban tước, đều do tướng quân quyết định ở ngoài, khi nào về mới tâu lại. Điều đó không phải lời nói suông. Ông của thần nói Lý Mục khi làm tướng nước Triệu, ở biên giới, thuế ở chợ đều tự tiện dùng để nuôi quân sĩ; việc khen thưởng đều quyết định ở ngoài, trong triều không cản trở. Nhà vua chỉ giao việc chính cốt sao làm tròn trách nhiệm, cho nên Lý Mục mới có thể trở hết tài năng, trí tuệ của mình trong một nghìn ba trăm cỗ xe, một vạn ba nghìn quân kỵ bắn tên, mười vạn dũng sĩ. Vì vậy cho nên phía bắc đánh đuổi được Thiên Vu, phá được Đông Hồ, diệt được Đan Lãm; phía tây chống lại nước Tần mạnh, phía nam giúp được nước Hàn, nước Ngụy. Trong thời bấy giờ, nước Triệu gần như xưng bá. Sau đó, gặp lúc vua nước Triệu là Thiên lên ngôi, người mẹ là con hát. Thiên nghe lời Quách Khai gièm pha, cuối cùng giết Lý Mục, sai Nhậm Tụ thay thế. Vì vậy nên binh bị phá tan, quân sĩ bỏ chạy, vua nước Triệu bị nước Tần bắt và nước bị tiêu diệt. Nay thần trộm nghe Ngụy Thượng làm thái thú ở Vân Trung, tất cả thuế chợ đều dùng để nuôi binh sĩ, lấy riêng bổng lộc của mình, năm ngày giết một con bò đãi tân khách, thuộc hạ và tướng sĩ, cho nên quân Hung Nô tránh xa không đến gần biên giới Vân Trung. Quân địch có một lần vào, Thượng đem xe và quân kỵ đánh, giết rất nhiều địch. Sĩ tốt đều là con em của dân, rời bỏ việc cày cấy ra làm lính, làm sao biết được giấy tờ sổ sách! Suốt ngày họ ra sức chiến

đầu chém đầu hoặc bắt sống quân địch. Nhưng khi báo công lên cho quân doanh, hễ nói một lời không hợp thì bọn quan văn lại lấy luật pháp bắt bẻ nên không được thưởng. Còn bọn quan văn dùng phép tắc bắt bẻ người ta thì lại được tin dùng. Thần ngu dốt cho rằng luật pháp của bệ hạ quá sáng suốt, thưởng quá nhẹ phạt quá nặng. Vả chăng, sở dĩ thái thú Vân Trung Ngụy Thượng phạm tội là vì sổ thủ cấp báo công lên so với sự thực thiếu sáu cái. Bệ hạ giao ông ta cho quan lại xét, truat quan tước bắt ông ta chịu khổ dịch một năm. Cứ thế mà xét thì bệ hạ tuy có Liêm Pha, Lý Mục cũng không dùng được. Thần quả thật là ngu, xúc phạm đến điều phải kiêng phải tránh, tội đáng chết, tội đáng chết!

Văn Đế vui lòng. Hôm ấy sai Phùng Đường cầm cờ tiết tha Ngụy Thượng, lại cho làm quan thú Vân Trung.

Thiên tài như Tư Mã Thiên mà rất tán thưởng Phùng Đường. Con của Phùng Đường là Phùng Toại cũng là một kẻ sĩ ít có, chơi thân với Tư Mã Thiên.

Cứ theo điển tích này mà suy thì dùng tôi không được thì dùng Lão, Trang cũng không được, chỉ bàn suông về lý thuyết Lão-Trang, làm triết học cũ, không áp dụng vào đời sống mới thế kỷ 21.

Vì Đạo là thực thể có thật, nên về sau sẽ có nhiều người phát hiện thực thể này trong vũ trụ, trong xã hội và trong bản thân họ, vì thế có vô số Đạo sĩ trong tương lai. Ta cũng thấy là với người Việt Nam trí thức thật, thì việc họ học nguồn gốc tư tưởng của họ là Nho, Phật, Đạo là tự nhiên, không vậy không được. Mà muốn học Phật và Đạo cho tới, để khỏi bị nói là chưa đắc Đạo, chưa uống trà mà bàn về trà, thì cần thiền. Vì thế tất yếu có kẻ thiền Đạo, thiền Phật, rồi đi đến đắc Đạo, rồi viết sách, giảng Đạo như tôi. Việc này không phải là khó. Khẩu hiệu của tôi là “vi nhân dị”. Không khó và hoàn toàn tự nhiên. Không cần phải rất thông minh mới đắc Đạo. Từ bé cho tới khi tốt nghiệp Đại học Đà Lạt, khoa tiếng Anh năm 1999, tôi luôn là người trung bình. Nhưng không phải trung bình chủ nghĩa. Ở năm cuối khoa tiếng Anh thì tôi đã dịch được bài báo “lớn” của tôi đăng trên báo An Ninh Thế Giới trong năm 1998, nhuận bút xấp xỉ một chỉ vàng, đem lên trường, thầy, bạn đều khen tôi giỏi. Như vậy là tôi biết làm việc, biết vận dụng kiến thức vào thực tế, chứ không phải vì tôi trung bình mà nó giới hạn sự hiểu biết, sự làm việc của tôi. Tôi không thấy tôi thông minh. Đắc Đạo là dễ. Vậy ta kết luận dù không có tổ chức, không có giáo quy, Đạo học tồn tại vĩnh viễn.

ĐG: Xin hỏi ĐS câu cuối cùng: Đạo học rút gọn trong một câu để thực hành cả đời là gì?

ĐS: Đó là suy nghĩ về cái một, thiền cái một, hành động theo cái một, tức cái hỗn độn âm, dương, tức Đạo.

Sau hết, bạn đọc xong cuốn Đạo học này rồi thì nên nhớ rằng người đọc sách tồi thì không hiểu sách, người đọc sách tốt thì hiểu hết sách, và tốt hơn nữa là đọc và hiểu cả những điều không viết trong sách. Hiểu đến mức vứt hết sách, vứt hết kiến thức đi, bạn vẫn cứ giảng lại Đạo học rõ ràng, câu hỏi nào cũng trả lời được, khi bạn hiểu đến mức độ như vậy thì tôi liền cam đoan với bạn là tôi chưa viết gì, giảng gì, nói gì về Đạo học cả.

Hết.

TP Buôn Ma Thuột, 2 tháng năm 2013.